

HOÀNG QUỐC HẢI

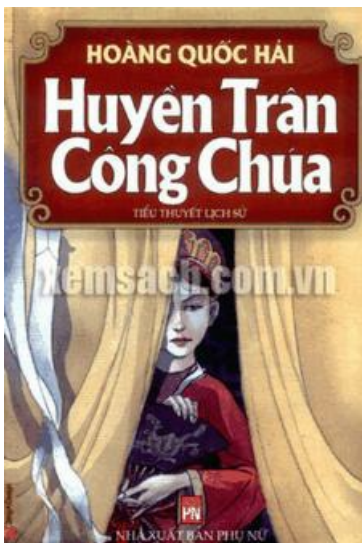
# Huyền Trân Công Chúa

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

em.sac.ki.com.vn

PN

NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ



## HUYỀN TRẦN CÔNG CHÚA

Thông tin ebook :

Tác giả : Hoàng Quốc Hải

Nhà xuất bản Phụ Nữ, Hà Nội - 2004

Nguồn : Báo Bình Định

Thực hiện ebook : hoi\_ls

Xong ngày 14/05/2007.

### SƠ GIẢN PHẢ HỆ NHÀ TRẦN

Chương I

Chương II

Chương III

Chương IV

Chương V

Chương VI

[Chương VII](#)

[Chương VIII](#)

[Chương IX](#)

[Chương X](#)

[Chương XI](#)

[Chương XII](#)

[Chương XIII](#)

[Chương XIV](#)

[Chương XV](#)

[Chương XVI](#)

[Chương XVII](#)

[Chương XVIII](#)

[Chương XIX](#)

[Chương XX](#)

[Chương XXI](#)

[Chương XXII](#)

[Chương XXIII](#)

[Chương XXIV](#)

[Chương XXV](#)

[Chương XXVI](#)

[Chương XXVII](#)

[Chương XXVIII](#)

*Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã*

*Sơn hà thiên cổ điện kim âu*

(Xã tắc hai phen chôn ngựa đá

Non sông nghìn thuở vững âu vàng)

**Trần Nhân Tông**

# SƠ GIẢN PHẢ HỆ NHÀ TRẦN

Để bạn đọc tiện theo dõi các nhân vật trong truyện, tác giả tạm sắp xếp một giản yếu tới tối giản về phả hệ nhà Trần.

Song có một điều lộn xộn cần nói, đó là việc hôn nhân của họ Trần. Vì muốn giữ gìn sự trường tồn của dòng họ, nhà Trần nghiêm cấm con trai, con gái kết hôn với người ngoại tộc. Cho nên, bạn đọc sẽ thấy anh em con chú bác ruột lấy nhau như cặp Trần Thủ Độ (Thái sư) lấy Trần Thị Dung (Linh từ quốc mẫu)

Cô cháu ruột lấy nhau như cặp Thiên Thành công chúa (em ruột Trần Liễu, Trần Cảnh) lấy Trần Quốc Tuấn (con Trần Liễu).

Chị em con chú con bác trực hệ lấy nhau: Khâm từ, Tuyên từ (con gái Trần Hưng Đạo) lấy Trần Nhân tông (con trai Trần Thánh tông). Vân vân và v.v...

Tuy nhiên, việc cấm kết hôn với người ngoại tộc chỉ có hiệu lực trong một hai triều đại đầu của nhà Trần, tới các triều sau, việc đó nhạt dần đi.

Và chưa nghe có vụ nào làm nghiêm (tức trị tội) đối với các cuộc hôn nhân dị tộc. Ngay Trần Minh tông cũng lấy hai người cô ruột của Hồ Quý Ly về làm phi.

Dẫu sao, đây cũng là một cuộc đại loạn luân mà lịch sử từng biết đến và không có gì có thể biện minh được.

Trong phả hệ này, tôi sẽ không thống kê đầy đủ mỗi đời vua sinh được mấy hoàng tử, mấy công chúa, mà chỉ đề cập tới những người nổi tiếng trong lịch sử và là nhân vật của tiểu thuyết. Ví như Trần Thái tông riêng con trai sinh được 6 người. Trong phả hệ này tôi chỉ kể có 5. Các vị khác cũng vậy.

Và sau rốt, phả hệ tối giản dùng dùng cho cả 4 tập: ***Bão táp cung đình; Thăng Long nổi giận; Huyền Trân công chúa; Vương triều sụp đổ.***

Coi như ta chấp nhận gia hệ nhà Trần bắt đầu từ cụ Trần Hấp.

TRẦN HẤP sinh TRẦN LÝ.

TRẦN LÝ sinh TRẦN THỪA.

TRẦN THỪA sinh TRẦN LIỄU và TRẦN CẢNH

Do sự té vi của thời thế khi nhà Trần làm cuộc đảo chính, Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho chồng, nên Trần Cảnh là em lên ngôi vua, còn Trần Liễu lúc ấy đã trưởng thành mà không được tức vị, từ đó nảy sinh mâu thuẫn khá sâu sắc trong hai dòng trưởng và thứ âm i lâu dài.

# Chi trưởng:

TRẦN LIỄU sinh:

- TRẦN QUỐC TRUNG còn gọi là TRẦN TUNG có pháp danh TUỆ TRUNG THƯỢNG SỸ.

- TRẦN QUỐC TUẤN tức HUNG ĐẠO VƯƠNG.

- TRẦN VŨ THÀNH tức VƯƠNG ĐOÀN. Trần Quốc Tuấn sau làm Quốc công tiết chế thống lĩnh chư quân sự, tương đương với chức Bộ trưởng Bộ Quốc phòng kiêm Tổng tư lệnh quân đội ngày nay. Trần Quốc Tuấn sinh được bốn người con trai, đồng thời là bốn danh tướng:

- Hưng Vũ vương TRẦN QUỐC NGHIÊN.

- Hưng Trí vương TRẦN QUỐC HIẾN.

- Hưng Hiếu vương TRẦN QUỐC UẤT.

- Hưng Nhượng vương TRẦN QUỐC TẮNG.

Trong lịch sử đã có một giai đoạn khá dài nhầm lẫn, coi Trần Quốc Tảng là Tuệ Trung Thượng sỹ. Sự thật Thượng sỹ là bác ruột của Quốc Tảng.

# Chi thứ:

TRẦN CẢNH lên ngôi vua miếu hiệu là Trần Thái tông.

TRẦN CẢNH (Trần Thái tông) sinh:

- TRẦN QUỐC KHANG. (Bà Thuận Thiên là vợ thứ của Trần Liễu, khi đã có chửa Quốc Khang được hai tháng, Trần Thủ Độ và Trần Thị Dung ép Trần Cảnh (Thái tôn) phải cướp lấy. Do vậy khi Quốc Khang lớn lên không được truyền ngôi).

- TRẦN HOÀNG (Trần Thánh tông).

- TRẦN QUANG KHẢI.

- TRẦN ÍCH TẮC.

- TRẦN NHẬT DUẬT.

Các con của Trần Thái tông đều là những bậc danh tướng văn võ toàn tài, sử sách không ngớt lời ca ngợi, trừ Trần Ích Tắc trong cuộc kháng chiến chống Nguyên - Mông lần thứ II (1285 - 1286) đem cả nhà đi đầu hàng quân xâm lược, sau chúng đưa về Yên Kinh rồi chết già ở đó.

Trần Thái tông còn có nàng công chúa út nổi tiếng trong lịch sử là AN TU.

TRẦN HOÀNG (Trần Thánh tông) sinh:

- TRẦN KHÂM (Trần Nhân tông).

- TRẦN NHÂN TÔNG sinh:

- TRẦN THUYỀN (Trần Anh tông).

Trần Nhân tông còn có người con gái út là **công chúa HUYỀN TRẦN**, gả cho vua Champa, mà sinh lễ gồm cả hai châu: Ô, Lý (miền đất Trị - Thiên ngày nay).

TRẦN ANH TÔNG sinh

- TRẦN MẠNH (Trần Minh tông có 11 người con trai).

TRẦN MINH TÔNG sinh:

- TRẦN VƯỢNG (Trần Hiến tông).

- TRẦN HẠO (Trần Dụ tông).

- TRẦN PHỦ (Trần Nghệ tông).

- TRẦN KÍNH (Trần Duệ tông).

Trần Minh tông còn có người con nữa là CUNG TỨC ĐẠI VƯƠNG NGUYỄN DỤC, lấy vợ là đào hát chèo đã có mang sẵn. Nguyên người này là vợ của người phường hát chèo Dương Khương. Sau đẻ ra Nhật Lễ. Khi Dục tông mất, bà thái hậu phò Nhật Lễ lên ngôi. Chưa được một năm thì những người trong tôn thất nổi lên như Trần Phủ, Trần Kính, Trần Nguyên Đán (Nguyên Đán là cháu trực hệ bốn đời của Trần Quang Khải) và công chúa Thiên Ninh (con Trần Minh tông) diệt Nhật Lễ, lấy lại ngôi vua.

Trần Kính (Trần Duệ tông) còn có người con là Trần Hiện. Duệ tông chết trận tại thành Chà Bàn (Champa). Trần Nghệ tông cho cháu là Trần Hiện lên ngôi vua.

Sau vì có ý bài xích Hồ Quý Ly, nên Quý Ly xúi Nghệ tông phế truất rồi buộc phải thắt cổ tự tử.

Trần Nghệ tông có người con là Ngự Câu vương Húc theo chú là Trần Duệ tông sang đánh Champa, bị Chế Bồng Nga bắt làm con tin. Một người nữa là thiếu úy (Thiếu úy: thuộc hàng tam công (Thiếu úy - thiếu sư - thiếu bảo) - ba chức quan trong đầu triều.) Trang Định vương Ngạc bị Hồ Quý Ly giết. Và sau rốt người con út là Trần Ngung (con rể của Hồ Quý Ly). Sau khi phế truất Trần Hiện, Ngung được đặt lên ngôi vua, hiệu là Trần Thuận tông.

Hồ Quý Ly ép Trần Thuận tông đi tu rồi bức tử. Đem con của Thuận tông là hoàng tử Án 3 tuổi lên ngôi vua, hiệu là Trần Thiếu đế. Hơn một năm sau (1400), Hồ Quý Ly phế Án (cháu ngoại), tự lập mình lên ngôi vua. Vậy là nhà Trần diệt, nhà Hồ lên.

# Chương I

Nhũ mẫu đang loay hoay khịu lại đường chỉ tuột nơi mép chiếc hài nhưng, bỗng bà dừng mũi kim ngừng nhìn ngọn bạch lạp. Ngọn sáp chỉ còn một đoạn ngắn chưa đầy gang tay. Bà liếc xéo về góc thư phòng, vẫn thấy Huyền Trân đang mãi mê đọc sách. Bà nhẹ nhàng đến cạnh công chúa vòng tay lễ phép: "Thưa công nương, đã tới giờ, thỉnh công nương về phòng nghỉ".

Công chúa ngược lên nhìn nhũ mẫu, hai bàn tay ngọc với những ngón thon dài vẫn giữ khư khư trên mặt cuốn sách để ngó. Đôi mắt tròn với hàng mi xanh đậm nương lên nhìn nhũ mẫu với vẻ nài nỉ - "Xin nhũ mẫu thư cho một chút, tôi đang đọc đến chỗ hay".

Nhũ mẫu nhìn cuốn sách dày, chữ nhỏ li ti, bà tự lượng, nếu để cho tiểu chủ đọc qua đêm cũng chưa chắc đã hết. Khẽ nhíu đôi mày, bà đáp lại cái nhìn của Huyền Trân với vẻ cung kính, nhưng không có chút gì tỏ ra bà chịu nhượng bộ - "Xin công nương hiểu cho già này. Nếu công nương cứ ngày đêm đắm chìm vào những cuốn sách như thế kia. Khiến vóc hạc hao gầy, tâm thần mỗi một thì kẻ tiện tì này thật vô cùng đắc tội với vong linh hoàng thái hậu, và phụ cả lời ủy thác của thượng hoàng". Nhìn Huyền Trân với vẻ ái ngại, nhũ mẫu lại nói - "Đêm nào cũng tới canh khuya, công nương mới chịu đi nghỉ. Sách nào công nương cũng khen hay".

Đôi má ửng hồng lên như một trái đào khoe mã, khẽ nhếch cặp môi đỏ mọng như tô son, để lộ ra hia hàm răng nhỏ, trắng muốt như những hạt ngô nếp. Công chúa nói giọng dịu ngọt tựa lời hát ru - "Lẽ nào nhũ mẫu chẳng thương tôi. Tôi đâu dám sao nhãng đạo nhà đề sa vào đám yêu thư. Chẳng qua tôi mê say là mê say với đạo lý của thánh hiền. Bữa trước tôi thức trắng đêm là để nghiền ngẫm cho thấu đáo cuốn "Vạn Kiếp tông bí truyền thư" của đức Quốc công tiết chế, là bậc thượng phụ của tôi. Còn bữa nay, tôi đang đọc khúc Ly tao của Khuất Nguyên, một áng thơ trác việt, xin nhũ mẫu hiểu giùm cho. Tôi đâu có phải là một đứa trẻ không biết vâng lời người trên".

Với vẻ mặt đau khổ, nhũ mẫu hơi cúi thấp đầu xuống như người có lỗi, bà nói: "Xin công nương tha thứ cho sự lỗ mãng của kẻ tôi tớ của người. Song già chỉ lo ngày mai lễ thượng nguyên, công nương đã nhận lời với quan đại an phủ sứ của kinh sư, là người chủ lễ cuộc đua thuyền. Và lại ngày mai thế nào thượng hoàng cũng về, và quan gia cũng tới. Công nương không thể với vẻ mặt mệt mỏi của người thiếu ngủ tới lễ hội được".

Bất đắc dĩ công chúa phải thuận theo lời khuyên của nhũ mẫu. Nàng với lấy chiếc lông ngỗng cắm trong giá bút, kẹp nơi trang đang đọc giờ rồi đặt cuốn sách vào án thư. Đúng lúc ngoài hoàng thành dóng hồi trống sang canh. Nhũ mẫu ngược nhìn Huyền Trân vẻ lo lắng. Bà một hơi thở nhẹ và buột ra hai tiếng: "Khuya rồi!"...



Trông canh năm vừa điểm, cả kinh thành như bùng lên một sức sống khác thường. Từ trong cung cấm, đến các phủ đệ, và cả phố xá, đều rộn lên tiếng người nói í ới, tiếng chó sủa ừng ảng, tiếng vó ngựa lộp cộp cả tiếng "hồ ơ..." từ hồ Thủy quân, hồ Dâm Đàm vắng tới. Huyền Trân đang mơ màng trong giấc ngủ muộn, bỗng choàng dậy bởi một hồi tù và báo thức của trại cấm binh. Nàng khẽ vén tấm rèm cửa sổ, thấy ngoài đường đã tấp nập ngựa xe. Nhũ mẫu bung đồ ăn sáng vào, công chúa chỉ dùng qua loa rồi trở về phòng trang điểm.

Bích Huệ, Thúy Quỳnh, hai nàng hầu thân cận nhất của công chúa, đã chực sẵn trong phòng. Khi Huyền Trân vừa tới, hai nàng đơn đã bắt tay ngay vào việc trang điểm cho cô chủ. Bích Huệ lấy lược ngà chải tóc. Công chúa có mái tóc dày và đen nhánh như hạt dền. Thúy Quỳnh lo việc thoa phấn, to son. Trước gương, công chúa lộng lẫng như một nàng tiên. Đầu cài trâm ngọc nạm hạt châu. Cổ đeo vòng ngọc bích nạm vàng, trạm hình long vân. Minh mặc áo dài bằng vóc đại hồng thêu mây ngũ sắc, tay viền chỉ kim tuyến, ngoài khoác áo cừu trắng, quần nhiều màu thiên thanh, chân dận hài tía mũi cong, dát hồng ngọc. Công chúa bước đi uyển chuyển trong dãy xuyên đường (Xuyên đường: nhà để đi qua, bốn mặt không có tường chắn.). Mỗi bước chân nàng đi, như lóa lên một thứ ánh sáng ảo diệu bởi vàng dát, ngọc đeo. Và một mùi hương dịu dịu như toát ra từ da thịt thơm tho của nàng.

Ngoài công, một chiếc kiệu son đã chực sẵn. Kiệu chạm nổi hình đôi chim phượng hoàng đang bay, buông rèm nhiều tím. Tám người phu lực lưỡng, đầu cạo trọc, trán lộ rõ ba chữ "TOA THƯỢNG NÔ" màu chàm. (Theo chế độ nhà Trần, phàm các hạng gia nô của vua và các nhà quan đều có thích chữ vào trán. Gia nô của vua thích ba chữ: Tọa thượng nô. Gia nô của các nhà quan thích ba chữ: Quan trung khách. Ngoài ra không thích chữ gì cả.) Công chúa biết ngay là đám hầu cận của quan gia, theo lệnh của Tuyên từ thái hậu phái tới. Nàng hơi giật mình, sao có sự lạ lùng làm vậy. Bởi từ chiều hôm qua, nàng đã nhờ nhũ mẫu sang cung thái hậu, xin với kế mẫu, cho phép nàng được tự tiện dùng kiệu riêng. Thái hậu đã y lời. Có sao đám hầu cận của vương huynh còn đưa kiệu tới rước? Huyền Trân còn đang boăn khoăn, thì một tên trong đám nô bộc đã vòng tay cung kính nói: "Bẩm hoàng cô, chúng con được lệnh của Thái hậu, tới rước hoàng cô đi trẩy hội. Thái hậu truyền chúng con thưa lại với hoàng cô rằng, hôm nay là ngày lễ thượng nguyên, dân chúng kinh kỳ và khắp các vùng lân cận đổ về đông đúc. Thái hậu ngại trong lúc xem diễu trò, dân chúng hô hời hò reo, xô lấn, mà đám nữ tì của hoàng cô lại chân yếu tay mềm, nên người sai chúng con tới rước hoàng cô".

Huyền Trân mỉm cười: "Mẫu hậu quá thương ta".

Bước lên kiệu, công chúa còn ngoái lại dặn hai nàng hầu: "Các em theo kiệu đi cùng ta".

Gió xuân hây hây, hơi xuân ấm áp, thật là một ngày tốt trời. Công chúa khẽ hé rèm nhìn quang cảnh phố phường. Đúng là từ tết nguyên đán, qua rèm còn thoáng vương mùi mật ngọt. Sức sống mùa xuân ào ạt chảy trong lòng người

thiếu hôm nay trời mới hừng nắng. Sóng nắng như còn đang ngập ngừng, như còn e ngại trước uy quyền ngạo nghễ của thần băng giá, nên chưa ào ạt tuôn chảy xuống mặt đất như những ngày cuối xuân đầu hạ. Mới vậy thôi cũng đủ cho muôn vật hồi sinh. Cây cối trong các vườn nhà đã bật nảy những chồi non, lá nõn. Những búp lộc đầu cành nhựa căng ứ mọng. Đầu đây phảng phất mùi hương bưởi, hương chanh. Mấy cánh ong lao vút nữ, khiến đôi má công chúa hây hây đỏ, nom nàng rực rỡ như một đóa phù dung vừa hé nở. Kiệu ra khỏi hoàng thành, cảnh tượng đầu tiên đập vào mắt Huyền Trân là một biển người chen chúc. Dù đã có đội kỵ binh dẹp đường, nhưng kiệu của công chúa cũng chỉ nhích dần từng nửa bước. Đôi khi công chúng hò reo náo nhiệt, tưởng lay động cả kinh thành. Khó khăn lắm tám lực sĩ mới giữ được cho kiệu không nghiêng, đổ. Tới đây công chúa mới chịu sự phòng xa của kẻ mẫu là có lý. Ít lâu nay nàng vẫn cho rằng, từ khi Khâm tử hoàng thái hậu - mẹ nàng mất đi, nàng phải chịu sự giáo huấn quá nghiêm khắc của Tuyên tử thái hậu, người di ruột và cũng là mẹ kế của nàng. Nhưng điều đó đã thấm tháp gì so với vị huynh trưởng của nàng - người đang ở ngôi chủ tể, trị vị cả một quốc gia, vẫn một lòng hiếu thuận, thờ mẹ kế như mẹ đẻ; sớm hôm phụng dưỡng không dám sai sót một ly, hơn cả Ngô Tôn Quyền thờ bà Ngô Quốc Thái (Bà Quốc Thái, mẹ kế của Ngô Tôn Quyền, vua xứ Đông Ngô thời Tam quốc phân tranh ở Trung Quốc. Tôn Quyền thờ mẹ kế như mẹ đẻ, nhất nhất vâng lời. Dù những việc quốc gia trọng sự Tôn Quyền đã quyết mà không có lợi cho gia phong, bà Quốc Thái bắt phải bãi bỏ, Tôn Quyền đều không dám trái ý.).

Kiệu của Huyền Trân đến cửa đền Trần Võ thì dừng lại. Người trên bờ hồ Dâm Đàm ken dày như kiến. Các phường Thụy Khê, Yên Hoa, Nghi Tâm, Trích Sài, Hồ Khẩu... đều có cử dân trong các hương, ấp đem trà, nước đặt suốt một dải bờ hồ mời khách thập phương tới dự hội.

Từ hành cung (Nơi chùa Trần Quốc bây giờ, xưa là hành cung của các vua nhà Trần. Con đường Cổ Ngự (đường Thanh Niên ngày nay) thu ở đó chưa có, nên hành cung ở vào vị trí như một hòn đảo.) một chiếc thuyền lao vút ra như một con cá kính. Hai chực tay chèo trái nước làm cho mặt hồ xao động. Thuyền vừa áp mạn trước của đền, một viên quan tùy phái từ trong khoang thuyền bước lên bờ. Vừa đặt chân lên mặt đất, ông ta vội sửa khăn áo chỉnh tề, rồi tiến đến trước kiệu của Huyền Trân vòng tay thi lễ. Công chúa bèn vén rèm ngó ra hỏi:

- Ông là người bên phủ Đại an hay phủ Kim ngô?
- Bẩm công nương, tôi được quan Đại an phủ sứ sai tới rước công nương vào dự lễ.
- Bao giờ cuộc lễ bắt đầu?
- Thưa công nương, lễ khai diễn đầu giờ Thìn.
- Phụ hoàng và hoàng huynh ta đã tới chưa?
- Dạ, thưa công nương, thượng hoàng ở phủ Thiên Trường về từ tối hôm qua, nhưng người nghỉ ở chùa Báo Ân,

sáng nay người đã tới; còn quan gia vừa đến lúc cuối giờ Mão. Các quan ở trong kinh như quan hành khiển, tả, hữu thị lang, ngự sử, phiêu kỵ, kim ngô, điện súy, đô áp, đô thống... các quan ở các lộ kể với kinh thành cũng đã tề tựu đủ cả. Quan đại an và các quan chức sở tại chúng tôi đã sẵn sàng. Xin rước công nương xuống thuyền để vào dự trong lễ đài, kéo ở đây e bất tiện.

Công chúa xuống kiệu, vẫy hai ti nữ theo mình.

Loáng cái thuyền đã đưa nàng tới hành cung. Một quang cảnh hoành tráng hiện ra trước mắt Huyền Trân. Ngay xé cửa hành cung là một chiếc lầu thuyền lớn, trang trí cực kỳ lộng lẫy. Xa xa là các đội thuyền đua của các phường, xã. Đội nào đội ấy xếp hàng đều tăm tắp, chờ hiệu lệnh.

Viên quan sở tại mời Huyền Trân vào trà thất.

Nàng không ghé và đòi đến ngay chỗ thượng hoàng.

Một chiếc thuyền nhỏ với bốn tay chèo thiện nghệ. Phải nói là họ chấp cánh cho con thuyền bay là trên mặt nước, chứ không phải là họ chèo thuyền nữa. Chừng chưa nhai tàn miếng trầu, công chúa đã leo lên đờng tầng trên của chiếc lầu thuyền. Vừa nhác thấy thượng hoàng, Huyền Trân vội reo lên như một đứa trẻ.

Vua Nhân tôn xúng xính trong bộ áo cà sa hòa thượng, với niềm sung sướng được gặp lại con gái, nhà vua rời bỏ chiếc ghé đang ngồi cũng dễ dàng như khi ngài rời bỏ ngai vàng để xuất gia. Ngài tiên về phía Huyền Trân, giơ hai tay ra đón như đón một đứa trẻ lẫm chẫm tập đi. Nhà vua dẫn con gái tới ngồi cạnh mình. Một lát sau, quan đại an phủ sứ của kinh sư Đỗ Khắc Chung - người mới được nhà vua ban quốc tính (Người có công lớn với quốc gia, được nhà vua sủng ái cho phép bỏ họ cũ, theo về họ vua. Như Khắc Chung trước họ Đỗ, nay mang họ Trần.), từ sau cuộc đại phá quân Nguyên hồi năm mậu tý (1288), đến xin thượng hoàng cho phép khai diễn cuộc lễ. Thượng hoàng bèn chỉ về phía quan gia ngồi đằng mũi thuyền.

Đúng giờ Thìn, một phát pháo hiệu nổ vang. Lập tức có tới hàng trăm thuyền từ phía gò Phụng Chùy (Đất hình mỏ con chim phượng, nay thuộc địa phận trường Chu Văn An.) dàn hàng ngang lao vút về phía lầu thuyền. Những chiếc thuyền dài thon mình trắm, mũi và lái đều cong lên và có trạm, vẽ hình đầu rồng, đuôi rồng. Mỗi bên mạn thuyền có hai chục tay trái. Mỗi trái thủ nắm xuôi một chiếc dầm, nom tựa hình mái chèo. Trước mỗi mũi thuyền có một người chỉ huy, mặc quần lụa đỏ, quần xà cạp đen đến tận đầu gối, áo đỏ nẹp xanh, ngang bụng thắt một dải lụa màu mỡ gà kết múi buông xuôi bên hông trái. Hai tay cầm hai lá cờ đuôi nheo đỏ và vàng phất theo nhịp trống. Người nhập nhò cùng hai cánh tay dang rộng ra với hai lá cờ như sắp bay lên. Giữa khoang thuyền kê một chiếc trống cái. Người đánh trống vắn chiếc khăn đầu rìu màu đỏ, mình trần, vừa gõ trống vừa múa quanh tang trống, cùng với người phất cờ hòa chung một nhịp đẩy chiếc thuyền lướt nhẹ trên mặt nước. Hàng trăm thuyền đua sức đua tài.

Cảnh tượng diễn ra thật là hào hùng, khiến mọi người nhớ lại trận thủy chiến oanh liệt trên sông Bạch Đằng hồi mấy năm trước.

Tất cả các thuyền khi lướt qua thuyền ngự - Các trái thủ đều lấy đà từ xa, để sao cho khi qua lâu thuyền, thuyền đua chỉ lướt đi, mọi người trên thuyền đều trong dáng dấp ngả về phía trước, như đang gắng bơi, kỳ thực tất cả đều bất động, mặt hướng về phía thuyền ngự, tạo ra một không khí tĩnh lặng và trang nghiêm đến kỳ lạ. Bỗng xuất hiện ba chiếc thuyền như từ đáy hồ vọt lên. Những chiếc thuyền này lướt như bay. Mỗi bên mạn thuyền có năm chục tay chèo. Mỗi mái chèo gắn với một cọc chèo cố định. Các thủy thủ cũng bỏ chèo theo nhịp trống. Vì là thuyền chiến, nên mạn thuyền cao, chắn lút đầu thủy thủ. Trên mỗi thuyền cũng có người phát cờ, đánh trống như các thuyền dân. Ở thuyền đi trước, thấy có hiệu cờ sùỵ, và có tá thánh thái sư thượng tướng Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật đứng sau người phát cờ. Thuyền thứ hai có hiệu sùỵ thượng tướng quân Phạm Ngũ Lão đeo thanh trường kiếm, dáng dấp uy nghiêm. Thuyền thứ ba có hiệu kỳ thượng tướng quân Trần Khánh Dư. Các thuyền chiến chỉ tham gia diễu hành, cho tăng thêm phần uy nghi thượng võ của ngày hội, chứ không tranh giải. Mỗi thuyền đều phải đua ba vòng hẹp trong lòng hồ, mỗi vòng ước độ mười lý. Thuyền đi theo hàng cọc thưa thớt, trên mỗi cọc đều cắm một lá cờ đỏ chỉ đường.

Khi đoàn thuyền đua vừa đi khỏi, chiếc lâu thuyền to lớn cũng đi theo. Chỉ thấy tiếng nước vỗ ì oạp và con thuyền nhẹ lao đi. Không thấy một tay chèo nào, Huyền Trân lấy làm lạ lắm. Nàng khẽ ngoái đầu cúi nhìn xuống mạn thuyền tầng dưới, thấy các mái chèo hời hả bủa nhanh rầm rập. Có lần công chúa đã nghe nói đến một thứ thuyền lưỡng tính, dùng cho các bậc vua chúa, nửa là chiến thuyền, nửa là du thuyền. Chắc là loại thuyền này đây. Chiếc lâu thuyền lướt qua đầu đường Dụ tượng để tiến về phía Bãi bắn gần giữa hồ. Trần Nhân tông nhìn con gái với vẻ triu mến. Ông thương con sống trong cảnh mồ côi mẹ. Tiếp đó, ông lại xuất gia (Theo chế độ nhà Trần, con đến tuổi trưởng thành thì vua cha nhường ngôi cho. Tuy nhường ngôi, nhưng mọi việc lớn trong triều đều do vua cha (tức thượng hoàng) quyết định. Nhân tôn nhường ngôi cho con từ năm Quý tị (1293), tới năm Ất mùi (1295) thì xuất gia ở hành cung Vũ Lâm. Đến năm Kỷ hợi (1299) thì vào Yên Tử tu khổ hạnh. Tuy nhiên, ông vẫn giám sát việc triều đình rất chặt chẽ.), thành thử mọi sự đều phó mặc cho con tự lo, phó mặc cho bà Tuyên từ thái hậu coi sóc và điều hành nếp sống của hoàng gia. Nhà vua mỉm cười hỏi công chúa:

- Có vui không con?

- Dạ, vui lắm ạ.

- Con nghĩ gì vậy?

- Thưa phụ hoàng, công chúa vừa nói vừa nhìn ra mặt hồ rợp những thuyền đua, lòng nao nao xúc cảm - Thưa phụ hoàng - Công chúa nhắc lại, con đang nghĩ về ông ngoại - Đức quốc công tiết chế đã phá giặc Thát trên sông

Bạch Đằng, cảnh chiến diễn ra chắc cũng hùng tráng như thế này phải không ạ?

Mặt nhà bỗng rạng rỡ hẳn lên. Ngài nói với con bằng một giọng âu yếm:

- Cảnh diễn ra ở đây dù hùng tráng đến thế nào, cũng chỉ là cảnh vui trong ngày hội. Bì sao được với cảnh khốc liệt trên mặt sông lúc lâm chiến hả con! Con có thể thấy lại được phần nào trong bài "Phú sông Bạch Đằng của Hán Siêu". Ông ta viết bài đó khi còn là môn khách của Quốc công tiết chế. Vậy chớ con đã đọc chưa.

- Dạ, thưa phụ hoàng, con đã đọc và cũng đã thuộc. Đó là một áng văn hay. Có thể xếp vào loại kim cổ hùng văn. Rồi công chúa hạ thấp giọng chỉ còn là tiếng thì thầm: - Ôi, tiếc quá chừng. Ước gì ngày đó mình đã lớn. Đã được chứng kiến tất cả...

Nhân tôn vỗ nhẹ vào vai con gái:

- Không nên ao ước hoặc mơ đến một điều gì, mà con biết chắc chắn là nó sẽ không bao giờ đến với con. Cả những điều sức con không làm nổi, cũng đừng nên nghĩ tới. Sự viển vông đó, là phần việc của mấy anh hủ nho mặt trắng. Con chỉ nên chăm lo đến các việc dung, công, ngôn, hạnh. Rồi trau dồi thi, thu, lễ, nhạc. Ấy là phúc của nhà ta đó con. Muốn làm được các việc đó, lúc nào con cũng phải giữ cho cái tâm được tĩnh. Tâm có tĩnh, trí mới thông. Trí có thông mới thấu nhận được cái nhẽ hoàng đại mà uân ào thâm sâu trong kinh sách của thánh hiền.

- Thưa phụ hoàng, người có thể rộng phép cho con được giao tiếp với những người là rường cột của nước ta và cả những con dân một lòng, một dạ thờ vua, giữ nước.

Nhà vua nhìn con gái với vẻ cảm thông sâu sắc. Dường như điều đó làm người yên tâm, rằng cô con gái út tuy không được sự giáo dưỡng nhiều lắm của người, đã sớm tỏ ra một kẻ nhân nhu hiếu thuận. Đã biết yêu quý những gì tốt đẹp do các bậc tiền bối tạo lập. Song cũng chính điều đó làm nhà vua vô cùng kinh ngạc. Ngài chỉ đáp lại con có vài lời giản dị:

- Mong muốn của con chẳng có chút chi trở ngại.

Mặt nước hồ bỗng xao động. Sóng vỗ ì oạp bên mạn lâu thuyền. Rồi một đoàn thuyền đua rầm rập kéo nước rút, để về đích ở vòng trót. Bỗng có ba chiếc vượt hẳn lên, và bỏ cả đoàn ở lại phía sau một khoảng cách khá xa. Ba chiếc theo sát nhau thành một hàng ngang. Rồi như có phép lạ, chiếc thuyền bên tả bỗng vọt lên như một con cá mẫn chạm lưới. Và cứ đà ấy, chiếc thuyền lao thẳng đến nơi cắm ngọn cờ đỏ chói. Người phất cờ lệnh đứng ở đầu mũi thuyền, lao ra khỏi chỗ, nhổ lấy cây cờ giương cao lên. Mặt nước như chùng lại. Không gian im phắc. Sau một thoáng, tiếng hò reo ủa vỡ lênh lán trên mặt hồ. Chiếc thuyền giành giải nhất, quay ngoắt mũi tiến về phía chiếc lâu thuyền, dâng cây cờ lên vái hai vua.

Khi lâu thuyền quay vào bờ, Nhân tôn cúi xuống nói nhỏ với Huyền Trân:

- Đêm nay, cha làm lễ dâng sao giải hạn cho con dân cả nước Đại Việt ta ở chùa Báo Ân. Ngày mai, cha về cung thăm các con.

Công chúa khẽ "vâng" một tiếng. Dáng mặt đầy vẻ suy tư của Huyền Trân thoáng gọn một nét buồn.

# Chương II

Thấy lá màn the sột soạt, lão bộc biết ngay là nhà vua vừa qua cửa tò vò. Lão quay vào đã thấy Nhân tôn ngồi xếp bằng ở kỹ. Lão cung kính chào. Khuôn mặt lão rạng rỡ hẳn lên. Dường như các nếp nhăn vừa giãn ra cùng với sự hoan hỉ đang bùng tỏa trong lòng lão. Điều đó không giấu nổi nhà vua. Ngài hỏi:

- Lão Dương bữa nay có gì vui mà hớn hở vậy?

- Muôn tâu thượng hoàng, lão vừa nói vừa phải nuốt nước miếng ừng ực để khỏi bật ra tiếng reo vui. - Muôn tâu thượng hoàng, lão nhắc lại - được thấy dung nhan thượng hoàng, con thật mãn nguyện. Người vẫn khang kiện là con vui. Hôm qua, quan đại an ở kinh sư mở hội đua thuyền nhân ngày lễ thượng nguyên, con chắc thế nào thượng hoàng cũng về dự. Con đã định đi để được thấy mặt rồng, ngặt vì cái lưng của con nó yếu quá. -Lão ngồi sụm xuống. Tay ngoái lại phía sau đấm lưng thùm thụp. - Đấy! Đấy... cái bệnh đau lưng nó lại làm tội làm nợ con rồi!

- Mấy bữa nay trở trời. Ta chắc vết thương cũ lão nó lại tấy lên đấy.

- Dạ. Bẩm thượng hoàng, đúng như thế đấy ạ.

- Ái... Ái... lão nhăn nhó không dần nổi cơn đau, nước mắt trào ra nhỏ xuống thành hai hạt lăn trên đôi gò má dãn deo.

Vua Nhân tôn bước xuống thêm vực lão Dương vào sập. Chiếc sập sơn son thếp vàng vẽ chín con rồng đang tranh nhau một viên ngọc. Bốn mặt sập trạm nổi bốn cái đầu hổ. Chiếc sập này trước vốn là giường ngủ của vua, vẫn kê trong nội thất.

Từ ngày nhà vua xuất gia, lão Dương xin phép bà Tuyên từ đưa ra kê ngoài nhà bái đường. Bao nhiêu năm hầu hạ nhà vua chưa một lần nào lão dám tự tiện hoặc được phép ngồi ghé vào long sàng. Thế mà giờ đây lão được chính tay thượng hoàng dìu vào. Lão đã toan nhóm dậy phủ phục xuống mà cảm tạ nhà vua đã biệt đãi lão. Nhưng trong lòng lão lại muôn kéo dài thêm cái giây phút hiếm hoi ấy. Đôi mắt lão nhắm nghiền, làm thượng hoàng có thể tưởng là lão đang đau đớn đến mê man. Thật tình lão đang làm một việc tày trời. Lão bầm bụng tự nhủ: "Ừ thì hãy cứ thử nán lại một tí xem sao. Xem nằm trên giường của vua nó sướng hơn nằm trên giường của nhà lão ở chỗ nào". Và cứ theo cái nhịp phiêu bồng đó, lão nghĩ: "Suốt cuộc đời ta từ lúc sức lực sung mãn tràn trề, cắp dao theo hầu thái thượng hoàng, rồi thượng hoàng và cả quan gia bây giờ. Kế tiếp ba đời vua, lúc nào ta cũng chỉ được phép cầm ngang ngọn dao hoặc chấp tay cung kính. Chưa bao giờ ta dám có ước vọng ngông cuồng là được ngồi vào long sàng, chứ còn nói gì đến chuyện ngả người xuống giường vua. Vì nếu điều đó xảy ra thì thật là một tai họa lớn. Một trọng

tội - Tội khi quân".

Trong lúc lão Dương mãi say sưa đuổi bắt những ý nghĩ miên man của lão, thì Nhân tôn nhìn lão với vẻ cảm thông có pha phần ân hận. Nhà vua dường như thấy lại đầy đủ hình ảnh người nô bộc của mình thời trai trẻ: một đồ vật lừng danh, một võ sĩ thượng thặng, một cung thủ có tài bách bộ xuyên dương (Xa trăm bước bắn mũi tên xuyên qua lá liễu.). Nhà vua tự hỏi: "Có phải chính con người lúc nào cũng rên rầm về bệnh tật này đã cứu cơ nghiệp nhà Trần, cứu sơn hà xã tắc chăng?"- "Phải". Nhà vua tự trả lời - "Chính y. Chính trong lúc giặc Thát đuổi gáp, ta và phụ hoàng trên đường rút vào châu Hoan, thì Đặng Dương khuyên phụ hoàng ta nên bỏ đường thủy đi đường bộ. Nhưng là ngược lại để về châu An Bang. Chính lúc đó Thoát-hoan lớn tiếng đe dọa cha con ta: "Lên trời" thì y "cầm căng kéo xuống"; "xuống đất" thì y "nắm tóc lôi lên". Ta nghe kể của Đặng Dương, nên bỏ mặc Thoát-hoan đuổi theo một cái bóng vô hình. Ta quên sao được trong tình thế gáp gáp, thuyền còn cách quá xa bờ, y đã công phụ hoàng ta phi thân lên bờ. Ta phải nhắm mắt lại, sợ nhìn thấy cảnh đau thương. Nhưng y đã bay, phải nói là y công phụ hoàng ta bay vào bờ. Ta cho rằng trên đời này khó kén được tướng khỏe như Đặng Dương. Nhưng do y đã gồng người lên quá sức, nên xương sống của y bị chấn thương tức khắc. Lòng trung dũng của Đặng Dương có được triều đình xét đến ban khen. Song chẳng có gì đền bù xứng đáng được cho y. Y đã bị tuyệt được sinh đẻ, lại suốt đời mang bệnh tật yếu đau".

Người lão bộc từ từ hé mắt vừa bắt gặp cái nhìn độ lượng của nhà vua. Lão vội nói với giọng yếu ớt:

- Xin thượng hoàng đại xá cho con. Tội con đáng muôn chết.- Vừa nói lão bộc vừa nhìn vua Nhân tôn, vừa nhìn xuống chiếc giường ông đang nằm.

Nhà vua vuốt nhẹ bàn tay lên lưng người lão bộc và nói:

- Ta thật có lỗi với lão. Ta mãi mê lo chuyện trăm họ, nhưng lại bỏ mặc lão sống cô đơn. Mà thật ra không có sự tận tâm báo quốc, không có sự xả thân cứu chủ của lão thì cả tấm thân ta chắc đã còn tới ngày nay. Ta đền đáp được gì cho lão đâu. Ta nhớ, chưa một lần nào lão hé răng xin ban ân tứ. Duy chỉ có lần này và cũng chỉ có một thoáng mới đây, lão như cì ý hờn dỗi với ta về thân phận nô bộc của lão. Ta đánh giá cao nhân cách của lão. Tuy lão vẫn còn ở trong hàng nô bộc, nhưng lão có phong độ người quân tử hơn chán vạn kẻ ở lầu son gác tía.

Lão Dương lạnh toát người, lão có cảm giác như đức vua nhìn thấu suốt cả tâm can lão. Và những lời nhà vua nói thật chí nghĩa chí tình, khiến lão xúc động và khóc như một đứa trẻ.

Nhà vua vẫn an nhiên ngồi nhìn lão khóc với nỗi cảm thương sâu sắc. Ngài không quở trách, cũng không dỗ dành an ủi. Bởi ngài cho rằng người dễ xúc động là người có được cái tâm tốt. Và mỗi khi khóc được, nó sẽ làm cho voi vợi nỗi buồn đau. Con người lập tức thấy dễ chịu ngay.



Lão Dương nín bật, nhôm dậy và thoãn thoắt đi như lão chưa hề biết đến có sự đau lưng ở trong đời. Lão bê tới sập một bộ đồ pha trà, cung kính đặt trước thượng hoàng rồi vòng tay thưa:

- Bẩm thượng hoàng, chẳng hay người vẫn ưa dùng trà sen để con pha?.

- Từ độ xuất gia, ta thôi không dùng trà nữa, mà chỉ quen uống một thứ nước hãm bằng gỗ cây mai già. Bọn ta thường gọi nó là "Lão mai trà". Ta có đem theo vài thanh. Để ta cho lão một thanh uống thử. Khi hãm, lão phải chẻ nhỏ ra. Loại nước này uống mát, nhuận gan.

Một thoáng bần khoản hiện lên mặt. Lão Dương ngấp ngừng định nói, lại thôi.

Được cái nhìn của nhà vua cổ súy, lão mạnh dạn lên tiếng:

- Bẩm thượng hoàng, còn chỉ xin hỏi một điều, có gì tò mò mạo muội, con xin thượng hoàng đại xá cho. Dạ bẩm thượng hoàng, có đúng là người xuất gia phải kiêng khem đủ mọi thứ không ạ?.

- Không, không phải thế đâu. Phật không bắt người tu hành phải kiêng khem gì hết.

- Tâu thượng hoàng, thế còn ngũ giới thì sao ạ?

(Ngũ giới : Năm điều răn của đạo Phật. Theo Thích lão chí, ngũ giới là: 1- Không giết sinh vật. 2- Không trộm cắp. 3- Không gian dâm. 4- Không nói càn. 5- Không uống rượu, ăn thịt.)

- Ngũ giới là luật lệ do tăng chúng đặt ra, để giám sát đệ tử hướng trọn việc làm cũng như tâm thức mình vào cái thiện. Bởi chung cái thiện nào cũng đều có tính Phật. Đặt ra ngũ giới và trụ trì tại chùa, chẳng qua là bọn nhà chùa muốn tu theo đường tắt để mau thành Phật. Nhưng có phải muốn mà được đâu. Nếu chỉ kiêng năm điều răn ấy mà thành Phật, thì bọn sư sãi thành Phật hết. Phật ở đâu mà nhiều thế?

- Tâu thượng hoàng, nếu đúng như ngài nói thì việc kiêng khem ngũ giới đó, không dính dáng gì đến việc tu Phật. Thế tại sao thượng hoàng lại kiêng không ăn thịt, không cả uống trà nữa.

- Ta không dùng những cái đó là vì ta thấy chúng sinh còn thiếu thốn khổ đau quá đỗi. Ta muốn chia sẻ lòng mình với họ, chớ đâu có phải ta mong chóng trở thành Phật. Và lại mong cũng không được. Ai chỉ muốn được, chắc là sẽ bị mất thôi.

- Tâu thượng hoàng. Suốt cuộc đời con theo đòi hầu hạ trong cung cấm, con cảm mến cái đức của thượng hoàng. Nay thượng hoàng xuất gia, con xin người gia ân cho con lại được theo hầu. Nếu hồng phúc lớn, bệ hạ thành Phật, con sẽ là một đứa tiểu tăng mãi mãi làm nô bộc cho người. - Lão Dương vừa nói vừa khấp nép nhìn xem đức vua có chấp thuận lời cầu xin của lão không. Lời lão nói là thành thực. Bởi chôn cung cấm lạnh tẻ này có cái gì hấp dẫn với lão đâu. Dù lão là kẻ nô bộc có công lớn đối với tiên đế. Không một ai dám đụng đến lão, cắt bỏ phần bổng lộc của lão, thì lão vẫn cứ là một tên "tọa thượng nô". Ba chữ đó không chỉ hằn trên trán, mà còn hằn trong tâm can tì phé

của lão. Lão sẽ suốt đời giam thân trong cung cấm với cảnh cô đơn không vợ, không con, không một ai thân thích.

- Nay, lão Dương! Việc đạo không hẳn như việc đời. Không phải ta là vua ta sẽ thành Phật, còn lão là nô, lão sẽ là tiểu tăng đầu. Có thể lão có duyên nghiệp từ kiếp trước, lão lại ngộ đạo trước ta thì sao? Việc tu đạo, là cốt ở tu tâm. Tâm lớn, ắt sẽ thành quả phúc. Phật là đạo. Đạo cao như nước, dung dị như nước, nhuần thấm như nước, công bằng như nước, không phân chia thứ bậc trên dưới, thấp cao, ấy là đạo. Cho nên ai tu cũng được. Ngay cả các loại vật, hễ đã có cửu khiếu (Cửu khiếu là kể các loài có chín lỗ: hai mắt, hai tai, hai lỗ mũi, mồm; đại tiện, tiểu tiện. Đó là những động vật đã tiến hóa, theo thuyết nhà Phật, có thể tu đạo được.), đều có thể tu tạo được. Ta không ngại gì không cho lão theo. Nhưng ngặt vì ta phải đi khắp cõi để giảng kinh, thuyết pháp, mà lão thì yếu đau, bệnh tật, theo ta sao được? Vả lại, ta còn có việc phải nhờ cậy lão. Chẳng hay lão có chịu giúp ta không?

Đức vua nói vừa bình dị, vừa đức độ, vừa cao siêu, nhưng lão Dương hiểu được. Khi nghe nhà vua nói: "Có việc phải nhờ cậy" thì tai lão đỏ lên, máu rần rật chuyên, làm cả khuôn mặt tai tái của lão cũng đỏ tía lên. Lão tự nhủ: "Tám thân tàn như ta, còn có ích gì nữa mà nhà vua nhắc tới. Nhà vua có hảo ý giao cho ta việc gì, hay cũng chỉ là một lời an ủi thay vì giễu cợt". Lão vẫn lặng thinh.

Một lát, nhà vua lại hỏi:

- Vậy chớ lão có chịu ở lại kinh thành để giúp ta vài việc lớn không?

- Tâu thượng hoàng, người sai bảo điều gì, dù chết con cũng không từ nan. Con chỉ mong sao tám thân tàn này, vẫn chưa phải là tám thân vô dụng.

- Ôi, nếu một quốc gia nào mà có được những con dân như ngươi, ta chắc quốc gia đó sẽ vô địch. Tiếc thay có những kẻ mũ, đai, áo rộng, quyền cao, chức trọng, mà ta nhìn họ chẳng khác gì nhìn một cái thây ma đang rữa!

- Ngài nói những điều cao xa quá, con không hiểu. Thân phận nô bộc, chúng con chỉ phân biệt đúng sai là ở chỗ việc làm thiện hay ác.

- Vậy là nhà ngươi đã nắm được căn cốt của đạo pháp rồi đó. Trong cõi u mê này, lòng tham cao như núi, mấy ai đã phân biệt được ác với thiện. Thôi, để ta nói thẳng vào việc. Chắc lão còn nhớ những năm giặc Thát giầy xéo non sông đất nước, dân ta trăm bề điêu hạo như thế nào rồi chứ? Đây, cho nên tất cả các việc làm của ta, đều chỉ mong sao cho nước Đại Việt ta giàu mạnh. Con dân trong nước từ nơi phường phố đô hội đông vui, đến các thôn cùng xóm vắng, đâu đâu cũng được hưởng thái bình. Từ thôn ấp đến các trấn, các lộ, các quận, các châu, con dân không bị bọn quan lại tham nhũng, cướp bóc, áp bức. Ta chỉ muốn đi tới đâu cũng chỉ nghe tiếng trẻ em học bài, tiếng trai gái đùa bỡn, hát ca, chứ không phải là tiếng rủa nguyền hờn oán. Muốn có cảnh ấy, thì ngay trong triều đình, các hàng quan văn võ từ chánh nhất phẩm tới thất bát phẩm phải trong sạch, tận tụy, liêm chính. Ta không muốn có một con sâu, con

một nào lẫn chúi trong hàng quan lại của ta. Rồi ta còn phải bung tai, bịt mắt, chặt vây cánh của đám sứ thân nhà Nguyên ở đất Thăng Long ngày nữa chừ. Ta trông cậy nơi nhà ngươi sẽ nhận ra ngay các điều phải quấy hàng ngày ở trong cung cấm, trong triều nội, trong phố phường của đất Thăng Long. Thu thập lại, rồi ngươi báo cho ta hoặc cho quan gia được biết. Việc đó, ta tưởng chẳng khó khăn gì. Ngươi cũng chẳng cần phải táy máy dò xét như một tên do thám. Chỉ cần ngươi qua lại nghe ngóng nơi chợ búa, hàng quán, là ngươi có thể biết hết các công việc triều đình, và tư cách quan lại. Là vì các việc làm của triều đình, và tư cách quan lại, có như thế nào, dân chúng biết hết. Nhất là những việc quan hệ đến vận mệnh của họ, ắt họ phải xôn xao bàn tán. Ta đã vi hành (Để nắm được thực chất tình hình trong dân chúng, và trong đám quan lại, ngày xưa những bậc vua chúa trị nước giỏi thường cải dạng làm người thường sống chung lẫn trong dân để nghe ngóng) nhiều bận, nên ta biết. Ta quả quyết rằng, dân chúng là tấm gương phản chiếu các chính sách cai trị của triều đình. Ra đường trông thấy sắc mặt người dân đói, phải nghĩ ngay đến chính sách tô thuế của triều đình hà khắc. Hoặc là do bọn quan lại địa phương bóc lột tàn nhẫn. Ra đường trông thấy người dân béo tốt, lành lặn, nhưng sắc mặt lấm lét đề phòng, hỏi điều gì cũng không nói, không biết. Ấy là trong vùng có chuyện quan lại chuyên quyền, tàn bạo. Ngươi thử ngẫm những điều ta nói có đúng không?.

- Tâu thượng hoàng, người sáng suốt lắm ạ!

- Ta không sáng suốt, cũng không ngu tối. Những điều ta biết được, là bởi ta tìm được cách gần dân, sát dân, chứ ta không để cho bọn cận thần bịp bợm, dối lừa ta. Vậy chớ lão Dương, ngươi có giúp ta được những việc như ta nói không?.

- Muôn tâu thượng hoàng, việc đó thì con làm được ạ. Nếu thượng hoàng muốn nghe, ngay bây giờ con có thể hầu thượng hoàng vô khối chuyện. Mà chính con cũng ảm ức, bất bình.

- Nào lão kể đi. Bắt đầu từ chuyện nhà ta. Quan gia trị nước có nghiêm không? Đối với việc nhà có hiếu thuận không? Thái hậu thế nào, người có phàn nàn gì không? Công chúa út của ta có siêng năng học hành, dung công ngôn hạnh, hay chỉ chăm ngắm vuốt, chải chuốt thôi? Ừ, biết bao nhiêu là chuyện trong kinh sư, có tới nghìn mắt, nghìn tai cũng không nghe, không nhìn thấu.

Được nhà vua cổ vũ, lão Dương phấn chấn hẳn lên. Lão nhìn đức vua với ánh mắt trong sáng lạ thường.

Lão nói:

- Trình thượng hoàng, từ khi đức Khâm từ thái hậu mất đi, lại tiếp đến việc thượng hoàng xuất gia, con thấy mọi việc trong cung cấm do một mình đức Tuyên từ cai quản. Người coi sóc công việc cực kỳ cẩn mẫn, công minh, chính trực. Người thực sự coi quan gia và công chúa như là con ruột của mình vậy. Ngay với quan gia, người còn nghiêm khắc hơn cả sinh thời đức Khâm từ. Với công chúa, người còn răn dạy đến nơi đến chốn. Và lại, công chúa tuy còn

nhỏ tuổi, đã sớm tỏ ra là người hiểu thuận. Con chưa nghe thấy ai phàn nàn gì về công chúa. Chỉ thấy các quan khen chữ công chúa viết tốt, thơ hay, đọc nhiều, hiểu rộng. Nếu có điều gì đáng ngại, ấy là công chúa ham mãi đọc sách quá. Có lần con bắt gặp mấy ả thị tì, xe ở nhà tàng thư về cho công chúa hàng xe sách. Chẳng biết đầu óc công chúa thế nào, chứ đầu con thì một chữ không nhét vào được.

- Dạ, dạ. Còn việc quan gia trị nước thế nào thì phận con sao biết được. Con cứ nghĩ đã làm vua thì phải anh minh lắm. Còn có điều gì mà xét nét nữa.

- Người nói có đúng không. Giọng đức vua đánh lại với vẻ nghiêm khắc - Thiếu gì những kẻ làm vua ngu tối, tàn bạo khiến trăm họ lầm than. Kiệt, Trụ đó, Lê ngoạ triều đó!

Lão Dương có phần bối rối. Lão biết nhà vua cần lời nói thẳng. Nhưng lão cũng còn biết con vua rồi lại làm vua; xấu, tốt, ngu đần gì rồi cũng cứ là làm vua. Ba tuổi đã lên ngôi vua. Đúng ra, làm vua có cần gì học rộng, tài cao, trải gió sương trận mạc. Ôi, cáo lời nói thẳng, tức là cái sự thật sờ sờ ra đó, ai cũng biết, nhưng phải nói ra, gọi đúng tên của nó, sao khó đến rợn tóc gáy. Lão Dương tự nhủ: "Nếu ta không nói hết sự thật cho thượng hoàng biết, tức là ta đã làm méch lòng ngài. Còn nếu ta nói hết mọi điều như ta thấy và ta nghĩ, hẳn có ngày quan gia sẽ lấy đầu ta. Cũng một lời nói như nhau, với người này ta chỉ được lòng, còn với người kia ta phải mất đầu. Thế là cái quái gì? Đời sao éo le quá đỗi! Nhưng ta tiếc cái đầu để làm gì, một khi cái đầu đó đã hèn nhát không dám nói ra sự thật hiển nhiên. Đầu có còn sống thì ta cũng tự khinh bỉ mình, vì chính lương tâm ta sẽ giết chết ta thôi. Bởi không gì tội tệ xấu xa hơn là những kẻ còn sống sờ sờ nhưng lương tâm đã chết. Thượng hoàng cần lời nói thẳng, là cốt để biết mọi việc còn tính toán lo liệu cho trăm họ, chứ có phải lo tính chuyện riêng tư đâu mà sợ". Nghĩ vậy, lão Dương mạnh dạn lên tiếng:

- Tâu thượng hoàng, con sợ những lời con nói sau đây sẽ không làm đẹp ý người. Nhưng nếu không nói được với người, thì con cũng uất lên mà chết. Từ ngày đánh tan giặc Thát tới nay, kẻ đã dư mười năm. Song dân tình nhiều nơi vẫn còn nghèo xác lắm. Điều đó cũng tức là trong chiến tranh, giặc tàn phá nặng nề, mà dân cũng phải đóng góp nuôi quân đến kiệt sức. Mới năm ngoái đây mất mùa, một số vùng đã có người chết đói. Nhưng ở kinh sư, nhà vua mở hết cung này đến viện khác. Cung nào, viện nào cũng xây cất nguy nga, thành lũy vòng trong vòng ngoài.

Còn các quan cũng lần lượt xây dinh, lập phủ. Thử hỏi các quan lớn quan bé, tước ấy, bổng ấy, lộc ấy bắt quá chỉ đủ nuôi thân và báo hiếu phụ mẫu, chứ lấy đâu ra tiền của để xây cất lâu đài? Một hai nhà xây là các nhà đua nhau. Nhà này một, nhà kia phải hai, ba, năm, bảy lần sang đẹp hơn. Con thiển nghĩ, các quan chẳng tự mình làm nổi lấy một viên gạch. Nhưng lại xây cất, chi tiêu như nước. Vậy tiền ấy lấy ở đâu ra? Ai cũng bảo, các quan móc của kho nhà nước với móc túi dân. Thượng hoàng cứ phải tốn công sức đi vi hành ở đâu đâu để xem xét lòng dân. Sao thượng hoàng không lưu tâm ở ngay kinh sư này. Con thấy lòng dân náo động lắm. Mà các quan thì đã bắt đầu một

cuộc sống xa xỉ. Ra đường thì võng lọng nghênh ngang, kiệu xe cờ xí, quân lính tiền hô hậu ủng, ngay đến đức vua cũng chưa có làm thế bao giờ. Mới năm ngoài đây trước lúc lâm chung, đức Quốc công tiết chế còn dặn lại quan gia: *"Phải khoan thư sức dân để làm kế sâu gốc bền rễ, đó là thượng sách để giữ nước"*. Nhưng cũng mới gần đây con về quê, thấy dân tình xơ xác. Hỏi ra mọi người đều nói bọn xã quan những nhiều quá. Tô thuế chúng thu cao quá. Đến lúc hỏi bọn xã quan thì chúng lại nói, mức thuế hàng năm đều tăng, nếu không bỏ vào đầu dân thì lấy đâu ra nộp cho quan trên. Nếu hỏi lên một vài cấp quan quận, quan châu chẳng hạn, hẳn họ phải nói là do chính sách của triều đình. Vậy có đúng là triều đình đã cố kết lòng dân như thế chẳng? Muôn tâu thượng hoàng, đã trải qua hai lần đánh giặc Thát, sinh tử không nề, nhưng tới bây giờ thì con nản quá. Nhiều điều bất như ý quá. Tâu thượng hoàng, giặc Thát là chuyện ở xa, chứ giặc quan nha là chuyện... Nói đến đây, lão Dương ngừng lời đột ngột. Mồ hôi hột toát ra, chảy ròng ròng hai bên thái dương. Mặt lão đỏ tía rồi tái dần đi. Không biết là lão sợ vì chợt thấy quá lời, hay bởi lão trút được nỗi hờn giận bấy lâu chất chứa.

- Ôi lão Dương, ta biết nói như thế nào về tấm lòng kiên trung của lão, vẫn vằng vặc như trăng sao tỏa sáng. Đến bây giờ ta mới thấm thía lời dạy của đức Quốc công tiết chế rằng: *"Giang san là của chung, từ vua quan đến thứ dân, ai ai cũng có quyền yêu mến và có bổn phận gìn giữ như nhau"*. Ta sẽ lưu tâm quan gia về tất cả những điều lão nói. Và lại, ta cũng đang có kế sách cùng với muôn dân, bồi đắp cho quốc gia Đại Việt của ta hùng cường.

Xúc động quá, nhà vua không giấu nổi, ngấn lệ đã tràn mi.

# Chương III

Từ bữa theo vua cha về thiên trường, Huyền Trân cứ tung tăng như một con bướm. Nàng mãi mê xem ngắm cảnh ly cung ngoạn mục. Cung Trùng Quang (Các vua đã nhường ngôi cho con, ở cung Trùng Quang.) với cung Trùng Hoa (Cung Trùng Hoa dành cho các tự quân ngự trong khi đến châu thượng hoàng) cao chát ngất, tường xây bằng đá cẩm thạch, nền đất đá ngũ sắc, mái lợp ngói màu thiên thanh nguy nga soi bóng xuống mặt hồ, nom như hai viên ngọc bích khổng lồ. Hai cung cách nhau chừng nửa dặm đường và cùng nằm trong một vương đất dài, rộng gần hút tầm nhìn. Những cây tùng, cây bách nhấp nhô như hàng trăm ngọn tháp xanh chen chúc cạnh lâu đài. Xung quanh có sông nhỏ bao bọc. Thuyền của các cung nhân du ngoạn giữa hai bờ đầy hoa thơm, cỏ mật. Đứng ngồi ở bất cứ chỗ nào cũng sực nức mùi hương. Xa xa những bãi quất bạt ngàn, hoa nở trắng xóa. Huyền Trân mừng tưng ra mùa quả chín, cánh đồng kia sẽ nhuộm vàng cả bầu trời. Hèn chi có danh sĩ đã gọi vùng này là "kim quất quốc". Ngay cả vua cha cũng từng viết:

...*Bách bộ sinh ca, cầm bách thiết,  
Thiên đàng nô bộc, quất thiên đầu...*

(Dịch thơ Trần Nhân tông. Bài Chơi hành cung Thiên Trường.

Dịch nghĩa:

... Trăm tiếng chim thành trăm giọng đàn hát,  
Nghìn ngọn quýt thành nghìn đội quân hầu...)

Thật là một cảnh thần tiên nơi hạ giới. Nàng bắt Thúy Quỳnh, Bích Huệ cùng mình đi dạo khắp các vườn hoa, lầu các trong cung. Chỗ nào đẹp thì dừng lại xem ngắm mãi không thôi. Có chỗ nàng còn vịnh thơ tức cảnh. Công chúa đang say sưa ngắm một cây quất có hình thù lạ. Dáng cây khác thường, tán lá to hơn cả một chiếc lọng xòe của hàng quan chánh nhất phẩm của triều đình. Đầu tháng hai, chanh, bưởi, quất đều đã khai hoa. Riêng có cây quất này nửa phần còn trĩu trĩu quả chín vàng ươm, nửa phần hoa trắng ngát thơm, ong bướm qua lại nườm nượp. Hoa quất có một vị thơm riêng không thể lẫn với mùi thơm hắc của hoa chanh, cũng không ngào ngạt như hoa bưởi, mà nó có mùi thơm ngọt, mát tinh tế. Giữa lúc công chúa đang xem hoa thì Thúy Quỳnh đã tìm được Bích Huệ và dẫn tới trước Huyền Trân, Bích Huệ vừa đi vừa lẩm nhẩm mấy câu vừa mới học:

*Khoan khoan thư kiu*

*Tại hà đi đâu...*

Vừa trông thấy công chúa, Bích Huệ đã nhắm mắt, chun mũi:

- Bẩm công nương, con giả hết chữ nghĩa cho công nương đó. Con không học được đâu. Khó lắm!

- Các em ngồi xuống đây ta bảo. – Công chúa bá vai cả hai nữ tì cùng ngồi xuống thăm cỏ. Rồi nhẹ nhàng khuyên bảo:

- Bích Huệ nói đúng đấy. Ở đời khó nhất là sự học. Đời phân biệt người trí với người ngu cũng là bởi sự học. Ta nhỏ tuổi hơn các em, nhưng ta biết được nhiều điều hơn các em, là bởi ta có học. Thánh nhân đã dạy: "*Nhân bất học bất tri lý*". Tức là người không có học, không biết nghĩa lý ở đời. Nghe ta, chịu khó học đi rồi sẽ có danh, có phận. Sao Thúy Quỳnh học được, còn em cứ giãy nẩy lên làm vậy. Ta nghĩ là tại em chưa thích học đầy thôi. Hễ em thích đọc, chữ tự nó sẽ vào nằm trong đầu em. Vừa rồi ta nghe em đọc mấy câu, ta không thể nén cười được. Nào Bích Huệ, em đọc lại ta nghe, rồi ta sửa cho, để em nhớ.

- Bẩm công nương, con để ý nghe công nương răn dạy. Con quên hết bài học rồi ạ.

Không nhin được, công chúa cũng phì cười:

- Vừa rồi ta nghe em đọc: "*Khoan khoan thư kiu. Tại hà đi đâu*". Công chúa cười rũ rượi. Thúy Quỳnh cũng cười theo. Chỉ có Bích Huệ là ngơ ngác không biết hai người cười cái gì. Trận cười dịu xuống, Huyền Trân khẽ vén mấy sợi tóc mai đánh vào khóe mắt, ôn tồn nói:

- Ta đã giảng cho các em rồi. Bây giờ ta nói lại, phải nhớ lấy. Có nhớ nghĩa mới thuộc chữ. Đây là một bài thơ trong Kinh thi của Trung Quốc:

*Quan quan thư cưu*

*Tại hà chi châu*

*Yểu điệu thục nữ*

*Quân tử hảo cầu.*

Nghĩa là con chim thư, chim cưu nó kêu "quan quan" ở ngoài bãi sông. Cũng như con chim cuốc của ta nó kêu "cuốc cuốc". Thế mà Bích Huệ lại đọc là: "Tại hà đi đâu". Học thế thì ai mà nín cười được. Còn hai câu dưới có nghĩa là: "Người con gái xinh đẹp dịu dàng, xứng đôi với chàng trai quân tử". Đại ý đây là bài thơ nói về một cuộc nhân duyên tốt đẹp qua tiếng kêu của con chim thư, chim cưu.

Đang bàn chuyện học hành nghiêm túc, Bích Huệ vụt đứng lên nói.

- Bẩm công nương, ngoài kia chợ họp đông vui lắm. Có một bà xẩm hát rất hay, người xem xúm xít như ruồi.

Công nương có muốn ra đó chơi, con dẫn đi.

Thúy Quỳnh bĩu môi gièm:

- Chợ thì có gì mà xem. Học chẳng hơn à?

- Chị Thúy Quỳnh nói hay thật đấy. Chợ người ta họp một tháng có sáu phiên, không đi thì hết người, tan chợ.

Còn học thì lúc nào học chả được.

Thấy Bích Huệ nói hay quá, Huyền Trân bèn hỏi:

- Chợ là cái gì?

Bích Huệ đã toan trả lời, nhưng không ghim nổi tiếng cười. Cô cười phì phì. Rồi như chợt dạ. Bích Huệ vòng tay vái công chúa ba vái:

- Xin công nương tha tội cho con.

- Em có tội gì đâu. Chắc là lời ta hỏi ngô nghê quá, làm em buồn cười. Cũng như em học Khoan khoan thư kiu chứ có khác gì đâu. Vậy em nói cho ta rõ, vì ta ở trong cung cấm chứ có được ra ngoài như các em đâu mà biết.

- Dạ thưa công nương, chợ là nơi mọi người có gì cần bán thì đem tới đó, cũng như ai cần mua cái gì thì cũng tới đó. Chợ họp năm ngày một phiên chính, ba ngày một phiên xép. Phiên chính đông vui, người tứ xứ kéo về mua bán.

Còn phiên xép, chỉ có người quanh quanh trong một vài làng.

- Vậy thế họ bán những thứ gì ở chợ?

- Thưa công nương, họ bán đủ các thứ. Từ vàng đến cám, thứ gì cũng có.

- Vàng thì ta đã biết, còn cám như em nói, nó là cái gì vậy?

Suýt nữa thì Bích Huệ lại cười phá lên. Nhưng cô đã kim được bằng cách giả vờ cúi xuống lấy tay véo thật đau vào bụng. Ngửng lên, Huệ nói:

- Bẩm công nương, cám là vỏ gạo. Khi người ta xay lúa để bỏ vỏ trấu đi, cũng giống như người ta giã gạo, là cốt để bỏ vỏ gạo. Vỏ gạo đó gọi là cám. Cám thường dùng để chăn lợn, chăn gà, vịt. Gặp những năm mất mùa đói kém, người ta phải ăn cám.

- Em nói người ta phải ăn cám là người nào?.

- Bẩm công nương, đó là những nông phu, những người chuyên trồng lúa ấy. Ngay đến cám, họ cũng không có mà ăn nữa, nhiều khi phải chết đói cả nhà. Thảm lắm.

- Ôi, sao lại có chuyện lạ vậy? Người trồng lúa lại chết đói vì không có lúa gạo ăn. Ai đã lấy mất lúa của họ? Bất công quá đáng! Vừa mới ló ra ngoài cung cấm thôi mà đã có bao nhiêu điều không lý giải được. Công nương buồn rười rượi.

- Thưa công nương, lúa gạo người nông phu trồng cấy được, phải nộp cho quan trên gần hết. Để quan trên còn phải nộp cho quan trên nữa. Quan trên nữa, nộp về đâu, con không được biết. Còn chuyện bất công, thưa công



nương, con lớn lên đã thấy như thế rồi. Ví như ở làng con, nhà xã quan, nhà phú hộ, thóc lúa để hời để mục, tiền của giàu có không kê xiết. Còn nhà chúng con, ngay ngày mùa, cơm cũng chẳng có ăn đủ no. Mùa đông chỉ co ro một manh áo mỏng. Con hỏi bố con: "Bao giờ mới hết cảnh bất công này?" Bố con bảo: " Bao giờ trên mặt đất này tận diệt thì sẽ có sự công bằng". Nhưng thôi, công nương biết đến những thứ đó làm gì cho chóng già. Nếu công nương có muốn đi chơi chợ thì phải cải dạng mau mau.

- Tại sao phải cải dạng? Ta cứ đi như thế này có được không?

- Dạ được, nhưng công nương sẽ chẳng biết được điều gì. Và lại, nếu không cải dạng, đi đến đâu, dân chúng sẽ bu lại xem công nương, chứ họ chẳng để cho công nương đi xem chợ đâu.

Thế là Bích Huệ bèn khoác ra ngoài cho Huyền Trân một bộ đồ nâu, người hầu vẫn mặc. Ba thầy trò chủ tớ kéo nhau ra chợ.

Chợ quả là hấp dẫn với công chúa. Vì đây là lần đầu tiên nàng được đi xem chợ. Từ những con giồng bằng đất nung đến những ông phỗng sành. Từ những chiếc bùa tui bằng vải màu, chỉ màu đến các con giồng phồng phành làm bằng bột nhuộm màu, vừa làm đồ chơi, vừa làm đồ ăn cho trẻ. Thật là lạ mắt và ưa nhìn. Rồi các hàng mã với những tay thợ hoa man vừa trở, vừa cắt dán làm thành những mũ, lọng, voi, ngựa, khiến công chúa vô cùng kinh ngạc. Nàng nhích sát tới gần, nhìn chăm chú vào hai bàn tay người thợ với con dao trở, nàng cô kiểm tìm xem họ có dùng âm binh phù phép gì không mà họ biến ảo từ giấy thành đủ các thứ mà họ muốn.

Chợt ngẩng lên, công chúa thấy người xem chen chúc vòng trong vòng ngoài. Huyền Trân tưởng dân chúng cũng tò mò, xem tài nghệ mấy bác thợ hoa man như mình. Nàng vội quay phải, quay trái tìm Thúy Quỳnh, Bích Huệ. Hai cô nữ tì bị chen bật ra xa, kêu oai oái. Lạ thay, đám đông vẫn chừa ra một khoảng cách. Họ không sấn sổ đến sát công nương một cách thô bạo. Khi Bích Huệ luồn qua được đám đông, bèn quay trở lại chỗ Huyền Trân, cũng vừa lúc Thúy Quỳnh khăn áo xộc xệch chạy bỏ lại phía công chúa. Hai cô nữ tì lo lắng dìu công chúa đi ra. Huyền Trân cưỡng lại:

- Các em làm gì thế, để ta xem mấy bác này làm các thứ kia kia, đẹp lắm. Vừa nói, công chúa vừa chỉ vào mấy thằng đánh gậy trở bằng giấy bồi gắn vào hai đầu que với một khúc chỉ. Và biết bao nhiêu thứ khác, nom đến hoa cả mắt.

Bích Huệ ghé tai công chúa nói thầm một điều gì đấy, làm nàng đỏ mặt, rồi đứng dậy đi theo hai cô nữ tì. Đám đông giãn ra. Họ thì thầm chỉ trỏ. Họ đoán già đoán non, nghĩ là con quan phủ, quan châu, hoặc con nhà quyền quý đi du ngoạn ghé qua đây. Không một ai có thể ngờ đó lại là con vua.

Tới chỗ quang, Huyền Trân hỏi nhỏ Bích Huệ:

- Em bảo có người hát xẩm, họ đâu rồi?

- Thưa công nương, chắc là bà lão đi kiếm ăn ở chỗ khác. Vì chợ đã vắng người.

Bích Huệ cứ dẫn công chúa đi dạo khắp các hàng quán trong chợ. Bất cứ một thứ gì đối với công chúa cũng đều lạ lẫm, thích thú. Có điều hơi lạ, là công chúa quen sống nơi cung cấm, đài các, cái gì cũng sạch, đẹp, sang quý và tiếp xúc với thuần một loại người hào hoa phong nhã. Nay ở nơi chợ búa, sang hèn lẫn lộn, mọi thứ đều ô hợp, vậy mà nàng không hề tỏ ra trái ý. Không thấy tởm lợm bởi những người dân quê chất phác, rách rưới. Nhiều người đến chợ bán, mua chỉ có một manh khổ che nơi hạ bộ. Nhiều người đói khát, mù lòa kêu xin đến thảm thiết. Khi ba người tới gần cuối chợ, có một bà lão tóc bạc trắng như cước, da đen sạm, mặt mày hốc hác, dúm dỏ bởi hàng ngàn vết dãn ngang dọc.

Bà chấp hai cánh tay cụt gần đến khuỷu vái ba cô gái và nói:

- Già chúc ba cô một đời may mắn. Chúc ba cô phú quý vinh hoa. Xin ba cô mở lòng cứu giúp. Nói xong bà lão chấp hai cánh tay cụt vào nhau chìa ra phía trước, kiêu như người lành ngựa hai bàn tay. Mắt bà lão nhòe rừ, màng, mộng phủ gần kín nửa con ngươi mở trừng trừng nhìn thẳng vào mặt các cô. Dường như đây là một cuộc thách thức lòng từ thiện của mấy cô gái trẻ.

Xúc động, Huyền Trân bước tới sát bên bà lão hỏi:

- Thưa lão bà, chẳng hay tai họa nào đã đến, khiến lão bà mất cả hai bàn tay? Và chẳng con cái của lão bà đâu mà để lão bà phải đi kiếm ăn độ nhật thế này?

Bà lão giật thót hai tay lại. Mắt bà tối sầm. Nước da sạm nắng trở nên tái ngắt. Môi run run. Một lúc sau đôi môi ấy mới mấp máy. Bà lão nói thều thào:

- Già vốn làm nghề bán nước bên bến sông. Ngày nọ giặc Thát xâm lấn bờ cõi. Đức vua bỏ cáo từ tiểu hoàng nam đến đại hoàng nam đều phải xung vào cơ ngũ. Thân góa bụa, có hai đứa con trai đều đi đánh giặc cho vua cả. Già vẫn bán nước tại bến sông quê. Một hôm có đoàn quân thất thủ từ Thăng Long rút về qua bến sông này. Lão cứ nhìn mãi xem có thấy mấy đứa con lão không, nhưng chẳng gặp một đứa nào. Chừng nửa khắc canh thì quân Thát âm ầm kéo đến. Phải nói là chúng nó đi như voi đi. Vườn tược, cây cối, nhà cửa chúng đốt phá, dầy xéo tan hoang hết cả. Mấy đứa vào hỏi lão: "Có thấy đoàn quân chạy trốn qua đây không?". "Có đấy". Lão trả lời.

- Nó chạy hướng nào? Chúng quát.

Đáng lẽ chỉ theo hướng đoàn quân chạy, thì lão lại chỉ về hướng có gài bẫy chông, bẫy đá.

Quân Thát hùng hổ đi về hướng có giăng bẫy. Chúng bị thụt hàm, thụt hốc, chết quá nửa. Chắc là chúng nó căm lắm. Khi trở lại, chúng đốt quán, trói lão lại rồi chặt hai bàn tay. Giặc Thát diệt xong rồi, nhưng các con lão không

một đũa nào trở lại. Lão bị giặc đốt nhà, đốt quán, lại không có tay, nên đành phải sống như vậy. Nói ra cực đủ trăm đường. Xin các cô rủ lòng làm phúc.

Cảm thông với hoàn cảnh của bà lão, công chúa nói:

- Chị em tôi không mang tiền theo. Nhưng tôi có cái này xin giúp lão bà.

Vừa nói, Huyền Trân vừa nong hai tay vào trong cổ áo tháo chiếc vòng ngọc bích nạm vàng. Đúng lúc bà lão chia hai cánh tay cụt ra. Bà vội rứt cánh tay lại như vừa chạm vào lửa. Chiếc vòng rơi xuống đất, lăn quay rồi đổ ngã. Bà lão thất vọng xua tay:

- Giả ơn các cô.

- Ô kia lão bà. Tôi biết lão bà thật mà. Công chúa ngờ ngác tưởng lão bà sợ bị đánh lừa.

- Tôi biết cô có lòng cho tôi thật. Nhưng ích gì đâu. Ví bằng tôi nhận của cô, hẳn nhiên bọn trộm cướp không để tôi yên. Dầu bọn trộm cướp có để tôi yên, thì các quan lớn, quan bé ở đây cũng không để tôi yên. Họ lại cướp mất. Khéo không ức quan còn cho ngồi tù. Bà lão ngửa mặt lên trời chấp hai cánh tay cụt, vái chơi vơi. Bà thở dài, nói tiếp:

- Tôi lấy gì chống lại họ. Bọn trộm cướp, bọn quan nha ấy. Của hại người như chơi. Nói rồi bà lão quay quắt đi, không một lời cảm tạ.

Trước đó ai cũng bảo bà lão "dở người", "dại". Ai cũng xui bà "cứ nhận chiếc vòng đi". Nhưng khi nghe bà giải bày nông nỗi, ai cũng nhận điều bà nói là chí lý.

Bà lão bỏ đi, công chúa bàng hoàng như người bị lấy mất hồn. Vừa xúc động, vừa tủi. Huyền Trân òa khóc.

Bích Huệ dẫn Huyền Trân và Thúy Quỳnh ra khỏi chợ, thấy dòng người tuôn đổ về hướng Tứ Mạc cũng đi theo. Phần đông là các cụ lão ông. Có cụ đầu bạc trắng, tay chống gậy trúc, thùng thẳng bước đi. Có cụ lưng còng rạp xuống phải bám vào chú tiểu đồng, dò dẫm từng bước. Loáng thoáng có những nhà sư vận áo cà sa dài quét đất, đầu đội mũ hoa sen, tay chống thiên trụ, uy nghi như các đức Phật sống. Các tăng, ni, phật tử, trong vùng nườm nượp đổ về. Tất cả mọi người đều kéo nhau vào chùa Phổ Minh. Họ kháo nhau đi nghe nhà vua thuyết pháp. Huyền Trân nghĩ thầm: Chắc chắn vua cha đang đàn.

Khi mọi người đã tề tựu, Huyền Trân cùng hai nữ tì ngồi khuất sau gốc cây ngâu phía sân chùa, để nghe nhà vua giảng đạo. Một lát, Trần Nhân tôn xuất hiện. Nhà vua đi trong tiếng A di đà râm ran như tiếng cầu kinh của các phật tử. Vua Nhân tôn đang đàn với tất cả y phục của vị tu hành. Ngài vận chiếc cà sa màu vàng, đầu đội mũ hoa sen, tay cầm thiên trụ. Ngài đứng ngay dưới chân bệ tượng Phật Thích-ca mà nói. Nhà vua có dáng người hơi nhỏ. Khuôn mặt phúc hậu, đôi mắt long lanh tỏa ra một sắc sáng xanh như người có huệ nhãn. Đôi tai to, vành tai dày và chảy

xuống như tai Phật. Nhà vua nói với các tăng già và bô lão trong vùng về sự thông nhất tín ngưỡng. Nhà vua không bài xích, không cấm đoán các tín ngưỡng khác. Người chỉ nói đến tính dung tục của đa thần giáo. Và trình độ sơ khai của dân thần và các tạp thần. Người khuyên mọi người nên hướng về đạo Phật. Có người hỏi về ý nghĩa xuất gia và tại gia của việc tu dưỡng khác nhau như thế nào. Người đáp:

- Mục đích của việc tu đạo là tu dưỡng vô dục, vô ngã. Việc làm dưỡng ấy quả là công phu lắm. Người tại gia cũng có thể đạt tới mục đích giải thoát. Khốn thay, thế gian vốn được xác lập trên nền tảng của dục. Cho nên, sống giữa thế gian mà tu dưỡng được vô dục, vô ngã là việc khó lắm, hiếm lắm. Bởi thế, người ta mới phải ý vào phép xuất gia, dứt bỏ ái ân phú quý, vinh hoa, trừ khử lòng ngã chấp, ngã dục để chuyên tâm tu đạo. Nhưng nếu ai ai cũng muốn xuất gia cả thì ở vào đâu mà tu. Việc xây cất chùa chiền tràn lan không phải là việc có lợi cho dân, có lợi cho đạo. Chùa là chốn để sư ở, chứ Phật đâu có ở chùa. Không ai có thể đem Phật nhốt vào chùa được. Và lại, việc tu đạo cốt ở tu tâm. Trước hết mọi người phải chính tâm mới tu được. Ta muốn đem cái lẽ bác ái của đạo Phật để thức tỉnh nhân tâm trong toàn cõi Đại Việt. Ta muốn mọi nhà, mọi người đều tu Phật, tức là tu tâm. Tâm thiện ấy chính là Phật. Nên chỉ mỗi gia đình phải thực sự hòa thuận, kính trên nhường dưới, bảo ban nhau làm ăn. Chớ có tin vào những điều nhảm nhí, dị đoan của bọn phù thủy đem từ Trung Quốc sang. Sao cho nhà nào cũng không phải lo đói, lo rét, lại còn dư dật ra chút ít để cứu giúp những người cơ nhỡ. Tức là mỗi gia đình đều có khả năng làm điều thiện. Nhà nhà đều no ấm, thuận thảo, hiếu nghĩa thì toàn xã hội không còn nạn trộm cắp, lừa đảo, bất hiếu, bất mục nữa. Khi mọi nhà đã no ấm, sẽ đua nhau làm việc thiện. Một xã hội đủ đầy, hiếu thuận là một xã hội có sức mạnh thần thánh, không còn lo sợ sự xâm nhập của ngoại bang nữa. Vua Nhân tôn nhìn khắp lượt mọi người rồi nói tiếp: - Ta muốn các chur vị bô lão, hào trưởng cùng tăng già hãy góp sức nhau lại làm cho sự đạo phát khởi. Làm sao cho quốc gia Đại Việt ta sẽ là một Niết bàn giữa trần gian.

Nhà vua đang say sưa thuyết giảng thì quan ngự sử trung tán Đoàn Nhữ Hài, cỡi con ngựa trạm chạy mệt sùi bọt mép, đang đứng giậm chân cồm cộp ngoài cổng chùa. Nhữ Hài được quan gia sai xuống kính báo cáo cho vua cha biết là có đoàn công sứ Chiêm Thành sang. Họ đã tới kinh đô.

# Chương IV

Vẫn nguyên trong bộ y phục hòa thượng mặc khi thuyết pháp, vua Nhân tôn ngồi trầm ngâm trong thế tọa thiền. Mắt ngài khê nhắm lim dim như khi ngài nhập định. Quan trung tán Đoàn Nhữ Hải mặt còn non choet như một gã thu sinh. Nhưng những nét lo âu và sương gió, đã gieo lờ mờ trên vầng trán cao của vị quan nhỏ tuổi này vài vết nhăn. Đoàn Nhữ Hải vẫn chấp tay cung kính đứng phía sau nhà vua. Lâu lắm không thấy Nhân tôn dạy bảo điều gì, quan ngự sử bèn nghĩ lại những điều mình đã tâu trình với đức vua, xem có gì sai sót khiến ngài giận. Miên man, Đoàn Nhữ Hải lại nghĩ tới hai năm về trước, cũng ở phủ Thiên Trường này. Bữa đó Nhữ Hải phải quì trước sân để dâng biểu tạ tội cho vua Anh tôn, suốt từ sáng sớm tới xế chiều. Trời mưa gió, sấm chớp mãi rồi thượng hoàng mới thương tình nhận biểu. Ấy là nhân ngày tết Đoan Ngọ. Có người dâng rượu xương bồ cất đã ngót trăm năm. Nhà vua vốn là người sành rượu, nhưng chưa hề được nếm một thứ rượu nào tinh khiết, thơm tho, ngọt dịu mà đậm đà đến thế. Ngài dùng hơi quá chén. Nên khi thượng hoàng từ phủ Thiên Trường về hỏi đến, cung nhân mới vào trong đánh thức, mãi nhà vua cũng không tỉnh được. Thượng hoàng giận bỏ về Thiên Trường ngay lập tức. Người xuống chiếu cho các quan trong triều, ngày hôm sau phải có mặt ở Thiên Trường để điểm mục. Ai trái lệnh sẽ xử tội. Lúc nhà vua tỉnh dậy đã quá nửa chiều. Khi biết mọi việc xảy ra, nhà vua hốt hoảng bỏ ra ngoài cung. Cơ may run rủi thế nào, vua lại gặp Nhữ Hải ở cửa chùa Tư Phúc. Biết Nhữ Hải là học trò, nhà vua bảo làm cho bài biểu tạ tội. Làm xong, nhà vua dẫn Nhữ Hải xuôi thuyền thâu đêm về đây. Bữa đó Nhữ Hải mới được thấy dung nhan thượng hoàng. Và cũng được thấy đức nghiêm khắc của người đối với việc nước, việc nhà. Thượng hoàng thét mắng nhà vua:

- Ta còn có con khác, cũng có thể nối ngôi được. Ta còn sống mà ngươi đã dám như thế, hưởng chi sau này?...

Chính từ sự việc đó mà Nhữ Hải - một anh học trò chân trắng được cất nhắc lên làm ngự sử. Cũng từ đó, Anh tôn suốt đời không bao giờ uống rượu nữa.

Chợt nhà vua mở bừng mắt ngoái lại nhìn Nhữ Hải:

- Vậy là khanh vẫn không chịu ngôi. Sao khanh không quì như năm trước dâng biểu cho quan gia. Đức vua mỉm cười vẫy Nhữ Hải ngồi xuống sập.

Nhữ Hải khép nép vái ba vái rồi mới ghé ngồi.

- Khanh có thấy thư phúc đáp của quốc vương Chiêm Thành gửi cho ta không? - Nhà vua hỏi.

- Tâu thượng hoàng, theo như thần được biết thì có. Nhưng đường xa, lại e có con mắt của người Nguyên nom dòm, nên quan gia muốn thỉnh thượng hoàng về kinh để thượng hoàng coi xét và chỉ giáo cho. Bẩm thượng hoàng, vì

thế mà đoàn công sứ vẫn còn nghỉ ngoài dịch quán, quan gia chưa tiếp.

- Cầm đầu sứ đoàn là ai, khanh có biết không?

- Bẩm thượng hoàng, cầm đầu sứ đoàn là quan Bò-đề (quan tể tướng), cậu ruột của quốc vương Chế Mân. Nhưng linh hồn của sứ đoàn lại ở nơi hòa thượng Du Già, chủ sự phái Phật giáo Đại thừa Chiêm quốc.

- Thế thì hay lắm! Nhà vua reo lên. Người không nén nổi niềm vui.

- Bẩm thượng hoàng, nhà sư lại cải dạng làm người thường.

- Sao khanh biết?

- Bẩm có tá thánh thái sư dò xét trong đám tùy tùng. Và có người của ta nhận mặt được nhân chuyên sang sứ Chiêm mấy năm trước.

- Ta chắc có duyên do uẩn khúc gì đây, chứ người Chiêm sai đủ thâm sâu như người Tống, người Nguyên để lừa ta? Khanh thất sắc diện của họ ra sao?

- Trình thượng hoàng, thần không dám võ đoán. Nhưng cứ xét về ngoài thì họ đến ta với ý đồ chân thực.

- Ta cũng nghĩ như khanh.

Đêm ngược thuyền về kinh, vua Nhân tôn cho Nhữ Hải đi cùng với thuyền ngự. Công chúa Huyền Trân được phép ở lại đi ngoạn cảnh vài bữa rồi thu xếp về sau. Vốn có lòng mến Nhữ Hải từ buổi y đội biểu tạ tội cho quan gia. Nhà vua muốn đàm đạo với gã thiếu niên này, xem kiến giải của y cao thấp ra sao mà được quan gia sai khiến.

Đêm hạ tuần, không trăng, không sao. Gió đông bắc tuy không gào thét như trong buổi trọng đông, nhưng cũng đủ lạnh tê tái cho những ai thiếu áo, thiếu chăn. Ngược nước lại ngược gió. Hai chục tay chèo vẫn không đẩy được con thuyền đi nhanh hơn. Người trưởng cơ hộ giá bèn phái bốn lực sĩ lên bờ kéo dây. Thấy người chèo người kéo vất vả, nhà vua bèn bảo với trưởng cơ rằng:

- Chỉ có một mình ta đi, mà hàng chục các người vất vả. Hãy neo thuyền lại, cho lính ngủ, sáng mai dậy đi cũng chưa muộn. Được nhà vua tỏ lòng thương cảm, tốp lính chèo thuyền càng chèo hăng hơn. Người trưởng cơ xin với nhà vua cứ cho đi, rồi ngày mai sẽ cho lính nghỉ. Dường như chưa an tâm, nhà vua lại truyền cho trưởng cơ hay rằng:

- Người nói với mọi người đi hộ giá đêm nay, ta sẽ thưởng cho mỗi người một tấm lụa đem về may cho vợ con. Trong các người ấy, có ai có cha mẹ già yếu phải phụng dưỡng, hoặc như có con nhỏ mà gia đình neo đơn, cứ thực tình tâu lên, ta sẽ cho về quê quán làm ăn.

- Người trưởng cơ và cả tốp lính hộ giá, tưởng như trước mặt mình là đức Phật hiện ra cứu khổ cứu nạn, chứ không phải đức vua nữa.

Nhà vua sai pha trà rồi gọi Nhữ Hải tới hỏi chuyện:

- Ta biết khanh không phải là kẻ xu phụ. Nên ta muốn hỏi khanh vài việc, có thể nào khanh nói vậy, không phải lựa ý tìm lời để làm đẹp lòng ta.

- Muôn tâu thượng hoàng, thần xin lĩnh ý - Nhữ Hải nói mà trong dạ vẫn chưa yên. Quan ngự sử quá trẻ so với tước vị này, tuy có học nhưng chưa qua khoa cử đỗ đạt, lại chưa từng trải việc đời mà nhiều kẻ độc miệng cứ gọi là "làm quan tất", nên chỉ mỗi khi nhà vua hỏi đến, vẫn có ý thèn thẹn, làm khuôn mặt đỏ ửng lên.

- Trong tình thế hiện nay, khanh có nghĩ rằng người Nguyên lại có ý dòm dòm thôn tính Đại Việt ta nữa không?

- Tâu thượng hoàng, theo thiên kiến của thần, không lúc nào người Nguyên thôi dòm dòm nước ta. Nhưng trong lúc này thì họ chưa thể nghĩ đến chuyện khởi binh thôn tính Đại Việt ta được. Là vì các tướng soái giỏi giang đã lần lượt qua Đại Việt, kẻ bị giết, kẻ bị bắt làm tù binh, kẻ thua đại bại, cho tới nay vẫn còn ngao ngán. Lòng thì căm uất muốn phục thù, nhưng trí chùng, lực kiệt. Còn loại tướng trẻ mới lên, tuy có hung hăng nhưng chưa trải qua chiến trận, cũng chưa dám nghĩ đến việc tiến binh sang Đại Việt. Và lại Trung nguyên tuy có tạm thời khuất phục, nhưng để gì người Trung Quốc cam tâm chịu làm thân chó lợn cho người Thát mải. Tuy họ thống trị Trung Hoa, nhưng thực ra họ đang cười trên lưng cọp. Sao có thể rảnh tay mà nhìn về phương nam. Tâu thượng hoàng, ấy là chưa nói đến hai lần động binh gần đây, họ hao tổn không biết bao nhiêu tiền của, lấy gì mà động binh lần nữa.

- Khanh nói rất hợp ý ta. Nhưng ta còn thấy một điều nữa khiến họ chưa thể động binh được, là các kế sách của họ đều thấp, đều lỗi thời và đã bị quân ta phá, mà kế sách mới thâm sâu, ảo diệu thì họ chưa kiến tạo được.

- Tâu thượng hoàng, quả đúng như lời thượng hoàng nói. Họ thua ta là thua về kế sách, chứ binh lực họ còn hùng hậu lắm. Kiến thức của thượng hoàng quá ưu thâm viển, kẻ tiểu sinh này còn nông cạn chưa hiểu được.

- Khanh thấy quan gia là người thế nào? Các quan đại thần vẫn võ từ việc cất nhắc, bổ dụng đến năng lực, tư cách của mỗi người, người thấy có gì đáng nói.

- Tâu thượng hoàng, việc thẩm định năng lực và tư cách các đại thần là việc quá lớn, tiểu sinh không đủ tư cách bàn tới, xin thượng hoàng tha tội. Nhưng có một việc thần xin thượng hoàng lưu tâm. Ấy là việc mở khoa thi chọn người tài để giúp rập nhà vua. Trước đây tiên đế từ năm Bính ngọ (1246, nhà Trần định lệ thi tiến sĩ cứ bảy năm một kỳ) đã định lệ thi tiến sĩ cứ bảy năm một lần. từ đó mở được bốn khoa. Khoa cuối cùng là vào năm Ất hợi (1275), tới nay đã ngót ba chục năm. Kẻ sĩ trong nước chán nản không muốn tiếp tục đi sâu vào con đường học vấn nữa. Vì họ không có chỗ tiến thân. Một nước mà kẻ sĩ không được coi trọng, làm sao có thể khai phóng được dân trí. Dân trí không khai phóng được thì làm sao có văn hiến? Các quan đại thần thì ở cương vị quá lâu mà không có sự thay đổi.

Lệ khảo khóa đã định mà không được tiến hành, để loại bỏ bớt những kẻ bất tài vô dụng. Thành thử những người già yếu, bất lực vẫn cứ khư khư nắm giữ quyền hành, người trẻ trung tài cán không được cất nhắc, nhân tài ngày một

hao mòn, thừa vắng.

Vua Nhân tôn gật gù như người nhắm nháp từng giọt mật đắng, mà viên ngọc sử trẻ tuổi này đã dửng cảm hiển dâng. Không phải nhà vua không nghĩ tới những điều Đoàn Nhữ Hài nói. Số người nắm quyền bính cao nhất trong triều hiện nay là những ai? Thực chất là các bậc cao niên vào hàng cha chú của đức vua. Những người này trong quá khứ thật sự có tài, có công lao lừng lẫy đánh giặc giữ nước. Nay lấy có gì xô hất họ đi được. Nhà vua đủ sáng suốt nhận thấy hàng ngũ quan lại trong triều, những người giữ các cương vị chủ chốt, hầu như không còn đủ năng lực điều hành bộ máy nữa. Họ nghĩ đến tư lợi quá nhiều, đua nhau xây dinh, lập phủ, sống xa hoa, đúng như lời lão bộc Đặng Dương nói. Còn việc mở khoa thi kén người tài, cũng là chuyện làm nhà vua khổ tâm. Đúng là kẻ sĩ lâu nay không có chỗ đua tài. Nhưng nếu mở khoa thi kén được người tài, phải bổ dụng họ vào các chức xứng với học vấn, học vị của họ. Một điều làm nhà vua đau lòng không kém, là người trong hoàng tộc ít chịu học hành rèn giũa. Nếu có mở khoa thi, lại người ngoài chiếm hết tam khôi (Các chức danh cao nhất trong hàng đại khoa: trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa). Nhà vua cố kìm nén những điều suy ngẫm đến lao lung. Người khẽ mỉm cười rồi thấp giọng phán:

- Các điều khanh nói, thuần là những sự thật đau lòng. Ta sẽ lưu ý quan gia. Song điều làm ta boăn khoăn nhất vẫn là việc bên ngoài. Phương bắc, như khanh đã nói, lúc này tạm thời không lo ngại lắm. Nhưng với ta, cái họa phương bắc là họa bao trùm. Họ là kẻ thù dai dẳng tiềm tàng của Đại Việt. Họ cũng là kẻ thù tri kỷ của ta nữa. Cho nên tâm lực của ta thường để vào mặt bắc. Còn mặt nam, theo ý khanh, nên như thế nào? Ta muốn mở đường hòa hiếu ở mặt nam để rảnh tay đối phó mặt bắc?.

- Bẩm thượng hoàng, thời Tam Quốc, Gia Cát Lượng với kẻ sách: Bắc cự Tào Tháo, đông hòa Tôn Quyền, nên đã giữ được thế chia ba thiên hạ. Nhưng lực của Ba Thục không hòa được, còn lực của Đại Việt ta dư sức tiến về phương nam. Thần thường thấy các bậc lão tướng, các bậc cân quắc bàn chuyện thừa thắng Đại Việt nên tiến về phương nam để mở mang bờ cõi. Chẳng hay ý của thượng hoàng thế nào?.

Vua Nhân tôn sầm mặt lại. Người ngoảnh nhìn ra sông. Lúc này trăng hạ huyền đã soi ánh lạnh mờ mờ trên dòng nước đỏ nhờ. Những người chèo thuyền chừng như đã thấm mệt, họ chèo uể oải. Mấy sợi dây kéo thuyền chừng võng xuống. Hẳn những người ở trên bờ cũng không còn đủ sức chạy bộ nữa. Nhà vua thâm nghĩ: "Ban tối ta mới bảo những người này, ai gặp cảnh ngộ khó khăn, ta cho về quê quán làm ăn. Nhưng nếu lại có chiến tranh, chắc ta phải nuốt trôi lời hứa. Mà họ thì có tội tình gì đâu".

Một thoáng im lặng, ngọn bạch lạp cháy gần tàn, ánh sáng leo lét làm cho cảnh trong khoang thuyền lung linh huyền ảo. Đoàn Nhữ Hài không nhìn thấy nét giận dữ hiện trên khuôn mặt nhà vua. Cũng may mà Nhữ Hài không nói tiếp cái ý tiến về phương nam. Phút im lặng nặng nề khiến Đoàn Nhữ Hài lờ mờ nhận ra, mình đã làm nhà vua phát



ý.

Vua Nhân tôn lại lên tiếng. Giọng nói của nhà vua như lạc đi:

- Ta không chấp nhận việc tiến về phương nam! Người thử nghĩ xem, nếu bây giờ người Nguyên cũng đặt chuyện tiến xuống phía nam, tiến vào Đại Việt thì sao? Kỹ sở bất dục vật thi ư nhân (Kỹ sở bất dục vật thi ư nhân. Chữ Hán, nghĩa là: Điều gì mình không muốn thì đừng bắt người khác muốn). Người nhân nghĩa không thể vô cớ cất quân đi xâm lấn bờ cõi người khác. Ngừng một lát, giọng nhà vua lúc này vang lên ảm áp như lúc ngài thuyết pháp. Ngài nói với vẻ như răn dạy:

- Nhữ Hải, khanh còn trẻ mà đã được cất nhắc. Song khanh đừng sớm vội ý vào tài năng mình mà quên điều nhân nghĩa. Ta khuyên khanh phải tĩnh tâm lại. Phải hằng tâm suy nghĩ về điều thiện. Phải làm nhiều việc thiện. Nếu không lấy cái thiện để chính tâm, thì ở vào vị thế quan chức như khanh, dễ sa vào bể dục, để tự mình biện hộ cho mình mỗi khi làm điều ác.

Nhà vua như cảm thấy mệt mỏi, ngài tựa vào khuôn gối xếp thiu thiu ngủ. Ánh nến tắt lịm. Khoang thuyền tối om.

# Chương V

Tỉnh giấc, vua Nhân tôn không biết mình đã thiếp ngủ đi từ lúc nào. Khoang thuyền sẫm tối như trong hang. Không gian tĩnh mịch, nghe rõ cả hơi thở của từng người nằm rải rác đó đây. Lại nghe rõ cả tiếng nước vỗ nhẹ mạn man ngoài mạn thuyền, như trẻ thơ vầy nước trong chậu tắm.

Nhà vua mở nhẹ tấm chăn bông, đoạn khoác chiếc áo ngự hàn lên tấm thân mảnh mai như thân hạc, rồi ngài ló nhìn ra ngoài trời. Ánh trăng tan loãng trong sương. Vành trăng thu nhỏ lại như một chiếc lưỡi hái. Nhìn vành trăng, nhà vua biết trời đã về sáng. Ngài cúi nhìn dòng sông đen xín, loáng thoáng vài đốm sao rơi trên mặt nước, khiến dòng sông như một tấm vải màu chàm, cải lưa thưa những chấm hoa trắng li ti.

Viên quan nội hầu đang ngủ say, chợt gió xộc vào mũi y một mùi hương quen thuộc làm y choàng tỉnh, và hốt hoảng lao về phía mũi thuyền. Thấy thượng hoàng trầm ngâm ngắm cảnh trời, nước, y vội lên tiếng:

- Tâu, ngoài này sương giá, xin thượng hoàng bảo trọng.

Nhà vua miễn cưỡng quay vào.

Viên quan nội hầu đã kịp khơi bạch lạp và đặt siêu nước lên chiếc hỏa lò đang bén lửa.

Vua sai đánh thức quan ngự sử trung tán Đoàn Nhữ Hài dậy thưởng trà.

Nhữ Hài khép nép đứng hầu:

Vua chỉ tay vào góc đệm gấm:

- Ngồi xuống! Nơi thuyền bè chật chội mà sao khanh thủ lễ một cách thái quá. Ta miễn lễ, khanh cứ tự nhiên cho thoải mái.

- Đa tạ thượng hoàng gia ân. Đoàn Nhữ Hài nói nhỏ, vừa đủ để nhà vua nghe, rồi chàng ghé ngòai nơi mép đệm.

Vua Nhân tôn đã gặp, đã trò chuyện với Đoàn Nhữ Hài đôi lần. Nhưng lần nào cũng vội vã bởi công việc chi phối. Và lại chàng cũng khép nép giữ ý, nên không bộc lộ được tâm tính một cách hồn nhiên.

Duy lần ta gặp Nhữ Hài ở chùa Siêu Loại, có lẽ đến gần hai canh giờ. Qua trò chuyện, ta biết Nhữ Hài là người có tài. Và quan gia cất nhắc như vậy cũng là một sự mạnh tay. Nay đã được vài năm, ta muốn kiểm xét lại Nhữ Hài, xem y đã tinh tấn ra sao.

Lần này Nhữ Hài ở ngay bên cạnh, gần gũi, thân mật, nhà vua muốn tự mình thăm dò ý tứ sâu nông, xem kiến văn và cả sự từng trải của một quan lớn nhỏ tuổi, được quan gia sai khiến thế nào. Không những nhà vua muốn kiểm xét tài năng và nhân cách của Đoàn Nhữ Hài, mà ngài còn muốn kiểm xét cả trí sáng suốt của Trần Anh tông trong việc

dùng người. Bởi việc dùng người chính là thước đo năng lực của bộ máy cai trị. Mà bộ máy cai trị lại chính là thước đo về sự mạnh yếu của một quốc gia. Vì rằng, nếu bộ máy cai trị dùng được nhiều người tài đức nơi triều chính tới các phủ, lộ, châu, quận và cả hương ấp nữa, thì nước không mạnh là điều xưa nay chưa từng thấy. Trái lại, những kẻ bất tài, vô hạnh, tham bản ngự trị nơi triều chính và lẫn khuất khắp mọi nơi, thì nước không suy yếu rồi sụp đổ cũng là việc xưa nay chưa từng thấy. Thế nhưng bộ máy cai trị của một quốc gia mạnh hay yếu, tốt hay xấu, lại hoàn toàn phụ thuộc vào sự anh minh và đức độ của người đứng đầu quốc gia đó, được thể hiện qua việc sử dụng nhân tài. Tuy đã trao quyền trị quốc cho Anh tông từ năm Quý mùi (1293), và ngài đã xuất gia tại hành cung Vũ Lâm từ tháng 6 năm Ất Dậu (1295), nhưng ngài vẫn giám sát việc điều hành triều chính của Anh tông.

Hai cây bạch lạp thi nhau tỏa sáng. Ánh sáng soi tỏ cả một khoang thuyền đã được ngăn bằng những tấm ván thưng. Nói rằng thuyền ngự, nhưng Nhân tôn không cho phép trang hoàng xa xỉ. Chỗ ngài nằm chỉ trải tấm nệm gấm màu huyết dụ đã cũ lấm. Mép đệm đã xơ, mặt đệm loáng thoáng có một vài lỗ thủng để lộ màu bông trắng nhòe. Bên chông gối xếp có mấy cuốn kinh Phật, một ống gỗ mun đen nhứt cắm vài ngọn bút lông và nghiên mực cạn. Ngoài ra, còn có chiếc tráp nhỏ và bộ đồ trà.

Đoàn Nhữ Hải ngồi đối diện với nhà vua, nhưng trong lòng đang nghĩ về những công việc mà chàng đã trải từ mấy năm nay. Và cả việc chàng được cất nhắc mà chính chàng cũng khó tin. Từ một anh học trò mặt trắng, bỗng trở thành một ngự sử trung tán; ở chức chưa được vài năm lại thăng bổ Tham tri chính sự, tham dự chính phủ. Tuổi trẻ, chức quan vượt trên cả các bậc cổ lão đại thần, Đoàn Nhữ Hải cảm như có một mối hiểm nguy mơ hồ, lúc nào cũng rình rập, khiến chàng canh cánh lo âu. Đôi lúc, chàng đã mạnh dạn thổ lộ với Anh tông.

Nhà vua mỉm cười độ lượng, vỗ vào vai Nhữ Hải nói lời an ủi:

- Khanh đừng lo người khác ghen tị, hoặc chọc hại Khanh. Mà hãy lo làm cho thật tốt phận sự của chính mình. Theo ta, đó là cách phòng vệ tốt nhất. Có như thế mới không phụ lòng ta tin cậy, và mới bịt được miệng những kẻ xấu bụng luôn nghĩ bậy cho người khác.

Chàng cứ đuổi theo những hình ảnh từ buổi sơ ngộ với đức Trần Anh tông, tới việc chàng theo hầu nhà vua, và được cất nhắc vào quan chức triều đình trong mấy năm qua. Nhưng mắt chàng lại dừng nơi đôi bàn tay viên quan nội hầu với cách thức y chế trà.

Chao ôi, sao mà ông ta làm các việc nó ngon lành và thuần thực như vậy. Đến nỗi Nhữ Hải có cảm giác như ông ta được sinh ra cuộc đời này để chỉ làm có mỗi một việc là chế trà.

Ông ta bày bộ đồ trà ra từ lúc siêu nước mới réo sôi. Đồ trà là một thứ đồ gồm Bát Tràng. Một chiếc ấm song ấm màu thủy hồng độc sắc, có một đường viền chìm bằng hoa cúc dây quanh miệng ấm. Bốn chiếc chén cũng màu

thúy hồng nhưng có trình bày một dây hoa cúc chạy chìm quanh miệng chén. Mặt trong chén được láng men trơn màu trắng. Bốn chiếc chén bày trên một đĩa có chân đế. Mặt ngoài đĩa láng men thúy hồng, mặt trong men trắng độc sắc có một đường viền quanh đĩa bằng dây hoa cúc chìm trong men. Một chiếc chén cái, cũng gọi là chén chuyên hình thuôn, có chân đế cao, dáng khỏe, men và hoa lá trang trí y hệt bốn chiếc chén quân bày trong đĩa. Tất cả đều được đặt trên chiếc khay gỗ trơn hình vuông. Một lọ trà to bằng hai chiếc chén cái, màu sắc trang trí như cách trang trí chén và đĩa.

Kỳ lạ là y vừa bày xong các thứ khay chén ra, thì siêu nước cũng réo sôi. Y khéo léo tráng ấm bằng chén nước sôi rồi lảo chè ra lòng bàn tay để cho vào ấm. Lại chế nước sôi vào bình trà, rồi rót nhanh nước đó vào bát thả bã chè. Đó là nước rửa chè, để nếu như có bụi bẩn bám dính vào trong khi sao sậy trà, sẽ được khử bỏ hoàn toàn. Y pha hãm liền ba nước, đều trót vào chén cái. Còn cách chùng một hạt thóc nữa thì nước chớm vành dây hoa cúc phía trong miệng chén. Tráng lại nước sôi mấy chiếc chén con một lần nữa, viên quan nội hầu chuyên trà từ chén cái sang; màu trà xanh sánh như mật ong, trong như hồ phách, không hề gợn một mảy cần chè.

Đoàn Nhữ Hải đã được hầu trà ông nội, lại cũng được hầu trà quan quốc tử giám tư nghiệp, hỏi theo học trong trường Giám, nhưng chàng chưa thấy có một ai pha trà khéo tới mức tinh tế như viên quan nội hầu này. Từ việc rót nước sôi vào ấm, rót trà ra chén cái, lại chuyên trà sang các chén quân, chàng không hề thấy một giọt nào trào hoặc sánh, hoặc rơi ra ngoài. Vậy mà ông ta đã già, các đường gân đã nổi chằng chịt như những con giun trên mu bàn tay, và gương mặt dãn deo những đường hằn ngang dọc. Cặp lông mi thưa, vểnh ra những sợi dài bạc trắng. Mái tóc giấu kín trong chiếc mũ bò dài bằng gấm đỏ. Ông có khuôn hình nhỏ thó nom hao hao lão Dương ở trong cung, đã từng theo hầu thượng hoàng và thái thượng hoàng từ hồi chống giặc Thát năm Giáp thân (1284).

Viên quan nội hầu mà thực ra y là một lão bộc hết đời trung thành, khom lưng dâng chén trà đang bốc khói lên thượng hoàng.

Nhà vua đỡ lấy chung trà, nói:

- Ta ban cho quan Tham tri một chung trà, khanh rót đi:

Vừa bê trà cho Đoàn Nhữ Hải xong, quan nội hầu định lui ra phía mép cửa khoang thuyền chờ sai khiến. Bỗng giọng nói êm nhẹ của nhà vua lại cất lên: - Ta cũng ban cho khanh một chung. Khanh tự rót lấy. Nào, ta cùng uống cho vui. Nhân tôn vừa nói vừa đưa chung trà lên môi nhấp.

Tới lúc này Đoàn Nhữ Hải và viên quan nội hầu mới dám nâng chung trà lên tay. Mùi trà thơm bốc theo khói xộc vào mũi, khiến Nhữ Hải có cảm giác nhẹ nhàng, khoan khoái. Nhưng chàng không phân biệt được đây là hương của loài hoa nào, hương của loại trà nào. Sự thật quan tham tri mới ngoài hai chục tuổi. Phần lớn tuổi trẻ của chàng đều

dùng vào việc học hành, rèn trí và rèn đức. Chưa có thi giờ, và cả không có tiền bạc thưởng thức những thú vui như trà lâu, tửu quán. Vì vậy quan ngài thưởng trà, thưởng rượu cũng không khác chi đám trai nghèo lam lũ uống nước mưa bằng gạo dè.

Đợi cho Nhữ Hải uống xong, vua Nhân tôn mới ném về phía chàng một nụ cười và hỏi:

- Khanh thấy lão Tá pha trà thế nào? Và hương vị trà của ta có làm khanh hài lòng?

- Tâu thượng hoàng, Nhữ Hải nói, gương mặt chàng ửng đỏ lên vì ngượng. - Xin thượng hoàng tha tội. Thần...

Thần không biết nói thế nào. Vì ở nhà, thần chỉ có uống nước vối thôi ạ.

Vua Nhân tôn bật ra tiếng cười sáng khoái. Nhà vua phải lấy tay ôm bụng để cho cơn cười hạ xuống.

Về hài lòng:

- Hay lắm, khanh không có lỗi có tội gì cả. Ta mừng vì khanh còn giữ được sự trong sáng của thời học trò, chưa bị lây nhiễm các thói tật của đám quan lớn. Ước gì bộ máy cai trị của ta, mọi người đều có được phẩm hạnh như khanh. Tệ lắm, ta biết cái đám quan lớn kia, không thiếu kẻ lê la hết trà đình, tửu điểm đến lầu ca kỹ viện, ngón nào cũng tinh ranh như ma. Sau các ngón ăn chơi đó là các mưu ma chước quỷ, dối trên lừa dưới, móc mỏ móc họng dân lành.

Đoàn Nhữ Hải nghe nhà vua nói, và nghiệm trong hàng các quan lại mà chàng được biết, phần đông trong số họ đều có đủ các phẩm chất hệt như vua nói.

Về thân mật, thượng hoàng lại bảo:

- Ta nói để khanh biết, vì có khanh nên ta mới sai lão Tá chế trà ngon, chớ riêng ra, từ ngày xuất gia, ta chỉ dùng lão mai trà, hoặc dùng trà vối như khanh thôi.

Đoàn Nhữ Hải rung rung cảm động. Chàng tự nhủ: "quan gia biệt đãi ta, còn thượng hoàng lại ưu ái ta. Những trọng ân ấy biết lấy chi báo đáp ngoài sự tận lực đối với công việc và tấm lòng trung của ta đối với non sông đất nước".

- Này Nhữ Hải, khanh có nghe dân chúng và cả quan lại đàm tiếu, dị nghị về việc ta xuất gia không?

- Tâu thượng hoàng, trong dân chúng cũng như quan lại, đàm tiếu thì không, nhưng dị nghị thì có.

- Chẳng hay họ dị nghị gì về ta? Khanh nói thử ta nghe.

- Tâu, họ thường nói bệ hạ là người tài đức chói ngời, công trùm thiên hạ. Hai lần cầm quân đánh tan lũ giặc Mông - Thát có sức mạnh ngang trời đất, cứu giang sơn khỏi cái họa diệt vong. Thế mà lại bỗng dung xuất gia.

- Mọi người nghĩ thế là phải. Bởi cái mong muốn thường tình ở cõi thế gian này, là quyền cao chức trọng và của cải. Cả hai thứ ta đều có, bỗng chốc lại buông hết. Thế gian ít kẻ hiểu được lòng ta. - Gương mặt nhà vua an nhiên tự

tại, không lộ vẻ vui buồn. Đoạn nhà vua như chợt nhớ ra, liền hỏi: - Riêng khanh, khanh nghĩ thế nào về việc ta xuất gia?

Câu hỏi bất chợt của thượng hoàng khiến Đoàn Nhữ Hài lúng túng. Thật tình, đôi lúc chàng có nghĩ tới, nhưng chưa bao giờ chàng lại ngờ tới một tình thế khó xử như thế này. Đành liều! Chàng tự nhủ. Và cứ thực tình tâu bẩm, chắc thượng hoàng không vì thế mà trách phạt ta. Nghĩ vậy, chàng bèn thưa:

- Xin thượng hoàng tha tội. Chính thần cũng không hiểu, vì sao thượng hoàng xả bỏ một cách nhẹ nhàng những thứ mà cả thiên hạ khát khao kiếm tìm. Thần lại nghĩ, chắc thượng hoàng phải vì một cái gì lớn lắm, thiêng liêng lắm, không cho riêng bản thân ngài, mà cho cả trăm họ, không chỉ cho ngày nay mà cho cả muôn sau. Dạ, đó là tất cả những gì mà thần nghĩ, hiểu trong việc thượng hoàng xuất gia.

Vua Nhân tôn biết đằng sau những lời nói kia là cả một tấm lòng chân thực. Giọng nhà vua trở nên ấm áp:

- Ta phải cảm ơn khanh về những điều khanh nghĩ về ta. Song, quả thực những người nghĩ được như khanh hiếm lắm. Ta biết, số đông họ nghĩ về ta khác kia. Họ cho là ta giả dối. Tu vờ. Mà tu chỉ là cái có để đi khắp nước dò tìm kẻ đối nghịch với triều đình. Cũng có người tin là ta đi tu thật. Nhưng họ lại nghĩ, một ông vua đi tu vẫn còn sướng hơn chán vạn người khác. Ôi cái thân tứ đại thì có gì khác nhau giữa vua chúa với chúng dân. Còn như lấy miếng ăn miếng uống ra để so bì cao thấp, thì đó là một thứ nghĩ suy hạ cấp của những loài súc sinh chưa tiến hóa.

Tuy vậy từ ngày xuất gia, ta bỏ hài nhung, hài gấm, mà chỉ đi dép cỏ, bỏ áo lông áo gấm vận xô gai, bỏ trà thơm uống nước vối, hoặc chè gổ mai ra pha hãm làm nước uống thay trà; bỏ thịt cá, sơn hào hải vị dùng cơm chay. Ta không phải gò mình ép xác sống khổ làm gì. Nhưng ngay cả khi ăn nem công chả phượng, hải sâm, yến sào, ta cũng có cho nó là sang là quý đâu. Chẳng qua chúng cũng chỉ là các đồ giả thực, nuôi sống tâm thân giả hợp của ta thôi chứ có gì ghê gớm đâu.

Trầm ngâm một lát, vua Nhân tôn thả cái nhìn ra ngoài trời lúc này sương đã tan loãng, bóng sao đã lặn chìm, phương đông hơi loe lóe một ráng hồng. Bất chợt nhà vua lên tiếng:

- Này Nhữ Hài! Có phải khanh nghĩ, việc ta xuất gia vì một cái gì lớn lắm, thiêng liêng lắm, không cho riêng bản thân ta, mà cho cả trăm họ, không chỉ cho ngày nay, mà cho cả muôn sau. Có phải đúng là khanh nghĩ thế hay khanh nghe ai nói thế, hay là khanh đã đọc ở sách nào?

Nhữ Hài ngưng chín người về câu hỏi có vẻ hoài nghi của thượng hoàng. Từ nãy, chàng vẫn ngắm thượng hoàng giấu tấm thân nhỏ nhắn trong cặp áo nâu sòng nhà tu. Nơi cổ ngài đeo chuỗi hạt bồ đề, mỗi viên to bằng đầu ngón tay cái. Và trên đầu, ngài trùm chiếc mũ vải kết gút nom như đầu các vị bụt ồ. Toàn thân ngài toát lên vẻ dung dị, dẫu ta có nằm mơ cũng không nghĩ rằng đó là một vị quốc vương rất đỗi anh hùng vừa cởi áo giáp, trút hoàng bào, bỏ

vương trượng, để khoác lên mình tấm áo cà sa, và nắm lấy cây thiền trượng đi thuyết giáo khắp nơi, kể cả thôn cùng xóm vắng. Chàng bèn lên đáp lời:

- Tâu, điều thần nghĩ là bắt nguồn từ các việc mà thượng hoàng đã làm.

- Khanh nói thử các việc ấy ta nghe.

- Muôn tâu, đó là thượng hoàng đi khắp cõi thuyết pháp, khuyên bảo dân chúng tu tâm dưỡng tính theo yếu chỉ của đạo thiên, không tin nhảm nhí, không thờ bùa bãi các tà thần, dâm thần, tạp thần. Mỗi người hãy tự tin ở mình, khai phóng nội lực, làm chủ bản thân, làm chủ xã hội, không vọng tưởng, không cầu tìm tha lực. Tâu thượng hoàng, theo ngụ ý của thần, thì đó là một công cuộc đại khai trí cho toàn dân, thông qua việc giáo hóa của bộ hạ về ngũ giới và thập thiện, tiến tới một ngày nào đó bộ hạ sẽ khai ngộ cho toàn dân tộc.

Vua Nhân tôn hết đỗi xúc động về những lời nói không khoa trương, không xu nịnh của Nhữ Hải. Nhà vua có cảm nhận như người này có phần nào được khai ngộ bởi cái trí vô sư đã xuất hiện nơi chàng. Nghĩ vậy, nhà vua bèn dẫn dụ để chàng hiểu thêm về các công việc ngài làm, và cũng có ý muốn khai ngộ thêm cho chàng, bởi chàng là một quan lớn chặn dân. Vua nói:

- Nếu những kẻ chặn dân vừa có trí tuệ, vừa có lòng nhân, đức thiện thì dân được nương tựa, mà đạo của ta cũng có đường vào.

Ta nhớ trong lịch sử truyền giáo, đức Thích-ca-mâu-ni đã ao ước thu nạp được nhà học giả minh triết Xá-lợi-phất như thế nào. Và khi ngài Xá-lợi-phất viên tịch, Phật đau đớn thốt lên: Ôi, đạo của ta trống rỗng!. Nghe qua ý tứ của nhà vua, Đoàn Nhữ Hải biết nổi khát khao cháy bỏng của ngài, là muốn bộ máy cai trị của ngài tóm đầu được nhiều người trí, người tài đức. Bởi người dẫn dắt dân lành mà là kẻ bất trí, bất thiện thì y sẽ biến cả xã hội thành một tổ quí khổng lồ. Và lại, trong dân gian vẫn thường nói: Một người biết lo bằng một kho người làm. Vậy đó, theo ý nhà vua, quyền dẫn dắt dân chúng không thể trao vào tay những kẻ ngu khờ, ác hiểm. Và chàng tự nhủ: Chắc ta chưa đạt được mức người trí như đức vua mong muốn. Tuy vậy, ta cũng không phải hạng ngu khờ, song ta quyết không phụ lòng ngài trông đợi.

Im lặng một lát, như để cho Đoàn Nhữ Hải kịp lãnh hội cái vi ý của ngài, nhà vua lại hỏi:

- Vậy chớ khanh có còn hoài nghi gì về những việc ta làm, những điều ta nói?

- Tâu bệ hạ, thần cứ tự hỏi, tại sao lúc này bệ hạ lại hỏi thúc việc rao giảng ngũ giới và thập thiện đến thế?

Thoáng gợn một chút gì đó trên gương mặt bình thân của nhà vua. Đoạn ngài chậm rãi:

- Không phải chỉ lúc này ta mới rao giảng về ngũ giới và thập thiện. Nhưng lúc này ngũ giới và thập thiện là cứu cánh cho xã hội. Khanh không thấy hiện tình xã hội ta đang mắc vướng điều gì sao? Chẳng lẽ khanh không thấy trong

ba năm liền, đất nước ta phải đương đầu với hai cuộc xâm lăng tàn khốc do giặc dữ Mông - Thát tràn vào các năm Ất Dậu (1285) và Đinh Hợi (1287), mỗi lần tới hơn năm mươi muôn (500.000) quân sao?

Như sự nhớ ra, Nhân tôn à lên một tiếng:

- Phải rồi, ngày ấy khanh còn nhỏ quá. Mới chỉ hơn 10 tuổi. Phải, khanh có phải đi chạy giặc. Có biết khổ và cả biết hãi sợ nữa. Nhưng thức nhận về tầm nguy hại của cuộc chiến, ta chắc ngày ấy khanh chưa biết.

Khanh chưa thể hình dung ra sức mạnh của 50 muôn quân với ngựa chiến, tàu thuyền cùng khí giới tinh nhuệ nhất, với các tướng tài lừng danh của một đội quân bách chiến. Chưa cần phát tác oai lực, chỉ cần 50 muôn quân ấy đi qua nơi nào, lập tức biến nơi ấy thành vùng đất chết. Bờ nhà cửa sẽ cháy rụi hết. Cây cối đổ nát hết. Ngay cả trên đường đi cũng không còn một cọng. Đội quân có sức mạnh trùm sông núi ấy, với chính sách tam quang tảo dãng vô cùng tàn bạo. Nghĩa là đi đến đâu chúng đốt hết, giết hết, và cướp phá hết. Bởi thế, tất cả những nơi chúng đã đi qua đều ngợp chìm trong máu và lửa. Bước chân chúng đặt tới đâu là biến nơi đó thành vùng đất chết.

Hai cuộc chiến kinh hoàng làm vậy, ụp lên đầu một đất nước nhỏ yếu với chưa đầy bốn triệu dân, trong vòng ba năm giời. Người yếu bóng vía, chỉ nghe tiếng quân reo, tiếng ngựa hí của giặc cũng vỡ mặt ra mà chết, nói chi đến việc đánh lại chúng. Ấy thế nhưng người mình đã dám kinh công, và đã thắng. Do gồng sức lên trong cuộc chiến, nên hậu chiến nảy sinh không biết bao tai họa, và cũng không biết bao nhiêu công việc phải làm. Nào bệnh tật tràn lan. Nào phải xây dựng lại nhà cửa. Nào phải khôi phục lại những đất đai hoang hóa trong những năm biến loạn. Nhưng bi thảm nhất vẫn là không khí tang tóc trùm phủ khắp non sông đất nước. Nhiều nhà, giặc tàn sát không còn sót một sinh linh. Nhiều làng, giặc triệt hạ thành bình địa. Mồ mả cha ông, giặc cuốc đào.

Có thể nói, nỗi bất hạnh do chiến tranh đem lại được chia phần một cách không đồng đều cho mỗi gia đình, mỗi thân phận trong cả nước. Nó không chừa, không tránh một ai. Ngay cả hoàng gia và hoàng tộc cũng thế thôi, cũng phải chịu tang tóc và đắng cay muôn nỗi. Trong lúc thế nước lâm nguy, buộc ta phải thuận lòng đưa hoàng cô An Tư vào nộp cho tướng giặc Thoát-hoan, để làm thư quốc nạn. Rồi hoàng cô cũng thác trong đám loạn quân. Quốc thúc Trần Ích Tắc thì đem cả nhà về hàng giặc, trong lúc thế giặc đang mạnh như vỡ đê trời. Giặc đánh vỡ mặt trận phía nam, toàn quân ta và cả triều đình đều ở trong vòng vây giặc, thì người anh em thúc bá Trần Kiện, đem cả một muôn quân đi đầu hàng giặc. Y còn tự thân dẫn đường cho giặc truy đuổi quốc thúc thượng thái sư Trần Quang Khải. Nghĩa đệ của ta, tiểu tướng quân Trần Quốc Toản thì hi sinh trên đường truy đuổi giặc, ở bờ bắc sông Như Nguyệt trước ngày quân ta toàn thắng chỉ có một hôm. Ôi, còn bao chuyện đau lòng khác, kể sao cho xiết. Lại theo đó, nảy sinh biết bao điều bất như ý khác.

Nhữ Hải, khanh biết đấy, trước chiến tranh, dân ta sống chất phác, hòa hiếu biết dường nào. Nay thì nạn cướp



của giết người lan tràn từ kinh thành đến cả xóm thôn thưa vắng. Trong nhiều gia đình, kỷ cương, hiếu đễ lộn đảo: con giết cha, vợ giết chồng, cháu con hỗn láo ngược đãi ông bà, cha mẹ vì đói nghèo, vì túng quẫn. Anh chị em đánh giết nhau vì tranh đoạt một chiếc niêu đất, một bó rơm. Phải, những thứ đó là hậu quả của chiến tranh. Vì chiến tranh làm cho con người quen lờn với máu, lửa, giết chóc và tàn bạo.

Trước tình cảnh đau lòng ấy, khanh bảo ta làm cách nào để trục bỏ những thứ đó ra khỏi đời sống xã hội? Ta nghĩ, chỉ còn cách giáo hóa ngũ giới và thập thiện cho mọi người. Nếu nhà nhà đều thức nhận được về ngũ giới và thập thiện; nếu người người làm theo ngũ giới và thập thiện thì chẳng bao lâu cái ác phải lui dẹp. Làm như vậy, là ta muốn hỗ trợ cho quan gia đang ráng sức lo cái ăn, cái ở và học hành cho trăm họ. Ta nghĩ, nếu chuyên xoay được cả phần thế tục và tâm linh cho bách tính, thì chỉ ít trong vòng từ 5 đến 10 năm nữa, nước ta mới có cơ phát khởi trở lại, cường thịnh trở lại.

**(Ngũ giới :** Năm điều răn cấm của Nhà Phật: Không sát sinh. Không trộm cắp. Không gian dâm. Không nói càn, bậy. Không uống rượu.

**Thập thiện:** Gồm ba thứ: Thân thiện nghiệp do sự hành động của thân thể gây ra. Khẩu thiện nghiệp do nơi lời nói gây ra. Ý thiện nghiệp do nơi ý nghĩ, tư tưởng gây ra.

- Ba nghiệp thuộc về thân: Không sát sinh, Không trộm cắp, Không tà dâm.

- Bốn nghiệp thuộc về lời nói: Không vọng ngữ (nói dối), Không nói hai lưỡi (vu oan giá họa), Không nói ác khẩu, Không ý ngữ (nói điếu, nói thêu dệt).

- Ba nghiệp thuộc về ý: Không tham lam, Không sân hận, Không ngu si, tà kiến.)

# Chương VI

Vua Nhân tôn đọc đi đọc lại tới cả chục lần bức điệp của vua Chiêm. Người rất hài lòng về lời lẽ ôn nhu của Chế Mân, một vị vua trẻ tuổi mà trong bang giao lại tỏ ra chín chắn, cao nhã đến vô cùng. Nhà vua suy nghĩ mãi về lời mời của Chế Mân:

*...Tôi nghe nói đức vua đã xuất gia. Vậy tôi phải vị hòa thượng trưởng lão Phật giáo của nước tôi sang kính thỉnh nhà vua qua thăm vương quốc bé nhỏ của chúng tôi. Tôi cũng mong có dịp hầu tiếp đức vua về chuyện miền đất mà các tiên đế của chúng tôi đã cắt về cho Đại Việt. Nhưng trải mấy đời nay lại xảy ra sự tranh chấp quyết liệt giữa hai nước chúng ta, khiến cho mối hòa hiếu bị tổn thương...*

*... Hòa thượng của chúng tôi sẽ tâu bày với nhà vua về phong thổ, thời tiết, sản vật và nền văn hiến của Chiêm quốc. Nước Chiêm Thành tuy bé nhỏ, nhưng dân nước chúng tôi cũng biết giữ lễ, hiếu hòa và hiếu khách. Nếu đức vua quá bộ ghé thăm vương quốc của chúng tôi, chắc hẳn con người, cảnh vật và nắng ấm của đất phương nam sẽ làm nhà vua hài lòng...*

*... Thư nói chẳng hết lời. Tận đáy lòng tôi kính dâng lên đức vua lời chào ngưỡng mộ, và lòng khâm phục của triều đình chúng tôi đối với chiến thắng mà nước Đại Việt hùng cường thu được, trong sự nghiệp bảo tồn nền độc lập của quý quốc...*

Với ánh mắt tươi rói, vua Nhân tôn trao bức thư cho Trần Anh tôn và nói:

- Quan gia đọc đi, rồi cho ta biết đôi sách của quan gia với lân quốc phương nam này?.

Đoạn nhà vua quay hỏi tá thánh thái sư Trần Nhật Duật:

- Thưa thái sư, trên mặt bắc có động tĩnh gì không ạ?

Trần Nhật Duật xòe bàn tay ra vuốt ngược mái tóc lại phía sau để lộ vàng trán cao và khuôn mặt quắc thước, rồi tươi cười, nói:

- Tâu thượng hoàng, mặt bắc tĩnh lắm. Thượng hoàng cứ an tâm. Dù người có đi thăm Chiêm quốc tới cả năm cũng chưa có gì đáng quan ngại.

- Còn mặt nam thế nào, điện sứ? Vua Nhân tôn lại quay ra phía Phạm Ngũ Lão hỏi.

Dáng người to khỏe, nhưng cử chỉ nhanh nhẹn, thượng tướng quân Phạm Ngũ Lão đứng phắt dậy vái Nhân tôn hai vái rồi nói:

- Trình thượng hoàng, mặt nam tĩnh. Người Chiêm từ sau khi Toa-đô đại bại, họ không đóng quân trên miền đất

hai Châu nữa. (Năm 1069 vua Lý Thánh tông thân chinh đánh Chiêm Thành, bắt được vua Chiêm Rudravarman Đệ tam (Chế Củ). Đê đổi lấy tự do, Chế Củ phải dâng ba châu: Đại Lý, Ma Linh và Bồ Chánh (thuộc Quảng Bình, Quảng Trị). Đó là vùng đất cùng với Châu Ô, Châu Lý sau này trở thành miền đất tranh chấp kịch liệt giữa hai quốc gia Chiêm - Việt.)

Thuyền bè của dân chài lưới, thuyền buôn của hai nước trên vùng biển giao lưu không xảy ra nạn hải tặc như trước.

Để đáp lại thiện chí của họ, thần chỉ để một vài đồn canh ngoài biên ải. Quân triều đình cho rút cả về Châu Ái, Châu Hoan.

Nhân tôn tỏ vẻ hài lòng. Nhà vua gật đầu khen:

- Khanh quả là sáng suốt. Quan gia sai khanh trấn biên thùy mặt nam rất hợp ý ta.

Vua Anh tôn đọc xong bức thư rồi đưa cho mọi người truyền tay nhau đọc. Trần Khắc Chung, Đoàn Nhữ Hài là hai người đọc cuối cùng.

Vua Nhân tôn chậm rãi cất lời hỏi:

- Theo ý các khanh, vua Chiêm mời ta sang Chiêm quốc có chủ đích gì? Ta có nên đi không, hay chỉ nên cử một đoàn sứ giả sang đáp lễ?

Điện súy thượng tướng quân Phạm Ngũ Lão là người am tường về biên ải phía nam, liền nói:

- Tâu thượng hoàng, cứ xem ý tứ trong thư, đủ thấy chúa Chiêm là người khôn ngoan. Ông ta thấy được cái nhẽ mạnh yếu ở đời. Đây là một người xuất, xử, tiến, thoái đều có kế sách, chứ không phải người hồ đồ. Lời lẽ trong thư tuy nhún nhường, nhưng vẫn giữ được thể diện quốc gia. Chiêm quốc hiện nay không phải là nước mạnh. Cũng chưa hẳn là một nước yếu. Theo ý thần, thượng hoàng nên đi một chuyến. Chắc chắn là vị vua Chiêm này sẽ làm thượng hoàng đẹp ý.

- Ý chú Chiêu Văn thế nào?. Vua Nhân tôn bồng chốc quên mình đang điều hành công việc triều chính, hay nhà vua muốn tỏ ý thân mật và kính trọng đối với vị chủ ruột đứng đầu tướng văn, tướng võ trái ba triều.

Thượng tướng, thái sư Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật mỉm cười đáp lại:

- Tâu thượng hoàng, ta đã xử với Chiêm Thành như một nước có nền văn hiến cao. Nhẽ ra, sau khi đã ba lần đánh bại quân Nguyên, ta chỉ cần cử một đạo binh nhỏ tới thu hồi miền đất hai châu, mà quốc vương Chiêm là Chế Củ đã dâng cho Đại Việt từ thời Lý Thánh tông. Nhưng chúng ta đã không làm thế. Chúng ta cũng không có một thông điệp nào nhắc vua Chiêm về chuyện đất đai hai bên tranh chấp. Quan điện súy còn tỏ lòng cao thượng lui hết quân triều đình về tận Hoan, Ái. Thần cho rằng vua Chiêm vì cảm mến cái đức nhân nghĩa của thượng hoàng và quan gia,

nên thực tâm muốn hòa hiếu. Thượng hoàng đi chuyến này ắt thành công. Ngừng một lát, như tỏ ra cân nhắc kỹ lưỡng lắm, quan thái sư lại nói tiếp:

- Tâu thượng hoàng, còn một điều thần đang băn khoăn, không hiểu trong chuyện thông hiếu giữa hai nước này, người Nguyên có xen vào mưu đồ gì không? Thần trộm nghĩ, dù họ có mưu ma kế quỷ gì cũng không lừa nổi chúng ta.

Vua Anh tôn vốn sẵn lòng ưu ái với viên quan trẻ nhất triều, mà nhà vua cho rằng mưu lược không kém gì các vị lão thần. Quay về phía Đoàn Nhữ Hài, nhà vua hỏi:

- Chẳng hay ý quan ngự sử trung tán thế nào?

Thoáng đỏ mặt như một cậu học trò hay xấu hổ, Đoàn Nhữ Hài đứng lên chắp hai tay vái hai vua, rồi nói, giọng xúc động:

- Tâu thượng hoàng, tâu quan gia. Theo thiên ý của thần, vua Chiêm mời thượng hoàng sang là để thương lượng trả ta miền đất hai châu. Sở dĩ Chê Mân chưa làm ngay được, là vì triều đình của ông ta còn nhiều người có thể lực chống lại. Đây mới là chỗ mà vừa rồi quan thái sư ngờ có bàn tay của người Nguyên xen vào. Nếu thượng hoàng đi chuyến này, sẽ giúp cho Chiêm quốc có thời cơ giao hảo lâu dài với ta. Dù bản chất của người Chiêm có tráo trở đi nữa, họ vẫn chưa đủ mạnh để làm điều họ muốn. Cho nên thượng hoàng cứ sang Chiêm là thượng sách.

Đến lượt quan đại an phủ sứ của kinh sư Trần Khắc Chung lên tiếng. Ông có giọng nói trầm, âm. Lại là người khéo nói, nên ai đã nghe ông nói chuyện một lần là mến mộ ngay. Với hàng ngũ quan lại trong triều hiện nay, ông được nhiều người kính nể. Người ta nể không phải vì ông có tài lạ, chức cao. Mà nể bởi sự hiền hữu của nhân cách ông. Ví như trong lúc nhiều các quan đua nhau xây dinh, lập phủ, thì ông hầu như là một ông quan nghèo, thanh liêm. Ông không có nhà riêng. Ông làm việc và ở ngay tại công đường. Đôi khi sang giảng kinh sách bên Đông cung, ông ăn, ngủ luôn tại đó với thái tử. Bởi ngoài chức đại an phủ sứ, cai quản cả kinh thành Thăng Long, ông còn kiêm chức Trừ cung giáo thụ nữa.

(-Đông cung: Chỗ ở của một người con vua được lập làm thái tử, sau sẽ lên ngôi vua. Theo truyền thuyết Trung Hoa, ngoài biển Đông có núi Đông minh, trên núi có cung điện xây bằng đá xanh, có biển đề sáu chữ Thiên địa trường nam chi cung (Cung điện con trường của trời đất). Vì thế mới gọi thái tử là Đông cung.

-Trừ cung giáo thụ: chức của quan dạy thái tử học)

Ông là người sống hào phóng, giao du rộng. Nhưng điều làm mọi người trọng ông hơn cả là việc ông đi cầu hòa với người Nguyên. Ông nói:

- Muôn tâu thượng hoàng! Muôn tâu quan gia! Theo thiên ý của thần, qua hai lần đánh quân nguyên xâm lấn gần đây, sức quân mỗi mệ, sức dân kiệt quệ. Người dân lúc này không mong gì hơn là một cuộc sống thái bình. Cho nên,

bằng mọi giá, triều đình phải lập được một nền hòa bình bền vững. Dầu rằng trong tay ta có dư binh lực, có thể tiến sâu về phương nam, mà vẫn không lo mặt bắc, thì cũng không nên động binh. Nếu Đại Việt ta muốn thu hồi miền đất hai châu, đâu có phải là chuyện khó không thể làm được. Nhưng động binh lúc này sẽ làm cho nhân tâm ly tán. Tránh sao được sự dòm ngó của người Nguyên. Động binh là hạ sách.

Có người hỏi:

- Quan đại an phủ sứ nói không động binh mà vẫn thu hồi được miền đất hai châu, vậy ngài có sẵn sàng làm một kẻ thuyết khách, đem ba tác lưỡi của Trương Nghi, Tô Tần đi du thuyết người Chiêm chăng?(Trương Nghi, Tô Tần : Hai nhà thuyết khách nổi tiếng thời Chiến quốc ở Trung Hoa cổ đại.)

Nhìn xem đó là bạn đồng liệt nào rồi Khắc Chung mới đáp:

- Té quan tả thị lang ngờ tôi là một kẻ ngoa ngôn chăng? Tôi đã vào hang ổ giặc, trong lúc thế giặc đang cường. Tôi đâu có sợ đem ba tác lưỡi sang Chiêm. Nếu triều đình có mệnh, dù có phải đạp chông gai đi vào nước, lửa, tôi sẵn sàng sả thân chịu mệnh, chứ không phải chỉ là một tên hủ nho nhút nhát. Nhưng tôi chắc thượng hoàng và quan gia đã có kế sách rồi.

Thấy cuộc đàm luận có chiều hơi căng, vua Anh tôn bèn vẫy tay cho tả hữu ngồi xuống rồi nói:

- Những điều các khanh bày tỏ đều hợp ý quả nhân. Nên nhớ một điều, thượng hoàng dạy ta khi người xuất gia, bây giờ ta nhắc lại để các khanh cùng biết. Người nói: Giang san gấm vóc đã thấm không biết bao nhiêu máu, xương của tổ tiên mới có được. Nay trăm họ giao cho ta gìn giữ, một tác đất của tiền nhân để lại cũng không được để lọt vào tay kẻ khác. Ngẩng nhìn các quan đại thần khắp một lượt, nhà vua lại nói:

- Các khanh ăn lộc triều đình, gắng hoàn thành trách vụ cho tốt. Còn việc có vào Chiêm hay không, đó là quyền quyết định tối hậu của thượng hoàng.

Tan châu, Anh tôn mời vua cha vào hậu điện. Anh tôn cảm thấy ấm áp tình cha con. Nhà vua tự nghĩ: Thì ra không phải vua cha xuất gia để cầu nhàn hoặc cầu đắc đạo. Mà chính vua cha xuất là để xử. Vì trong mỗi bước đi, mỗi việc làm của triều đình, vua cha đều kín đáo theo dõi và giám sát chặt chẽ. Nhà vua nói:

- Thừa phụ hoàng, con được thái sư cho biết, ông hòa thượng ấy chính là người tâm phúc của vua Chiêm. Còn quan tả bộc xạ tuy là cậu ruột Chế Mân, nhưng lại có ý tranh chấp với cháu. Ông ta vào Đại Việt, là thay mặt Chiêm quốc làm việc bang giao, nhưng cũng có ý dò tìm xem Chế Mân có ngầm liên kết với Đại Việt không.

- Ta biết. Vua Nhân tôn nói. Ta đã trò chuyện kín đáo với vị hòa thượng đó ở chùa Diên Hựu (Nay là chùa Một cột). Chế Mân thực tâm cầu hòa. Ông ta là một vị vua anh minh. Ta vào Chiêm chuyến này làm việc liên kết phía nam để rảnh tay đối phó với mặt bắc. Quan gia ở nhà xem xét việc triều chính, việc biên ải cho ngặt. Cả phía biển

đồng nữa cũng không được lơ là. Quan gia kíp sai Nhữ Hải viết thư phúc đáp cho quốc vương Chiêm Thành. Bỏ cáo trước cho họ biết, đích thân ta cầm đầu phái bộ Phật giáo Đại Việt tới thăm Chiêm quốc, để trao đổi kinh sách và về sự đạo giữa hai nước. Tùy cơ ứng biến, vào đó ta sẽ làm cả việc đạo lẫn việc đời. Người Chiêm hiện thời kiêu ngạo về đội thủy binh của họ. Họ hung hăng cướp bóc tàu buôn các nước qua lại trên biển. Quan gia nên cho cái ông tả bộc xạ Chiêm quốc ấy đi xem hải đoàn của Nhân Huệ vương. Cho ông ta tận mắt thấy cảnh chiến diễn ra trên Bạch Đằng giang như thế nào. Cũng cho ông ấy xem cả tượng binh, kỵ binh của ta nữa.

(Cuối thế kỷ XIII đầu thế kỷ XIV, Chiêm Thành có lực lượng hải quân khá mạnh. Họ thường hay tổ chức cướp biển. Tàu buôn các nước Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha... thường bị họ cướp bóc tàn tệ. Người Pháp đã gọi họ là Pirate de mer = hải tặc.)

Có thể ta sẽ đi Chiêm trước khi sứ bộ Chiêm Thành về nước. Nhưng ta đi đường bộ, để còn xem mặt nam, quân cơ phòng vệ với dân tình ra sao. Họ về bằng đường thủy. Hẳn là họ sẽ tới Chà Bàn trước ta.

Có mấy việc khi ta đi rồi, ở nhà quan gia phải lưu tâm: Thứ nhất là tới lễ tịch điền ta chưa về, quan gia phải tiến hành như thường lệ, nhỡ ra ta phải tự tay cấy cấy lấy lúa gạo để thờ cúng tổ tiên. Ấy là tỏ lòng hiếu kính của ta với các bậc tiền bối. Ấy cũng là việc tốt để làm gương cho thiên hạ. Không làm được như vậy, ta cũng phải tỏ cái tình của ta đối với việc nông tang. Quan gia cấy một hai đường cấy, có phải là quan gia cấy ruộng dâu; chính là quan gia cấy vào lòng thiên hạ. Còn thiên hạ sẽ vì quan gia mà cấy ruộng. Đây mới chính là cái gốc của lễ tịch điền. Cũng như ngày trước, tiên đế mở Đại hội Diên Hồng. Đánh giặc như thế nào, triều đình đã có kế sách. Dâu phải tới Diên Hồng mới bàn kế đánh. Diên Hồng chính là điem tụ hội lòng dân, khích lệ toàn dân cố kết với triều đình đánh giặc.

Một việc quan yếu nữa, quan gia phải đích thân lo liệu. Phải cấp thời mở lại khoa thi tiến sĩ cứ bấy năm một lần, mà tiên đế đã định lệ từ năm Bính ngọ (1246). Những năm trước không mở được còn nhiều lẽ để biện minh. Đến nay không mở nữa, sẽ làm nản lòng kẻ sĩ trong thiên hạ. Ngừng một lát, như để các lời nói của mình có âm hưởng sâu xa trong tâm trí người con đang kế nghiệp, trị vì thiên hạ, Trần Nhân tôn lại nói:

- Quan gia đã nhớ kỹ lời ta dặn rồi chứ?
- Bẩm phụ hoàng, con nhớ!

# Chương VII

Thuyền vừa cập bến đông bộ đầu, Huyền Trân đã nom thấy mấy nữ tì với chiếc kiệu chờ sẵn ở trên bờ. Đám nữ tì lao xao ríu rít như một bầy chim vỡ tổ. Họ chạy túa ra mạn thuyền, đón chiếc ván lao từ thuyền xuống đặt cho chắc chắn, để rước công chúa lên bờ. Mới xa kinh thành có nửa tuần trăng, trở về cảnh đã đổi khác rồi. Rặng muôm ven đê hôm đi mới bật lên vài chiếc lá non tím tím, nay đã trở trắng một trời hoa. Hương hoa muôm có mùi thơm ngai ngái. Bãi ngô bữa trước cây còn thấp lè tè thưa thoáng, nay đã cao vồng chắm lưng người, ngăn ngắt một màu xanh. Cả Thăng Long như vừa thay áo mới. Nhìn vào đâu, nhìn về hướng nào Huyền Trân cũng thấy sức sống mùa xuân đang trỗi dậy. Công chúa còn thấy như mùa xuân đang len lỏi trong huyết quản. Dưới lớp da mịn mướt, và cả trong lòng ngực, Huyền Trân cảm nhận mơ hồ như có tới cả ngàn ngàn con kiến gió đang bò mơn man, khiến nàng lâng lâng như chính cơ thể mình đang giãn nở - đang lớn. Ôi tạo hóa thật là kỳ diệu, thật là bí ẩn khôn lường.

Còn đang ngỡ ngàng trước cảnh vật, công chúa thoáng thấy bóng một cô bé núp dưới gốc muôm ở chèo cung đường, như đang tìm ai, đang chờ ai. Thấy có người để ý, cô bé không dám thấp thòm nhìn về bên nữa.

Bích Huệ, Thúy Quỳnh, hai nữ thân cận nhất nài nỉ mời công chúa lên kiệu về cung. Khi kiệu vừa đi hết chèo đường, có tiếng gọi giật giọng phía sau:

- Chị Gái, chị Gái ơi!

Đám nữ tì vừa đi vừa nói chuyện âm ỉ, không ai nghe thấy tiếng cô bé gọi phía sau.

Tiếng gọi lại vang lên tha thiết như giận dỗi, như trách móc:

- Chị Gái! Chị Gái ơi! Sao chị tẻ thế?

Đến lúc này đám nữ tì mới nghe thấy và dừng lại. Bích Huệ hốt hoảng ngoái nhìn về phía tiếng gọi. Thoáng thấy bóng người lấp ló sau gốc cây muôm, Huệ chạy lại:

- Tẹo! Huệ reo lên - Em đến từ bao giờ? Sao biết chị qua đây mà chờ? Trời ơi con Tẹo, sao mà gầy thế em? Thầy ốm hử? Mẹ có ra cùng em không?

Thấy chị hỏi vồn vã, cô gái có tên là Tẹo ấy ý chừng đã bớt hờn dỗi, bèn lững thững từ sau gốc muôm bước ra chào:

- Chị gái!

Hai chị em đang bá vai nhau thì kiệu của công chúa quay lại. Huyền Trân xuống kiệu đi về phía hai chị em Bích Huệ. Cả đám nữ tì, đứng im phăng phắc, nhìn về phía chị em Bích Huệ, tỏ ý thương cảm, và cầu mong công chúa rủ

lòng độ lượng. Họ sợ hãi thay cho Bích Huệ bởi triều đình có lệnh: "Các nô, tì đã hầu hạ trong cung vua hoặc các nhà quan, không được tự tiện gặp gỡ, hoặc tiếp đãi người thân thích ruột thịt của mình. Tội đó khép ngang với tội nô, tì bỏ chủ trốn đi. Bất được đều xử theo ngũ hình". Bích Huệ tái mặt sụp lạy Huyền Trân xin tha tội.

(Ngũ hình: Năm cực hình: Xuy, trượng, đồ, lưu, tử.

1). Xuy hình: Đánh bằng roi, có 5 bậc (chung cho cả đàn ông, đàn bà): 10 roi, 20 roi, 30 roi, 40 roi, 50 roi.

2). Trượng hình: Đánh bằng gậy (chỉ dành cho đàn ông). Có 5 bậc: 60 trượng, 70 trượng, 80 trượng, 90 trượng, 100 trượng.

3) Đồ hình: Đầy làm khổ dịch. Có 3 bậc: a) Dịch đình. b) Tượng phương binh. c) Thực điền binh.

4) Lưu hình: Đầy phát vắng, có 3 bậc: a) Lưu cận châu. b) Lưu ngoại châu. c) Lưu viễn châu.

5) Tử hình: Giết chết, có 3 bậc: a) Giáo: Thắt cổ. b) Trảm: chém đầu. Chém bêu đầu gọi là khiêu. c) Lãng trì: Chặt chân tay, xẻo thịt làm cho chết dần.)

Công chúa ngơ ngác hỏi:

- Vậy chứ em có tội gì Bích Huệ? Em bé này là em của em à?

Bích Huệ gạt nước mắt tâu lại cùng công chúa về lệ triều đình cấm đoán. Công chúa cười cảm thông và xoa tay:

- Ta là người của triều đình đây. Ta không thấy chị em em có tội tình gì hết. Thôi, hãy theo ta về cung.

Nói xong, công chúa vẫy cả bé Tọ cùng đi theo. Khi cả đám nữ tì đã xúm xít quanh kiệu, công chúa mới căn dặn:

- Ta cấm các em không được để lọt chuyện này ra khỏi cung. Nếu đã là lệ của triều đình, ai ai cũng phải tuân phục. Riêng ta, ta muốn gia ân cho các em. Khi biết là lệ của triều đình, Huyền Trân thấy mình không được phép cưỡng lại, nên mới cấm đoán tì nữ không được phép hót lẻo. Tuy vậy, trong thâm tâm, công chúa vẫn lấy làm hậm hực. Lệ luật gì quái ác đến nỗi con cái không được gặp lại cha mẹ, chị em không được gặp lại nhau. Nàng tự nghĩ: Nếu ta có quyền lực, ta quyết bãi bỏ ngay lập tức những điều cấm kỵ bất công này.

Về phòng riêng của Bích Huệ, bé Tọ thấy cái gì cũng lạ, cũng nhìn ngó, hỏi han. Điều làm Tọ kinh ngạc là ở đây cái gì cũng đẹp cũng quý mà ở chốn dân dã quê mùa, Tọ chưa bao giờ nhìn thấy.

Vừa hoàn hôn, Bích Huệ vội dặn em đôi điều. Nào không được nghịch ngợm sờ mó đồ vật. Không được tò mò đi lại. Tất cả những gì cấm kỵ, Huệ đã nhắc nhở dặn em kỹ lưỡng. Kể cả việc không được gọi cô là Gái. Cái tên cha mẹ đặt cho ấy đâu có hợp với chốn cung cấm đài các này. Lúc này Huệ mới chợt nhớ ra: Vậy chứ con bé lên đây có việc gì? Cô hỏi em:

- Ở nhà thầy bu có khỏe không em?



Đường như chỉ chờ có dịp chị hỏi đến, cô bé tủi thân òa khóc nức nở. Nó càng âm ức khi thấy ở đây, chị nó sung sướng. Cái gì cũng thỏa thuê, thừa mứa. Thế mà chị nó chẳng nghĩ gì đến bố mẹ và chị em nó ở nhà, quanh năm đói rách. Bố thì từ khi quan bắt phải đi lao dịch trở về, không ngày nào không ốm. Ngã nước, bố phải hai lần nuốt giun đất, bệnh lại càng tăng. Mẹ ngày nào cũng lúi lũi đi làm ruộng cho nhà quan. Ruộng nhà, chỉ có mấy chị em bé bỏng, làm được đến đâu hay đến đó. Lúa xấu như cỏ may. Bao nhiêu nỗi đói khổ, tủi sầu, cái Tọa định bụng gặp được chị thì phải kể lể hết mọi khúc thôi. Nhưng giờ đây, nó lại không muốn nói một tí gì. Nó cứ ôm mặt khóc tức tưởi. Cho mãi tới khuya, chị nó mới tí tê đỡ được nó nói. Giờ lại đến lượt chị nó khóc. Nó ngạc nhiên không hiểu tại sao chị nó lại khóc.

Nó liền hỏi:

- Chị Gái ơi, chị ở đây sướng thế, sao chị còn phải khóc?

Bích Huệ thấy tủi thẹn vô cùng. Ngay đến nỗi khổ của mình, người thân cũng đâu có hiểu để mà chia sẻ. Đùng là Huệ ở đây sung sướng thật. Nhưng đó là nỗi sung sướng của một con lợn, được người ta nhốt vào chuồng chăm sóc. Còn phận con hầu vẫn cứ là con hầu, chứ có gì thay đổi. Đến nỗi cha mẹ yếu đau đói rét, không làm sao có được lấy một xu quà bánh thăm hỏi, còn nói gì đến việc báo hiếu, phụng dưỡng. Ngay cái quyền được đi lại, thăm nom người thân thích ruột thịt của mình, cũng không có nữa. May được bà chúa này là người nhân hậu che chở cho, nếu không, cả hai chị em, cả cha mẹ lại vướng vào tội lưu đầy. Mai đây cái Tọa về quê, lấy gì cho nó đem về kính mẹ biểu cha? Nhũ mẩu là người quản lý khắt khe. Bà không cho phép ai có cái gì thừa. Quần áo, năm vài ba bộ. Khi được may bộ mới, phải trả lại bộ cũ để nhập vào kho chẵn cấp cho người nghèo. Bích Huệ cứ loay hoay không biết xử sự thế nào trong hoàn cảnh éo le này cho phải lẽ, Mãi tới gà gáy sang canh, Huệ mới chợp mắt được.

Lại tiếp đến một giấc mơ hãi hùng. Huệ mơ thấy có một người đội mũ trụ vàng, tay cầm bảo kiếm chỉ vào mặt cô, bắt cô phải xuống thuyền. Khi bước xuống thuyền đã thấy công chúa Huyền Trân ở đó, mặt rầu rầu, mắt đau đau nhìn lại phố xá kinh thành, còn phía sau là biển cả. Thuyền giương lên chín lá buồm đỏ thắm. Những cánh buồm no gió kéo con thuyền lao đi vun vút. Bích Huệ sợ quá hét lên. Mồ hôi toát đầm người. Huệ không làm sao lý giải được, cứ trần trọc mãi tới khi nghe tiếng tù và báo thức của trại cấm binh, cô liền vùng dậy ra cửa ngõ nhìn tứ phía, xem có gì khang khác không. Thực tình Bích Huệ sợ người ta ập đến bắt chị em cô, mà giấc mơ như một điềm báo trước.

Buổi sáng, cơm nước vừa xong, công chúa cho gọi Bích Huệ lên thư phòng có việc. Huệ lo lắng vô cùng.

Thư phòng là nơi công chúa học hành, đọc sách, chỉ có nhũ mẩu được phép ra vào, hoặc giả một đôi khi có thù tiếp với khách văn chương. Có sao Huệ lại được gọi lên đây? Bích Huệ lo lắng đến bồn chồn.

Trước khi lên gặp công chúa, Huệ dặn em:

- Em ơi, nếu công nương có quả phạt, chị một mình chịu tội. Chị ráng xin để em được trở về nhà.

Nói rồi, nàng cúi đầu bước lên thêm. Mỗi bước đi như lê theo cả một sợi xích dài nặng trĩu.

Thấy Bích Huệ vào, công chúa tươi cười nắm lấy cánh tay Huệ lắc lắc:

- Em cảm thông cho ta nhé. Dầu sao cũng không thể để cho em của em ở lại trong cung được. Ta e việc này lộ ra, có kẻ đàn hặc thì nguy hại cho em, chớ ta sợ gì. Mọi việc ta đã nhờ nữ mẫu thu xếp. Em vào trong này cho nữ mẫu căn dặn.

Bích Huệ đi vào phòng trong, thấy nữ mẫu vẻ mặt đăm đăm đang ngồi bên một đống những gói cùng bọc. Bà chỉ cho Bích Huệ ngồi xuống chiếc ghế đối diện. Bà nói:

- Thân phận ta với em chẳng có khác gì nhau cả. Ta cũng thương em như thương ta thôi. Không có việc gì em phải khép nép sợ sệt ta. Các em thấy ta nghiêm quá phải không? Ta biết vậy. Nhưng ta nghĩ lại, dù ở vị thế nào cũng phải hoàn thành trách vụ tới mức cao nhất, để không ai có thể chê trách được mình. Việc của em, công chúa trao cho ta lo liệu. Mấy bọc này là quần áo cũ sửa lại đem về cho các em. Bọc này là hai tấm lụa, đem về cho bố, mẹ em. Còn đây là hai nén vàng ròng.

Nữ mẫu vừa nói vừa đặt mấy nén vàng vào tay Bích Huệ.

Sực nhớ đến bà lão ăn xin ngoài chợ bữa trước ở Thiên Trường, cô vội rút tay lại. Nữ mẫu nhìn Bích Huệ cười:

- Em cứ cầm lấy. Tất cả là của công chúa cho em. Để tránh phiền phức, công chúa còn viết cả tờ bảo chứng nữa, phòng khi ra cổng hoàng thành gặp lính canh xét hỏi. Hoặc khi về nhà, xã quan, phủ quan ra vào hạch hỏi.

Tay nắm chặt nén vàng, mắt nhìn nữ mẫu mà Bích Huệ vẫn cứ tưởng mình nằm mơ, bay lên chín tầng trời được bà tiên cho của.

Phút mơ màng của Bích Huệ chưa qua, nữ mẫu lại nói:

- Em còn được công nương cho phép về quê thăm cha mẹ, họ hàng mười ngày nữa. Vậy là công nương biệt đãi em nhiều lắm đó. Ráng mà tận tâm với người.

Bích Huệ vái dài nữ mẫu hai vái rồi trở ra sụp lạy Huyền Trân. Công chúa đỡ Bích Huệ dậy, an ủi vài lời, khuyên Huệ nên thu xếp đi ngay.

Xách mấy bọc gói và hai nén vàng về phòng riêng, Bích Huệ vội gọi em:

- Tẹo! Tẹo ơi! Lại đây chị bảo.

Đang nằm quay mặt vào tường đùa với con mèo trước tấm gương, chợt nhìn thấy Bích Huệ bước vào, lại nghe giọng nói như reo của Huệ, biết là có chuyện gì vui lắm, Tẹo vùng dậy đón lấy mấy bọc gói từ tay Huệ và hỏi:

- Chị Gái!... Suyt em quên, chị Huệ ơi, chị lấy đâu ra những thứ này.

- Đây là những váy áo cũ của người hầu như bọn chị thải ra, công chúa ban cho chị đem về quê đấy.

- Thật ư chị Huệ, chị cho em một chiếc váy lành nhá. Váy em rách hết cả rồi.

- Được! Được! Cứ đem về, cái nào em thích, em mặc vừa là của em. Vừa nói, Huệ vừa mở tay đẩy lôi ra cho Tọ xem.

- Ôi giờ, cơ man nào là váy đẹp. Mắt Tọ bùng sáng lên. Hết ướm bộ này, Tọ lại ướm sang bộ khác, tới cả chục bộ màu sắc lộng lẫy làm Tọ hoa cả mắt. Tọ đứng ngẩn đờng váy áo mà không dám tin đây là sự thật, bèn quay lại hỏi chị.

- Chị Huệ ơi, có đúng là công chúa cho chị đem về nhà mình, hay đây là xiêm áo công chúa ban cho chị mặc khi hầu hạ người.

- Chị nói thật mà, đây là những thứ bọn chị thải bỏ, nhũ mẫu thu lấy để chẩn cấp cho người nghèo mỗi khi công chúa đi thăm viếng các miền quê. Chị không nói dối em đâu.

Chợt nhận ra điều gì, mặt Tọ buồn thiu, nhìn chị với vẻ thất vọng - Cơ mà đây là những thứ xiêm y sang trọng, chỉ có thể mặc đi chơi hội hoặc mặc vào ngày tết thôi, chứ không mặc đi làm đồng được đâu chị Huệ.

Huệ khẽ tát yêu vào má em gái - Sao em ngốc thế, chỉ để lại vài bộ mặc ngày hội thôi, còn thì nhuộm nâu, nhuộm chàm, nhuộm đen đi mà mặc.

Tọ cười hớn hở - Ủ, em ngốc thật.

- Thôi đi ngủ, Huệ bảo em - Mai chị em mình về sớm kéo thầy u mong.

# Chương VIII

Huyền Trân về tới kinh thì được tin phụ hoàng đã lên đường đi thăm Chiêm quốc từ mấy bữa trước. Vua Nhân tôn có để lại cho con gái mấy dòng viết trên nền giấy long tiên, do đích thân Đặng Dương đem từ cung Thánh Từ (Tên đặt cho cung điện, nơi thượng hoàng sau khi đã truyền ngôi cho con, lui về ở đó) sang trao tận tay cho công chúa. Huyền Trân cứ đọc đi đọc lại và ngắm nghía nét chữ của vua cha viết rất chân phương trên tờ giấy nền vàng, có điểm vết bạc lưa thưa và có vẽ hình rồng óng ánh kim nhũ.

Lão Dương dâng bức thư cho công chúa xong chấp tay đứng chờ. Không hiểu công chúa mãi xem thư cha, hay còn muốn lưu lão lại hỏi chuyện, nên chưa có lệnh lui. Cũng vì chưa có lệnh nên lão Dương vẫn cứ phải chấp tay đứng hầu. Trong khi đó nơi xương sống lão cứ đau sụn xuống, như có hàng trăm con rết đốt cùng một lúc, buốt tận óc. Lão cắn răng, oằn người chịu đau, chứ lão không tự ý xin lui. Đờn lão chưa mở miệng xin xỏ ai một tí gì. Công chúa mãi đọc thư cha, hết suy nghĩ về những điều vua khuyên nhủ, lại tưởng tượng ra cảnh non sông thành quách của Chiêm quốc - nơi vua cha sẽ tới. Chợt công chúa quay ra thấy lão Dương vẫn đứng chấp tay với vẻ nhẩn nhó. Nàng kinh ngạc hỏi:

- Lão chưa về ư? Có chuyện gì nữa đây lão Dương?  
- Ôi ta vô ý quá. Tại ta mãi đọc thư của phụ hoàng để lão phải đứng chờ mãi. Xin lão bỏ lỗi cho ta. Nếu lão không có việc gì bận lắm, mời lão hãy nán lại giây lâu. Lão ngồi vào bàn kỷ này cho đỡ mỏi.

Gượng ngồi vào mép kỷ, lão Dương chậm chạp thưa:

- Bẩm công nương, chẳng hay công nương có điều gì sai bảo?

- Lão dạy quá lời. Ta đâu dám lạm quyền. Dẫu sao lão vẫn là ân nhân của thượng phụ ta.

- Trước sau tôi cũng chỉ là một tên nô bộc. Công nương cứ tự tiện sai bảo.

- Ta chỉ phiền lão kể giùm cho nghe một vài chuyện, hỏi lão và các bậc tiền bối của ta đánh giặc Thát. Về chuyện lão cũng thượng phụ ta từ thuyên phi thân vào bờ, ta đã được nghe phụ hoàng kể lại. Ta cứ cho việc ấy phải có thần giúp sức, chứ sức người làm sao nổi. Có đúng vậy không lão Dương?

- Dạ, đúng như công nương dạy đây ạ. Sức người thường sao làm nổi. Nhưng theo ngụ ý của kẻ tôi tớ này, nếu có thần linh giúp sức, sao lão còn bị sụn xương sống, hỏng cả một đời người?

- Ồ, ờ... tội nghiệp cho lão. Vậy lão kể lại chuyện ấy đi!

- Thưa công nương, chuyện của lão, công nương đã nghe rồi. Bây giờ kể lại nó vô duyên quá. Nhưng còn nhiều

chuyện khác mà lão biết, lão xin kể hầu để công nương nghe. Chẳng hạn như chuyện bảo nghĩa vương Trần Bình Trọng đã thét vào mặt giặc khi chúng dụ hàng: "Ta thà làm quỉ nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc".

- Đa tạ lão phu. Truyện đó ta đã có nghe đôi ba lần.

- Vậy chớ còn chuyện quan đương kim đại an phủ sứ của kinh sư vào trại giặc cầu hòa, công nương đã nghe chưa?

- Dạ, chuyện đó ta mới chỉ nghe loáng thoáng, chưa có ai kể được tường tận. Có đôi lần ta nài ni chính quan đại an phủ sứ kể cho nghe, nhưng lần nào ông cũng tìm có thoái thác. May ra lần này...

Công chúa đang nói, gương mặt bỗng ửng hường, nàng có ý hơi thẹn thẹn.

Lão Dương vội đỡ lời.

- Bẩm công nương, ấy là vào khoảng năm Ất Dậu (1285), vua Nguyên sai thái tử là Thoát-hoan thống lĩnh năm chục vạn quân, lấy cớ là mượn đường đi đánh Chiêm Thành để xâm lấn bờ cõi ta...

- Giống như chuyện đồ Ngu diệt Quắc - công chúa nói xen vào.

(Nước Sở muốn đánh nước Ngu phải qua nước Quắc. Vua Sở hẹn với nước Quắc xin mượn đường đem quân qua Quắc để diệt Ngu. Và hứa khi nào diệt xong Ngu sẽ chia đôi công quả. Quắc bằng lòng. Khi quân Sở vào đất Quắc rồi bèn diệt luôn Quắc sau đó mới diệt nốt nước Ngu. Qua chuyện này ý muốn nói đến sự tráo trở của người Nguyên.)

- Dạ, công nương nói chí phải. Sau gần ba chục năm thái bình. Ấy là kể từ khi quân Nguyên lấn vào cõi bờ ta ở quãng năm Đinh tị (1257), chúng bị bại phải rút về. Nay chúng lại sang. Sức giặc cường lắm. Quân kỵ của chúng nếu thả sức ra ngày đi tới trên trăm dặm. Chúng thoát tiến thoát lui chớp nhoáng, biến ảo khôn lường.

Đề địch lại với chúng, triều đình ta cử đức Quốc công tiết chế Hưng Đạo đại vương thống lĩnh chư quân sự. Vào đầu cuộc chiến, quân Nguyên tiến binh ào ạt như nước chảy, mây bay.

Thế giặc lớn lắm. Nhiều nơi quân ta bị vỡ. Tình hình nguy cấp. Ngày mồng sáu tháng giêng. Ấy là lão vẫn nói về năm Ất Dậu đó. Chính cái năm đức Khâm từ sinh hạ công nương trên đường chạy loạn. Công nương sinh ra giữa gan bàn chân trái có một nốt ruồi son đỏ chót.

Thấy lão Dương nói có nốt ruồi son nơi gan bàn chân, Huyền Trân vội rút chân khỏi hài, kín đáo nhìn, quả đúng như lời lão. Nàng vẫn thấy người ta nói, nốt ruồi son ở chỗ kín, là biểu hiện của quý tướng, nên cảm thấy vui vui.

Lão Dương vẫn chậm rãi nhả ra từng tiếng chắc nịch:

- Quan thái bộc xem tử vi nói công nương có tướng cực quý. Nhưng chỉ phát ở ngoài cõi... A mà miên man quá, lão nói đến chỗ nào rồi thưa công nương?.

Công chúa lòng còn đang muốn nghe cái đoạn quan thái bộc nói về số phận mình, lão Dương đột ngột dừng. Song nàng không tiện hỏi thêm. Và lại nàng còn muốn biết việc đi cầu hòa của Khắc Chung, nên lại vui vẻ nhắc:

- Vừa giờ lão nói đến ngày mừng sáu tháng giêng.

- Dạ, dạ, thưa công nương cái năm ấy, kê như không có tết. Vì quân Thát đánh vào ải Nội Bàng từ cuối tháng chạp. Tới mừng sáu tháng giêng Ô-mã-nhi đánh tan quan quân ở Vạn Kiếp. Ngày mười hai, giặc đã tới Vũ Ninh, Đông Ngàn, Gia Lâm. Thế ta núng lăm. Hai vua buộc phải đem An Tư công chúa, em gái út của thái thượng hoàng ta bây giờ dâng cho Thoát-hoan. Nhưng sức má hồng sao cản nổi vó ngựa quân Nguyên. Thế nước ngàn cân treo sợi tóc. Trong lúc ấy thì thượng vị Chương Hiến hầu Trần Kiện, con của Tĩnh Quốc đại vương và liêu thuộc, là bọn Lê Tắc đem cả nhà cùng với một vạn quân đầu hàng giặc. Rồi thượng vị Văn Chiêu hầu Trần Lộng tới hàng tại dinh Thoát-hoan. Ngay cả đến Chiêu Quốc vương Trần Ích Tắc, một người văn học lẫy lừng được thái thượng hoàng yêu quý cũng hàng giặc. Tiếp đến là bọn Phạm Cự Địa, Lê Diên, Trịnh Long đều đem cả nhà theo giặc. Thăng Long sắp mất. Trước tình thế đó, vua cần một người đi dò la thế giặc, đưa thư xin hòa. Là cốt để làm chậm bước tiến của quân Nguyên. Vua còn đang phân vân chưa biết sai ai, thì chỉ hậu cục thủ là Đỗ Khắc Chung, liền chạy đến tâu rằng: “Tôi là kẻ ti tiện không có tài cán gì, xin đi”. Vua mừng lăm, nói rằng: “Biết đâu trong đám ngựa kéo xe muối lại chẳng có ngựa kỳ ngựa ký”. Bèn sai Khắc Chung đem thư tới trại giặc xin giảng hòa.

Ô-mã-nhi đập án quát mắng:

- “Vua nước người vô lễ, sai người thích chữ” “SÁT THÁT”, khinh nhờn quân thiên triều, tội ấy to lắm”.

Chả là trong quân, vì lòng căm ghét giặc, thấy mọi người đều thích hai chữ “SÁT THÁT” vào cánh tay. Tỏ ý giết giặc Thát đến cùng. Khi mặt trận Đông Ngàn, Vũ Ninh vỡ, giặc bắt được quân ta, người nào trên cánh tay cũng có hai chữ đó. Chúng tức lăm, giết hại rất nhiều. Ô-mã-nhi mắt đỏ sọc hết nhìn vào mặt quan chi hậu cục lại nhìn vào thanh gươm để trước mặt, có ý hù dọa rằng “Ta sẽ cắt đầu người bằng thanh gươm này”.

Quan chi hậu cục thủ mặt không biến sắc, thản nhiên đáp:

- Sự thường chó trong nhà cắn người lạ, vì không phải là chủ nó. Đây hẳn là do lòng trung thành tức giận, sĩ tốt họ tự thích mực lầy, quốc vương tôi có biết đâu.

- Người còn già mồm cãi nữa, ta sẽ cắt lưỡi. Đây không phải nơi dùng lưỡi của Tô Tần, Trương Nghi mà khua khoắng. Ô-mã-nhi vẫn quát mắng thô lỗ tục tằn. Rồi y gõ ba tiếng vào chiếc chậu đồng để trên giá. Lập tức có hai tên lính khiêng vào một chục mâm thau phủ nhiễu đỏ. Chúng đặt ngay trước mặt Khắc Chung. Ô-mã-nhi đứng dậy giật tung vòng khăn phủ, lộ ra một mâm đầy những chiếc cánh tay có thích hai chữ “SÁT THÁT” màu chàm.

Quan chi hậu cục bèn đứng dậy nói:

- Tướng quân quả là tàn bạo. Tôi đã nói quốc vương tôi không biết tới việc này. Nếu không, tôi là kẻ hầu cận, sao việc ấy lại không có. Nói xong, bèn vén cả hai cánh tay áo lên.

Ô-mã-nhi đuổi lý nói lảng sang chuyện khác:

- Đại quân ta ở xa đến đây, nước người sao không trở ngược giáo cùng đến ra mắt, mà còn chống cự mệnh lệnh? Vua tôi nước người lớn mật, dám lấy còng con bọ ngựa chống lại bánh xe. Người có biết sự thế rồi sẽ ra sao không?.

Ô-mã-nhi chia hai bàn tay ra bóp vào không khí rồi nắm lại xoắn xoắn, kiểu như người bóp một quả trứng.

Vị sứ giả của nhà vua vẫn tỏ ra ôn nhu trước viên tướng giặc. Y cứ lồng lên như một con sư tử vừa vương bẫy. Khắc Chung trả lời:

- Hiền tướng không theo kế sách của Hàn Tín bình nước Yên ngày xưa đóng quân ở địa giới, đưa thư tín trước, nếu không chịu hòa hiếu mới có lỗi; nay đem quân bức nhau, tức như người ta nói “muông cùng phải đánh lại, chim cùng phải mổ lại, huống chi là người”. (Hàn Tín là tướng của Hán Cao tổ, muốn đánh nước Yên hỏi Lý Tả Xá. Tả Xá bàn nên viết thư đưa cho nước Yên đề dụ. Hàn Tín theo kế, đưa thư cho nước Yên, quả nhiên nước Yên đầu hàng không phải đánh.)

Vẫn cái giọng dọa dẫm, Ô-mã-nhi nói:

- Đại quân của ta mượn đường nước người để đi đánh Chiêm Thành, vua nước người nếu đến gặp nhau thì trong cõi yên ổn, không xâm phạm mảy may, nếu cứ chấp mê thì trong khoảng giây phút, núi sông sẽ thành đất bằng, vua tôi sẽ thành cỏ mục.

Khắc Chung liền đáp:

- Tướng quân lấy gì bảo đảm để chúng tôi khỏi ngờ rằng đây không phải là kế đồ Ngu diệt Quốc?

- Nói rồi Khắc Chung cáo từ ra về.

Lão Dương dừng lại giây lâu. Công chúa đang háo hức nghe như uống lấy từng lời, cảm thấy sốt ruột, bèn giục:

- Lão kẻ tiếp đi.

Vẫn cái giọng đều đều chắc nịch, lão tiếp:

- Nghe đâu khi quan chi hậu cục thủ về rồi. Ô-mã-nhi nói với các ti tướng rằng:”Người ấy đương lúc bị uy lực áp chế mà lời nói, sắc mặt vẫn tự nhiên, không hạ thấp chủ nó làm Chích, không nịnh hót ta làm Nghiêu, nước nó có người giỏi, chưa dễ đánh lấy được”.

Rồi Ô-mã-nhi sai người đuổi theo bắt lấy, nhưng không kịp. Quan ta ra cản, hai bên đánh nhau.

“Quả là một vị anh hùng! Huyền Trân thâm nghĩ - Tranh biện hơn thua ở chôn muôn chết mà vẫn giữ được khí tiết, là việc không phải xưa nay ai cũng làm được”. Công chúa hít vào một hơi thở sâu, như muốn chôn chặt vào lòng

các sự tích kỳ diệu của một con người, mà bấy lâu nay nàng ngưỡng mộ. Đoàn Huyền Trân quay ra nhìn lão bộc với ánh mắt dịu hiền như thâm biết ơn lão. Một lát, nàng nói:

- Cảm ơn lão phu.

- Không dám! Không dám! Lão Dương giãy nảy lên - Xin công nương đừng xếp nhảm tôi vào hàng các đấng bậc.

Thân phận tôi suốt đời chỉ là kẻ nô bộc.

- Lão phu nhìn nhận như thế nào về phẩm cách quan đại an? Ấy là tôi muốn hỏi ý lão về ông ta ngay cả trong thời bình.

Với vẻ khó chịu, nhưng rồi lão Dương cũng ép lòng mình thuận theo những đòi hỏi tò mò của một cô bé mới mười lăm mười sáu tuổi.

- Mong công nương bỏ lỗi cho, phận nô bộc như lão, nhân danh gì để thẩm định phẩm cách một vị đại thần? Nhưng lão trộm nghĩ, con người ông ta, có gì đã bộc bạch hết cả ra ngoài rồi đấy. Lúc có giặc thì xả thân vì nước. Lúc thái bình lo giúp rập vua, chứ không đua đòi vét của dân xây dinh lập phủ. Công chúa thử xem các quan giữ chức đại an phủ sứ ở kinh này từ trước tới nay, có ai là người không có phủ đệ nguy nga, hay chỉ có quan lớn Trần Khắc Chung? Một người trong sáng như thế, còn gì nữa để phẩm bình? Nhưng thưa công nương, cuộc đời cũng như nắng sớm mưa chiều, biết thế nào mà nói trước. Có khi hôm nay là người thiện, mai đã thành kẻ ác. Cũng ví như Chiêu Quốc vương Ích Tắc, nếu không có chuyện quân Thát vào cõi, thì sao biết được bụng bán nước cầu vinh của ông ta. Ông ta đủ các điều đạo lý để răn dạy thiên hạ. Lại ví như không có quân Thát vào, thì sao Bình Trọng tỏ được cái bụng trung dũng ngất trời của một vị Bảo nghĩa vương?.

Công chúa cúi xuống với vẻ suy tư, một lát nàng ngừng nhìn lão bộc, nói:

- Cảm tạ lão lắm lắm. Chỉ nghe lão kể ít giờ, ta hiểu thêm được bao điều rõ ràng khúc triết, mà trước đây những việc ấy ta được nghe, cũng giống như ta trông vào đám sương mù dày đặc. Quả thật hơn nhiều lắm so với sách của vài nhà soạn gần đây, nói về cuộc chiến. Bởi các tác giả chỉ thiên về việc múa bút khoe văn, mà ít chú trọng đến thân phận con người, còn công trạng thì phẩm bình thiên lệch. Ta ước sao thi thoảng lão ghé qua chơi, lão lại kể cho nghe đôi điều hữu ích. Còn bây giờ ta không dám lưu lão nữa. Chắc hẳn lão đã mỏi:

Lão Dương chống hai tay vào đầu gối đứng dậy vái chào công chúa, rồi bước ra. Ông đi với cái dáng khom khom, tập tễnh.



# Chương IX

Từ buổi nghe lão bộc nói rõ lai lịch việc đi cầu hòa của Đỗ Khắc Chung. Trái đến việc Khắc Chung được ban quốc tính. Bỗng nhiên trở thành người đồng tông với mình, trong lòng Huyền Trân dấy lên sự kiêu hãnh. Lại thay, công chúa thấy có cái gì đáng muôn ngàn lần cảm phục ở con người này. Nàng chỉ muốn gần gũi, muốn trò chuyện, muốn khám phá xem trong đầu óc con người ấy có gì khác với người thường. Như lão Dương nói, thì rõ ràng là ông ta không bon chen danh vọng, không tham lam của cải, không úy tử tham sinh. Đích thị là một anh hùng chân chính. Nếu như quan đại an phủ sứ không có được đầy đủ những đức tính đó, thì ít ra cũng là sự đắp điểm thêm vào của công chúa, để con người hùng nàng vẽ ra mà phục, mà cảm cho riêng nàng đó được toàn bích.

Đã bao lần nàng toan mượn cớ thăm đông cung thái tử, họa may có cơ hội được diện yết quan đại an phủ sứ. Đông cung thái tử với Huyền Trân là chỗ cô cháu ruột, nàng có ghé thì cũng là chuyện trong nhà, chẳng có điều chi đáng ngại. Tuy vậy, nàng cũng vẫn chưa dám đường đột xông pha. Một phần e bà kế mẫu Tuyên từ là người hết đời nghiêm khắc, đến quan gia cũng không dám cưỡng lời bà. Nhưng người mà công chúa cho là khó vượt qua được lại chính là nữ mẫu. Nữ mẫu nuôi nấng, săn sóc nàng từ khi mới lọt lòng. Về vị thế trong cung cấm, bà chỉ là một kẻ hầu hạ. Song về tình thương, bà ngẫm xem công chúa như con ruột bà. Ấy là bà mạo muội nghĩ vậy. Kẻ cũng đúng thôi. Trong cuộc đời bà, ngoài công chúa ra, bà còn có ai để mà yêu, mà thương, mà hờn giận. Tội cho bà là tất cả tình cảm chân thực của bà dành cho công chúa, lại chỉ được bày tỏ một cách thầm lén. Còn về phía công chúa, nàng coi sự săn sóc, tình yêu và cả lòng tôn kính của nữ mẫu đối với nàng là bổn phận. Công chúa phải nể trọng nữ mẫu là bởi có lời thác của bà Khâm từ thái hậu, mẹ đẻ của nàng, trước giờ lâm chung. Và cả lời ủy của thượng hoàng trước khi nhà vua xuất gia. Cũng bởi sự tin cậy đó, nữ mẫu càng thấy mình có trách nhiệm lớn lao, đôi khi bà mơ hồ cảm thấy, dường như bà có cả chút uy quyền nào đó đối với nàng. Song chưa bao giờ bà dám vượt quá khuôn khổ cho phép của một nữ mẫu.

It bữa nay nữ mẫu thấy cô chủ của mình có gì hơi khang khác. Biếng ăn, biếng học, biếng cả đọc sách nữa. Khác hẳn với trước, không lúc nào nàng có thể dời được quyển sách ra. Đến nỗi bà phải lo sợ về sự ham mãi đọc sách và học hành của công chúa. Đêm khuya, giật mình tỉnh giấc, các chuyện yêu quái nghe từ đời nào đời nào, bỗng dưng hiện về, sợ đến lạnh buốt cả sống lưng. Lần nữa, có lúc bà sợ cô chủ lại biến thành một cuốn sách, nằm lẫn lóc, lẫn lộn với hàng trăm ngàn cuốn khác. Và tới một lúc nào đó, cô lại từ cuốn sách chui ra như kiểu các cô tiên trong chuyện cổ. Nữ mẫu lấy làm lo lắng hỏi công chúa. Nàng nói là không có bệnh tật gì. Không yên tâm, nữ mẫu thốt

tháo chạy sang gặp trung quan (danh xưng của quan hoạn thời Lý-Trần) Nguyễn Hoán bên nội cung. Nhũ mẫu còn đứng ngoài rèm chưa kịp lên tiếng, đã nghe thấy giọng nói the thé:

- Ai đây! Ai hỏi gì đây?

Nghe cái giọng nói rất khó chịu ấy, bà cũng đã biết là ai rồi?

Một người gầy đét, có khuôn mặt choắt như mặt khỉ. Mũi quặp, sống mũi gầy, lông mày thưa gần như trụi. Nước da xanh mét như chàm, lộ ra nhìn nhìn ngó ngó. Biết trung quan vốn là người khó tính, hách dịch, lại hay đòi quà cáp. Nhưng là đối với các hàng phi, tần người ta cần cầu cạnh, chứ nhũ mẫu có cầu chi, nên bà bình tĩnh chấp tay vái:

- Bẩm trung quan!

Nguyễn Hoán gật gật cái đầu nhỏ thó, cả chiếc mũ bình thiên khá rộng cũng gật gật xoay xoay, nom như một con rôi. Trung quan tốp tếp nhai trầu, vừa nhai vừa nói, nước trầu phun cả vào mặt nhũ mẫu:

- Vậy chớ người có việc gì sang bẩm đây?

- Trình quan, mấy bữa nay công chúa biếng ăn, biếng ngủ, chẳng biết bệnh tật thế nào, xin ngài bẩm giúp vào đức Tuyên từ.

- Hí, hí... Lão quan hoạn đổi giọng cười. Đột nhiên lão ngừng. Nói như gắt – Có việc gì lớn mà phải bẩm lên đức Tuyên từ. Đề đó, ta báo sang viện thái y. Về đi!

Lão nói như người đuổi. Không thêm một lời nào, nhũ mẫu quay ngoắt về cung. Bà không có cảm giác gì buồn, vui hoặc mát mát. Nhưng sao bà lại thấy trong lòng có gì như hụt hẫng.

Nhũ mẫu về cung hồi lâu thì có quan thái y đến. Công chúa nói chuyện vui vẻ với quan thái y, khiến ngài cũng phải thừa nhận rằng nàng không có bệnh tật gì. Trước khi quan thái y về viện, công chúa ngỏ lời:

- Phiền quan thái y cho ta xin vài ba đồng cân “A nguyễn”. Để ta gọi tì nữ theo ông về bên đó lấy.

Quan thái y tròn tròn mắt kinh ngạc:

- Thừa công nương, chẳng hay công nương dùng vị thuốc đó làm chi?. Rồi ông mỉm cười.

Công chúa đỏ mặt, trả lời bằng một câu hỏi:

- Vậy chớ ông có biết ta dùng nó vào việc gì không?. Rồi nàng quay ra truyền Bích Huệ lên hầu.

Bích Huệ từ bữa được công chúa gia ân, lại cho tiền bạc về quê thăm nhà, tỏ ra một người mẫn cán, tận tụy hết mức. Bích Huệ thường nói với bạn bè:

- Không những công chúa cứu sống tôi mà còn cứu sống cả gia đình tôi. Ôn cứu tử đó, ngoài tám thân tôi ra, còn biết lấy gì đền đáp.

Bích Huệ được quan thái y trao vị thuốc cho và dặn:

- Người về thừa lại với công chúa, dùng vị thuốc này phải cẩn trọng lắm, nghe chưa?.

Bích Huệ nói lại điều quan thái y dặn. Huyền Trân chỉ tủm tỉm cười:

- Ta đoán chắc là quan thái y không biết ta dùng vào việc gì, nên chỉ đoán già đoán non đó thôi. Rồi Bích Huệ và Thúy Quỳnh đem sao, tán nhỏ để dùng có việc.

Từ lúc quan thái y sang chẩn bệnh, tự nhiên công chúa nảy ra một ý nghĩ tình nghịch. Tâm trí nàng bị hút vào một trò chơi, nên nàng hết cả buồn, hết cả ốm. Không khí trong cung lại đậm ẩm trở lại. Nhũ mẫu thấy nàng tươi tỉnh, hoạt bát cũng hết lo hết buồn. Nỗi vui buồn của bà cũng hồn nhiên như công chúa, song nó phụ thuộc vào công chúa.

Bích Huệ, Thúy Quỳnh hì hụi sao sao tán tán. Bột thuốc với mùi thơm hắc của nó làm cả hai cô ho sặc sụa. Công chúa tưởng có chuyện gì do vị thuốc gây nên, bèn chạy lại. Nàng kéo ghế nhích lại gần hai tì nữ thân cận mà nàng tin yêu nhất. Mỗi đứa một tính một nết. Thúy Quỳnh thùy mị, ít nói, siêng học. Bích Huệ hoạt bát, linh lợi, gặp việc xử trí rất nhanh. Huệ có tật lười học, nhưng lại là một đứa tì nữ thông minh nhất trong đám nữ tì của công chúa.

Ngồi cạnh mấy nàng hầu, công chúa cảm thấy giữa mình với họ có gì thân thiết ràng buộc. Thực tình công chúa là người có lòng bao dung, độ lượng, không chấp nhặt, nên các nàng hầu cũng dễ ăn ở. Đột nhiên nàng hỏi Bích Huệ:

- Người về nhà thế nào mà không thấy nói lại với ta điều gì nhỉ?.

- Bẩm công nương, từ hôm con lên kinh, thấy công nương có vẻ ủ ê tư lự, nên con chưa dám trình lại với công nương.

- Người kể đi. Làng quê người có đẹp không? So với quê ta ở Thiên Trường thế nào? Cha mẹ người có mạnh khỏe không? Các em thế nào? Số tiền ta cho có chi tiêu được việc gì không? Ở quê người có bị bọn xã quan nhũng nhiễu lắm không? Công chúa liên tiếp đặt ra những câu hỏi.

Bích Huệ đang sắp xếp ở trong đầu để trả lời, nhưng sao khó quá. Công chúa lại hỏi quê mình có đẹp không? Ôi, cuộc sống của ta từ đời này qua đời khác đã gắn bó với mảnh đất quê hương. Biết bao vui buồn, khổ đau, hoạn nạn cũng xảy ra trên mảnh đất quê hương. Nhưng lại so với quê hương của công nương ở nơi phủ Thiên Trường, thì sao mà so được? Dù ở nơi phủ Thiên Trường thì cũng có phải là quê mình đâu. Dầu có đẹp cũng là cái đẹp của người, quê người. Thấy Bích Huệ băn khoăn, công chúa lại hỏi:

- Sao, người không cho ta nghe được điều gì sau chuyến thăm quê ư?

- Thừa công nương, vì có nhiều điều muốn tâm với công nương quá, nó cứ bề bộn lên ở trong đầu, con phải sắp xếp lại đã. Bẩm công nương, trước hết là cha mẹ con và các em con, nếu không nhờ có số tiền của công nương ban cho, chắc là hôm nay đã chêt cả.

- Sao vậy? – Công chúa ngạc nhiên hỏi.

- Dạ, bầm công nương, chả là ở quê con mất mùa. Đói to. Làng con không mấy nhà không có người chết đói. Có nhà chết hết không còn một người nào. Khu bãi tha ma ở cánh đồng làng con, mả mới cỏ chưa kịp mọc, xếp liền nhau như bát úp. Cha mẹ con cùng mấy đứa em con đã nhịn đói trong, mất hai ngày. Cả nhà đang lả dần. May thay, đi đường con lại mua được gói xôi, hai chị em mệt quá chẳng ăn được miếng nào. Mẹ con chỉ còn thoi thóp thở, gắng gượng bảo em con đem xôi nấu cháo. Nấu xong, con đồ cho mỗi người một bát, hồi lâu mới tỉnh.

Con Tẹo, em con, bữa nó gặp công nương mới ở phủ Thiên Trường về ngoài bên Đông bộ đầu ấy, là nó liêu lĩnh trốn nhà đi tìm con. Chứ ở nhà có ai biết nó đi đâu. Mẹ con thường răn dạy nó: “Không được lên kinh quấy quả công nương”. Lệ vua cũng đã cấm:”Con nhà dân không được bèn mảng đến chốn kinh kỳ”. Con hỏi nó:”Sao em liêu vậy?”. Nó bảo:”Đằng nào mà chẳng thế. Nếu bố mẹ cùng chúng em chết hết, chị cũng chẳng sống được. Mấy lại em nhớ chị lắm. Dẫu trước lúc chết, em được nhìn thấy chị, còn hơn ở nhà chết đói nhăn răng mà chị em vẫn muôn trùng cách biệt”.

Công chúa thở dài nã nuột:

- Ôi cái đạo cốt nhục sâu dày vậy thay! Chị em người con nhà bần bách mà trọng nghĩa lắm thay! Đáng quý. Đáng quý! Công chúa không nén nổi xúc động, bèn quay mặt đi.

Bích Huệ lại dễ dàng nói:

- Bầm công nương, hai nén vàng công nương cho. Con để một nén lại cho cha mẹ độ thân. Còn một nén con cúng vào chùa, để nhà chùa mua gạo về bố thí cho dân làng. Sư cụ, người cũng tận tâm lắm. Con thừa thật tình với sư cụ về tấm lòng độ lượng của công nương. Con vừa được tha tội chết, lại được ban phát vàng bạc cho trở lại thăm quê. Sư cụ tỏ lòng ngưỡng mộ công nương. Người đã mở cửa chùa bố thí ba ngày liền. Lại lập một tiểu đàn tràng để làm lễ cầu mát cho công nương.

- Đa tạ - Công chúa nói với giọng cảm kích chân thành.

Ngừng tay già. Thúy Quỳnh nhón một chút xíu bột A ngày lên hai đầu ngón tay, rồi bóp ra xem. Bột nhuyễn mịn. Nàng đem đến trước công chúa:

- Bầm công nương, con già như thế này được chưa ạ? Công chúa gật, và dặn:

- Hai người bỏ bột này vào một chiếc lọ, miệng nhỏ, rót thêm một chén tống rượu, nút thật khít lại, lắc một lúc cho rượu ngấm đều vào thuốc rồi cất đi, khi nào dùng đến, ta sai lấy.

Hai ti nữ răm rắp làm theo, lòng tự hỏi: Không biết công chúa dùng thứ thuốc này làm gì?

Đoạn công chúa truyền Bích Huệ vào hầu. Nàng bảo Bích Huệ:

- Em vào xẻ lấy một ít thứ thuốc vừa rồi, tẩm trong một miếng vải, đi vào viện thái y, bôi thật kỹ lên tấm cửa thứ

ba bên hữu. Nhớ phải xoa thật lâu vào một chỗ, rồi đem miếng vải về cho ta.

Bích Huệ ngẫm nghĩ: Không biết công chúa chơi trò nghịch ngợm gì đây. Từ trước, người có thể đầu.

Trong lòng Bích Huệ không khỏi lo lắng.

Huyền Trân lại hỏi:

- Em có dám làm điều ta sai bảo không?

- Dạ, con làm được. Nhưng thưa công nương làm thế để làm gì ạ?

- Hãy làm điều ta muốn. Không nên biết việc em làm.

- Dạ, thưa công nương, nếu như con đang làm mà quan thái y bắt được thì sao ạ?

- Chính là điều ta cần hỏi em. Vì em đi làm việc đó chứ không phải ta.

Ngẫm nghĩ một lát, Bích Huệ đáp:

- Bẩm công nương, con sẽ nói:”Trình quan thái y, con trông thấy vết bầm trên cánh cửa, con lau đấy ạ”.

- Giỏi. Em biện bác khá hay. Nhưng nếu quan thái y hỏi em tới đó có việc gì thì em nói sao?

Bích Huệ đáp luôn:

- Con sẽ nói:”Bẩm quan thái y, công nương sai con cảm tạ quan thái y đã cho vị thuốc”.

Trần Huyền Trân cười sung sướng:

- Em quả là sáng dạ hơn người. Ta chắc, em sẽ còn giúp ta được nhiều việc. Ngày một lát, như để dẫn đo cân nhắc thêm, công chúa lại nói:

- Em vào thư phòng của ta, có phong thư viết sẵn để trên án. Em đem sang bên Đông cung cho thái tử. Ta không giấu em. Đây là thư ta nói thái tử hẹn với quan giáo thụ, để ta sang nghe ngài giảng kinh sách. Em nhớ, sang Đông cung xong, lúc về mới ghé viện thái y.

- Dạ. Con xin làm tròn phận sự công nương giao phó.

# Chương X

Sớm dậy công chúa đã vào phòng trang điểm. Nàng không dùng phấn son lòe loẹt, áo quần sắc sỡ. Công chúa mặc chiếc áo dài màu tía cổ thêu đôi chim phượng bằng chỉ kim tuyến, đai ngọc thất hờ. Hai cửa tay thụng viền chỉ bạc, quần màu xanh nõn chuối, chân giầy hài cong màu cánh chả, và xúc một thứ nước trầm hương lên làn tóc mây đen như mực, buông xõa tới ngang lưng.

Đầu đội chiếc mũ bằng lông điều trắng muốt.

Công chúa có đôi mắt đen huyền, hàng mi cong như chiếc lá liễu rũ trên cành. Chiếc mũi thanh tú hòa hợp với khuôn mặt trái xoan được nước da mịn mỡ trắng hồng tôn lên, nom nàng đẹp như một cô tiên lạc bước xuống trần. Và bao giờ ra khỏi nhà, công chúa cũng ngậm một hóp nước trầm, xúc miệng thật lâu.

Huyền Trân vừa toan bước xuống bậc thềm, thì hai tì nữ ủa tới. Cả hai cùng reo lên:

- Công nương đẹp quá! Công nương đẹp quá!

Huyền Trân mỉm cười, đôi má ửng hồng như một trái đào khoe mã. Nàng dắt tì nữ ra dạo ngoài khuôn viên. Chiếc hồ bán nguyệt nước trong tới đáy. Rặng liễu quanh hồ rũ bông xuống nước buồn hiu. Mấy cây hoa lan, hoa mộc kín đáo tỏa hương dịu dịu. Lại kia khóm bạch trà nở muện khoe sắc trắng phau. Lấp ló vài bông hải đường còn sót sau tết Nguyên tiêu, rã cánh chỉ còn trơ lại đám nhụy vàng xơ rơ. Nắng xuân tỏa sắc vàng mơ. Công chúa đi dạo quanh vườn, tà áo nhẹ đung đưa theo nhịp bước khoan thai, cứ dập dờn như cánh bướm thoát đậu thoát bay.

Chợt có người bên Đông cung sang đệ trình công chúa một bức thư. Nàng vén tay áo mở thư đọc. Khóe mắt ánh lên như cười. Gấp thư lại, nàng ném cái nhìn băng khuâng vào vòm trời xanh nhạt. Dạo thêm vài bước, như chợt nhớ ra, công chúa quay về phía người nô bộc bên phủ Đông cung, bèn hất hàm nói:

- Người về thưa lại với thái tử, ta sẽ sang ngay.

Rồi sai bọn tì nữ đi lấy kiệu, để nàng sang phủ Đông cung nghe quan giáo thụ giảng kinh sách.

Thái tử còn nhỏ, mới theo học được vài năm, phải có người phụ giúp để kèm cặp. Mấy quan giáo thụ trước đây, việc dạy, giảng nghiêm khắc, nên không hợp ý thái tử. đều phải thay cả. Nhà vua dù có tôn sư trọng đạo, dù có nghiêm đến mấy cũng vẫn là một người cha, không thể không chiều con. Thái tử được người phụ giảng dẫn ra lạy chào hoàng cô. Trần Huyền Trân hỏi han sự học hành của thái tử. Có đôi lần nàng hỏi về quan giáo thụ Trần Khắc Chung. Thái tử cười tủm tỉm, đáp:

-Thưa hoàng cô, cái ông thầy này vui tính lắm. Dễ tính lắm. Ông không bắt học thuộc như mấy ông thầy trước.

Ông còn kể chuyện vui cho cháu nghe nữa.

Công chúa xem sách học của thái tử, thấy quan giáo thụ dạy không chuyên theo một sách nào. Tứ thư, Ngũ kinh đều có trích dạy cả. Nàng hỏi lại thái tử đôi chỗ, xét ra sự hiểu nghĩa cũng còn lơ mơ, có khi không hiểu nghĩa hoặc quên lời thầy giảng mà nói sai. Lật trang cuối cùng trong sách học, thấy chép một đoạn trong sách Trung dung, công chúa bèn bảo thái tử đọc.

(Tứ thư: bốn pho sách kinh điển của đạo nho học: Đại học, Luận ngữ, Mạnh tử, Trung dung. Ngũ kinh: Túc năm bộ kinh sách cơ bản của đạo nho: Dịch, Thi, Thư, Lễ, Nhạc, Xuân thu. Vậy là sáu kinh nhưng Tần Thủy Hoàng đốt mất Kinh hạc, không sưu tầm được, chỉ còn năm Kinh lưu truyền tới tận ngày nay. Nên gọi là Ngũ kinh.)

Thái tử lấy giọng đọc to:

*- Hữu phát học, học chí phát năng, phát thố giả. Hữu phát vấn, vấn chi phát tri, phát thố giả. Hữu phát tu, tu chi phát đắc, phát thố giả. Hữu phát biện, biện chi phát minh, phát thố giả. Hữu phát hành, hành chi phát đức, phát thố giả. Nhân nhất năng chi, kỷ bách chi; nhân thập năng chi, kỷ thiên chi. Quả năng thử đạo kỷ, tuy ngu tất minh, tuy nhu tất cương.*

Thái tử vừa đọc dứt lời, Trần Huyền Trân mỉm cười hỏi:

- Vậy cháu có hiểu nghĩa đoạn văn trên nói gì không ?

Thái tử lắc đầu:

- Ông ấy chưa giảng. Hôm nay mới bắt đầu học sách Trung dung.

Chợt có người vào bẩm:

- Quan trừ cung giáo thụ đã tới!

Công chúa cúi đầu chào với vẻ bẽn lễn đứng né sang một bên.

Trần Khắc Chung vòng tay đáp lễ, rồi nói:

- Thưa công nương, hôm qua tôi có được hân hạnh đọc thư công nương ngỏ ý muốn xem thái tử học hành thế nào. Tôi không dám tiện tiện trả lời công nương, bởi việc đó lại quyền ở thái tử. Còn về phần tôi, được tiếp rước công nương, tôi cho là một ân huệ. Xin công nương và thái tử bỏ lỗi cho buổi học hơi trễ này, là bởi sớm nay quan gia cho gọi tớii châu. Tan châu, tôi vội vã về đây ngay, kéo công nương cùng thái tử phải đợi.

- Nếu ông giáo thụ không cho việc tôi tới đây nghe giảng là quấy rầy, thì xin ông cứ giảng cho thái tử.

Quan giáo thụ sửa lại mũ, áo ngay ngắn rồi ngồi xếp bằng trên kỷ nói:

-Thưa thái tử, buổi học bắt đầu. Xin thái tử đọc lại đoạn văn chép hôm qua, để thần được hầu giảng.

Thái tử mở sách đọc lại đoạn văn lúc trước đã đọc cho hoàng cô nghe. Vừa đọc dứt lời, quan giáo thụ cất giọng

sang sáng:

- Đoạn văn trên Đức thánh dạy rằng: *Có điều mình chẳng học, nhưng đã học mà chưa hay thì chẳng thôi. Có điều mình chẳng hỏi nhưng đã hỏi mà chưa biết thì chẳng thôi. Có điều mình chẳng nghĩ, nhưng đã nghĩ mà chưa ra lẽ thì chẳng thôi. Có điều mình chẳng biên bạch, nhưng đã biên bạch mà chẳng rõ ràng thì chẳng thôi. Có điều mình chẳng làm, nhưng đã làm mà chưa hết sức thì chẳng thôi. Người ta ra công một lần mà thành, mình hãy ra công đến trăm lần. Người ta ra công mười lần mà thành, mình hãy ra công đến nghìn lần. Nếu giữ vững đường lối ấy, dầu ngu độn cũng hóa ra thông minh, dầu nhu nhược cũng hóa ra cường mạnh.*

Cắt xong nghĩa đen, quan giáo thụ ngừng nhìn thái tử và công chúa. thấy mặt thái tử còn ngây ngây, ông chắc người học trò của mình chưa hiểu. Nhưng công chúa lại tươi tỉnh. Mắt nàng ánh lên những tia sáng như he hé cười. Ý như giục quan giáo thụ cứ giảng tiếp. Quan giáo thụ muốn nhân lời thầy Tử Tư nói về sự học hành mà huấn dụ cho thái tử phải động tâm, sửa mình, để cho sự học được siêng năng tấn tới. Bởi mai đây thái tử sẽ lên ngôi báu, trị vì thiên hạ. Người đứng đầu một quốc gia, phải là người thông tuệ. Phải có ý chí sắt đá, kiên cường. Phải có lòng khoan dung đức độ. Cái chí và cái tâm của vị đứng đầu thiên hạ sau này phải được rèn giũa từ bây giờ. Ông chủ tâm đường học là ở nơi rèn trí và rèn đức, bởi vậy ông không nhồi nhét, bắt trẻ nhỏ phải thuộc lòng những điều mà nó chưa ý thức được. Cho nên việc khai trí trước hết phải bắt đầu từ việc khai tâm. Cái gốc vẫn là ở sự khai tâm. Quan giáo thụ cũng biết công chúa là người hiếu học, ham đọc kinh sách. Nên nhân bài học này, quan cũng muốn khích lệ lòng trọng học của nàng, để nàng thấy được cái ý thâm viển của thánh hiền, huấn giáo cho kẻ hậu học, là học để làm người, chứ không phải học để nhuyên văn.

Quan giáo thụ lại ném cái nhìn về phía thái tử và hỏi:

- Thưa thái tử, tôi nói thế, thái tử đã thấu nhận được cái ý của bài văn chưa ạ?

Thái tử gật đầu, nhưng mắt vẫn nhìn quan giáo thụ với vẻ ngây ngây. Biết cậu bé này chưa hiểu bài, ông lại cắt nghĩa một cách rành rọt, giản dị. thái tử chăm chú nghe, mắt cứ sáng dần lên, khuôn mặt nom lạnh lợi. Kinh nghiệm cho ông biết, như vậy là học trò đã nắm được bài. Ông bắt thái tử phải tự mình cắt nghĩa. Khi cậu bé nói lại được những điều vừa nghe giảng, quan giáo thụ gật gù khen ngợi:

- Bây giờ tôi lại giảng sang nghĩa bóng của đoạn văn trên, xin thái tử lưu tâm.

Với giọng nói uyển chuyển, với lối dẫn dụ xa gần, kim cổ khiến bài giảng của ông vừa cao, sâu, vừa giản dị, làm cho người nghe tưởng như mình đang chứng kiến những cảnh có thực trong đời. Bởi vậy không những thái tử bị hấp dẫn, mà ngay cả công chúa cũng cuốn hút vào lối giảng vừa hiền lộ vừa uân ảo của quan giáo thụ.

Sau khi nói hết những ý sâu xa, ông lại nhấn mạnh thêm:



- Người đời thường đem chuyện ông Ngu Công dờ núi, với chuyện mài sắt thành kim, để khích lệ ai đã làm việc gì phải hằng tâm hoàn tất. Chứ thật ra người đời có ngu gì mà không dờ nhà mình đi chỗ khác mà lại đi dờ núi. Cũng như cái công bỏ ra mài một cục sắt mà thành cây kim, nếu để làm việc khác có thể mua được tới cả ngàn cây kim. Bởi chưng việc học ở đời là việc cực khó; nên người đời mới đặt điều khuyên dụ như vậy. Ấy là nói cái học để thành nhân, chứ không phải cái học để thành danh. Các đấng minh quân từ xưa tới nay, đều là những bậc trí huệ nhân bản cả. Người trị vì cả một nước dù là nước nghèo, nếu như giữ được cái đạo thường, dân vẫn mến nghĩa nghe theo. Nước vẫn thái bình thịnh trị. Muốn giữ được kỷ cương ấy, người cầm đầu thiên hạ phải là người trí. Hóa nên dân tuy có tạm bị mất mùa mà thiếu đói, nhưng nước vẫn có rường mối, ổn định, Còn như nước giàu, mà người cầm đầu thiên hạ lại không phải là người trí, thì mọi kỷ cương đều xáo trộn. người dân không còn biết tin và nghe cái gì nữa. Thành thử nước tuy có giàu, mà vẫn không có lễ luật, khiến cho nhân tâm biến loạn. Nước ấy sẽ nát như tương. Thái tử là người sau này giữ gìn ngôi báu chấn dất trăm họ, không thể không lưu tâm đến điều có quan hệ tới việc trị nước, an dân. Nói tới điều này hẳn nhiên Trần Khắc Chung đứng trên cương vị của quan đại an phủ sứ mà thâm định. Tan học, quan phụ giảng ra mời quan giáo thụ, thái tử và công chúa vào trà thất.

Sau hai tuần trà rồi, mà đầu óc công chúa vẫn còn vương theo những lời huấn giảng của quan trừ cung giáo thụ. Rõ ràng là từ trước, nàng chưa được nghe một buổi giảng kinh sách nào vừa nghiêm trang lại vừa hấp dẫn, vừa hiểu được nghĩa của sách, vừa biết được cái nhẽ ở đời. Lời lời như thúc giục người nghe phải hành động, chứ không phải chỉ nhắm nháp thụ hưởng văn chương.

Quan giáo thụ là người thông bác cả dịch lý, nên ông thừa biết tâm trạng của công chúa thế nào. Tuy vậy, ông vẫn nhũn nhặn hỏi cái điều ông đã biết:

- Thừa công nương, chẳng hay việc hầu giảng của tôi bữa nay có gì khiếm khuyết, xin công nương phủ chính cho.
- Ông giáo thụ quá khiêm nhường. Tôi trộm nghĩ, nếu được ông chỉ giáo, hẳn là đá cũng phải trở thành hiền nhân quân tử.

Trần Khắc Chung cười, mọi người cười theo.

Huyền Trân lại hỏi:

- Bữa nay quan giáo thụ tan châu muện. Chẳng hay vương huynh ta cùng các trọng thần luận bàn điều chi. Ông có hay tin phụ hoàng ta vào Chiêm đã có hồi âm chưa?

- Thừa công nương, việc thượng hoàng vào Chiêm thì sáng nay quan gia đã báo cáo nơi triều hội. Rằng theo như lời biểu của quan điện súy thượng tướng quân, từ biên thùy phía nan gửi về, thì thượng hoàng vào Chiêm được tiếp rước nồng hậu. Sức khỏe của thượng hoàng và đoàn tùy tùng vẫn bình thường. Người vẫn chưa ấn định ngày về.

Ngừng một lát, quan đại an phủ sứ tùm tùm cười, nói tiếp:

- Có một điều lẽ ra tôi không có quyền nói ở đây, nhưng đều là người trong hoàng gia cả nên tôi cứ mạo muội...

Bỗng quan an phủ sứ ngừng lời khiến mọi người càng háo hức muốn nghe. Phút yên lặng tưởng dài đến vô tận.

Không nén nổi tính tò mò con trẻ, thái tử lên tiếng giục:

- Xin ông giáo thụ kể tiếp đi. Kể tiếp đi.

Quan giáo thụ cố giấu đi nụ cười, làm ra vẻ nghiêm trang, ông nói:

- Chả là sớm nay, quan thái y lật đật vào triều tâu trình một việc hơi lạ. Cứ như lời quan thái y thì suốt đêm qua, đám lính canh không dám ngủ. Họ nói là có ma đập vào cửa.

Nghe nói tới đây, Huyền Trân công chúa bưng miệng để tránh một tiếng cười phì. Còn hoàng tử thì tròn xoe mắt ngơ ngác, nửa phần như sợ hãi, nửa phần như muốn quan giáo thụ kể tiếp. Quan giáo thụ lại nói:

- Kỳ lạ là cứ mỗi khi đám lính canh thắp đèn đuốc soi tìm thì không thấy một dấu vết gì. Nhưng vừa tắt đèn vào nhà, tiếng đập cửa lại vang lên. Cứ thế tới cả chục lần, sau đám lính sợ quá chạy dạt ra ngoài. Nghe đâu việc ấy xảy ra ngay lúc chập tối. Đêm khuya thì ắng lắm, nhưng mọi người vẫn sợ.

Sự việc chỉ có thế. Qua gia truyền quan thái bác đoán xem là điềm gì.

Sau một hồi suy đoán tính toán, quan thái bác bèn tâu rằng:

- Đó là các oan hồn chết vì thuốc của thái y viện, nay chúng kéo nhau về đòi giải oan để chúng được thoát sang kiếp khác. Việc này không lập đàn chay cúng tế là không xong.

Làm ra vẻ bình thường có pha chút tò mò, công chúa hỏi quan giáo thụ:

- Thưa ông, việc đó theo ông nên hiểu như thế nào? Có đúng là có ma như quan thái y nói không? Có đúng như quan thái bác nói là lập đàn chay cúng tế là giải thoát được không? Nhưng nếu cúng tế rồi mà vẫn không yên thì sao?

- Thưa công nương, tôi vốn không tin vào những điều dị đoan, nhảm nhí. Bởi vậy, tôi không tin vào lời của quan thái y và thái bác. Tôi nghĩ rằng “linh tại ngã bất linh tại ngã”. Nghĩa là thiêng hay không thiêng đều ở nơi mình mà ra.

- Quan giáo thụ nói chí lý lắm. Tôi cũng tin rằng linh tại ngã bất linh tại ngã. Công chúa nói thêm ma quỷ thần thánh gì thì cũng ở nơi con người mà ra cả.

Nói rồi công chúa cáo lui.

# Chương XI

Kiệu vừa hạ xuống trước cửa cung. Cả đoàn ti nữ ùa ra đón công chúa. Nàng chưa kịp thay áo, Bích Huệ đã lên vào phòng hỏi:

- Thưa công nương, người đã biết bên viện thái y có chuyện gì chưa ạ?

Làm ra vẻ không lưu tâm, công chúa lại hỏi:

- Người bảo có chuyện gì. Ta chỉ thấy nói bên thái y viện hoặc phủ kim ngô, để quân lính canh phòng thế nào mà kẻ gian lọt được vào yểm đảo bùa chú. Phủ kim ngô đe sẽ tìm ra bọn phù thủy dùng tà thuật làm nao loạn nhân tâm để trị tội. Nói đến đây giọng công chúa tỏ vẻ ghen ngào nhìn về phía Bích Huệ. Ngừng một lát, công chúa lại hỏi:

- Vậy chớ em biết chuyện gì xảy ra ở bên đó?.

- Thưa công nương, con nghe người ta đồn ầm lên rằng đêm qua có ma về đập cửa viện thái y.

- Thế em có biết vì đâu ma đập cửa không?

- Dạ thưa công nương, con không biết ạ.

- Em khéo vờ quá. Chính bữa qua em đã làm bùa phép gọi ma về. Ta nghe nói có người thấy em đi đi cái gì trên cửa viện thái y. Từ lúc nghe thấy thế, ta đau lòng quá. Ta đang nghĩ cách cho em đây. Chỉ sợ lúc ta chưa nghĩ được kế, họ đã ập tới bắt em. Rồi đòn đau khảo đả, không chịu nổi, em lại xưng vẩy cho ta. Thế là cả ta, cả em... ôi biết đâu lại tới nỗi nông nỗi này? Bích Huệ mặt mày tái xanh, tái xám. Nhưng chỉ một thoáng, cô nữ ti này đã lấy lại được vẻ bình tĩnh. Nước mắt lã chã, cô sụp lạy công chúa:

- Xin công nương, người cứ an tâm. Thân con coi như đã chết, nếu như không có công nương ra tay cứu vớt. Vạn nhất họ có đến bắt con ngay bây giờ thì con sẽ cắn lưỡi tự tử, chứ không khi nào con để lụy đến công nương. Nói xong, Bích Huệ lại òa khóc thảm thiết.

Sợ bên ngoài nghe thấy, công chúa khép cửa lại rồi lấy khăn lau nước mắt cho Bích Huệ và đỡ:

- Nín đi em. Em làm lòng dạ ta xao xuyên cả lên. Ta không ngờ em lại trung thành với ta đến độ không tiếc cả tấm thân cha mẹ sinh ra nữa. Em bỏ lỗi cho ta. Những điều ta vừa nói với em là nói đùa đấy. Ta nói đùa, em lại tưởng thật.

Bích Huệ lại càng khóc to:

- Con chắc công nương thương con nên nói thế. Thế có trời đất, quỷ thần chứng giám, con không bao giờ phản bội công nương.

Công chúa bật cười vì sự ngây thơ hốt hoảng của Bích Huệ. Nàng đang nghĩ cách làm thế nào để chấm dứt cái trò đùa nguy hiểm này thì Thúy Quỳnh ló đầu vào. Công chúa reo lên:

- Ôi, Thúy Quỳnh, ta đang mong em tới.

Nhìn thấy cảnh Bích Huệ đang quỳ, nước mắt lã chã. Thúy Quỳnh sững sốt ngỡ là Huệ phải đòn. Nhưng thấy khuôn mặt công chúa vẫn tươi tỉnh, hồn nhiên, Thúy Quỳnh liền nói:

- Bẩm công nương có chuyện gì thế ạ?

Công chúa tươi cười nói:

- Em đỡ Bích Huệ lên để ta bày tỏ đôi điều.

Cả hai thị tì cũng không biết công chúa sẽ phán dạy điều gì. Lành hay dữ?

Họ lo lắng ngồi nép vào nhau chờ. Công chúa lên tiếng:

- Thúy Quỳnh, em có nghe người ta nói tới chuyện bên viện thái y không?

- Dạ bẩm công nương thuần những chuyện ma quái rùng rợn. Chuyện còn lan ra cả tới phố phường, con thấy nhà nào cũng bày hương án ngoài sân cúng trời, bàn tán xôn xao lắm ạ.

- Họ nói thế nào?. Công chúa hỏi:

- Bẩm công nương, họ bảo trong hoàng thành, quân canh tứ phía, uy nghiêm là thế ma còn dám tới đập cửa. Thưa công nương họ còn dựng lên cả một câu chuyện thật là kỳ cục. Ví như họ nói: “Có một đoàn ma già, ma trẻ kéo tới viện thái y. Bắt quan thái y đem đim xuống nước mãi mới chịu buông ra. Quan thái y rét run cầm cập, mặt cắt không được một giọt máu chạy về phục trước sân rồng, nom ông như một đồng rạ mục... Ôi, thưa công nương, miệng thế gian biết thế nào mà tin được. Nhưng con vẫn ngờ dân chúng họ thính lắm, sự thể có thể nào chẳng giấu được họ đâu. Con bèn ghé qua bên viện thái y. Bên ấy vắng tanh vắng ngắt. Con sợ quá, phải chạy té về ngay”. Công chúa nghe xong câu chuyện cũng có vẻ động dao. Nàng tự xem xét lại cái trò nghịch ngợm của mình, không ngờ sự thể lại xảy ra oái ăm đến thế. Nhìn thẳng vào mắt hai ả thị tỳ, công chúa tùm tùm cười, rồi chậm rãi:

- Các em có nhớ hôm ở chùa Phổ Minh, phụ hoàng ta đã nói, khi người khuyên các vị trưởng lão, các tăng già hãy răn dạy dân chúng, đừng tin vào những điều dị đoan nhảm nhí, Nhất là những phương sách bịp bợm, ma giáo của lũ phù thủy người Tống. Họ chạy sang ta từ khi nước họ bị người Thát lầy mất. Họ đem theo cả một số tà thuật sang để làm sinh kế. Dân ta đôn hậu, cứ cảm cổ nghe theo. Thành thử tổn hại không biết bao nhiêu mà kể. Tiền của mất. Bệnh tật thêm. Mà thần nọ thánh kia, miếu này phủ nọ, nó mọc lên nhan nhản. Chỗ nào cũng thờ, cũng hương khói, cúng vái. Hóa ra chúng dân đâm nhát sợ, thờ từ một hòn đá đến gốc cây, bụi cỏ. Cứ hễ cái gì dị dạng dị hình, chúng bảo đó là thần linh, hoặc yêu quái. Chính thần, tạp thần, dâm thần cứ gặp gì thờ ấy... Có đúng phụ hoàng ta đã nói

như thế không các em? Ừ phải, ta nhớ không sai. Phụ hoàng ta còn vạch một số tà thuật của bọn người Tông để các bậc trưởng lão, nếu chưa tin thì cứ việc làm thử. Chỗ ấy các em có nhớ không? Không nhớ à? Ta cũng tin là các em không nhớ. Ngay từ khi ta sai các em đi xin các vị thuốc A ngày rồi về sao tán, không thấy các em cất vấn điều gì, ta biết ngay là các em đã quên. Chính quan thái y cũng không biết, hướng chỉ các em. Thật ra ta không muốn đem đến thái y viện mà làm thử. Nhưng vì quan thái y bữa đó, trước khi ra về còn dặn một điều lằng lằng: “Công nương phải rất cẩn thận trong khi dùng vị thuốc này”. Làm như ông ta biết chắc chắn rằng ta dùng vào việc gì. Ta lại cho rằng, ông ta chẳng biết gì hết. Vậy nên ta trêu tức, mới sai Bích Huệ đem sang bôi vào cánh cửa viện thái y. Bây giờ sự thể nó bùng ra như các em thấy đây.

Cả hai cô thị thì đều ngờ ngạc gần như kinh ngạc. Rằng tại sao chỉ bôi có vị thuốc A ngày hòa với rượu lại gọi được ma quỷ về.

Huyền Trân nhìn hai thị tỷ với vẻ thương hại:

- Các em tưởng ta cũng như phù thủy có phép gọi ma về phải không? Láo hết, chẳng có phép tắc nào cả. Tiếng ma đập cửa ấy chính là tiếng va đập của những con dơi đập vào cánh cửa. Chả là thế này, A ngày sao tán lên rồi tẩm với rượu, nó toát ra một thứ mùi thơm thơm, hắc hắc, loài dơi rất thích. Một con thích gọi cả bầy đàn. Hết đàn ấy, đến đàn khác. Chúng cứ thay nhau lao vào cánh cửa. Mỗi con lao lại gây ra một tiếng đập, kiểu như tiếng người đập cửa. Sự việc xảy ra bên viện thái y là như vậy. Cũng đúng như ta xét đoán, quan thái y chẳng hiểu gì về cái vị thuốc này cả. Còn hàng trăm vị thuốc khác nằm trong các hộp để bảo chế, ta không hiểu quan thái y biết đến mức nào?

- Dạ bẩm công nương, thế có cách nào giải được cái nạn dơi đập cửa này không ạ?... Thúy Quỳnh lễ phép hỏi. Nàng nói thêm:

- Thưa công nương, con nghe nói lính canh đã dùng đèn đuốc soi, sao lại không biết có dơi là thế nào ạ. Chuyện này con chưa được tường lắm, xin công nương dạy cho.

- Ta cũng đang muốn chấm dứt cái trò chơi này với quan thái y. Lại phải nhờ đến hai em đây. Chiều nay các em nấu lấy một ít nước ngũ vị thật đặc, xong rồi tẩm vào vải, đem sang bôi đè lên chỗ bữa nọ Bích Huệ đã bôi nước A ngày. Hết mùi A ngày, dơi không tới nữa. Vừa rồi, Thúy Quỳnh có hỏi ta: “Lính soi đèn sao không biết có dơi”. Bí quyết lừa bịp của bọn phù thủy là ở chỗ đó, dân sợ cũng ở chỗ đó. Vì đêm tối bất chợt có tiếng đập cửa râm râm, hỏi không có ai trả lời. Người trong nhà đâm sợ. Nổ đèn đuốc lên, hô hoán lên, xóm giềng kéo đến. Không tìm thấy một dấu vết nào. Chán rồi mọi người ai về nhà nấy. Chủ nhà cũng đi ngủ. Cửa vừa gài, đèn vừa tắt, tiếng đập cửa lại vang lên. Cứ như thế ai mà không sợ. Kéo dài mãi, người trong nhà có thể bị điên. Thế là phải tìm đến thầy cúng,

câu xin lễ vái. Còn khi thấp đèn, đuốc, dơi không tới nữa là do dơi sợ ánh sáng. Đây có một câu chuyện để ta kể cho các em nghe...

Vội về lim dim thư thái, công chúa như cố nhớ, cố chấp nối lại những mảnh lễ rời rạc trong ký ức tuổi thơ. Hai tỉ nữ mắt hau háu nhìn Huyền Trân, vẻ như van lơn, như nài xin công chúa nói cho nghe.

Một thoáng sau, công chúa khẽ cất lên giọng trầm trầm, âm áp:

- ... Ngày xưa, có một cuộc thi tài đọ sức giữa hai loài thú và chim. Dơi có nước da đen mốc, bộ mặt choắt, dãn đeo như một cụ già trăm tuổi. Lại có vóc dáng đạo mạo uyên nguyên như một nhà hiền triết, nên được cả hai loài chim thú cử làm giám thí. Chiêng trống nổi lên, đàn sáo nổi lên, Lại có cả những giọng hát hay của loài chim sơn ca, chích chòe, liêu điểu, họa mi, yến xen với tiếng gào gào của các loài thú dữ như hổ, báo, sư tử, khiến trời đất chạt ních những thanh âm. Khi các âm thanh hỗn tạp vừa dứt, cuộc đấu bắt đầu. Loài chim cử đại bàng ra thách đấu. Loài thú cử hổ vằn ra nghênh chiến. Một mãnh thú, một mãnh cầm quấn nhau làm cho núi nghiêng, cây đổ. Lá rừng nát tươm cùng với bụi cát bay lên che lấp cả ánh mặt trời. Cuộc đấu mỗi lúc một thêm căng thẳng, dữ dội tưởng như không bao giờ dứt. Có lúc đại bàng đã cắm được những chiếc móng sắc nhọn vào mình hổ. Chỉ còn một việc võ đôi cánh rộng lao vút lên chín tầng trời, rồi thả cho hổ rơi vào vách đá hoặc chìm xuống vực sâu, thân xác tan như như một cây thối ruỗng. Đó là món võ ác hiểm sở trường của vị chúa tể loài chim này. Giữa lúc tính mệnh hổ nghìn cân treo sợi tóc thì quan giám thí reo âm lên: “Hổ thua rồi! Hổ thua rồi! Vinh quang biết mấy cho loài chim chúng ta! Muôn năm vị chúa tể của chúng ta! Muôn năm vị chúa tể của chúng ta! Muôn năm sự dũng mãnh của đức vua đại bàng! Vinh hạnh cho ta mang trong mình dòng máu của đức vua!” Nói xong dơi giang đôi cánh mỏng không có một mảng lông, chỉ có một mảng da nhẵn nheo, như để chứng minh cho quan khách biết: “Ta thuộc loài chim”. Nhưng vị chúa sơn lâm đâu có chịu chết một cách nhục nhã. Ngài gầm lên một tiếng dữ dằn như một làn sóng thần, khiến lá rừng rơi rụng trụi như một sáng trọng đông. Rồi vùng ra khỏi những chiếc móng nhọn như răng của một chiếc kim thép của đại bàng. Và đột ngột hổ quay ngoắt lại vỗ được một bên cánh của đại bàng, kéo giăng ra như một chiếc quạt khổng lồ. Hổ đã chuyển bại thành thắng, nhờ có sự dũng mãnh phi thường, và cũng nhờ vào miếng võ gia truyền tuyệt luân của họ hàng nhà hổ.

Trong khi các quan khách chưa hết sững sờ vì ngón đòn của hổ, thì dơi đã bật dậy reo nồng nhiệt: “Hổ thắng rồi! Hổ thắng rồi! Đại bàng sẽ chết! Đại bàng sẽ chết! Muôn năm vị chúa tể sơn lâm. Muôn năm đức vua dũng mãnh của loài thú chúng ta...”

Dứt lời, dơi vội vàng lết đi chậm chạp như một con bọ hung, cũng là để khoe với quan khách rằng: “Ta thuộc loài thú kiêu hùng chứ không có dính dáng họ hàng gì với loài chim hạ đẳng”.

Trong khi dơi đang cao đàm khoát luận thì đại bàng nhanh như chớp, lấy hết sức bay vọt lên rồi mổ chiếc mỏ vừa sắc như dao vừa nặng như búa vào đầu hổ. Cuộc đấu lại tiếp diễn, mỗi lúc một ác liệt thêm. Cho mãi đến khi mặt trời đã rơi xuống phía bên kia các ngọn núi thấp, bầu trời xám xịt, cuộc đấu vẫn chưa phân thắng bại. Cả hổ lẫn đại bàng đều khôn ngoan hơn, thế công thủ kín đáo vững vàng hơn. Cuộc đấu có thể kéo dài đến vô hạn, cả hai loài chim và thú, thấy không có cách nào khác là phải chung sống với nhau dưới bầu trời của thượng đế. Chúng bèn cử họa mi và khỉ ra dàn xếp. Cuộc hòa giải kết thúc vui vẻ. Công ra múa, bộ lông của nó xòe ra cụp vào, màu sắc rực rỡ như muôn ngàn vì sao lấp lánh. Thiên nga đan kết thành vòng nhào lộn trên bầu trời mờ tối. Các loài chim, các loài thú đều rộn rã tấu lên khúc nhạc êm hòa giao kết... Đêm xuống, các loài chim về ngủ, dơi xập xòe đôi cánh bay theo. Nhưng bị chúng xua đuổi. Không có một giống chim nào chịu nhận dơi vào tộc họ của mình. Lũi thủi, dơi quay về bò lết những mẩu chân ngắn ngủn theo các loài thú. Lại đến lượt các loài thú xua đuổi dơi. Chỉ vì dơi định chơi trò lấu cá. Khi được cử làm trọng tài giám sát cuộc thi, dơi đã không làm tròn chức phận một cách công bằng, mà chỉ chăm chú gửi tâm thân mình về bên nào có lợi nhất. Dơi cũng khéo cải trang cho bộ mặt mình có cốt cách của loài thú, có vóc dáng của loài chim. Nhưng xét cho cùng, dơi chẳng phải chim, cũng chẳng phải thú, lại còn thêm một tâm địa xảo trá, nên cả hai loài chim và thú đều không cho gia nhập cộng đồng. Thành thử dơi phải sống lén lút. Bởi ngày là của một số loài chim, đêm là của một số loài thú, nên dơi chỉ có thể lợi dụng kiếm ăn vào lúc ngày sắp tàn, đêm sắp tới. Ấy là lúc chập choạng giữa tranh tối tranh sáng. Thế mới hay ở đời: “Khôn ngoan lắm, oan trái nhiều...”. Công chúa thờ dài như vừa trút đi một cái gì nặng nề ám ảnh ở trong lòng.

Vội về thán phục. Bích Huệ ngược nhìn công chúa hỏi:

- Thưa công nương, chẳng hay do đâu mà công nương biết được lai lịch loài dơi một cách tường tận như vậy?

Thúy Quỳnh cũng sắc sảo nói thêm:

- Công nương quả là lỗi lạc. Cái gì người cũng biết tới ngọn ngành. Mới nghe thượng hoàng nói về cái vị thuốc “A ngày” thế thôi, chúng con thì một câu chữ cũng không nhớ, còn công nương lại ứng dụng làm liền, khiến quan thái y và cả thái y viện phải lao đao.

Công chúa mỉm cười với vẻ mặt đầy kiêu hãnh, nàng nói:

- Biết lai lịch của loài dơi, là do một chuyện tình cờ. Có lần ta thấy một con vật lạ bay vào trong lầu, rồi nó cứ bám chặt vào gót kèo, đầu chúc xuống đất. ta sợ quá hét lên. Ngày ấy ta còn nhỏ, chừng bảy, tám tuổi. Nhũ mẫu bèn chạy đến, khi đã rõ đầu đuôi câu chuyện. Người bèn đi lấy một chiếc tay mây kêu con dơi xuống, rồi kể cho ta nghe câu chuyện vừa rồi. Phải nói, ta có biết chút ít về cuộc sống ngoài đời, ấy là do nhũ mẫu dạy cho. Chính các em cũng đem đến cho ta nhiều điều mới lạ. Nếu không, ở chốn cung cấm này, ta làm sao biết được. Hoặc giả ta chỉ biết qua

những điều sách nói. Mà sách thuận có dạy người ta về các điều đạo lý cao xa, nó không sát hợp với cuộc sống thường ngày. Cũng vì thế mà ta ham mãi tìm kiếm những gì vốn có quanh ta. bởi thế, khi nghe phụ hoàng nói, về ba cái trò ma giáo của mấy anh phù thủy người Tống, mắt nước chảy sang ta, đi lừa bịp kiếm ăn. Ta đã ghi ngay vào trong đầu óc, là phải làm thử xem, có đúng như lời phụ hoàng nói không? Ai ngờ... Mắt công chúa long lanh sáng, nở một nụ cười kín đáo. Rồi nàng bảo hai tì nữ thân cận:

- Ngay chiều nay, các em phải đem nước ngũ vị sang bôi kỹ lên cánh cửa bên viện thái y, chỗ bữa trước Bích Huệ đã bôi nước A nguyền. Phải thôi ngay cái trò chơi ma quỷ này, nếu không, chủ, tớ chúng ta đều mắc vào trọng tội đó.

- Chúng con xin vâng! Cả hai nữ tì cùng lên tiếng đáp lời chủ.



# Chương XII

Vua Nhân tôn và đoàn tùy tùng đi theo đường ngựa trạm vào các châu, quận phía nam, để rồi vào Chiêm bằng đường thủy. Chỉ những đoạn nào hiểm trở lắm, nhà vua mới chịu đi cáng. Nhà vua cũng cấm ngặt không được thông đạt cho các viên an phủ sứ, tri phủ hoặc kinh lược sứ, quan sát sứ ở các châu, quận để tránh sự tiếp rước phiền nhiễu cho dân. Vừa đi nhà vua vừa xem xét dân tình. Quả như Khắc Chung nói: “Chúng dân tuy vẫn một lòng hướng về triều đình nhưng quá đói nghèo nàn. Nhiều người đã phải lìa bỏ quê quán đi tha hương cầu thực. Nhiều người chồng con vẫn còn tại ngũ, không ai làm trụ cột gia đình cũng sa vào cảnh sống vất vưởng”. Nhà vua thường cải dạng đi lẫn vào dân. hỏi bất cứ người nào, ở vùng nào họ cũng đều có chung một nguyện vọng, được sống trong thái bình, ổn định. Ai cũng mong mỗi được an cư, lạc nghiệp, chồng con không phải ra trận mạc, không phải chết vì mũi tên ngọn giáo. Đức vua thương dân đến quận thất cả ruột gan. Người tự nhủ: “Chuyến này vào Chiêm, mọi việc suôn sẻ tốt lành ta sẽ tha bớt lính cho về quê quán làm ăn. Không những thế, còn phải giảm thuế ruộng cho dân, và bắt nhà giàu cũng phải giảm bớt tô cho người nghèo. Rồi khuyến khích việc tầm tang, việc làm muối, khai mỏ, việc thông thương hàng hóa trong cả nước. Còn phải biệt đãi những người có tài lạ chước hay. Mong sao trong một vài năm tới, có thể chấn hưng được nền kinh tế, hồi phục được sức dân. Thương dân, không gì bằng lo cho dân được no ấm. Lo cho dân no ấm, không gì bằng khuyến khích dân vỡ đất cấy trồng, tha bớt tô thuế, hạn chế tạp dịch. triều đình cũng phải xén bớt các cuộc tế lễ, yến ẩm linh đình. Việc kiểm ước phải thấu đạt từ vua quan tới chúng dân trăm họ. Phải có hình phạt nặng nề đối với bọn xa hoa lãng phí. Phải ghép bọn quan lại, bọn hào mục hay bòn rút của dân, của nước vào tử tội...”. Nhà vua có lòng thương dân như thương con. Tới vùng nào vua cũng dừng lại chân cấp chút ít, gọi là lộc nước cho những người nghèo khổ, phải lang thang kiếm sống. Và làm lễ cầu siêu cho những người đã bỏ mình vì nước. Lại nữa, dù bận rộn đến đâu, nhà vua cũng không quên khai mở hội giảng để đích thân ngài truyền bá kinh Phật cho tăng chúng và đệ tử. Ngài chỉ mong bố cáo cùng thiên hạ, về tâm lòng từ bi hỉ xả của đức Phật. Ngài kêu gọi mọi người hãy từ bỏ sông đục bến mê, mở lòng mở dạ, tu tính tu tâm. Chớ có tin vào chuyện dị đoan nhảm nhí. Lời nói của nhà vua có sức thuyết phục lạ lùng. Nhà vua không bao giờ nói đến chuyện cảm đoán đền nọ phủ kia, thần này thánh nọ. Nhưng hễ ai đã nghe vua nói rồi, đều thấy việc kính cẩn thờ phụng từ con chó đến gốc đa, gốc gạo là chuyện khôi hài, nhảm nhí. Vì vậy, gót chân của nhà vua đặt tới đâu, thì ở đó bãi bỏ được mê tín quàng xiên. Việc thờ cúng rớt cuộc chỉ còn lại với tổ tiên, ông bà trong các ngày giỗ, ngày tết. Và thờ một vị thần cao nhất, ấy là đức Phật tổ. Nhưng việc thờ cúng Phật tổ, cũng chỉ ở trong lòng là chính. Ai ai cũng vậy, đã theo về Phật, đều phải rèn

cho được cái bản ngã trở thành vô dục. Có nghĩa là từ bỏ lòng tham vô lối. Vì lòng tham, chính là con đường dẫn tới tội ác. từ bỏ được lòng tham, con người đã hé được cánh cửa đi vào cõi thiện.

Đi hết mảnh đất phía nam của Đại Việt, vua Nhân tôn vỗ về quan điện súy thượng tướng quân Phạm Ngũ Lão cùng đoàn hộ giá. Ngài hết lời khen ngợi sự tận tâm của quan điện súy, song ngài không quên nhắc nhở: “Ta biết quan tướng quân là người mưu lược, dụng binh như thần. Nay ta muốn quan tướng quân cũng chăn dân giỏi như dụng binh. Vì gốc của nước là dân. Có dân mới có nước. Binh phiên gì cũng là từ dân cả. Nay ta ra khỏi cõi, chỉ mượn vài lời của tiên nhân ký thác lại tướng quân, ấy là: “*Vạn sự xuất ư dân*”. Nói xong nhà vua phóng tầm mắt nhìn bốn phía mảnh đất của tổ tiên. Ngài như muốn thu vào tận đáy mắt cả non sông gấm vóc. Từng ngọn núi, dải rừng cho tới các thôn ấp đều hiu hắt rạng sáng lên, trong trẻo lên dưới nắng xuân vàng ươm. Tất cả như cùng hát lên lời ca tạm biệt. Đức vua khoan thai bước xuống thuyền.

Quan điện súy dù là người đã xông pha trăm trận cũng không khỏi bồi ngùi, trước tấm lòng nhân ái như trời bể của nhà vua, đối với trăm họ. Viên võ tướng cúi đầu, chấp tay vái nhà vua:

- Thần xin lĩnh mệnh!

Khi nhà vua cùng đoàn tùy tùng đã yên vị xong, các thủy thủ bèn nhổ neo, căng buồm nhằm hướng nam lướt sóng. Phạm Ngũ Lão cùng đoàn tháp tùng đồng thanh hô:

- Chúc thượng hoàng bình an! Thượng hoàng thiên tuế!. Thiên... thiên... t... u... ế!

Gió đem lời chúc bằng an vào tận khoang thuyền. Vua Nhân tôn xúc động, với lấy cây thiền trượng hươ lên ba lần. Đoàn thuyền lặn vào sóng rồi khuất dần sau một đám mây lang thang, bỗng sà thấp xuống như một chiếc tán bạc khổng lồ che cho thuyền ngự .

Ròng rã gần hết một tuần trăng trên mình ngựa, hoặc trong các đền, chùa, quán xá, nhà vua thấy thấm mệt. Ngài nằm thư giãn trên tấm nệm gấm, mắt lim dim ngắm cảnh hoàng hôn trên biển. Nhà vua thiếp đi lúc nào không biết. Lúc tỉnh dậy thấy trắng xóa một trời trăng. Lòng bồn chồn không sao ngủ được, nhà vua khẽ hắt tấm mền mà người hầu cận đã đắp cho ngài lúc thiu thiu ngủ và ngồi nhòm dậy. Ngài khêu to ngọn bấc trong cái đĩa đèn dầu lạc. Lão Thái giật mình thấy nhà vua đang thả hồn trên mặt biển. Biển sáng lấp lánh đến nỗi lão có cảm giác như thuyền đang đi trên một vùng biển thủy ngân. Lão chính là hòa thượng Minh Thái, trụ trì ở chùa Quỳnh Lâm. Nhân một buổi nhà vua có ghé qua chùa thuyết pháp, lão mến mộ đức lớn của nhà vua nên tình nguyện xin được theo hầu. Vua nhận làm đồ đệ đem về Yên Tử để ngài sai khiến. Chuyến đi này lão xin theo làm hầu cận nhà vua, và cũng là đi hộ giá luôn thể. Lão khẽ mở rương lấy tấm áo ngự hàn khoác lên vai nhà vua. Ngài âm ừ một điều gì đó mà lão Thái chỉ cảm thấy hơn là nghe thấy. Công bằng mà nói, tài cảm nhận của lão đã đạt tới mức siêu phàm. Chưa một lần nào lão bị

nhâm lẫn. Cũng vì vậy lão mới sầm sầm đi lấy nghiên, bút cùng một xệp giấy hoa tiên đem lại hầu vua. Rồi lão quay ra quạt lò đun nước pha trà. Chính lão vừa quạt lò vừa phân vân. Vì rằng từ lâu lắm nhà vua không dùng trà, người chỉ dùng một thứ gỗ của cây mai để nấu nước uống. Và người thường gọi là “Lão mai trà”. Ngài hằng tâm khuyên dụ mọi người nên kiệm ước. Bao giờ ngài cũng đi đầu thực hiện những lời chính ngài khuyên bảo chúng dân. Nhà vua hí hoáy viết, đoạn người quay lại nói cùng lão Thái: - “Người lại phía sau lâu thuyền, mời quan ngự sử trung tán tới dùng trà”.

Một lát sau, Đoàn Nhữ Hài đã có mặt. thấy vua Nhữ Hài toan sụp lạy. Nhà vua vội xua tay miễn lễ, và chỉ cho Nhữ Hài ngồi vào tấm nệm gấm.

Với cử chỉ e lệ như một nho sinh nơi thôn ấp mới được vào trường Quốc tử giám, Nhữ Hài khấp nép ngồi vào góc tấm nệm.

Lão thái bê ra một chiếc khay khảm, trên để hai chiếc chén có nắp. Vua Nhân tôn tự mình bê lên một chén ban cho Đoàn Nhữ Hài và nói:

- Trà này ta trồng trên thung Yên Tử. Còn việc sao, hái, ướp sen là do hòa thượng đây giúp rập vào.

Nhà vua vừa nói vừa nhìn về phía lão Thái nửa như khen ngợi, nửa như tỏ ý biết ơn.

Đoàn Nhữ Hài cung kính đón lấy chén trà. Lòng bồi hồi xúc động. Nhữ Hài nói, giọng run run:

- Muôn tâu thượng hoàng, thần chưa có chút công lao gì...

Nhữ Hài còn đang ấp úng, nhà vua đã gạt đi:

- Ta mến khanh tuổi còn trẻ mà đã sớm bộc lộ cái chí của mình. Nhưng khanh quá giữ lễ vua tôi, khiến cho tình ta với khanh cách biệt quá. Đạo thần tử là cốt để gìn giữ rường mối quốc gia. Việc đó thể hiện ở lễ thiết triều, hoặc khi giao tế. Còn khi đàm đạo đôi điều tâm đắc, mà khanh cứ thủ lễ một cách thái quá, ta e câu chuyện sẽ trở nên khách sáo. Khanh hãy cứ coi ta như một người bạn vong niên.

- Tâu thượng hoàng, thần đâu dám nghĩ vậy.

- Khanh uống đi, rồi nhích lại gần đây đọc giùm ta bài thơ tức cảnh. Khanh có thấy biển phương nam đẹp không. Ta đã từng thưởng trăng nhiều dịp. Mỗi nơi mỗi cảnh đều có cái đẹp riêng. Nhưng với cảnh sắc đêm nay ta thấy có gì lạ lắm. Lạ lắm.

- Tâu... thượng hoàng thấy thế nào ạ?

- Ta thấy... ôi khó nói quá chừng. Nói cho đúng ta cảm thấy hơn là ta thấy. Ta cảm thấy như ta có thể hòa nhập cùng vũ trụ. Và ta cũng chính là... là một phần của vũ trụ. Vừa đây ta cứ nhìn mãi vào một ngôi sao chính diện trong chòm sao Thần nông kia, và ta trò chuyện. Đúng thế, ta đã trò chuyện trong cái mênh mông vô thức. Cảm nhận chính

ta là một phần của vũ trụ, nảy sinh trong khoảnh khắc đó.

Nhữ Hải chăm chú nhìn mãi vào tờ giấy hoa tiên do nhà vua trao cho. Quan ngự sử không còn tin ở mắt mình nữa, cứ xoay đi xoay lại tờ giấy không tìm đâu ra lấy một chữ. Chỉ có một hình vòng tròn. Giữa là một nhân tròn bằng hạt đậu màu đậm đặc. Màu đó cứ chuyển nhạt dần đều cho tới lúc nó chỉ còn mờ mờ như một màn khói. Toàn thể hình tròn chỉ to bằng lòng bàn tay. Do dự một lát, quan ngự sử trung tán bèn trao tờ giấy lại cho vua và nói:

- Tâu thượng hoàng, chẳng biết có phải thần là hạng người ngu tối không. Quả thần không đọc được một chữ nào. Phải chăng đây là là một thứ thiên thư vô tự?.

Vua Nhân tôn vội đón lấy tờ giấy từ tay Đoàn Nhữ Hải. Lại đến lượt nhà vua sừng sốt. Nhìn hình vẽ, nhà vua thốt lên:

- Chính lúc ấy ta trông thấy ngôi chủ tể trong chòm sao Thần nông y hệt thế này. Trời, sao ta lại có thể vẽ ra được cái điều huyền bí dường kia của tạo hóa. Ta cho đây là giây phút thăng hoa nhất của tâm linh, khiến con người có thể tiếp xúc được với cái vô biên. Chính lúc lão Thái đưa giấy bút cho ta, là lúc ta vừa có tứ thơ nảy ra ở trong đầu. ta định cầm lấy bút viết, hóa lại vẽ thành cái hình này.

Nhà vua lặng đi trong giây lát. Nhữ Hải cũng băn khoăn xét đoán. Chàng tự nghĩ: Hay là thượng hoàng mắc phải chứng bệnh gì đây. Thời tiết phương nam chắc không hợp với tạng của người. Chàng đã toan ngỏ lời vấn an nhà vua bằng giọng nhà vua lại cất lên âm áp:

- Trong cuộc tuần thú, nói cho đúng là cuộc vi hành các châu Hoan, Ái vừa qua, khanh có ghi nhận điều gì về chúng dân, về quan chức ở các lý, sở, châu, quận?.

Nhữ Hải im lặng, như còn cân nhắc đắn đo những lời sắp nói. Vua Nhân tôn tự tay rót cho Nhữ Hải một tuần trà thứ hai nữa, ngài khích lệ:

- Khanh cứ mạnh dạn nói lên cái ý của riêng khanh. Khanh chớ nên chọn ý lựa lời cốt làm đẹp lòng ta. Dù khanh nói có trái ý ta, nhưng là việc phải, không bao giờ ta trách. Ngay cả những điều quấy, được nói qua miệng khanh, ta cũng không thể trách phạt. Ta biết trong dân chúng, trong quan lại, ngay cả trong triều đình, vẫn còn nhiều điều làm ta áy náy.

Nhữ Hải là một viên quan trẻ nhất triều. Mới hai mươi tuổi đã được vua Anh tôn tin dùng, cất nhắc vào hàng ngự sử trung tán. Vì tài năng chưa có cơ hội bộc lộ, nên các bạn đồng liêu vẫn tỏ ý không phục. Đôi người làm thơ chế giễu. Việc ấy đến tai, Nhữ Hải chỉ cười.(Đoàn Nhữ Hải được cất nhắc vào hàng quan trụ cột của triều đình. Nhiều người làm thơ, ngầm có ý phản đối. Trong đó có ý chế giễu Nhữ Hải có hai câu như:

*“Phong hiển luận đàm truyền cổ ngữ.*

*Khâu tôn nữ sứ Đoàn trung tán”.*

Dịch:

*“Đài ngự sử ôn câu cổ ngữ.*

*Miệng Đoàn trung tán sửa còn hơi”.* )

Và chàng cũng tự thú nhận: “Chức quan quá to, so với tuổi của ta, quả là ta còn là một đứa trẻ nít thật”. Gần đây được vua sai khiến, qua vài việc Nhữ Hải làm vừa ý, nhà vua lại có ý định thăng Nhữ Hải lên hàng ngự sử đại phu, có thể sánh ngang với các vị đại thần trong hánh nhất nhị phẩm. Biết mình còn nhiều người ganh ghét, và Nhữ Hải cũng không muốn vì được nhà vua tin dùng mà lên mặt. Cho nên chàng cố xin vua hãy khoan thăng bổ. Còn việc nhận xét các bạn đồng liêu trên, dưới, trong ngoài triều chính, Nhữ Hải lại càng cẩn trọng lắm. Phải nói nhờ có đức cẩn trọng ấy mà Nhữ Hải đứng được vững trên vị trí của mình. Nhưng nó cũng làm cho chàng trai hai chục tuổi, vướng vào đường công danh ấy già đi tới chục tuổi nữa. Không những chàng phải giữ mồm giữ miệng, giữ từng tư thế cử chỉ cho đến mọi mối giao du y hệt một nhà tu giữ đạo. Về khía cạnh này, Nhữ Hải là mặt trái của Trần Khắc Chung. Khắc Chung phóng túng hào hoa, tới mức như chẳng cần gìn giữ một tí gì trong cương vị của mình.

Mãi dẫn đo cân nhắc, Nhữ Hải chợt nhớ câu hỏi của thượng hoàng bèn kính cẩn đáp:

- Muôn tâu thượng hoàng, theo thiên ý của thần thì dân chúng các châu Hoan, Ái trong hai cuộc kháng Nguyên vừa qua, đã tỏ ra xứng đáng là phen dậu của triều đình. Các nhà đã đóng góp tới suất dinh cuối cùng, đồng tiền bát gạo cuối cùng cho triều đình đánh giặc. Vì vậy sức dân hầu như đã kiệt. Sau chiến tranh, triều đình có tha tô, thuế một phần nhưng nhiều năm hạn hán, bão lụt, mất mùa, kinh tế xã hội chưa kịp hồi phục thì nạn tham nhũng đã mọc lên. Quan lại ở các nha, trấn, châu, quận đua nhau xây nhà, lập phủ, bòn rút của dân. Vì vậy tiếng oán vọng trong dân chúng không phải là không có.

Nhữ Hải thấp giọng, vẻ như ngậm ngùi. Kỳ thực chàng thăm dò ý tứ xem nhà vua có còn muốn nghe những điều nghịch lý, trái tai nữa không. Chàng ngừng lời một cách đột ngột.

Vua Nhân tôn khẽ nhíu đôi hàng mi, vàng trán ngài in đậm những nét nhăn ngang dọc, cặp mắt ngài ánh lên vẻ buồn buồn. Nhìn về phía Nhữ Hải, ngài nói giọng trầm tĩnh:

- Ta vẫn lắng nghe, khanh cứ nói tiếp đi. Ta nhắc lại, khanh cứ nói những việc tai nghe mắt thấy. Và cả những điều khanh suy nghĩ thầm kín, nhưng không muốn bộc lộ. Ta muốn khanh nói rõ hơn. Chớ có nói chung chung. Ta không mong mỗi trong dân chúng không có điều chi oán vọng. Vì rằng ta tặng cho phần của người này, hẳn là phải bớt phần của người kia. Người được tặng sẽ ơn ta. Người bị xén bớt sẽ oán ta. Nhưng cái chính là sau mỗi việc làm, ta thấy lương tâm yên ổn. Tuy nhiên, bọn quyền cao chức trọng, bọn giàu nứt đố đổ vách có oán ta, ta chẳng mảy

may động tâm. Nào, khanh nói đi!

Nhữ Hải chợt nghĩ không cần phải giấu kín những điều mắt thấy tai nghe, những điều bấy lâu hằng tâm suy ngẫm, chàng mạnh dạn thưa:

- Tâu thượng hoàng, trước hết tư cách trong hàng quan lại của triều đình có nhiều điều sa sút. Luật pháp không được tôn trọng, dân chúng không còn biết tin vào đâu. Tỷ như quan thái bôc đi nói những điều dị đoan nhảm nhí, lèo bịp dân chúng để lấy lễ lấy tiền. Quan thái y không lo việc trị bệnh lại thiên sang đường cầu cúng. Quá nửa số quan lại trong triều từ hàng ngũ, tú phẩm trở lên xây nhà, lập phủ bằng tiền bạc đục khoét của dân.

Nhà vua thâm nghĩ: “Việc ấy lão Dương có nói, ta cũng đã biết”.

- Muôn tâu thượng hoàng, điều đáng nói không phải ở chỗ xây nhà lập phủ. Mà sự nguy hại là ở nơi nó tạo cho những người này có thói quen xa hoa hưởng lạc. Nó làm cho họ trở nên đồi bại. Lẽ ra toàn bộ trí tuệ con người có được phải nhằm vào việc ích nước lợi dân, thì những người này thuận lo vào chuyện biển lận, dối trên, lừa dưới, ích kỷ hại dân. Biện phép nước thành một thứ trò chơi con trẻ, Dạ tâu thượng hoàng, loại người này thì ở đâu cũng có. Và lại trong những ngày vi hành vừa qua, thượng hoàng cũng đã mục kích. Không nói đâu xa, ngay nơi thang mộc của thượng hoàng và các tiên đế, sự những nhiễu hà lạm cũng không thiếu. Thần nhớ, bữa về Thiên Trường, thần có gặp một bà lão ăn xin, là mẹ của hai liệt sĩ bỏ mình vì nước. Bản thân bà lão có công lừa giặc vào nơi hang bẫy, làm chết gần hết một cánh quân Nguyên. Những người như thế, triều đình đã ban ân tứ. Nhưng ân sủng của nhà vua đâu có đến được người dân. Nói đến đây Nhữ Hải thở dài, ngừng lời.

Nhà vua cũng nao nao buồn. Ngài nói:

- Việc đó, ta cũng có biết. Ngày ở Thiên trường về, Huyền Trân có đến phàn nàn với ta chuyện khanh vừa nói. Ta đã bảo quan gia phải khiển trách bọn hương chức sở tại. Phải chu cấp cho lão bà đầy đủ suốt đời. Khi chết phải lập miếu thờ.

- Tâu thượng hoàng, trong thiên hạ thiếu chi những người có cảnh ngộ như bà lão đó, mà thượng hoàng cũng như công nương và triều đình chưa biết tới. Thành thử người có công không được thưởng, kẻ có tội không bị trừng trị, lòng người sao phần khích được.

Nhà vua đột ngột ngắt lời Nhữ Hải và hỏi:

- Thôi được, việc đó ta đã có chủ ý rồi. Khi ở Chiêm về, ta sẽ bàn kỹ với khanh và quan gia. Bây giờ ta muốn lưu ý khanh đôi điều khi vào đất Chiêm. Trước hết, ta muốn biết khi đi quan gia có căn dặn khanh điều gì không?

- Tâu thượng hoàng, quan gia chỉ nói nhất nhất mọi việc đều phải xin ý chỉ của thượng hoàng.

- Thượng tướng thái sư và quan điện súy có cậy nhờ khanh việc gì không? .

- Bẩm thượng hoàng, hai quan thượng tướng chỉ căn dặn thần phải hết lòng hộ giá.

Nhà vua trầm ngâm nhìn ra mặt biển lúc này hơi tối, trăng đã ngả về tây. Gương mặt ngài có vẻ thanh thản. Dường như ngài đang nghĩ về điều gì ở một cõi xa xăm nào đấy. tiếng nói ngài phát ra như từ thình không dội xuống:

- Vậy chớ không có ai căn dặn hoặc nhờ cậy khanh điều gì sao?.

Như sự nhớ ra, Nhữ Hải “dạ” “lên một tiếng”:

- Dạ tâu thượng hoàng, thần nhớ có lần trong buổi nhàn đàm với quan đại an phủ sứ Trần Khắc Chung về chuyện thể sự. Quan huynh có nói bằng quơ, kỳ thực hàm ẩn sự răn dạy.

- Vậy chớ Khắc Chung đã răn dạy khanh những gì?.

- Tâu thượng hoàng, thần nhớ vào dịp lễ Thường tân năm ngoái, sau khi theo quan gia vào làm lễ dâng cơm mới ở nhà thái miếu, quan đại an có mời thần ghé chơi bên an phủ sứ. Sau khi bàn bạc nhiều về thời cuộc, về lễ thịnh suy ở đời, câu chuyện lại dẫn dắt đến thể sự Trung nguyên.

Chúng thần đều cho rằng trước sau rồi người Thát-đát cũng bị người Trung nguyên tống ra khỏi cõi. Nhưng trước mắt thì đề quốc Nguyên tức là cả người Thát lẫn người Trung Hoa đều muốn thôn tính Đại Việt ta. Cho nên thượng hoàng dùng kế: “hòa hoãn với phương bắc, hòa hợp với phương nam” là thượng sách. Nhân đó quan đại an phủ sứ có lưu ý thần, nếu có dịp nào vào Chiêm công cán, thì trước hết nên thăm thú xem nội tình nước họ ra sao? Binh lực họ bố trí thế nào. Lương thảo họ tích trữ ở những đâu, và các đường giao thông thủy bộ của họ đi được loại xe nào, thuyền nào, cửa bể của họ nông sâu bao nhiêu. Rồi quan đại an mở cuốn “Binh pháp Tôn Tử” chia cho thần xem thiên “Dụng gián”. Thần ngâm hiểu ý quan đại an và hỏi lại:

- Quan huynh làm tướng văn mà lại am tường sâu sắc về ngành võ.

Đáp:

- Tôi ngờ rằng giặc Bắc chẳng bao giờ để cho ta yên, nên lúc nào tôi cũng phải chuẩn bị, phòng khi quan gia và thượng hoàng sai khiến.

Nhữ Hải ngừng lời. Vua Nhân tôn thở dài. Ngài ngó nhìn ra phía biển, trăng đã ngả ngang mái thuyền. Ngài nói, giọng ôn tồn:

- Ta mừng vì Khắc Chung có cái lo cho thiên hạ. y nhìn phương Bắc thế là sáng suốt. Rất hợp ý ta. Nhưng ta buồn vì y lại có ý nhòm nhỏ phía nam. Ta nghĩ rằng, nếu mình không muốn người Nguyên xâm lấn thế nào, chắc chắn người Chiêm cũng nghĩ như vậy với chúng ta. Khắc Chung có cái tâm không thiện, vì thế ta đã nhiều lần khước từ quan gia có ý muốn chuyển y sang làm tướng võ. Ta còn nghe y nói với các bạn đồng liêu, y có tài dùng ti tướng, nhưng cũng có tài chém ti tướng. Mà nghệ thuật của việc sai khiến này là ở chỗ đã chém thì gươm phải thật sắc và

lau máu cho thật nhanh. Đức vua rùng mình, ngài nói tiếp:

- Vì vậy ta không thể quan gia trao quyền làm tướng võ cho một kẻ thất đức.



# Chương XIII

Từ bữa nghe lão Dương kể về Khắc Chung lĩnh mệnh vua vào trại giặc làm rạng rỡ khí tiết của Đại Việt, lại được diện kiến Khắc Chung ở bên phủ Đông cung, Trần Huyền Trân thật sự tôn kính con người bằng xương bằng thịt đó, mà trước đây nàng chỉ hình dung chàng một cách mơ hồ như các nhân vật thần linh trong huyền thoại. Công chúa thật sự tôn thờ chàng như một người anh hùng kỳ vĩ, văn võ toàn tài, người độc nhất vô nhị trên thế gian này. Thật tình Khắc Chung không còn trẻ trung gì, cũng chẳng phải một tay mã thượng anh tuấn như Huyền Trân thường phác họa hình ảnh chàng ở trong đầu. Khắc Chung thường ngày Huyền Trân gặp là một người mảnh khảnh, nước da mai mái, đầu đội chiếc mũ triều thiên màu tía biếc, mình vận áo tay rộng cũng màu tía. Dáng đi thư thái, tao nhã. Ấy thế nhưng công chúa thường tưởng ra một Khắc Chung oai phong lẫm liệt. Hia cao tới gối, kiếm dài quét đất. Thoắt một cái đã leo lên mình ngựa, ra roi phi nước đại, cát bụi cuốn lên như một cơn lốc. Vì thế mà không lúc nào nàng không mơ tưởng đến Khắc Chung. Trong lời nói cũng như trong hành vi cử chỉ nhiều khi nàng đã tỏ ra khinh suất. Nghe nói Khắc Chung sinh ra ở một vùng núi non hùng vĩ, sông nước điệp trùng, rừng xanh vô tận, đó là vùng Giáp Thạch, lộ Hải Đông. Huyền Trân lấy cố đi du ngoạn có ghé qua đây hồi tháng trước. Từ khi ở Giáp Thạch về, công chúa có phong độ như một người từng trải.

(Trần Khắc Chung sinh ở Giáp Thạch, nay là xã Hiệp Thạch, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, cùng quê với Phạm Sư Mạnh)

Việc giao du cũng không còn bó hẹp trong một số các vị lão thần và giáo thụ, mà nàng tìm đến xướng họa với nhóm nho sinh xuất sắc trong Quốc tử giám. Nàng nghe đồn trong đám nho sinh sắp vào thi đình năm tới, văn tài nổi nhất có Mạc Đĩnh Chi. Lại nghe nói Đĩnh Chi là người hơi dị dạng. Vì vậy càng khơi gợi trí tò mò của một nàng công chúa khuê các. Huyền Trân bèn quyết định xông thẳng vào gặp quan Tư nghiệp quốc tử giám, và xin được dự một buổi bình văn. Hạnh ngộ đúng buổi quan Tư nghiệp đang chủ tọa buổi bình thơ của cố tướng quân Chiêu Minh đại vương Trần Quang Khải.

Quan Tư nghiệp trịnh trọng mời công chúa ngồi vào hàng chiếu nhất, kế bên quan Hàn lâm thị độc, Trần Huyền Trân nhẹ đưa ánh mắt bao quát cả một lượt từ phía các quan đại thần tới hàng các nho sinh. Trong đám nho sinh nhiều người còn rất trẻ, khoảng độ mười lăm mười sáu tuổi. Huyền Trân chú ý đến một người ngồi hàng đầu. Nước da sạm sạm, đôi gò má cao nhô lên, má hóp, trán giô, chỉ được đôi mắt to tròn linh lợi, sắc sảo. Đôi mắt như toát ra hai luồng hào quang chói sáng. Chàng trai ấy ngồi hai đầu gối co lên quá tai. Cằm tì giữa hai gối, nom chàng giống

hệt dáng vẻ một con khi. Nàng thâm đoán: “Có lẽ người này là Mạc Đĩnh Chi, thiên hạ vẫn đồn đại đây”. Huyền Trân đang mải mê quan sát sắc diện đăm nho sinh, bỗng thấy quan Tư nghiệp giơ chiếc vò bằng ngón chân cái, gõ vào nùm một quả chuông to bằng hai trái bưởi treo vào cái giá nho nhỏ. Tiếng chuông vừa dứt, quan thị độc cất giọng sang sảng đọc bài “Tống Sài trang Khanh” . Đọc xong, quan Thị độc ngừng nhìn cử tọa. Cả học đường im phăng phắc.

(Nguyên văn bài thơ :

# TỔNG SÀI TRANG KHANH

*Tổng quân qui khứ độc bàng hoàng  
Mã thủ xâm xâm chi đế hương  
Nam Bắc tâm tình huyền phản bãi  
Chủ tân đạo vị phiếm ly trường  
Nhất đàm tiểu khoảnh ta phân duệ  
Cộng xướng thù gian tích đối sàng  
Vị thẩm hà thời trùng đồ điện  
Ấn cần ác thủ tự huyền lương  
Dịch nghĩa*

# TIỄN SÀI TRẠNG KHANH

*Tiền ông về nước tôi thật bồi hồi  
Ngựa xâm xâm trở lối để hương  
Trạnh miền Nam Bắc, tâm tình như treo trên lá cờ đi sứ trở về.  
Chủ khách say mùi đạo, cùng nhau chuốc chén biệt ly.  
Nói cười vừa chốc lát, than ôi đã dirt áo chia tay.  
Trong lúc ngâm nga xướng họa nhớ tiếc khi giường nằm đối diện.  
Chưa biết ngày nào lại gặp nhau,  
Để nắm tay kể chuyện hàn huyên.)*

Quan Tư nghiệp bèn cất nghĩa xuất xứ của bài thơ. Ngài nói:

- Bài thơ này đức Chiêu Minh làm vào năm Nhâm ngọ (1282). Năm đó tình hình bang giao giữa Đại Việt ta với nhà Nguyên khá là căng thẳng. Hốt-tát-liệt hết đòi vua ta sang châu, lại bắt nếu không sang được thì đánh người vàng thể mạng đưa sang... Nhà Nguyên tập trung binh lực ép ta đủ điều. Thượng hoàng lúc ấy bèn sai người chú họ là Trần Di Ái cầm đầu sứ bộ ta sang thương thuyết với nhà Nguyên. Phò tá Trần Ái (tức là Trần Di Ái) còn có Lê Mục và Lê Tuân. Vua Nguyên bèn nhân cơ hội này phong cho Di Ái làm An Nam quốc vương. Lê Mục làm hàn lâm học sĩ, Lê Tuân làm thượng thư. Lại sai Sài Thung lúc ấy là thượng thư bộ lễ làm chánh sứ, cùng năm ngàn quân hộ tống, đưa Di Ái về nước.

Đức Hưng Đạo đã nhận mệnh trước quan gia phải đánh tan tành đội quân của Sài Thung, bắt bọn Di Ái và dọn đường để đức Chiêu Minh đón Sài Thung về Thăng Long thương nghị. Khi Sài Thung về nước, ngài lại đưa tiễn đến địa đầu biên ải, nhân đó làm bài thơ lưu biệt này...

Theo lệ thường, sau khi quan Tư nghiệp đã giảng giải sơ bộ về xuất xứ của bài thơ hoặc bài văn xong, các nho sinh cứ lần lượt nói lên cái ý của mình. Việc phẩm bình thơ, văn là theo giá trị đích thực của tác phẩm, chứ không câu nệ tác phẩm ấy là của ai. Người bình phẩm có thể khen chê tùy thích, hoặc tùy trình độ nhận thức của mình, nhưng cấm ngặt việc mặt sát tác giả, hoặc tăng bốc tác giả một cách thái quá. Quan Tư nghiệp là một người mẫu mực trong việc rèn luyện nhân cách cho các nho sinh. Vì ngài cho rằng những người học trò ngày nay, ngày mai chính là những người trong bộ máy giúp rập triều đình, nếu tài năng và tư cách họ thấp kém, hẳn là nền chính trị của quốc gia sẽ suy sụp.

Không khí nhà học đường im phăng phắc, Huyền Trân đưa mắt nhìn mọi người, xem trong đám nho sinh kia, ai là người sẽ khai mở buổi bình thơ. Chợt nàng thấy người ngồi kế với người mà nàng đoán là Mạc Đĩnh Chi, đang ngược đôi mắt trong veo về phía quan Tư nghiệp, đôi môi mấp máy, như muốn nói. Người này có khuôn mặt sáng sủa, trán cao, cằm bạnh, nét thông minh anh tuấn hiện lên với vẻ sắc sảo. Duy có điều là tuổi còn rất trẻ, khoảng độ mười bốn, mười lăm là cùng. Quan Tư nghiệp nhìn về phía chàng ta, ngài gật đầu nói:

- Nguyễn Trung Ngạn!

Chàng thiếu niên vụt đứng dậy:

Công chúa lúc này mới vỡ lẽ:

- Thì ra người mà cả kinh thành coi là một thần đồng, lại chính là cậu bé này đây.

Mọi người đổ xô nhìn về phía Nguyễn Trung Ngạn. Chàng chưa kịp nói thì đã có một tiểu đồng chạy vào dâng cho quan Tư nghiệp một bức thư. Ngài xem thư xong bèn nói với tên tiểu đồng:

- Con ra mời ngay quan đại an và thái tử vào. Rồi ngài nói với toàn thể cử tọa:

- Hiện có thái tử và quan đại an phủ sứ của kinh sư đến tham dự buổi bình thơ.

Niềm vui hiện lên ánh mắt lấp lánh của Huyền Trân, má nàng ửng hồng như đang có điều gì e ấp ở trong lòng.

Quan Tư nghiệp bỏ chiếc mũ bình thiên ra sửa lại búi tóc. Tóc ngài bạc trắng như cước. Ngài khoan thai bước ra bậc tam cấp, đứng lúc hoàng thái tử và quan đại an phủ sứ cũng vừa tới. Ngài vái chào hai người. Đáp lễ xong, cả chủ, khách cùng ngồi trên bộ kỷ bằng gỗ lim đen bóng.

Mọi người vừa yên vị, quan Tư nghiệp nhìn về phía Nguyễn Trung Ngạn từ nãy giờ vẫn đứng, ngài hát hàm như khích lệ chàng thiếu niên:

- Gắng đi! Mạnh dạn nói đi!

Chàng thiếu niên nói một hồi về những lời đẹp ý hay, ngôn ngữ uân ảo, tao nhã của Chiêu Minh đại vương. Bỗng chàng đột ngột dừng lại, như muốn chuyển ý, hoặc đang cân nhắc phải nói ra một điều khó nói. Sự chần chẫn đó đã vượt khỏi tầm tuổi chàng. Giây lâu Nguyễn Trung Ngạn lại lên tiếng:

- Theo thiên ý của tiêu sinh, đây là một bài thơ hay nhưng chưa tỏ được cái hùng tâm của người làm tướng. Chưa làm cho kẻ thù thấy được sức mạnh của Đại Việt.

Trần Khắc Chung cảm thấy khó chịu về lời nhận xét của một gã thiếu niên miệng còn hơi sữa, đối với văn thơ và sự nghiệp chói ngời của một bậc huân tướng tiền triều. Nhưng ông cố kìm nén, vì ông chợt thấy sắc mặt quan Tư nghiệp quắc mắt giám vẫn bình thân. Khắc Chung đưa mắt lơ đãng nhìn khắp cử tọa. Chợt ông bắt gặp ánh mắt của Huyền Trân nhìn thẳng vào ông. Trần Khắc Chung giật mình, không ngờ công chúa lại dám đường đột vào cả chốn

này? Và tự hỏi: “Nàng đi tập văn hay nàng kiếm tìm ta?” Bất giác ông thấy lòng hồi hộp.

Nổi tiếp nhau dăm bảy người nữa nói, cũng vẫn theo cái mạch của Nguyễn Trung Ngạn. Thái tử ngồi hí hoáy nghịch chiếc dải mũ thêu kim tuyến, thẳng lại ngừng nhìn ai đó đang nói với vẻ ngơ ngác. Chúng tỏ thái tử không hiểu được người đó đang nói về cái gì.

Một phút im lặng, quan Tư nghiệp đưa mắt nhìn khắp một lượt, hỏi:

- Vậy chớ có còn ai có điều gì cần nói nữa không? Hãy suy nghĩ cho kỹ. Các người đừng có hấp tấp. Phải hiểu và phải nói được cả cái phần không có trong bài thơ. Chiêu Minh đại vương là một người học rộng, tài cao, trí dũng song toàn; ta ngờ rằng các người chưa hiểu thấu cái ý thâm viển của đại vương đâu. Qua Tư nghiệp đưa tay lên xoa xoa vàng trán. Đó là dấu hiệu khi ngài có điều gì suy nghĩ lao lung. Hẳn ngài buồn vì đám nho sinh kiến văn còn hạn hẹp, nên không kiến giải nổi cái ý sâu xa của bài thơ, cũng như không hiểu được tình thế của một nước nhỏ đối với một nước lớn trong quan hệ bang giao. Ngài rất ngạc nhiên, tại sao đám nho sinh lớn tuổi mà cũng không hiểu, hay họ còn ngại ngần gì mà cứ ngồi im phăng phắc thế. Ngài lại đưa mắt nhìn về phía họ một lượt. Bỗng ngài thấy Mạc Đĩnh Chi đang ngo nguẩy muốn đứng lên.

Quan Tư nghiệp biết khả năng học trò của mình lắm. Trung Ngạn là một đứa trẻ thần đồng, học đâu nhớ đấy, học một hiểu mười. Cho dù có cái thiên bẩm thông tuệ ấy đi nữa, cũng không hiểu nổi những thế cờ chính trị rối rắm của thời cuộc. Nghĩa là nó ngoài tầm với của tư duy một gã thiếu niên. Còn về Đĩnh Chi, tuổi có lớn hơn Trung Ngạn chút ít. Nên suy tư có chừng chặc hơn. Qua những bài văn sách, quan Tư nghiệp cũng hé thấy nơi Mạc Đĩnh Chi, một nhà chính trị chững chạc. Hy vọng nơi chàng, sau này sẽ giúp rập được triều đình, trong công cuộc hưng vượng quốc gia, và kinh chống với thế lực xâm lăng phương bắc. Ngài có vẻ hài lòng dùng cặp mắt nhân hậu nơi chàng trai có dung mạo khác thường kia. Ngài nói:

- Đĩnh Chi, hãy xét định bài thơ theo cách của con!

Được thầy cổ vũ, Đĩnh Chi mạnh dạn nói:

- Tài thơ của đức Chiêu Minh đại vương đúng như anh Nguyễn Trung Ngạn đã phẩm bình. Điều kinh ngạc là xuất xứ tưởng như không ăn nhập gì với lời lẽ trong bài lưu biệt này. Nhưng đó lại là dụng ý sâu xa của tướng quân Trần Quang Khải. Ngài vừa phá tan một âm mưu thâm độc nhất của vua Nguyên là Hốt-tát-liệt, mong dựng lên một triều đình bù nhìn bằng sức ép bang giao có vũ trang. Ngài cũng làm bẽ mặt, phải nói là làm nhục Sài Thung trong chuyến công cán của y sang Đại Việt. Nghĩa là y hoàn toàn thất bại, tay trắng trở về. Để vớt vát lại phần nào thể diện cho Sài Thung, và cũng là để y nguôi vợi nỗi đắng cay vì vua tôi y thấp mưu thua trí; tướng quân làm như quên hết các chuyện vừa xảy ra. Căn cứ vào lời lẽ trong thơ, ta tưởng như đây là cảnh tiễn biệt của đôi bạn tri kỷ. Khiến cho Sài

Thung phả ngâm bô hồn làm mật “dứt áo chia tay”. Ở đây còn có một việc lớn, tướng quân muốn lưu tâm nhà Nguyên, nhưng ngài không tiện nói trong bài thơ. Rằng việc đánh dẹp ngoại bang xâm lấn bờ cõi, và trị tội kẻ phản nghịch là việc nội bộ của Đại Việt, không can dự gì tới “thiên triều”. Còn như sứ giả của “thiên triều” tới, lui đều được bản quốc tiếp rước như là một thượng khách.

Mạc Đĩnh Chi nói những điều chí lý, cả học đường im phăng phắc. Quan Tư nghiệp mắt neho neho như muốn cười. Ngài không khỏi sung sướng có được những học trò xuất sắc như Trung Ngạn, như Đĩnh Chi. Niềm tự hào của ngài càng tăng hơn nữa, khi ngài thoáng nhìn thấy quan đại an phủ sứ Trần Khắc Chung cứ gật gật đầu, tỏ ý bằng lòng với sự kiến giải của Mạc Đĩnh Chi. Ngài còn nhìn thấy cả công chúa chăm chú nghe Mạc Đĩnh Chi nói như uống lấy từng lời. Vừa lúc Mạc Đĩnh Chi ngừng lời, nhưng chưa có gì chứng tỏ là chàng đã cạn ý. Mọi người vẫn im lặng chờ đợi. Mạc Đĩnh Chi ngược cặp mắt trong sáng nhìn về phía quan Tư nghiệp, như ngầm xin lĩnh ý thầy. Ngài khẽ nhếch mép cười và ba lần vuốt chòm râu bạc trắng, Mạc Đĩnh Chi biết đó là dấu hiệu thường thấy khi thầy đang có điều gì hoan hỉ lắm. Được thầy cổ xúy, Mạc Đĩnh Chi lên tiếng đồng dục:

- Tiểu sinh nói điều này, chỉ sợ không đúng ý của tiền nhân. Cứ theo ngu ý thì đây là một sách lược bang giao, một quốc sách của Đại Việt ta lấy nhu chế cương. Quốc sách này hình thành từ Ngô vương Quyền, trải Đinh, Lê, Lý, cho tới bản triều ta, đều kế tiếp nối truyền, mà đều có bổ khuyết cho muôn phần hoàn hảo. Trong đôi sách của nước Việt ta qua các đời vua Trung Quốc đều tỏ ra ôn nhu. Nhu chứ không nhược. Vì thế ta vẫn giữ được nền độc lập tự chủ. Ngô Quyền nhu với nhà Nam Hán nhưng lại giết Lưu Hoàng Thao ở sông Bạch Đằng. Lê Hoàn nhu với nhà Tống nhưng lại giết Hầu Nhân Bảo, Quách Quân Biện, Triệu Phụng Hưng ở Chi Lăng, đó là một thời. Lại một thời dùng cương để chế cương như Lý Nhân tôn sai Lý Thường Kiệt, Tông Đản đánh các châu Khâm, Liêm, Ung,, diệt hàng chục vạn quân Tống mưu vào xâm lấn bờ ta. Sau trận tập kích đại thắng đó, lại rút về phòng thủ ở bờ nam sông Như Nguyệt. Khi Quách Quỳ, Triệu Tiết kéo quân sang, Lý Thường Kiệt đánh cho đại bại, nhưng lại vẫn giảng hòa, cấp ngựa xe, lương thảo cho quân Tống rút về. Vậy rốt cuộc vẫn cứ là ôn nhu. Bản triều ta đã nối tiếp đánh quân Nguyên ba lần đại bại. Ta đánh cho Thoát-hoan phải chui vào ống đồng trốn chạy. Ta chém đầu Toa-đô, giết Lý Hăng, Lý Quán, cầm tù Tích Lệ Cơ Ngọc, nhưng ta vẫn giữ lễ triều cống. Vì sao vậy? Ấy bởi thế của ta là thế nước nhỏ, phải có phương lược của nước nhỏ. Ta với Trung Quốc, một lớn một nhỏ vẫn cứ song song tồn tại. Trung Quốc vẫn cứ phải vờ thừa nhận sự thuần phục giả, độc lập thật của Đại Việt ta. Trong thế cờ bang giao giữa hai nước, không ai hiểu ta bằng Trung Quốc, cũng như không ai hiểu Trung Quốc bằng ta. Họ với ta, thật sự là kẻ thù tri kỷ. Cho nên bài lưu biệt của tướng quân Trần Quang Khải với sứ Nguyên Sài Thung, thực chất là một phương lược bang giao, chứ đức Chiêu Minh đại vương của ta quyền luyến gì kẻ kia mà: “*Vị thâm hà thời trùng đồ điện. Ân cần ác*

*thủ tự huyền lương*”). Chưa biết ngày nào gặp lại nhau, để nắm tay kể chuyện hàn huyên)...

Mạc Đĩnh Chi ngừng lời, đầu hơi cúi xuống tỏ ý kính cẩn biết ơn các bậc bề trên và các bạn đồng môn.

Qua Tư nghiệp Quốc tử giám đặc ý lại vuốt chòm râu tới ba lần. Ngài vuốt khoan thai đĩnh đạc, như người vừa được thưởng thức một chén trà ngon vào buổi sớm tinh sương. Thực tình ngài rất lấy làm mãn nguyện về kiến thức sâu sắc mà ngài đã truyền dạy cho Đĩnh Chi. Và chàng thiếu niên này biến báo chữ nghĩa của thánh hiền một cách lối lạc, như một kẻ có đầu óc kinh luân, chứ không phải bọn tầm chương trích cú theo lối học cử nghiệp tầm thường.

Quan đại an phủ sứ Trần Khắc Chung không khỏi giật mình về lối lập luận, cũng như cách kiến giải đúng đắn và chính xác của Mạc Đĩnh Chi. Ông trầm nghĩ:” Người này kiến thức hơn ta nhiều lắm. Y sinh sau đẻ muộn, mà cứ như là y chứng kiến các sự việc đã xảy ra, như chính y là người hoạch định chính sách bang giao của thời Trung hưng”.

Buộc miệng, Trần Khắc Chung khen:

- Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Trung Ngạn mai sau sẽ là những tay trụ cột của triều đình, mong rằng sự học của các người sẽ còn tấn tới nhiều nữa, để khoa thi tới đây sẽ dựa vào hàng tam khôi...

Nói xong ông nghiêng người xá quan Tư nghiệp quốc tử giám. Ông đưa mắt kiểm thái tử, thì thấy thái tử đang ngồi bất động ở ngoài vườn. Ông cũng bắt gặp ánh mắt sáng ngời của công chúa. Bốn mắt nhìn nhau có phần như đắm đuối, như hò hẹn...



# Chương XIV

Trần Nhân tôn theo đường thủy từ Chiêm Thành về. Vừa tới Thăng Long, nhà vua đã sai sửa lễ để ngài vào bái yết trong nhà thái miếu. triều thần theo đến làm lễ đông đủ. Trái gần chín tháng vừa đi về, vừa ở lại đất Chiêm, nhà vua không những khỏe mạnh mà lại có phần nhuận sắc ra. Các quan lấy làm mừng lắm. Vua Anh tôn luôn theo hầu bên cạnh thượng hoàng. Công chúa Huyền Trân cũng không rời cha một bước.

Cáo nhà thái miếu xong, vua Nhân tôn hỏi han sức khỏe và công việc của từng người. Các quan nóng lòng chờ đợi thượng hoàng kể chuyện người vào đất Chiêm. Nhà vua mỉm cười nhìn khắp lượt các quan, ngài nói:

- Chiêm Thành là một nước có nền văn hiến cao. Dân Chiêm tôn thờ quốc vương của họ như tôn thờ một vị ác thần. Bởi họ chỉ kính sợ mà không dám gần gũi. Nền kiến trúc và nghề hàng hải của họ phát triển ngang nhau. Họ có nhiều tôn giáo. Đạo Bà-la-môn được coi là quốc giáo. Nhà vua cũng theo đạo này. Đạo Phật là đạo lớn thứ hai sau Bà-la-môn. Phật giáo Chiêm Thành theo phái Tiểu thừa và cả Đại thừa, như ta. Nhà sư Du Già sang ta hồi đầu năm, là giáo chủ Phật giáo Chiêm Thành. Chiêm quốc cũng mới có một nhóm người theo đạo Hồi, Nhà vua không cấm, nhưng đạo này còn ít người theo. Người theo đạo Hồi, không ăn thịt lợn, không nuôi và không giết lợn. Họ thờ con lợn như một vị thần. Cũng như người Bà-la-môn không ăn thịt bò, và thờ bò như thờ thần. Ta nghe nói có một số giáo sĩ thuộc loài bạch chủng, vào Chiêm xin truyền đạo của Tây dương, nhưng nhà vua không thuận. Ngoài ba tôn giáo đó ra, người Chiêm không thờ các tạp thần. Về phần chữ nghĩa, nước họ cũng có. Chữ Chiêm giống như chữ Phạn theo thổ âm của họ, giống như ta đọc chữ Trung Quốc.

Đột ngột Trần Nhân tôn ngừng lời quay sang hỏi vua Anh tôn:

- Mặt bắc thế nào quan gia? Từ khi ta vào Chiêm tới nay, người Nguyên có động tĩnh gì không?

- Muốn tâu phụ hoàng, không có chuyện gì lớn xảy ra.

- Thế còn chuyện nhỏ xảy ra là cái gì? - Nhân tôn hỏi lại:

- Bẩm phụ hoàng, lính Nguyên xui dân bên đó sang cày ruộng của dân bên này. Có chỗ lính của họ đóng giả dân thường, sang gặt lúa của ta. Họ cãi bừa là đất ruộng của họ, dân ta cày cấy thì họ gặt. Quan lại sở tại giải quyết việc này đã êm cả.

- Quan gia nói lại ta nghe cách giải quyết các vụ tranh đoạt?.

- Bẩm phụ hoàng, đám dân sang gặt đó, quan sở tại mời tất cả về công quán, cho ăn uống tử tế, rồi hỏi họ tại sao dám liều lĩnh như vậy, có đúng là ruộng ấy họ đã sở hữu từ trước không. Chúng đều trả lời là do quan địa phương

bên Trung Quốc xui, còn bọn lính thì thúc bách họ. Viên huyện lệnh đã có làm tờ biên bản tường thuật lại đầu đuôi sự việc, bắt họ ký cả vào đó. Còn đám lính bị ta bắt, cho ăn uống no say, cũng khai là do quan sở tại bắt đi. Viên huyện lệnh đã làm biên bản bắt chúng ký, rồi tha về hết. Tất cả bọn chúng đều hứa từ nay không dám làm càn như thế nữa. Bên ta đã cử viên tri phủ sang gặp an phủ sứ của họ. Nói cho họ biết các sự việc diễn ra do cấp dưới của họ gây nên. Ta cũng cho họ xem biên bản, và bảo, nếu họ còn để việc trên tái phạm sẽ tâu về Yên Kinh(Bắc Kinh ngày nay). Họ hứa là sẽ giữ nghiêm lệnh của triều đình.

Vua Nhân tôn thở dài:

- Vậy chớ quan gia và các khanh có ngờ rằng đây lại chính là chủ ý của triều đình nhà Nguyên không?

Mọi người ngơ ngác. Vì không có ai ngờ một nhà nước lớn như thế, lại xui dân gây sự bất hòa với lân quốc bằng những điều nhỏ mọn, mà ngay đám tiểu nhân cũng không bao giờ làm. Vua Nhân tôn nói với giọng ngùi ngùi:

- Các người chớ quên, chính nước lớn mới làm những điều bậy bạ, trái đạo. Vì rằng họ cho mình cái quyền nói một đường làm một nẻo. Và lại, phải xem đây là mưu của người Trung Quốc. Chỉ người Trung Quốc mới nghĩ ra các thứ mẹo vặt ấy. Ngoại trừ những điều nhân nghĩa ra, thì các nhà cai trị Trung Hoa không việc gì là họ không làm. Từ những việc kinh thiên động địa đến việc táng tận lương tâm, miễn sao họ có lợi. Cũng nên nhớ, đây còn là quốc sách truyền thống của người Hoa Hạ (Người Trung Quốc xưa thường cho dân tộc mình là nòi giống đẹp đẽ nhất hoàn vũ, nên gọi là Hoa Hạ) từ ngày họ mới lập nước tới nay. Các người có nhớ hồi đánh giặc Thát, ta chỉ ngại cái đám mưu sĩ người Tống, đầu hàng nhà Nguyên, lẫn vào trong đó. Cho tới khi trừ được bọn Lý Hằng, Lý Quán rồi ta mới yên tâm đánh bọn Thoát-hoan, Tích Lệ Cơ Ngọc. Bọn người Thát, trước sau gì cũng không nuốt nổi Trung Hoa. Cho nên cái họa lâu đời của ta là họa Trung Quốc. Chớ coi thường chuyện vụn vặt xảy ra trên biên ải. Các việc trên, khiến ta nghĩ tới chuyện khác lớn hơn. Tức là họ không tôn trọng biên giới qui ước. Cứ luôn luôn đặt ra những cái cớ để tranh chấp. Không thôn tính được ta, thì gặm nhấm ta. Họ gặm nhấm đất đai của ta, lâu dần họ sẽ biến giang san của ta từ cái tổ đại bàng thành cái tổ chim chích. Vậy nên các người phải nhớ lời ta dặn: "*Một tác đất của tiền nhân để lại, cũng không được để lọt vào tay kẻ khác*". Ta cũng để lời nhắn nhủ đó như một lời di chúc cho muôn đời con cháu.

Ngừng một lát, nhà vua lại nói:

- Ta vào Chiêm có bàn bạc kỹ với quốc vương Chiêm: Chế Mân. Ông ta là một người vừa trung hậu, vừa hào hoa nhân ái. Vương quốc của ông ta giàu có. Dân chúng cần cù, khéo léo tay chân. Cứ xem những đền, đài, tượng, tháp hoặc chùa, Phật của họ, ta cứ tưởng sức người không làm nổi, mà phải có thần linh giúp rập. Nhưng không, chính mắt ta thấy những người thợ đá, họ tạc những bức tượng vũ nữ, những con chim thần khiến ta tưởng như đó là người đang múa, chim đang bay vậy.

Trần Huyền Trân, con gái yêu của thượng hoàng đang ở tuổi trăng tròn, lòng đầy mơ mộng, nghe cha kể về một xứ sở kỳ lạ khiến nàng có cảm giác đó là xứ sở của thần tiên. Từ bữa vua cha trở về, nàng lẽo đẽo theo cha từng bước, nghe đủ thứ chuyện, hỏi không biết bao nhiêu điều. Nàng đón nhận từng lời nói của vua cha, như người đi lâu ngày trên sa mạc khát bóng, hít hà lấy từng giọt sương đêm. Huyền Trân không những chỉ có nghe, mà trí tưởng tượng của nàng còn vẽ ra cả một thế giới của người Chiêm cực kỳ sống động, hết như thế giới cực lạc trên cõi Niết bàn.

Chợt Trần Nhân tôn bắt gặp khuôn mặt kỳ ảo của con gái, dường như ngài đọc được cả ý nghĩ của con. Tự nhiên ngài thấy có gì nhói nhói ở trong lòng, khi ngài nghĩ đến tương lai của Huyền Trân. Ngài tự nhủ: Con yêu quý của cha ơi. Lẽ nào số phận của con lại không được tốt đẹp như cha mong muốn. Chao ôi, cái xứ sở kiêu hùng và đau đớn của ta, số phận mỗi con người đều gắn chặt với số phận của đất nước. Cả như con ta cũng không tránh khỏi điều đó nữa sao? Nếu như không có cái nước Trung Hoa không lồ quái quỷ và ác độc ở cạnh ta ám ảnh, chèn ép, bức bách và lúc nào cũng chỉ rình rập, thôn tính ta, thì thân dân ta đâu đến nỗi trăm bề cực nhọc thế này. Nếu mỗi người dân Đại Việt không ý thức được phải làm gì cho đất nước giàu có và hùng cường, đủ sức mạnh để vượt lên kẻ thù, thì ngàn năm sau ta vẫn cứ mãi là cái bóng mờ nhạt của con quỷ này, và phụ thuộc vào nó. Ước chi Trời Phật giúp ta phép lạ, ta sẽ di chuyển cả quốc gia Đại Việt này tới một miền nào mà các dân tộc, các quốc gia cùng sống trong cảnh hiếu hòa, bình đẳng và yêu thương nhau như người trong một nhà. Sau khi cả quốc gia ta di chuyển rồi, nơi đây sẽ là một vảnh đai chết. Sẽ không có một quốc gia nào chung sống với nó nữa. Nó sẽ trở thành một con quỷ cô đơn...

Nhà vua sực nhớ là mình đang nói chuyện với quần thần về nước Chiêm. Định thần một lát, người nói tiếp:

- Ta phải vui mừng báo cho các khanh một điều. Ở Chiêm có giống lúa gặt vào tháng 5. Ta chưa từng thấy có lúa chín vào tháng 5. Họ cũng có lúa gặt vào tháng 10 như ta. Vậy là một năm họ có tới hai vụ lúa. Dân tình no ấm lắm. No là vì họ nhiều lúa gạo. Ấm là vì họ có nghề trồng bông, dệt vải. Ấm còn vì quanh năm nắng đẹp. Ở Chiêm không có mùa đông lạnh giá. Cây cối của họ bốn mùa xanh tốt. Nhiều giống hoa đẹp quả ngon. Ô, ta có lấy về được một ít giống lúa gặt vào vụ tháng 5, gieo cấy vào đầu tháng giêng. Nếu việc này nhờ ơn Trời Phật mà thành, dân ta một năm sẽ có hai vụ lúa, hẳn là không còn phải lo thiếu đói nữa.

Sắc mặt các quan bừng lên rạng rỡ. Ai nấy đều mong ngóng đến một ngày nào đó vào tháng năm, những cánh đồng bạt ngàn xưa kia bỏ hóa, nay là những cánh đồng lúa chín vàng, như lúa vụ mười. Vậy là ta có gấp đôi số lúa hiện có.

Nhà vua lại nói:

- Trưởng lão Phật giáo Chiêm quốc là người tâm đắc với ta, có cho ta được độ một đầu thóc giống. Ta đã giao cho lão Thái cát giầu cẩn thận, nay mai ta giao lại cho Nhữ Hải trông nom việc gieo cấy rồi nhân giống ra. Một hạt

thóc này quý bằng cả trăm nén vàng. Nếu sơ suất để chuột, chim phá hoại mất giống, ta sẽ trị tội ngang với tội phản quốc. Các người phải nhớ, việc cấy được giống lúa này, có quan hệ đến vận mệnh nước nhà. Lúa lấy giống từ Chiêm Thành về, nên ta đặt tạm cho nó cái tên là *Lúa Chiêm*.

Ngừng một lát, nhà vua lại tiếp:

- Điều hệ trọng nhất trong chuyến vào Chiêm này ta đạt được, ấy là ta đã phân giải mâu thuẫn với vua Chiêm, để Chế Mân thấy được cả Đại Việt và Chiêm Thành đều nằm trong mưu đồ thôn tính của các triều đại Trung Hoa. Vậy hai nước phải liên kết lại trên tình huynh đệ, để tạo ra sức mạnh chống lại các cuộc xâm lăng của phương bắc.

Việc này ta đã thận trọng cân nhắc, các người chớ có làm điều gì hồ đồ hại đến chữ tín, khiến người Chiêm phải nghi ngờ. Ta cũng đã nói hết nhẽ với Chế Mân. Nhưng quả thật ông ta đang ở vào thế bí. Theo nhà Nguyên, nhất định Đại Việt chống lại. Liên minh với Đại Việt, hẳn nhà Nguyên đe dọa. Và lại, ngay trong nước cũng còn có thế lực muốn chống ông ta. Cho nên muốn tạo được thế liên minh bền vững với Chiêm, ta phải làm được hai điều: Một là giúp cho Chế Mân đủ mạnh để trong thì chế được kẻ muốn chia rẽ chống đối, ngoài thì kẻ thù phải nể sợ. Hai là, phải làm cho mỗi người Chiêm, từ vua quan tới thứ dân tin vào lòng thành thật hòa hiếu của Đại Việt. Cho nên các người từ tướng lĩnh ngoài biên ải, đến các sứ đoàn vào Chiêm, nhất nhất không được làm điều gì khinh xuất, để có thể tổn hại đến tình bang giao hữu hảo giữa hai nước. các người nên nhớ, người Nguyên như loài cú vọ, lúc nào cũng rình rập, hễ ta sơ hở là họ sấn sổ nhảy vào ngay. Cứ xem hành vi các sứ đoàn của họ ở Thăng Long này và ở Chà Bàn, là ta biết hết ruột gan họ... Nhà vua đột ngột dừng lời, vẻ như cân nhắc, rồi tiếp:

- Còn miền đất hai Châu, sẽ được Chiêm Thành trả lại Đại Việt bằng con đường tế nhị, tránh việc nhà Nguyên gây khó dễ cho ta. Việc này ta sẽ bàn kỹ với quan gia, các người cứ yên tâm, ta không bao giờ để một tấc đất của Đại Việt lọt vào tay kẻ khác. Nhưng ta còn muốn không bao giờ có nạn can qua, diễn ra trên mảnh đất thấm biết bao máu của người Việt mình, từ bao đời nay đồng kết lại...

# Chương XV

Mấy bữa nay trong lòng Huyền Trân trở nên xáo trộn. Nàng coi Trần Khắc Chung như một thần tượng và ao ước chiếm lấy. Bỗng gặp Nguyễn Trung Ngạn cậu thiếu niên thần đồng và Mạc Đĩnh Chi, chàng thanh niên tài năng vào bậc siêu việt, khiến lòng nàng xao động, không biết hướng tâm thức mình về nẻo nào. Nhưng Trung Ngạn tuổi còn nhỏ quá, thành thử tuy nàng có phục tài, mến đức những người đó, rốt cuộc vẫn cứ phân vân. Với Trần Khắc Chung, sau buổi tao ngộ trong cuộc bình văn, Huyền Trân có lại phủ đường thăm ông. Trong câu chuyện, cũng như qua các buổi xướng họa thơ, phú, Huyền Trân chợt nhận ra một Khắc Chung khác, không giống với Khắc Chung đã xông pha vào trại giặc, giữa muôn chết vẫn khảng khái, ung dung.

Huyền Trân tự hỏi: "Tại sao mình mến mộ ông ta mà ông ta cứ phải lảng tránh. Nghe nói ông ta cũng lảng tránh cả vợ con, gia đình. Lại không thiết gì tới cả việc xây dinh lập phủ. Thế là có làm sao? Ông ta là một con người khó hiểu, một viên quan lớn vào loại ương gàn chẳng?"

Huyền Trân là một công chúa đài các còn trong trắng, thơ ngây, làm sao nàng có thể thấu hiểu được sự phức tạp ở đời. Nàng đâu biết Khắc Chung còn phải đối phó với biết bao ngón đòn ngầm, của những kẻ không ưa ông. Đâu có phải chuyện ngẫu nhiên ông bỏ vợ bỏ con, bỏ nhà cao cửa rộng, kẻ hầu người hạ với cả một lũ tỳ thiếp xinh đẹp để đến ở nơi công đường tẻ ngắt. Chẳng qua là gia đình ông nhạc của Khắc Chung, hời quân Thát sang xâm lấn đã đầu hàng người Thát. Vì vậy mà tất cả tài sản của gia đình nhà vợ bị tịch thu. Để tránh sự liên lụy, Khắc Chung bỏ luôn cả gia đình, vợ con để sống cuộc đời đơn độc. Sự ly thân đó, cốt để bày tỏ lòng trung của mình với triều đình. Bỏ lưng lờ thế thôi, chứ ông ta không đoạn tuyệt. Còn việc không xây đình lập phủ, không phải do ông quá liêm khiết như nhiều người tưởng. Mà cái chính là xây để làm gì, xây cho riêng một mình ông ta ở thì thật là không cần thiết. Việc đời u minh uẩn khúc như thế thì Huyền Trân, một nàng công chúa cảnh vàng lá ngọc trong chốn khuê môn, lại mới chỉ mười lăm mười sáu tuổi, hiểu sao thấu được.

Còn về phía Khắc Chung, ông ta có biết rằng công chúa tỏ lòng mến mộ ông, gửi gắm tâm lòng nơi ông không? Một người từng trải như Khắc Chung, làm gì ông ta không hiểu điều đó. Chẳng qua là ông ta giả tảng như vô tình không để ý đến chuyện gì cả, cũng chỉ là một cách nén giấu tình cảm của mình. Mặt khác ông ta cũng tự hiểu mình, chẳng qua trời phú cho vóc người và khuôn mặt trẻ lâu, chứ tuổi tác ông ta cũng đã ngoại tứ tuần, con cháu nội ngoại đề huề cả. Bây giờ nếu muốn chiếm được Huyền Trân, ông ta phải tự bộc lộ được một tài năng xuất chúng, khiến cả thượng hoàng và quan gia hết lòng yêu quý, tới mức ông ta xứng đáng được vời làm phò mã. Lúc đó ông ta lại phải

tuân thủ một điều thứ hai nữa, là phải bỏ vợ cũ, vì con vua không bao giờ phải làm thứ thiếp đại thân. Nếu như không hội đủ các điều kể trên, mà ông ta vướng vào chuyện tai tiếng với công chúa, chắc chắn sẽ rầy rà, nguy hại. Làm gì ông ta không biết gia pháp nghiêm ngặt của đức Tuyên từ thái hậu, đến quan gia cũng phải khép nép cúi đầu.

Vì lẽ đó mà Trần Khắc Chung không dám mạo mà đáp ứng tình cảm của Huyền Trân, chứ đâu phải ông ta cao đạo không muốn tỏ tình với nàng. Cũng không có trở ngại gì về chuyện đồng tông, đồng tộc. Bởi lẽ nhà Trần cảm con trai, con gái lấy người dị tộc. Ấy là sợ cái họa khác máu tanh lòng, sinh nghi, sinh biến. Mà Khắc Chung đã được ban quốc tính rồi, còn lo gì nữa. Nhẽ đời là thế, Huyền Trân không phân giải được nên càng ảm ức. Giữa lúc công chúa đang đắm chìm trong suy tư thì Bích Huệ nhìn ra công, nàng giật mình kinh hãi khi thấy thượng hoàng đã vào tới trước sân, nàng nói líu cả lưỡi:

- Bẩm công nương, thượng hoàng tới !.

Vừa lúc đó Nhân tôn đã bước đến bậc thềm. Công chúa choàng đứng dậy, cả mấy thầy tớ ủa ra đón nhà vua.

Huyền Trân quì trước vua cha nói, giọng thỏn thức cảm động:

- Muôn tâu phụ hoàng, con thật có tội. Phụ hoàng đến sao không cho con biết trước.

Nhà vua dang hai tay ra đỡ con gái đứng dậy và nói:

- Ta tới thăm con, sớm mai ta về Yên Tử.

Công chúa òa khóc nức nở, nàng rờ lên tấm vai gầy của vua cha với lần áo mỏng, ngoài khoác thêm chiếc áo cà sa đã cũ. Hai bên khủy tay đã sờn, công chúa nói qua tiếng nấc nghẹn ngào:

- Sao phụ hoàng lại đây ải tấm thân quý giá thế này. Trời rét đến cây cau, cây nhãn cũng tấp lá trắng cả vườn thế kia mà phụ hoàng vận mỏng manh quá. Thiếu chi vóc lụ mà phụ hoàng phải dùng thứ xô gai quê mùa này.

Nhà vua vuốt nhẹ bàn tay lên mái tóc Huyền Trân, với giọng âu yếm, ngài nói:

- Con ngồi xuống đây, đức vua chỉ cái kỹ kê sát tường-ngồi xuống, nhà vua nhắc lại, - nay ta có câu chuyện cần nói với con, kẻo mai ta đi sớm.

Công chúa vừa ngỡ ngàng, vừa bối rối. Nàng không thể đoán biết được vua cha có điều gì quở trách. Hay là có đôi lần nàng gặp gỡ thăm viếng Khắc Chung. Chuyện đến tai vua cha thật ư? Mặt nàng ửng đỏ, như tự thẹn với mình. Chẳng lẽ lại có kẻ nào mách lẻo với vua cha sao? Cứ bần khoăn tự vấn lòng mình, một lúc sau, Huyền Trân mới lên tiếng:

- Lạy trình phụ hoàng, chẳng hay con có điều chi làm lỡ, phụ hoàng răn dạy, con xin đổi lỗi. Nói xong nàng toan quỳ sụp dưới chân nhà vua.

Vua Nhân tôn vội đỡ công chúa dậy, ngài nói:

- Huyền Trân! Con có tội tình gì đâu. Ta đến đây có việc hệ trọng cần bàn với con.

- Dạ thưa phụ hoàng, phụ hoàng có điều gì dạy bảo con xin lĩnh ý.

- Con thử xem, ta vào Chiêm thành gần một năm trời là vì sự đạo hay vì việc nước?.

- Thưa phụ hoàng, con là phận gái trong chốn khuê môn, con đâu biết được cao ý của phụ hoàng. Nhưng theo sự ngu dại của con phỏng đoán thì phụ hoàng vào Chiêm vì sự đạo.

Vua Nhân tôn mỉm cười, giọng âu yếm ngài phán:

- Con nói có phần đúng nhưng chưa đủ.

- Bẩm phụ hoàng, con không hiểu.

- Có gì khó hiểu đâu con. Con bảo ta vào Chiêm vì sự đạo. Điều đó đúng. Ta muốn đi xem xét và trao đổi về sự truyền bá đạo Phật ở xứ Chiêm thế nào, có gì khác với Đại Việt, và hay hơn Đại Việt thì ta học. Bởi lẽ Đại Việt và Chiêm quốc cùng trong một tông giáo.

- Thưa phụ hoàng, vậy chớ sự đạo ở Chiêm và ở ta có gì khác nhau không ạ?.

Câu hỏi của công chúa ngây thơ mà giản dị, nhưng thật khó trả lời. Suy nghĩ một lát nhà vua nói:

- Về căn cốt đạo Phật dù ở Chiêm hay ở Đại Việt đều giống nhau con ạ. Nghĩa là đưa chúng sinh từ bể khổ tới bờ vui, từ nô lệ tới giải thoát. Còn khác nhau là ở chỗ vị trí xã hội của đạo Phật ở Đại Việt được triều đình coi là quốc giáo. Nhưng ở Chiêm Thành quốc giáo của họ do phái Bà-la-môn thống trị. Phật giáo ở Chiêm, ta thấy cũng có nhiều người theo. Chùa chiền san sát, kiến trúc nguy nga lắm. Chế Mân cũng có đôi lần theo ta và nhà sư Du Già đi lễ Phật. Ông ta tỏ ra am hiểu về Phật pháp và ngưỡng mộ đạo Phật lắm. ta vào Chiêm, thật lòng vì sự đạo. Ta vun bón cho cây đạo ngày càng sum suê tỏa bóng. Ta nghĩ dù người Việt hay người Chiêm, khi đã cùng một tông giáo thì dễ bề cảm thông nhau lắm. Vì vậy, nói ta vào Chiêm vì sự đạo cũng có nhẽ đúng. Nhà vua ngừng lời. Ngài đắm đắm nhìn vào công chúa mà như nhìn vào cõi hư vô. Tâm trí ngài như đang phiêu diêu nơi miền xa đất lạ. Chợt nhà vua quay lại nhìn con gái với cái nhìn bao dung, triu mến. Ngài nói:

- Ta vào Chiêm vì sự đạo, hẳn nhiên là thế. Nhưng cũng còn vì sự đời nữa con ạ. Đạo với đời đâu có tách biệt được. Ta có thể ví: đời là thân xác ta, đạo là linh hồn ta. Bởi vậy, ta vun đắp cho đạo, cũng tức là vun đắp cho đời.

Công chúa ấp úng toan nói, mắt nàng long lanh sáng như cầu xin vua cha cho phép nói. Vua Nhân tôn khẽ gật đầu.

Huyền Trân cung kính thưa:

- Bẩm phụ hoàng, chẳng hay bên Chiêm quốc có điều gì làm cho phụ hoàng phải bận tâm lắm không ạ. Đám sứ thần người Nguyên ở bên đó cao ngạo hay họ cũng đã tập biết điều như ở Thăng Long ta?.

Đức vua thở dài như nén giấu một điều gì không tiện nói ra cùng con gái. Đoạn ngài chậm rãi đáp:

- Con đã biết quan tâm đến quốc sự, điều đó làm cho ta vui sướng. Song ta buồn vì phận con chắc là gian truân sóng gió. Chẳng biết ta có còn sống được bao lâu để che chở cho con. Ta chẳng nói con cũng biết. Người Nguyên không lúc nào thôi dòm ngó Đại Việt ta. Ba phen họ đại bại trên đất ta. Hẳn là họ chẳng nguôi hận. Nay vào Chiêm, ta mới rõ họ đang mưu toan câu kết với Chiêm, để có cơ hội đánh ta từ hai mặt. May mà Chế Mân còn tỉnh táo. Nhưng triều đình đã có sự phân tâm. Trong đám đại thần cùng hoàng thân quốc thích, đã có một số người lén lút câu kết với bọn sứ thần nhà Nguyên tại kinh đô Chà Bàn. Hồng phúc Đại Việt ta còn lớn, nên trời xui ta vào Chiêm gỡ được thế cờ đang rắc rối. Giọng nhà vua bỗng nghẹn lại. Người đang lúng túng như không tìm ra lời lẽ để diễn đạt cái ý của mình. Mãi sau, ngài mới nói:

- Ta thật có lỗi với con.

Công chúa kinh ngạc vội quì lạy vua cha. Vua Nhân tôn đỡ con dậy, ngài quay nói với mấy người hầu gái của Huyền Trân:

- Các con tạm lui ra ngoài. Ta có việc cần bàn với công chúa.

Huyền Trân biến sắc mặt. Nàng không hiểu có chuyện quốc gia đại sự hay sắp có tai biến gì đây.

Đức vua nói:

- Con hãy bình tâm, lắng nghe ta nói. Ta muốn biết chủ ý của con. Việc Chiêm quốc như ta đã nói. Vậy theo ý con, nên quyết ra sao?.

Huyền Trân lúng túng. Vì chưa bao giờ công chúa để tâm đến một việc quá lớn như vậy. Thường là trách phận của triều đình lo các việc đó. Bỗng nàng sực nhớ đến bữa nào đọc : "Tam quốc", và chợt lóe ra kế sách của Khổng Minh dâng Lưu Bị khi ông quyết định chia ba thiên hạ. Huyền Trân đành thưa:

- Lạy trình phụ hoàng, chẳng hay sách lược : "Bắc cự Tào Tháo, đông hòa Tôn Quyền" của Gia Cát tiên sinh, phụ vương nghĩ thế nào ạ?.

- Phải chăng con muốn nói: "Bắc cự Nguyên, nam hòa Chiêm?".

- Thưa vâng.

- Ta cũng chủ trương như vậy. Song le trước mắt ta vẫn mong hòa cả mặt bắc lẫn mặt nam. Hiện thời người Nguyên chưa dám động binh. Họ còn đang mài nhũa giữa vuốt chờ cơ hội. Nên chi ta phải phá hợp tung này. Thế của ta không như thế của Ba Thục. Hiện thời người Nguyên vẫn còn phải nể ta, người Chiêm vẫn còn kính trọng ta. Họ nơm nớp lo sợ ta cất quân đòi vùng đất hai châu. Vả lại, ta cũng đang lo dẹp bỏ ý đồ tiến đánh phương nam của một vài vị trọng thần. Đánh phương nam. Đó chỉ là hạ sách.

- Lạy phụ hoàng, con thật không hiểu ý phụ hoàng. Nếu không đánh phương nam thì làm sao thu hồi được đất hai



châu? Con thấy các quan bàn tán việc này xôn xao lắm. Nhiều người còn oán phụ hoàng quá nhún với đám người Chiêm.

Vua Nhân tôn mỉm cười độ lượng:

- Trọng trách thu hồi miền đất hai châu, ta đã đặt lên vai con. Chỉ có con mới làm được việc đó. Nếu dùng binh lúc này là trúng kế độc của người Nguyên.

Nghe vua cha nói, có điều gì như quanh co, uẩn khúc. Công chúa lấy làm lo ngại, nàng áp ứng thưa:

- Trình phụ hoàng, con thật không hiểu ý cha.

- Có gì khó hiểu đâu con. Ta chỉ ân hận không hỏi được ý con trước khi ta quyết việc này. Ấy là ta muốn thật tâm hòa hiếu với Chiêm quốc. Ta đã nhận lời mai mối của giáo chủ phật giáo Du Già, muốn ta cho con tác hợp với quốc vương nước họ. Nếu như chiếc cầu nhân duyên giữa con với Chế Mân mà thành đạt mỹ mãn, sẽ là chiếc cầu nhân nghĩa lâu dài và cũng là niềm phúc hạnh cho hai quốc gia. Ta thấy Chế Mân là một vị vua sáng. Lại được con cùng các bầy tôi lương đồng giúp rập, hẳn là Chiêm quốc sẽ trở thành một quốc gia giàu mạnh, song song cùng với Đại Việt ta trường tồn. Như thế, cả hai nước đều tránh được can qua. Mà nguy cơ xâm lấn từ mặt bắc cũng ngày càng giảm thiểu. Việc ta hứa gả con cho Chế Mân mới chỉ có vương huynh con cùng vài người tâm phúc được biết. Ta đã cân nhắc kỹ lưỡng. Cuộc nhân duyên này là cân sức cân tài. Chiêm quốc không phải ở thế mạnh ép buộc được ta. Việc con về Chiêm, không giống như việc nhà Hán đem Chiêu Quân cống cho người Hồ. Vua Chiêm còn không dám tự ý cầu hôn. Chẳng qua ta thấy mến cái đức của ông ta, và cũng vì công việc lâu bền của quốc gia, nên ta chủ trương tác thành cho con. Nhưng ta cũng không muốn ép buộc con. Nếu con cảm thấy việc này là khiên cưỡng, ta sẽ có cách nói lại với Chế Mân. Ông ta cũng là một người diệu lý diệu tình lắm.

Ngừng một lát như để suy ngẫm thêm, nhà vua lại nói:

- Cũng chưa có gì phải vội vã đâu con. Bởi lẽ bây giờ đang thời bình, ta không muốn thúc bách con. Nhà vua ngừng lời, như để nén giấu một điều gì cay đắng rồi tiếp: - Nay được sống trong cảnh thái bình, nhớ lại thời loạn giặc Thát, ta cũng thấy thương hoàng cô An Tư. Vì nước mà hoàng cô phải đem thân làm mồi cho giặc dữ, chỉ mong cầm chân chúng chậm đường tiến binh trong giây lát. Ấy là nói lúc thế nước đang nghìn cân treo sợi tóc. Chứ bây giờ thế ta vững như bàn thạch. Lo gì. Vậy ý con ra sao? Nhà vua nhìn vào tận mắt Huyền Trân gắng hỏi.

Công chúa bậm môi, ứa lệ, nàng không hề có mặc cảm gì oán thán vua cha, hoặc tiếc nuối cho thân phận mình, mà chỉ thấy xót thương cho vua cha. Vua cha suốt một đời lặn lội hết lo đánh giặc lại lo an dân. Nay muốn an thân nương mình nơi cửa Phật, người vẫn không đành tâm phó thác việc nước cho vương huynh và triều đình. Việc gì người cũng phải để tâm tới. Người tác thành cho ta, ôi cái chuyện lương duyên đó, biết đâu chẳng phải là vận số. Và

lại, người chẳng nói đặt lên vai ta một trọng trách thu hồi miền đất hai châu. Vậy đó còn là nghĩa vụ đối với quốc gia nữa. Công chúa chợt nhớ tới một câu trong kinh sách: "Quốc gia hữu sự, thất phu hữu trách". Kẻ thất phu còn có trách nhiệm với non sông đất nước, huống chi ta đã có học hành, đã biết được đôi điều phải quấy. Sao ta nỡ chối từ các sự việc lớn lao mà người đã chủ trương. Nghĩ vậy, Huyền Trân bèn quì xuống vái vua cha rồi nói:

- Lạy trình phụ vương, phận con là gái, phụ vương dạy thế nào con xin vâng.

Đức Nhân tôn đỡ con dậy, ngài mỉm cười sung sướng:

- Con là một đứa con chí hiếu, tận trung. Ta biết lấy chi ban khen cho tấm lòng ưu nghĩa ấy của con. Chính con sẽ góp phần làm cho vương triều của ta thịnh vượng, sự nghiệp của các tiên đế để lại vì thế mà trường tồn với non sông Đại Việt.

Ngài như còn muốn biểu dương cả công lao giáo dưỡng của hai hậu (Hai bà Khâm từ thái hậu và Tuyên từ thái hậu là vợ vua và cũng là hai chị em ruột, con của Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn. Bà Khâm từ mất sớm, Huyền Trân được bà Tuyên từ nuôi dạy. Tuyên từ không có con, nên coi các con của Khâm từ như con mình). Nhưng Huyền Trân đã kịp thưa:

- Bẩm phụ vương, ơn sinh thành của phụ vương cao sâu như trời bể, con đâu có xông vào nước lửa hiểm nguy muốn chết, cũng chưa hề để báo đền được gang tấc, xin phụ vương chớ có bận tâm nhiều tới tấm thân bé mọn của con.

Vua Nhân tôn lặng thầm giây lát rồi ân cần nói:

- Con yêu dấu của ta! Ta vui mừng vì con còn nhỏ mà chí lớn. Hẳn rằng con sẽ xứng đáng với kỳ vọng của ta. Không phải con cứ thế này mà về Chiêm được đâu. Nếu con đã an lòng, để ta nói với đức Tá thánh thái sư, dạy con biết những điều lễ nghĩa, những phong tục tập quán của Chiêm quốc. Người cũng dạy con cả ngôn ngữ văn tự của xứ Chiêm nữa. Sao cho khi về làm dâu đất người, con không còn bỡ ngỡ. Rồi ta cũng sai người triệu các vũ nữ Chiêm hiện còn ngụ ở thôn Bà Già, nằm trong các ấp thang mộc của các đời vua nhà Lý bên Kinh bắc, về đây luyện cho con ngón đàn cùng những điệu múa xứ Chiêm. Có nhẽ rồi con cũng phải đến luôn cái làng Chiêm bên đó, để xem xét, rèn tập những điều cần thiết nhất trong đời sống của người Chiêm. Chẳng hay ý con thế nào?

- Bẩm phụ hoàng, con xin lĩnh ý.

Sau cuộc trò chuyện với công chúa, vua Nhân tôn lấy làm đẹp ý, ngài lui về hậu điện- nơi ấy Anh tôn đang chờ vua cha trở lại.

# Chương XVI

Sau khi thăm Đại Việt trở về, quan Bô-đề đã trình bày sai lạc những điều mắt thấy tai nghe với quốc vương Chế Mân. Ông ta mô tả Đại Việt là một xứ đất đai cằn cỗi, quanh năm rét buốt, không thấy mặt trời. Dân tình ngu muội, đói nghèo. Chính sách cai trị của các vua nhà Trần hà khắc. Lòng dân căm giận triều đình. Hơn mười năm sau chiến tranh, đất nước vẫn còn xơ xác. Các quan đầu triều thì bè này phái nọ xâu xé lẫn nhau. Họ đua nhau tham nhũng, đua nhau sống xa xỉ. Người đứng đầu trăm họ thì nhu nhược bỏ cả việc trình chính xuất gia, cầu lấy cái nhàn của đạo Lão, đạo Phật làm thú tiêu dao. Đi đâu ông ta cũng ra giảng điều nhân nghĩa vờ, còn dân thì thiếu đói thật...

Phải nói quan Bô-đề đã gieo vào lòng vị quốc vương trẻ tuổi một mối hoài nghi. Trong tâm tưởng vị vua hình dung về đất nước Đại Việt hoàn toàn khác. Nghĩa là nó mỹ lệ, nó hoàn hảo hơn đất nước đáng muôn ngàn lần yêu dấu của ông khá nhiều. Bởi nếu không thế, sao nó đủ mạnh để đương đầu thắng lợi với một đế quốc hùng cường như đế quốc Nguyên-Mông.

Về lưỡng lự nhà vua hỏi:

- Vậy còn đội quân hùng mạnh của họ thì sao?.

Quan Bô-đề cười ngất làm rung cả chòm râu loãn quăn bạc phếch. Ông ta phải nhắc chiếc mũ bình thiên có đính viên ngọc bích trước vành trán ra khỏi đầu cho đỡ nóng. Rồi ông ta ôm bụng ho khò khụ. Mãi lâu sau, ông ta mới lấy lại được vẻ bình thản đáp lời quốc vương:

- Chắc là bệ hạ muốn hỏi đến đội quân của Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn?

- Đúng thế! - Chế Mân gật đầu xác nhận.

- Tâu bệ hạ, đội quân của Trần Quốc Tuấn quả là danh bất hư truyền. Nhưng nó đã chết cùng với ông ta từ năm ngoái rồi.

- Khanh nói sao? Hưng Đạo vương mới mất mùa thu năm ngoái, mà năm nay quân cơ đã tan rã? Làm gì có chuyện hoang đường đó. Một đạo quân lớn, oanh liệt dường ấy, dù bậc kỳ tài như Hưng Đạo vương có mất đi, thì những danh tướng như Trần Nhật Duật, Phạm Ngũ Lão, Trần Khánh Dư, Yết Kiêu, Dã Tượng... những cây trụ chống trời ấy không đủ sức duy trì một đội quân thiện chiến sao?.

- Bệ hạ đa nghi quá. Thần chỉ tâu trình bệ hạ những điều mắt thấy tai nghe. Bệ hạ chắc biết, Tôn Vũ tử của Trung Hoa cổ xưa đã dạy được một đội nữ binh đầy dũng mãnh lấy từ trong cung cấm. Hưng Đạo đại vương là tướng của nhà Trời, người thường sao làm nổi các việc đó. Kỳ binh của Mông Cổ tiến về xứ sở nào, thì ở đó thành quách đều

sụp đổ, các ngai vàng và các đảng quân vương phải quì mọp dưới chân họ mà dâng quốc ấn, nộp ngọc tỷ. Vậy mà nó đã sụp đổ dưới tài thao lược của Hưng Đạo. Và trên thế gian này, chỉ có Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn làm được việc đó. Bệ hạ chưa được tận mắt thấy cảnh hoang tàn của Thăng Long. Bệ hạ cũng chưa thấy được cảnh các sứ đoàn nhà Nguyên hống hách ở Thăng Long, và dân chúng cũng như quan quân Đại Việt hãi sợ người Nguyên sau khi Hưng Đạo viên tịch. Việc thôn tính Đại Việt để rửa mối hận xưa của người Nguyên, chắc chẳng còn bao lâu nữa. Thần đã tâu bày hết sự thực, dám xin bệ hạ liệu tính kế trước đi.

Vị chúa Chiêm thực sự băn khoăn. Chừng nào ông chưa được nghe trưởng lão Phật giáo Du Già thông báo nội tình Đại Việt, ông còn chưa tin vào lời nói của vị tể tướng này. Tuy ông ta là em ruột của hoàng thái hậu, là hàng quốc thích, nhưng chưa bao giờ Chế Mân coi ông ta là người tâm phúc. Bởi chỉ bằng trực giác, Chế Mân linh cảm như người cậu ruột của mình đang mưu toan một việc gì đó, khiến nhà vua có phần ngờ vực.

Thấy không khí có vẻ lạnh lẽo, vua không hỏi thêm điều gì, vị Bó-đề chùng hững như bị tên. Trong lòng ông ta dấy lên niềm nghi ngại. Về bực bội, ông ta dần giọng nói thêm:

- Bệ hạ hãy dẹp bỏ ý nghĩ kết liên với Đại Việt đi. Đó là việc làm trêu tức người Nguyên, mất nước như chơi. Nếu bệ hạ tính ý một chút, hãy hợp tác với người Nguyên, càng sớm càng hay. Như miền đất hai châu không còn lo phải trả về cho ai, mà ta còn được thêm cả châu Hoan, châu Ái nữa. Đằng nào thì ta cũng phải ngã vào tay một trong hai kẻ thù đó. Nhưng đi với kẻ nào có lợi hơn, giữ gìn được tôn miếu xã tắc, đó là sự sáng suốt của người đứng đầu trăm họ. Đây là một ván cờ quyết liệt, chọn quân nào đi quân ấy, quyết định thắng phụ là ở nước khởi đầu, dám xin bệ hạ để tâm suy xét, kéo sau này có hối cũng không kịp.

Chế Mân là một người có tài xét đoán, ông cũng là người quyết đoán, không dễ gì điều khiển được ông. Hướng chỉ vị tể thần này lại vừa lung lạc, vừa đe dọa, thì chỉ có nghĩa là thúc giục ông làm cái điều mà ông muốn.

Vị chúa Chiêm khoan thai đứng dậy, đôi hia cao tới gối dát bằng vàng lá và nạm hồng ngọc tỏa ra những tia sáng lấp lánh làm lóa mắt viên tể tướng, khiến ông ta phải cúi đầu xuống để tránh luồng ánh sáng mạnh. Nhà vua siết hai gót đế hia nạm bạc vào nhau, tạo thành một âm thanh sắc nhọn, khiến quan Bó-đề hơi chột dạ. Hơn ai hết, quan Bó-đề biết đó là dấu hiệu tức giận của nhà vua. Lúc này chỉ hơi khinh suất một chút là mất đầu ngay. Vì vậy ông khép nép vái nhà vua rồi đi giật lùi ra khỏi cung điện.

Nhà vua giận sôi lên, toan quát gọi ông ta trở lại, nhưng ngẫm nghĩ thế nào lại đi về phía Chùa cửu tháp <sup>(1)</sup>.

Vừa đi nhà vua vừa nghĩ về giọng lưỡi điêu xảo của quan Bó-đề... Ông ta quả là một kẻ bội bạc. Sao ông ta không nhớ cuộc xâm lăng của đám quan quân nhà Nguyên năm Nhâm ngọ (1282). Toa-đô lăm le nuốt chửng Chăm-pa. Trong thế nước ngàn cân treo sợi tóc, ta đã phải cầu cứu Đại Việt. Các vua nhà Trần đã cử danh tướng Trần Đạo

Tái, con của thượng tướng thái sư Trần Quang Khải, khởi một vạn quân tinh nhuệ sang sát cánh cùng ta chống Toa-đô. Chính nhờ mưu lược của tướng quân Trần Đạo Tái đã giúp ta ngăn được Toa-đô, khiến chúng không dám đụng đến kinh thành Chà-bàn. Và chính ta cũng lừa chúng nhiều phen thất điên bát đảo, suýt nữa thì ta bắt được Toa-đô. Sự chống trả quyết liệt của quân ta có quân Đại Việt hợp tác, buộc Toa-đô phải lui ra ngoài bãi biển đóng quân, để sau đó phải cuốn gói ra biên thùy mạn bắc để tràn sang Đại Việt năm Ất Dậu (1285). Ấy vậy mà bây giờ ông ta tráo trở muốn kết liên với đám nhà Nguyên để thôn tính Đại Việt. Nếu nghe ông ta, thử hỏi ta còn mặt mũi nào mà nhìn thấy người Đại Việt. Dân Chăm-pa, vì thế sẽ coi ta như một kẻ phản bội. Giữ vị thế quân trưởng mà dân khinh, thì còn điều hành quốc gia sao được.

Hơn nữa với đám vua chúa Trung Hoa ta vốn không tin họ, bởi qua mắt họ, dưới gầm trời này, mọi dân tộc, mọi quốc gia đều là di, địch, đều là tôi tớ cho họ cả. Sự khinh mạn xằng bậy ấy lại biến họ thành trò cười cho thiên hạ. Ta chắc Bồ-đề cũng không lạ gì chuyện Tống Lý tông nghe Mông Cổ đồ ngon đồ ngọt liền minh với họ để diệt Kim Ai tông ở thành Thái Châu. Năm Giáp ngọ (1234), liên quân Mông-Tống đánh vỡ Thái Châu, Kim Ai tông tự ải. Nhưng liền đó quân Mông Cổ trở mặt, không những không chia chiến quả như ước thúc, mà chúng tháo nước sông Hoàng Hà dìm chết hàng mấy vạn quân Tống.

Tâm gương lịch sử còn trong veo, sao Bồ-đề không chịu soi, lại còn định lừa cả ta để dâng hiến vương quốc của ta cho lũ người lang sói chẳng? Ta ngờ rằng Bồ-đề đã tư thông với giặc.

Nghĩ tới việc quan Bồ-đề tư thông với lũ sứ đoàn nhà Nguyên, Chế Mân giật mình, lạnh gáy. Ông thầm nghĩ: "May thay, trong lúc nóng giận, ta vẫn còn kìm nén được. Song ta quyết không tha cho bất cứ một kẻ nào phản dân hại nước, dù kẻ ấy có là Bồ-đề, dù kẻ ấy có là cậu ruột ta...".

Mãi suy tư, nhà vua chưa kịp nhận ra mình đang tiến gần vào khu đồi Phật, vào chùa.

Ngôi chùa nằm trên một ngọn đồi cao chót vót, có chín ngọn tháp, mỗi ngọn cao chín tầng, với những đỉnh tháp nhọn dát đá ngọc màu mã não, màu hổ phách, màu ngọc bích, luôn ngày đêm phát ra những ánh sáng huyền ảo, lúc đậm, lúc nhạt, lung linh rực rỡ, khiến cả kinh thành có cảm giác ánh sáng chiếu khắp cõi trần này, là từ nơi chín ngọn tháp trong vườn Phật tỏa ra, chứ không phải từ ngôi nhật tinh hồng lồ kia chiếu sáng. Ngang sườn những ngọn tháp là những ngôi chùa to rộng, với hàng trăm mái ngắn mái dài, nối tiếp nhau, chồng chất lên nhau, với những đường nét uốn lượn, dẻo gọt, trạm trổ của những tay thợ tài hoa tuyệt xảo xây dựng và điểm tô. Tất cả các mái của nhà chùa đều được lợp bằng một thứ ngói bọc bởi một lớp vàng dát mỏng. Chùa còn được bao quanh bằng một thành uốn lượn nhấp nhô theo hình thể của quả đồi. Xung quanh ngọn đồi Phật là rừng đại ngàn. Vị quốc vương của nước Chiêm Thành đang men theo con đường lát đá ven sườn đồi, để tiến vào ngôi chùa tháp. Gió đem theo lời ca bất tận của

rừng, tiếng thì thảo của các con suối, và tiếng nhạc phát ra từ các chùm chuông khánh treo quanh các hàng hiên của ngôi chùa, tạo nên một thứ hòa âm an lạc, khiến tâm hồn nhà vua trở nên thư thái. Nhà vua ung dung nện gót hia trên con đường mòn quen thuộc, chẳng mấy chốc đã vào tới cổng chùa. Trưởng lão Phật giáo Du Già xuống tận bậc thềm cuối cùng đón nhà vua vào trong ngôi chùa chính. Hòa thượng lấy làm kinh ngạc vì sự có mặt đột ngột của nhà vua.

Sau khi phân ngôi chủ khách, nhà vua liền nói ngay chủ ý của mình, muốn được nghe vị sư kể lại chuyến thăm Đại Việt trở về.

Vị sư già tươi cười đáp:

- Tâu bệ hạ, mỗi bang giao giữa hai nước, theo thiên kiến của bần tăng, là rất tốt. Chắc quan Bộ-đề đã có biểu tâu lên bệ hạ. Bần tăng chỉ xin tường trình lại những điều mà bệ hạ giao phó.

Chế Mân từ lúc bước chân vào tới cổng chùa đã thấy tâm hồn bình chuẩn, ông có thể mình định được những điều mà chỉ ít ít phút trước đây còn phân vân nghi hoặc. Nhà vua nói:

- Trẫm đã nghe tể tướng nói tất cả. nhưng trẫm cũng muốn nghe Hòa thượng nói lại mọi điều mắt thấy tai nghe. Nhất là các cuộc tiếp xúc riêng giữa Hòa thượng với Trúc Lâm đại sĩ - thượng hoàng Trần Nhân tôn. Trẫm cũng muốn biết tường tận về phong thổ, cảnh vật, dân tình của Đại Việt.

Sau khi tiêu đồng đã dâng tới tuần trà thứ ba, Hòa thượng cho y lui, người quay vào ban thờ Phật đốt trầm, rồi thỉnh một hồi chuông. Trưởng lão Phật giáo xá nhà vua một xá, rồi tâu bày lại sự việc mà người được tham gia trong đoàn sứ giả bang giao qua Đại Việt vừa trở về.

Nhà vua cũng hiểu những việc Hòa thượng vừa làm, là để chứng tỏ điều mà Hòa thượng sắp nói đây là trung thực, vì có cả sự minh chứng của chư Phật. Chưa bao giờ nhà vua thấy gọn một điều gì với đáng chân tu này.

Đức vua lắng nghe những lời vị Hòa thượng kể, như hiện ra trước mắt mình cảnh náo nhiệt của kinh thành Thăng Long, cảnh sinh hoạt của chúng dân và các bậc trọng thần tài ba của Đại Việt. nhà vua thờ dãi, lòng thâm khao khát có được những bày tôi lương đồng như triều đình Đại Việt.

Đối chiếu với những điều đã nghe ở quan Bộ-đề, nhà vua không khỏi hoài nghi về những chủ kiến thiên lệch của ông ta. Tại sao ông ta cố tình lôi kéo ta đi với người Nguyên, chống lại người Việt? Trong khi người Nguyên ở xa, còn người láng giềng thân cận, ta lại đi mua thù chuốc oán với họ để làm gì? Đột ngột Chế Mân hỏi:

- Hòa thượng có thấy cảnh sứ đoàn nhà Nguyên ở Thăng Long đi lại ngạo nghễ, ăn nói hống hách, hạch sách đủ điều, quá nhiều phó phường không còn thể thống phép tắc gì nữa không?

- Tâu bệ hạ có. Thân có nghe nói các việc đó xảy ra vào năm Giáp thân (1284) khi người Nguyên đòi vua Đại Việt phải sang châu, phải nộp sớ đình, sớ diên, phải nhận các quan chức người Nguyên sang cai trị.

Khi nghe Hòa thượng nói "có", nhà vua giật mình kinh sợ, tưởng như can qua Nguyên - Việt lại sắp khai triển, và như vậy thì lời quan Bô-đề nói là có lý. Tiếp đến khi Trưởng lão thuyết trình đầy đủ, nhà vua mới vỡ lẽ về những lời nói có dụng ý của quan tể tướng. Cũng là những sự việc như thế, nhưng ông ta lấy ở chỗ này gán cho chỗ khác. Lấy năm Giáp thân (1284) quàng vào năm Tân sửu (1301).

Chậm rãi, nhà vua hỏi:

- Cứ theo như ý của Hòa thượng thì sứ thần nhà Nguyên ở Thăng Long với sứ thần nhà Nguyên ở Chà Bàn có gì giống nhau, có gì khác nhau?

- Tâu bệ hạ, hai sứ đoàn đó giống nhau ở chỗ đều là người của triều đình nhà Nguyên cử tới để xác lập quan hệ bang giao, kỳ thực là để do thám. Nhưng khác nhau ở chỗ, sứ đoàn nhà Nguyên ở Thăng Long biết điều hơn. Họ không dám nghênh ngang trắng trợn ở trong triều, cũng như ở ngoài đường phố như ở Chà Bàn. Họ cũng không dám kết thân với các quan lớn Đại Việt, để gây bè kết cánh hồng làm nội gian nội gián-Ngừng một lát, lão Hòa thượng buông một tiếng thở dài như có điều gì tiếc nuối, rồi tiếp:

- Ở Thăng Long, người Nguyên biết giữ lễ, không phải vì nước họ có nền văn hiến cao, mà vì lực lượng của Đại Việt mạnh; người của Đại Việt "vua tôi một lòng, anh em hòa mục" như đức Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn đã nói.

Điều mà vị Hòa thượng vừa tâu bày, làm cho quốc vương Chế Mân xiết bao đau xót. Ông thừa biết người Chiêm thiếu cái gì. Nước Chiêm có một nền văn hiến không thua kém nước nào. Từ các ngành nghệ thuật, kiến trúc, điêu khắc đến ca, vũ, nhạc, người Chiêm thuộc loại nổi tiếng. nghề nông, nghề rừng, nghề biển, nghề nào cũng phát đạt. sản vật phong phú. Lại có một đội hải binh và chiến thuyền cực kỳ tinh nhuệ. Nhưng tất cả những cái đó vẫn chưa đủ làm nên sức mạnh của một dân tộc. Đúng là người Chiêm thiếu cái mà vị sư già đã khéo léo nhắc ông, bằng cách mượn lời vị Quốc công tiết chế bên Đại Việt. Bỗng dưng nhà vua cảm thấy lòng tự hào dân tộc của ông bị tổn thương. Có một cái gì đó đang nhen nhóm, như là một câu trả lời trong sâu thẳm của tư duy ông; nhưng ông không bao giờ dám để nó hình thành một cách trọn vẹn. tức là cộng đồng thị tộc của ông, dường như chưa đủ trình độ đạt tới một cộng đồng dân tộc. Vì vậy, nó đã bao phen tan vỡ, bao phen bị xâu xé bởi thù trong, giặc ngoài. Và hiện thời cũng đang có một nguy cơ như thế. Cứ nhìn bọn sứ thần nhà Nguyên, xãng xải kết thân với các đại thần của ông để mưu toan làm các điều phản loạn, là máu trong người ông lại sôi lên. Ông muốn đem cả lũ bọn họ ra mà chém, mà bêu đầu ngoài chợ. Ngặt vì ông chưa đủ chứng cứ, bởi chừng ông chưa có người giúp rập thân tín, tài ba để trị nước. Nghe nói, vua Nhân tôn là một người khoan nhân đức độ, lại có ý muốn cố kết với Chiêm Thành, nên chi ông đã cử vị hòa thượng Du Già là người tâm phúc của ông, lại cũng là chỗ chân tu cùng theo một đại đạo như Nhân tôn. Chẳng

biết việc đó ra sao, vẫn chưa thấy vị sư già đã động tới.

Hòa thượng Du Già chưa đạt tới mức quán thông thiên hạ, nhưng đọc được ý nghĩ của người khác, với ông không phải là việc khó. Vì thế ông tiếp ngay vào điều mà quốc vương của ông băn khoăn. Hòa thượng nói:

- Muôn tâu bệ hạ, xin bệ hạ đại xá cho sự chậm trễ của bản tể. Ấy là vì chưa chọn được ngày lành để vào yết kiến bệ hạ. Song các công việc mà bệ hạ phó thác cho bản tể, nhờ hồng phúc của bệ hạ đều êm xuôi, viên mãn cả. Thượng hoàng Trần Nhân tôn chỉ nay mai tới Chà Bàn.

Nhà vua lắng nghe chăm chú những điều hòa thượng thuật lại. Điều nào cũng hợp ý vua cả. Đoạn Chế Mân lên tiếng khen ngợi:

- Quả trời cho Hòa thượng tới giúp ta làm chiếc cầu nối giữa Chiêm Thành và Đại Việt. Công của ông lớn lắm. Quả phúc của ông to lắm.

Còn một điều mà vị Hòa thượng băn khoăn chưa nói được, ấy là ông muốn đứng ra làm mai làm mối cho vị quốc vương của mình với nàng công chúa út của thượng hoàng Trần Nhân tôn-một trang quốc sắc. Mặc dù quốc vương của ông đã có chánh hậu, cũng vào loại lá ngọc cành vàng từ xứ Chà-và, nhưng không thể so bì với tài sắc của công chúa Trần Huyền Trân được. Hòa thượng đã toan nói, nhưng ông lại tự nhủ: "Hãy để một dịp khác, thuận hơn".



# Chương XVII

- Trình thượng phụ thái sư, đầu óc cháu muốn vỡ tung ra đây này. Công chúa nói đúng lúc Tá thánh thái sư Trần Nhật Duật vừa ló đầu vào nhà học đường.

Thái sư mỉm cười rồi vuốt chòm râu bạc dài tới ngực, ông dịu dàng hỏi Huyền Trân:

- Cháu thấy việc học hành khó lắm sao?.

Giọng nũng nịu, công chúa thỏ thẻ nói với thái sư:

- Cháu có nói việc học hành khó đâu. Cháu chỉ muốn nói cái tiếng Chăm ấy, sao mà nó kỳ cục, nó trùng trảng rất khó nghe. Người mình chỉ nói một tiếng họ phải nói mấy tiếng. Ví như nói về các con vật. Ta bảo: ngựa. Họ nói: a theh (a thé). Dê: pa pè. Lợn: pa pùi. Gà trống: mơ nụ kho. Gà mái: mơ nụ pì nài. Đến các chữ của họ mới buồn cười. Chữ gì mà ngoằn ngoèo cứ như là con giun uốn khúc, hoặc như các đường đé dũi. Nhưng làm thế nào, thượng phụ bày cho cháu cách học để mau biết nhất, có được không?.

Thái sư cười rung cả chòm râu trước ngực, nom ông hiền từ như một vị tiên. Ông nói:

- Hồi mới học tiếng các nước, ta cũng học như cháu. Cũng lẫn lộn xuống mãi chẳng nói, chẳng viết được. Ta đã định bỏ không học. Nhưng mỗi lần tiếp sứ nước ngoài như người Tống, người Mông Cổ, người Chà-và, người Lão Qua, khổ về cái việc tìm thông dịch. Nếu không, lại phải bút đàm. Mà bút đàm thì thông qua chữ Hán. Có phải người nước ngoài nào cũng biết chữ Hán cả đâu. Bút đàm chậm lắm. Viết cả buổi không hết một ý mình muốn nói. Ta chỉ nghĩ đến lợi ích của quốc gia nên ta phải học. Cứ học thật tinh tường một thứ tiếng ngoại quốc, khi đó học sang một thứ tiếng khác rất nhanh, cháu ạ. Cháu bảo ta chỉ cho cháu con đường nào nhanh nhất hả? Trong học vấn không có đường tắt. Nhưng con đường dài ngắn là ở nơi cháu. Không ai học thay cháu được. Vậy là nếu ta dạy cháu một giờ, cháu phải học bốn, năm giờ. Phải biến được sự hiểu biết của ta thành hiểu biết của cháu. Cháu phải tận tâm tận lực học như người xưa nói: "Học như trác như ma, như thiết như tha, như...". Học vất vả khổ sở là thế, nhưng lại không được nóng vội. Phải dần dã như một đứa trẻ tập nói. Cháu phải tâm niệm một điều rằng, cháu không thể không biết tiếng Chăm trước khi về xứ Chăm. Cứ chịu khó học đi một vài tuần nữa, ta sẽ đưa ít người Chăm về đây hầu hạ cháu. Hàng ngày chung sống với họ, cháu sẽ tập nói mau hơn. Rồi cháu sẽ thấy tiếng Chăm, và cả ngôn ngữ lẫn văn tự, chẳng khó lắm đâu.

- Ôi nếu quả như lời thượng phụ dạy bảo thì cháu sung sướng quá. Nhưng phụ hoàng cháu lại bảo, cháu còn phải học nhiều thứ lắm.

- Đúng như phụ hoàng cháu dạy bảo. Cháu không phải là một người con gái thôn dã đi lấy chồng dị tộc, mà là bậc cao sang quyền quý của một quốc gia có nền văn hiến cao. Vậy trong những dịp tết lễ của Chiêm quốc, người ta trình diễn âm nhạc, ca vũ cung đình, ca vũ dân gian, cháu không biết thưởng thức thì làm thế nào? Muốn thưởng thức được thì phải hiểu biết. Muốn hiểu biết thì phải học. Lại tới những dịp tết, lễ của Đại Việt ta, có khi cháu cũng phải lo thết khách trong triều ngoài nội. Thế là cháu phải biết ca, vũ, nhạc của Đại Việt ta nữa. Phải có một ban hát với những vũ nữ, nhạc công, nhạc khí của dân tộc mình, và chính cháu phải đứng ra điều hành chứ. Thành thử cháu cũng phải hiểu biết tường tận về âm luật và vũ đạo dân tộc. Lại cả những món ăn cao quý, những trò dân dã của Đại Việt ta, cháu cũng phải am tường. Với người con gái khác, chỉ cần biết một, riêng với cháu, cái gì cũng phải biết hai, ba mà phải biết tới mức thông thạo. Khó đấy cháu ạ. Học tập rèn dũa cho tường tận bằng ấy thứ, có đầu óc thông tuệ, sức lực dồi dào, cũng phải mất vài ba năm. Ta chỉ ngại, chưa lo cho cháu được đến nơi đến chốn, mà bên Chiêm đã vội sang cầu hôn thì lỡ hết.

Huyền Trân cảm thấy nổi băn khoăn của thái sư có phần hơi quá. Nàng hỏi luôn:

- Lạy thái sư thượng phụ, người lo cho cháu nhiều thứ quá. Với đầu óc quê mùa thế này, cháu làm sao mà thấu nhận hết được!

Thái sư nói với giọng nghiêm trang có pha phần lo lắng:

- Ta nói rồi. Cháu không phải là một thôn nữ đi lấy chồng làng. Cháu về Chiêm là mang theo cả quốc hồn, quốc túy và quốc thể nữa. Bởi thế bắt buộc cháu phải thông tuệ như một bậc trí giả. Riêng về phân thi, thư, lễ, nghĩa, cháu học, hiểu như thế là được, ta tạm yên tâm. Còn về các mặt khác, nhất định ta đòi cháu phải tận dụng mọi thời gian và cơ hội để mà học. Chẳng hay ý cháu ra sao?.

- Bẩm thượng phụ, cháu xin một lòng một dạ nghe theo lời dạy của thượng phụ.

Từ sau bữa Tá thánh thái sư Trần Nhật Duật giáo huấn cặn kẽ, công chúa để tâm học hành cẩn tắc lắm. Mới có ba tháng tròn mà nàng đã hội thoại tiếng Chăm được với thái sư. Nàng có giọng nói uyển chuyển, lại có khuôn mặt hơi tròn, mũi thẳng, nom nàng cũng có vẻ hao hao giống các Chiêm nữ, được tạc thành hình vũ nữ dưới chân các bệ đá thờ tượng thân Shiva. Công chúa Huyền Trân là một người thông tuệ. Về mặt thi, thư, lễ, nghĩa nàng xướng họa, giao tiếp với bất cứ lứa lớp nào cũng không sợ đuối kém. Nhưng còn các mặt ca, vũ, nhạc nàng thật sự chưa am tường lắm.

Việc dạy dỗ công chúa, thượng hoàng giao hẳn cho thái sư lo liệu. Thái sư cũng vừa đưa một vũ nữ đã luống tuổi, cùng một bầy Chiêm nữ từ thôn Bà Già bên Kinh Bắc về, để giúp rập thêm vào với việc học tiếng Chăm, và học nghệ thuật ca, vũ, nhạc của công chúa. Ngay từ phút đầu, công chúa đã làm bà vũ nữ già kinh ngạc. Trông thấy Huyền

Trần lộng lẫy trong bộ y phục Chăm, lại chào hỏi bằng thứ tiếng Chăm gốc mà từ mấy chục năm nay, bà mới được nghe lại. Bà có cảm giác như những kỷ niệm quê hương thời thơ trẻ vừa được thức dậy trong lòng. Bà thấy cả vị mặn chát của nước biển quê hương, và nắng trải vàng như mật rải khắp cả một miền quê bao la, quanh năm ấm, sáng. Bà sụp xuống ôm lấy chân công chúa, gạt hai hàng nước mắt, ngừng nhìn nàng và khe khẽ hỏi bằng một thứ tiếng mẹ đẻ, không hề có chút pha tạp một chất giọng nào khác, mặc dù bà đã ở mấy chục năm rông trên đất Đại Việt.

- Có phải công nương được đưa sang triều cống cho Đại Việt? Dám xin công nương cho già này biết được cội nguồn của công nương bên Chiêm quốc, họa may ta nhận được ra nhau. Xin công nương đại xá cho kẻ bé mọn này có hơi tò mò - Chẳng hay phẩm cấp của công nương, khi về làm dâu Đại Việt thuộc hàng thứ thế nào?. Trong lời nói, nhất là trong cử chỉ và ánh mắt bà Chiêm vĩ già, bộc bạch hết nỗi cảm thông của mình với số phận của vị công nương mà dưới con mắt bà, được xem như đang ở vào tình huống bất hạnh. Đường như trong sâu thẳm của hồn bà, còn bộc lộ cả nỗi xót đau cho số phận của đất nước và giống nòi Chiêm quốc.

Huyền Trân là một người nhạy cảm. Nàng hiểu được tâm trạng của bà vĩ nữ già, vói tất cả nỗi niềm đau xót chân thực mà bà chia sẻ - "Thật oái oăm, Huyền Trân tự nghĩ. Mình chỉ muốn tập nói vài tiếng Chiêm mà thái sư thượng phụ dạy bảo cho từ mấy tháng nay. Ai ngờ, bà ta lại tưởng mình cũng là một Chiêm nữ - một vật triều cống. Khá khen thay, bà già là một người yêu quê hương, yêu dòng giống dân tộc bà đến tận cùng xương tủy". Công chúa tự hỏi: "Chẳng hay khi về Chiêm, ta có còn giữ được tác lòng son với cố quốc Đại Việt như lão bà này?". Nàng lại trầm trả lời: - "Ồi, nếu không giữ được tác lòng son với nước non nòi giống, thì thả mực nát với cỏ cây chứ còn đeo đẳng làm chi một kiếp sống thừa...". Trong giây lát, nàng miên man với những ý nghĩ chợt đến, dường như nàng quên biến mất bà lão Chiêm đang trò chuyện với nàng.

Bà lão vẫn ngược cặp mắt nhòe lệ, môi mấp máy như đang chờ đón điều gì nơi công nương - người mà bà hy vọng là kẻ đồng tông. Huyền Trân ý thức được điều đó. Và trong lòng nàng cũng đang có sự đắn đo lưỡng lự. Nàng không thể tự lừa dối mình, càng không thể dối lừa một bà lão hiền thực dường kia. Nàng lấy sự thực để giải bày. Vì chân thực là điểm bắt đầu của một tâm hồn trong sáng.

Sau khi được công chúa kể cho nghe hết đầu đuôi câu chuyện, lão bà càng muôn phần kính phục người mà nay mai sẽ trở thành một bậc mẫu nghi Chiêm quốc. Bà cũng không thể ngờ một công nương mặt hoa da phấn, suốt đời ở chốn cung cấm mà lại đủ can đảm đi làm dâu xứ người. Ngạc nhiên hơn nữa, công chúa là con yêu của quốc vương một nước hùng mạnh như Đại Việt, lại ưng thuận làm thứ phi của nước Chiêm Thành bé nhỏ. Lão bà thật sự không hiểu được những điều mà bà thấy và nghe được trong khoảnh khắc mới đây. Nhưng bà tự nhủ lòng, sẽ làm tất cả những gì có thể làm được một khi công chúa có lời sai bảo. Và nếu như được nàng cho phép, bà sẽ theo hầu hạ nàng

trở về Chiêm. Tự nhiên bà lại thấy rộn lên một nỗi nhớ quê. Vậy mà đã mấy chục lần các sứ đoàn Chiêm quốc qua thăm, được Đại Việt cho phép hồi hương, bà lại từ chối không về. Bà nhớ cách đây hơn bốn chục năm. Vào khoảng năm Nhâm tí (1252), trước cuộc xâm lấn của người Thất vào Đại Việt chừng năm sáu năm gì đấy. Ngày ấy, bà là vũ công chính trong đội vũ nữ cung đình, dưới triều vua Bồ-la-đa. Bồ-la-đa là một ông vua của các vua nghệ thuật. Ông yêu ca vũ nhạc đến mức gần như bệnh hoạn. Nghĩa là suốt ngày đêm, ông có thể không ăn uống chỉ ngồi nghe âm nhạc và xem nhảy múa. Bản thân nhà vua cũng là một nhạc công nổi tiếng. Bà nhớ trong ban nhạc của cung đình, hễ có nhạc công nào ốm, là nhà vua lại đích thân kể vào chân đó. Lúc ông đánh đàn kaping(đàn một dây của Chăm) khi ông thổi kèn saranay(kèn bằng gỗ có ba phần: ống loe, thân gỗ, có 6 lỗ thoát hơi cũng là 6 cung bậc, và bộ phận thổi có lưỡi gà) , và chơi cả đàn campai(đàn 36 dây) . Nhạc cụ nào nhà vua cũng chơi rất điêu luyện. Và chính bà đã cùng nhà vua nhảy vũ khúc tamane hrung(Vũ khúc hoan ca) . Hồi ấy bà còn là một thiếu nữ xinh đẹp trong đám vũ nữ của triều đình. Bà cũng còn là người hầu thân cận của hoàng hậu. Cho tới cuộc chinh phạt của Đại Việt tràn vào kinh đô Chà Bàn hồi giữa mùa xuân, đức vua đích thân chỉ huy chiến thuyền, bị thua bỏ chạy.

Quân Đại Việt vào hoàng cung bắt được hoàng hậu và cả đám vũ nữ ti thiếp đưa về Thăng Long. Nghe nói đích thân Trần Thánh tông cầm đầu cuộc thảo phạt này, cốt để người Chiêm không được quấy nhiễu vùng bờ biển giáp ranh và miền đất hai châu Bồ Chánh, Ma Linh. Nhưng khi hoàng hậu Bồ-đa-la về tới Thăng Long liền tự vẫn. Giận mình là kẻ hầu thân cận của hoàng hậu mà không giữ cho bà được tròn tính mệnh, tới khi bà chết, lại không được theo bà, nên người vũ nữ được cả cung đình sủng ái ấy thẹn với lương tâm, mà từ chối cả việc trở lại quê hương. Gần như cả tuổi trẻ của bà trôi đi chậm chậm với dòng nước sông Thương êm ả. Tuy chậm chậm, nhưng năm tháng đã lấy đi của bà dường như tất cả những gì mà tuổi xuân chắt chiu vun quén. Bà và những người đồng tông, sống trong một ấp trại, được sắp xếp y hệt một ngôi làng của người Chăm bên chính quốc. Tất cả các phong tục tập quán đều giữ nguyên lệ. Ví như nhà ở vẫn làm theo hướng tây. Người chết được thiêu xác. Con cái theo họ mẹ, và quyền biến trong nhà do người mẹ định đoạt. Tất cả những thứ đó, bà vũ nữ già cũng thấy là việc bình thường, khi sống chung lẫn trong một cộng đồng với người đồng tông. Song điều mà bà thích thú nhất là cái cộng đồng bé nhỏ của bà trên đất Đại Việt này, đã sáng tạo ra được một lối hát tựa tựa như lối hát múa trong vũ khúc tamane hrung. Theo lối hát này, nam nữ chia thành bè riêng biệt, hát đối đáp nhau. Đêm đêm người Chiêm trong thôn ấp thường ra bờ sông hát. Giọng hát cũng êm êm diu diu như dòng nước sông Thương trôi chậm chậm. Mọi người hát về nỗi nhớ nhà, nhờ dòng sông chở tiếng hát ra biển. Biển sẽ đem tiếng hát của những người người con xa quê, để bồi đắp cho xứ sở thêm thịnh vượng.

Đứt dòng hồi ức, bà vũ nữ Chiêm ngược nhìn Huyền Trân, cặp mắt bà như cầu khẩn, như nài nỉ một ân huệ gì đó.

Xúc động, công chúa đỡ bà dậy và nói:

- Tôi có nhiều việc cần đến sự dạy bảo, sự trợ giúp của bà, trước khi tôi về Chiêm quốc.  
Người vũ nữ già gật nhẹ, mắt bà ánh niềm vui.

# Chương XVIII

Không chỉ riêng có Huyền Trân công chúa học tiếng Chăm và Chăm ngữ, mà cả những người sau này sẽ theo hầu nàng về Chiêm như Bích Huệ, Thúy Quỳnh và cả hòa thượng Minh Thái cũng học.

Học ngôn từ và chữ nghĩa chỉ có Huyền Trân là sáng dạ. Nhưng về khẩu ngữ thì Bích Huệ vẫn dẫn đầu cả nhóm. Tuy nhiên về mặt chữ nghĩa thì Bích Huệ coi như mù tịt. Trao cho Bích Huệ cây bút để viết chữ Chăm, lập tức cô vẽ các chữ đó thành những con đường giun đùn, dề dũi. Thái sư không chê trách gì Bích Huệ mà còn khuyến khích cho cô phát triển mau lẹ, điều mà cô sở trường. Thái sư cũng không ép buộc Huệ phải học chữ.

Song từ dạo thái sư đưa nhóm Chiêm nữ từ Kinh Bắc về sống chung lẫn, và người cấm không cho nói tiếng Việt trong giờ học và cả lúc giao tiếp với người Chăm, thì khẩu ngữ của mọi người hoạt bát hẳn lên. Công chúa và hòa thượng đã đọc lồm bồm được các sách kinh Phật bằng chữ Phạn của Tây Trúc. Hiện thời Huyền Trân vừa học tiếng vừa học chữ, vừa khảo sát về âm nhạc và một vài điệu múa Chăm. Về âm luật, thái sư tự mình dạy cho công chúa sau giờ học chữ mỗi ngày. Ngoài ra, phải nhờ đến một số người Chăm hướng dẫn. Riêng học múa đã có bà Trà Hoa Tuyết, mọi người thường tôn bà là vũ sư.

Vào một đêm đã được chuẩn bị trước, bà vũ sư xin phép công chúa tổ chức vũ hội của dân tộc mình. Đứng dịp thượng hoàng có việc về kinh, Huyền Trân bèn mời vua cha đến dự. Công chúa còn cho mời Trần Khắc Chung, Trần Khắc Chung vừa mới được thăng nhập nội đại hành khiển. Mời quan Tư nghiệp quốc tử giám, và cả Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Trung Ngạn và những sinh đồ nổi tiếng khắp Thăng Long, sắp vào dự thi đình trong năm tới.

Mở đầu dạ vũ là vũ khúc tamane hrung. Ngoại trừ những người đồng bào cùng trong một thôn xóm, không ai nhận ra vũ nữ trẻ măng đang trình diễn kia lại chính là lão bà Trà Hoa Tuyết. Chiếc mũ Chiêm chớp nhọn lấp lánh ánh vàng ôm gọn lấy mái đầu có vành tóc đen như mực. Khuôn mặt tròn đầy đặn, chiếc mũi thẳng với nước da hơi ngăm ngăm đen pha hồng, điểm thêm một nốt ruồi son giữa trán. Chuỗi hoa tai kim cương nạm vàng chảy xuống hai bờ vai trần, nom như hai bông tuyết phát ra những luồng ánh sáng bảy sắc lung linh, làm rạng rỡ thêm khuôn mặt đẹp và chiếc cổ thon duyên dáng. Chiếc áo con che đờ vừa vặn hai bầu vú, may bằng thổ cẩm thêu chỉ bằng vàng. Hai cánh tay tròn lẳn, nơi hai cổ tay được ốp một loại vòng hình cánh sen bằng vàng, có đính thêm những chiếc nhạc nhỏ xíu như hạt cườm dát ngọc lấp lánh. Bụng vũ nữ để trần. Tấm váy xary, nhất là chiếc cặp váy là cả một công trình nghệ thuật may thêu, cực kỳ tinh xảo. Cùng múa với vũ nữ là một chàng trai có nước da ngăm đen, thân hình chắc lẳn. Đầu chàng đội một thứ mũ trụ bằng vàng, mình trần đóng khố. Chiếc khố thêu, dát tinh xảo bằng những thứ vàng, bạc, đá

ngọc đủ màu. Trông chàng khỏe mạnh, đanh chắc, toát ra một vẻ kiên nghị hấp dẫn lạ thường.

Ban nhạc vừa nổi lên giữa tiếng trống pa-ra-nung, tiếng kèn saranay, tiếng nhị kami và tiếng đàn campê. Những âm thanh diu dặt, du dương đưa ta vào cõi mộng. Bỗng nhiên, vũ nữ lác mình như một vị thần đang làm phép hoá thân. Sau cái lác mình, vũ nữ ngồi xuống, chiếc xary xòe trên sàn diễn. Tiếp theo là những động tác múa dẻo. Đôi bàn tay, nhất là cổ tay và cánh tay của vũ nữ uốn lượn, làm cho mọi người không còn tin ở mắt mình nữa. Như là một thứ ma thuật, rõ ràng vũ nữ uốn được cả những ống xương tay cũng mềm mại như phần cơ bắp. Trong khi vũ nữ rạp người múa trên sàn diễn thì chàng trai nhảy quanh nàng theo tiếng nhạc đưa. Những động tác giao đãi giữa hai vũ công, là cả một sự kết hợp hài hòa giữa nhạc và múa. Đôi cánh tay họ giang ra như chào đón, chân bước nhịp nhàng theo tiếng nhạc rung, mặt tươi cười như chất chứa niềm vui. Vũ khúc tamane hrung biểu hiện một phong tục cổ truyền của Chiêm quốc. Khi chào đón khách quý, tổ chức cuộc vui hoặc hoan ca mừng chiến thắng.

Điều múa kết thúc, người xem còn sững sờ. Khi vũ nữ Trà Hoa Tuyết lui vào sau sàn diễn thay thường phục ra vái chào quan khách, thì mọi người kinh ngạc cho rằng vũ nữ hóa trang thành bà già, và người ta chờ đón một vai diễn gì sẽ kế tiếp.

Chương trình còn được tiếp tục với nhiều tiết mục đặc sắc, như múa quạt là điệu múa dân tộc cổ truyền được nhiều người hâm mộ. Rồi hát đối ca và hòa tấu trống. Người ta vừa vỗ trống bằng tay vừa hát, những bài hát ca ngợi quê hương, ca ngợi các chiến công và những anh hùng.

Buổi trình diễn hát, múa, nhạc cung đình xen lẫn với những tiết mục dân gian, truyền thống của người Chăm, đã để lại trong lòng người xem một ấn tượng không bao giờ phai nhạt và một sự cảm thông, cũng như cảm phục sâu xa một dân tộc có nền nghệ thuật múa, nhạc khá cao.

Xem xong buổi biểu diễn trở về, hầu như suốt đêm công chúa không ngủ được. Nàng vừa đắm say, vừa thán phục nền nghệ thuật dân tộc độc đáo của đất nước mà mai đây nàng sẽ là con dâu của xứ đó. Bản thân nền nghệ thuật cao ấy lại được các nghệ sỹ cung đình và dân gian trình diễn với một tài nghệ phi thường. Nhưng sao xem xong đêm diễn, công chúa thấy phảng phất một nỗi buồn, một nỗi cô đơn trống trải cứ gặm nhấm tâm hồn. Huyền Trân nhớ lại khi dàn nhạc hòa tấu, nàng vẫn nghe rất rõ bè trầm của trống paranung như một lời ní non than khóc. Còn tiếng kèn saranay đi bè cao như là một tiếng thét kêu đau đớn. Lạ quá, ngay trong điệu vũ tamane hrung là loại vũ hoan ca mừng chiến thắng, nhạc cũng đánh theo một giai điệu buồn. Không có một căn cứ gì có thể nói lại cho người khác hiểu được, nhưng bằng tâm cảm, công chúa mơ hồ nhận thấy qua nền nghệ thuật ca-vũ-nhạc này một tiếng vọng đau thương, chất đầy uất hận. Chẳng lẽ đây lại là điềm báo trước cho một tai họa khủng khiếp của cả một dân tộc?

Hôm sau, thượng hoàng Trần Nhân tôn lại cho mời những người đã được xem các nghệ sỹ Chăm trình diễn nghệ

thuật đêm hôm trước, tới châu tại điện Càn đức, để ngài hỏi ý kiến. Khi mọi người đã tề tựu, thượng hoàng bèn lên tiếng:

- Năm trước qua thăm Chiêm Thành, hòa thượng Du Già có đứng ra làm mai công chúa Huyền Trân - con gái út của ta cho quốc vương của họ. Qua tiếp kiến và hội kiến, cũng như đi chu du khắp đất nước của Chế Mân, ta thấy ông này là một người hiền đức. Một người có kiến văn rộng rãi, trọng nghĩa, thương dân, chuộng sự hòa hiếu, biết giữ đạo lân bang. Vì vậy ta đã nhận lời. Chỉ ngày một ngày hai là họ sang ta để cầu hôn. So với Trung Quốc, ta là một nước nhỏ. Nhưng so với Chiêm Thành, ta lại là một nước lớn. Và lại ta có nền văn hiến cao, không thể để công chúa về Chiêm như một người dân thường. Theo ý của Tá thành thái sư, công chúa trước hết phải học tiếng Chiêm, học chữ Chiêm. Rồi học âm nhạc và hát, múa Chiêm nữa. Để sao cho khi vào đất Chiêm, con ta không còn ngỡ như một kẻ quê mùa. Vậy theo ý các khanh nên như thế nào?

Công chúa ngồi nép ở mép chiếu phía chân ngài của thượng hoàng. Nàng đề ý, không thấy Mạc Đĩnh Chi và Nguyễn Trung Ngạn có mặt trong buổi chiều này. Huyền Trân day dứt hoài, rằng sao những người học thức rộng như vậy, mà không được dự bàn công việc. Mãi lâu sau nàng mới tìm ra được lời đáp. Là bởi các bậc nho sinh kia chưa phải là các bậc đại khoa, chưa có chân trong triều chính, nên không được tham dự. Trong số những "bọn mặt trắng" - nói theo lối nói miệt thị của mấy vị đại khoa bất tài nhưng hách dịch, thường gọi đám nho sinh xuất chúng kia là bọn "bạch diện thư sinh", thì chỉ có Đoàn Nhữ Hài là người được quan gia đặc cách sai khiến. Tức là được vua cất nhắc, bổ dụng, chưa qua các kỳ thi tuyển - "Thảo nào đêm qua, sau khi xem xong, ta có nhìn thấy Mạc Đĩnh Chi, trong lúc chàng cũng đang nhìn ta và có ý như muốn nói điều gì. Ta bèn hỏi ý chàng về buổi diễn. Chàng nói rất nhanh, như là không cần suy nghĩ, hoặc là chàng đã nghĩ kỹ từ trước". Chàng nói: - "Trình Công nương. Đây là một nền nghệ thuật cao, đáng khâm phục. Công chúa cần biết, chứ không cần học. Tôi nghe nói công chúa đang học đàn và học múa theo lối của người Chiêm. Nhưng theo tôi nghĩ, công chúa nên học kỹ các lối đàn, nhạc, ca, vũ hiện đang được lưu truyền trong dân gian của ta là hay hơn cả. Vì không còn nhiều thời gian nữa, công chúa chớ có tham lam học nhiều thứ quá. Nhất là lối hát, nhạc và múa của mấy người thường diễn trong cung đình, công chúa chớ nên học. Cái đó lố lăng lắm". Đĩnh Chi nói xong cáo từ đi liền, nàng không kịp hỏi thêm chàng một lời nào. Chính những điều Mạc Đĩnh Chi nói, đã làm Huyền Trân trấn trở suốt đêm. Và công chúa bật ra lối nhận xét bằng trực cảm của mình về nền nghệ thuật Chàm, cũng bắt đầu từ sự mất ngủ.

Từ lúc thượng hoàng ban ý, không khí trong điện vẫn im phăng phắc. Huyền Trân nghe rất rõ hơi thở của mấy vị quan ngồi gần. Nàng cảm thấy sốt ruột, tay chân động cựa, đã toan nói. Chợt có tiếng âm ề dọn giọng. Nhìn xem ai, hóa ra quan Tư nghiệp quốc tử giám. Ông sửa lại chiếc mũ bình thiên cho ngay ngắn. Rồi rời lại hàng khuy và chiếc



đai áo có thêu đôi chim phượng hoàng thất hờ trước bụng. Đoạn ông nói:

- Muôn tâu thượng hoàng. Bây giờ không phải lúc bàn nên hay không nên gả công chúa cho phiên vương Chế Mân. Việc đó đã có thượng hoàng và quan gia cùng triều đình quyết đoán. Mà bàn đưa công chúa sang Chiêm quốc như thế nào. Tá thánh thái sư là một người thông kim bác cổ hơn đời, lại hiểu được tiếng nói, phong tục, lễ nhạc của các phiên quốc, nên ngài có chú ý như vậy rất nên theo. Nhưng theo ngụ ý của thần, lễ nhạc của nước nào, chính là cái hồn của nước ấy kết tinh lại. Nay mai công chúa vào Chiêm, tức là đem cái hồn của Đại Việt qua Chiêm quốc. Vậy thời cái cần học trong lúc này đối với công chúa là nền lễ, nhạc của Đại Việt chớ không phải là học lễ nhạc của Chiêm quốc. Còn cái phương tiện để biểu cảm nền lễ nhạc của Đại Việt ta, lại chính là tiếng Chiêm và chữ Chiêm. Cái đó công chúa cần phải học.

Nói xong, quan Tư nghiệp vái thượng hoàng ba vái rồi ngồi ngay ngắn như là quan đã ngồi đó từ lâu lắm.

Thượng hoàng đưa mắt nhìn khắp cử tọa rồi dừng lại ở chỗ Trần Khắc Chung, Đoàn Nhữ Hài.

Khắc Chung hiểu ý thượng hoàng, bèn cung kính nói:

- Trình thượng hoàng, người đã vào Chiêm, đã xem xét tường tận phong tục, lễ nhạc của nước đó. Vậy cần như thế nào, người cứ ban thánh chỉ, chúng thần sẽ ráng sức lo liệu. Riêng thần, rất tâm đắc với cao ý của quan Tư nghiệp quốc tử giám, về việc lo cho công chúa có cái vốn của nền lễ nhạc Đại Việt. Nếu thượng hoàng không cho là thân cần rỡ, thì xin thượng hoàng cho lập một đội vũ nữ và nhạc công để theo hầu công chúa vào Chiêm. Đại Việt là một nước văn hiến, không thể không dùng lễ nhạc của mình để cải hóa tâm tính hay tráo trở của người Chiêm.

Quan hành khiển vừa dứt lời, thì quan tham tri chính sự, tức quan ngự sử trung tán vừa được thăng chức sau chuyến đi sứ sang Chiêm mới đây, bèn lên tiếng:

- Trình thượng hoàng, Chiêm quốc là một xứ mê đạo cũng như mê nhạc đến mù mắt, mù quáng. Cho nên nắm được nghệ thuật âm nhạc, tức là đã nắm được cái chìa khóa đi vào cõi tâm linh của người Chiêm. Bởi vậy không thể không trù liệu kỹ lưỡng cái vốn âm nhạc và hát múa cho công chúa trước khi vào Chiêm.

Thượng hoàng gật gù tỏ vẻ hài lòng về lời nói và sự hiểu biết của quan tham tri chính sự. Nhà vua nói:

- Đoàn Nhữ Hài còn trẻ mà kiến thức đã uyên bác. Người nói rất hợp ý ta. Nhân đây ta nói thêm một đôi điều để các khanh, nhất là công chúa cần biết mà nhớ lấy.

Nói xong nhà vua co hai chân lên ngồi theo tư thế thiền, đôi mắt ngài khép hờ im lặng. Có người đã nghĩ rằng nhà vua già, sức yếu nên thức ngủ bất thường.

Bỗng ngài cất tiếng nói, giọng vang âm áp:

- Phần đông người Chăm theo Ấn giáo, tức là giáo phái Bà-la-môn. Hết thầy nền văn hóa của Chăm kể từ kiến

trúc, đến âm nhạc đều toa rập theo cung cách Ấn. Bởi vậy ở nước này âm nhạc được coi là một nghệ thuật thiêng liêng. Phần nhiều âm nhạc được dùng trong tế, lễ và các cuộc tiếp rước long trọng. Về thứ bậc, loại nghệ thuật này được xếp trên nghệ thuật kiến trúc, hội họa hoặc sân khấu. Thần Brahma, thần Vishnou và thần Shiva, tức là ba ngôi bất tử của thượng đế chí tôn, đều là những vị nhạc sĩ đầu tiên. Theo thần thoại Ấn Độ mà người Chăm thường kể lại, thần Shiva biểu hiện vị vũ công thiêng liêng với những vũ điệu thần bí, miêu tả những giá trị sáng tạo, bảo trì và phá tán của vũ trụ. Còn thần Brahma bắt nhịp theo âm điệu của những chùm chọe khua vang. Thần Vishnou thì đánh trống mridangan. Thần Krishna một hậu thân của thần Vishnou luôn luôn được biểu hiện bằng một ống sáo với những âm điệu du dương, làm lay động những linh hồn còn đang mải miết trong rừng mơ ảo vọng... Với dân tộc này, qua âm nhạc thần linh biết được nguyện vọng tha thiết của cộng đồng. Cũng qua âm nhạc cộng đồng biết được ý muốn của thần linh, mà người trung gian truyền đạt sẽ là các vị tư tế nắm giữ quyền hành trong các đền tháp. Bởi vậy với người Chăm, âm nhạc được coi như là một thứ ngôn ngữ của thần thánh. Cho nên các khanh dự liệu cho công chúa cái vốn âm nhạc để về Chăm là thượng sách.

Huyền Trân nghe vua cha và các vị đại thần nói, lòng bừng sáng. Nhưng sao lời nói của Mạc Đĩnh Chi vẫn có gì như là một sự mách bảo của thần linh mà công chúa không thể bỏ qua. Nàng mạnh dạn dứt bỏ mọi sự e lệ thường tình, khẽ nói từ phía sau vua cha:

- Xin phụ hoàng cho phép con được nói đôi điều với các vị đại thần.

Vua Nhân tôn ngoảnh lại và cổ súy con gái bằng ánh mắt độ lượng.

Huyền Trân dịu dàng nói:

- Tâu phụ hoàng, trình các chư liệt vị đại thần. Các vị thượng phụ và phụ huynh ban cho những lời vàng ngọc, tiểu sinh vô cùng cảm kích. Chỉ tiếc rằng tấm thân liễu yếu, với đầu óc tri độn, sợ không mang nổi trọng trách quốc gia, xin các bậc tiền bối chỉ giáo cặn kẽ cho kẻ hậu sinh này. Theo như ngụ ý của tiểu sinh, chỉ nên học qua âm luật của Chiêm quốc để phân biệt được các loại nhạc tế lễ, cúng thờ với nhạc vui, chớ tiểu sinh không thể luyện để trở thành một vũ nữ hoặc nhạc nữ Chăm được. Cứ xem như tài nghệ của bà Trà Hoa Tuyết thì tiểu sinh dù có chuyên tâm khổ luyện với tấm lòng say mê tha thiết, cũng không thể thành đạt được, với tầm mức như bà ta dưới mười năm. Bởi nhẽ, tiểu sinh sao có được cái hồn của người Chăm để mà dòn vào tiếng hát, điệu múa. Thành thử cái nên học lại chính là nghệ thuật của Đại Việt ta. Tiểu sinh chỉ xin được học một số bài nhạc, một vài điệu múa đang được lưu giữ trong dân gian từ Thăng Long tới các vùng Kinh Bắc, châu Ái, châu Hoan, thế là đủ.

Ngừng một lát như để dẫn đo, suy ngẫm, công chúa lại nói:

- Theo lời dẫn giải của phụ hoàng và lời chỉ giáo của quan tham tri, tiểu sinh xin triều đình cho được làm theo ý

của đại quan hành khiển, tức là lập một đội vũ nữ và nhạc công, để đem nền văn hiến của ta vào Chàm, ngõ hầu cho hai dân tộc hiểu biết và tôn kính lẫn nhau; cho sự hòa hiếu thêm phần khích lệ.

Nghe lời bạch của công chúa, thượng hoàng muôn phần vui vẻ. Người bước ra khỏi ngai, tươi cười phán:

- Ta y lời tâu của công chúa. Vua Nhân tôn quay về phía Tá th841;nh thái sư Trần Nhật Duật thông thả nói:- Dự liệu việc này thế nào, xin thái sư lo giùm.

# Chương XIX

Thoát đã gần hai năm kể từ ngày Huyền Trân học tiếng Chăm. Tới nay công chúa với đoàn tùy tùng đã thông thạo cách nói và cách viết của người Chăm. Không những thế công chúa còn am hiểu được cả nghệ thuật âm nhạc và hát múa của người Chăm. Những phong tục tập quán Chăm có điều gì cần ghi nhớ, bà Trà Hoa Tuyết đều chỉ dẫn cặn kẽ. Những ngày lễ tết hoặc kiêng kỵ công chúa đã thuộc nằm lòng. Không những thế, tới các ngày lễ hội công chúa còn đích thân đến làng Chăm cùng dự lễ với chúng dân và xem họ tổ chức các trò chơi, trò diễn và nấu các món ăn cổ truyền.

Trở lại với cội nguồn dân tộc mình, Huyền Trân trước hết đã học được cách làm các loại bánh, vào những dịp lễ tết khác nhau. Ví như bánh chưng, bánh dày làm vào mùa nào. Bánh trôi, bánh chay, bánh cốm, bánh chè lam, làm vào những tháng nào trong năm. Rồi các ngày lễ như lễ Thường tân (lễ cúng cơm mới vào 10 tháng 10 âm lịch) thì sửa soạn hương hoa cỗ bàn, bày biện cúng dâng ra sao. Lễ Thanh minh làm gì. Tết Đoan ngọ, tết Nguyên tiêu bày biện cúng vái trước sau, lớp lang đều phải thuộc biết cả. Dạy cho công chúa biết các ngày lễ tết và làm các loại bánh trái, cỗ bàn để cúng dâng, không ai khác, ngoài nữ mẫu. Phải nói nữ mẫu là người mẹ thứ hai của công chúa.

Có lúc nữ mẫu rên lên vì thương xót. Bà chưa nghĩ được những điều cao xa như các bậc thượng tri, các bậc túc nho, suy nghĩ về dân tộc, về đất nước. Bà chỉ nghĩ một cách đơn giản như các cụ ta thường răn dạy:

*"Hoài con mà gả chồng xa*

*Trước là mất giỗ sau là mất con".*

Hồi bà còn con gái ở quê, bà thấy người ta ít lấy chồng khác làng. Dù làng đó ở sát cạnh làng mình, cô gái vẫn mang tiếng là "lấy chồng thiên hạ". Vì thế người xưa mới khuyên:

*"Có con mà gả chồng gần*

*Có bát canh cần nó cũng đem cho".*

Vậy nên trong tâm tưởng, bà ý thức rằng công chúa đi lấy chồng lần này, coi như là mất hẳn. Người thiệt thòi mất mát nhiều nhất lại chính là bà. Vì bà không còn một chỗ dựa tinh thần, tình cảm nào khác, ngoài công chúa, mà đã từ lâu nay không có quyền, nhưng bà vẫn mang máng coi như con bà. Nữ mẫu không hình dung được, dù người ta nói bằng lời hay vẽ ra giấy, cái xứ sở mà công chúa sẽ phải đem tấm thân ngàn vàng tới nương nhờ họ. Không dám nói ra miệng, nhưng trong lòng bà hận lắm. Cắn răng, thắt ruột bà mới giữ được miệng, được môi để khỏi bật ra những lời khinh bỉ một lũ một lũ cái bọn đàn ông, chân mang hia, đầu đội mũ, đi đâu cũng tán vàng tán tía, quân hầu đầy tớ

oai phong lẫm liệt, ấy thế mà lại phải nhờ vào sức một đứa con gái mới lớn, để cầu hòa với một nước nhỏ yếu hơn. Muốn nói gì thì nói, bà không thể tin ở nhân cách của cái bọn người, mà trọng trách quốc gia dân tộc lại đổ lên đầu một đứa con gái. Đứa con gái bà nuôi nấng, ẵm bế nó từ lúc mới oe oe tiếng khóc chào đời. Nó cũng ốm đau, cũng quấy khóc, cũng hờn dỗi như tất cả những đứa trẻ khác bà thường thấy chứ chẳng có nét gì khác biệt, thần thánh. Ấy thế mà giờ đây người ta gán cho nó đủ thứ đức hạnh, tài năng siêu phàm, cứ như nó là người nhà trời sai phái xuống không bằng. Nên chi bà nghĩ về các vị đại thần này, giá trị không hơn gì những khúc gỗ đã được đẽo gọt thành hình nhân, rồi người ta bôi son trát nhũ vào, và đặt cho mỗi khúc gỗ ấy một cái tên thật là sang quý, thiêng liêng để cho mọi người cúi đầu vái lạy. Mũ mẫm cân đai, hia hốt mà làm gì cho phí chỉ uồng vàng, tốn công nhọc sức của đám thợ thủ công? Nhũ mầu không dám đi đến cùng cái ý nghĩ phạm thượng, mà thỉnh thoảng nó cứ như một con rắn trườn rất êm trong suy tưởng thường ngày của bà, về các đẳng bậc bề trên.

Cái cảm giác sẽ mất công chúa vào bất cứ lúc nào người ta đến đón đi, càng làm cho nhũ mầu trở nên cay đắng. Bà cảm nhận như chết nửa cõi lòng. Bà trở nên lầm lì khó tính. Có lúc bà chăm bẵm, săn sóc công chúa thật là chu đáo, tinh tế. Bà xót thương cho số phận công chúa như sự bất hạnh của đời bà. Bà sẵn sàng bảo vệ công chúa như một con chó sói giữ gìn con nó. Có lúc bà lại thờ ơ, dường như bà còn có ý trách công chúa tại sao nàng không cưỡng lại, không hợp lực với bà, mà nàng lại sẵn sàng chấp thuận như là một sự về hòa với họ. Vì vậy, bà càng thấy trống trải, cô đơn. Và bà muốn nàng đi cho khuất mắt. Cũng có lúc đầu óc sáng tỏ, bà ý thức được thân phận bà trước sau cũng chỉ là một kẻ hầu hạ. Hầu hạ đến trọn đời. Vậy có ai còn đoái tưởng gì đến một kẻ tôi đòi mà phách lối cho lối lẳng. Ngay đến lão Dương, công lao dường ấy mà thân nô bộc vẫn hoàn nô bộc. Nghĩ tới lão Dương, nhũ mầu thấy lòng dịu lại, bà tự nhủ: kệ cha đời!

Người đứng ra coi sóc đám nhạc công và vũ nữ không ai khác, ngoài hòa thượng Minh Thái.

Không ai nghĩ, một chân tu như hòa thượng Minh Thái lại am hiểu nhiều lĩnh vực đến thế. Được thái sư ủy quyền cho ông chọn lựa nhạc công và vũ nữ cung đình. Nhưng ông từ chối, lấy cớ rằng những người ấy đã quen diễn cho quan gia xem, nay không vì một việc nhỏ để ảnh hưởng đến niềm vui thường ngày của nhà vua. Kỳ thực, ông cho bọn này chỉ là những hình nộm, đã được huấn luyện rất kỹ trong một vài tiết mục diễn đi diễn lại tới nhàm chán, cũng khô. Vì vậy ông rời kinh thành đi về các làng xóm. Cứ nghe ở đâu có trống hội làng, ông bèn dừng ngựa ghé xem. Ông đưa về Thăng Long những cô hát soan, hát gheo mà ông chọn lọc ra từ các đám hát rước trong vùng đất Phong Châu. Những cô hát đúm vùng Kinh Bắc, hát Phường vải vùng châu Hoan, Những tay đàn phách nổi tiếng trong các hội làng cũng được ông tha về. Họ là những bông hoa nghệ thuật hồn nhiên trong dân dã. Nhưng ghép họ với nhau để thành một ban hát, thì chưa mấy ai đã dám chắc sự thành công.

Hòa thượng tự mình dàn dựng sắp xếp lấy các tiết mục để gắn bó nhau thành một chương trình. Ông hứa sẽ có một đêm ra mắt trước nhà vua và triều đình. Và sau đó, nhất định ông sẽ kéo cả đoàn đi diễn khắp các phố phường trong kinh kỳ và lưu diễn tại các vùng thôn ấp xa xôi. Nhưng ngày đó còn chưa biết được. Theo ông, mỗi người trong đoàn đều có tài riêng, tới mức chỉ hai đến ba người hợp lại cũng thành một đêm diễn. Nhưng trước hết, phải tuân theo một chương trình chặt chẽ, và mọi người phải tự khế mình vào khuôn khổ mới thành công. Ông dựng một điệu múa đèn chỉ có bảy người, hình thù dựa theo chòm sao Thần nông. Công chúa tham gia điệu múa này và đóng vai chính. Tức là đóng ngôi sao sáng nhất trong chòm sao. Nghĩa là nàng phải đội cây tọa đăng trên đầu. Còn các vai khác chỉ đội các đĩa dầu thấp bậc.

Khá khen công chúa là một người kiên nhẫn, suốt trong ba ngày liền, hòa thượng chỉ luyện cho nàng sao cho đội được cây đèn không chao đảo. Chỉ riêng đội được cây tọa đăng ở dáng đứng hoặc ngồi cũng là việc cực khó. Đến ngày thứ tư thì cô công chúa đau nhừ, tới mức khó cử động. Nhưng nàng không hề tỏ ý thoái lui. Chính công chúa đã nêu gương tốt cho cả đoàn.

Sau hai mươi một ngày tập luyện, chiếc đèn như dính chặt trên đầu công chúa bằng một chất keo. Nàng có thể đội đèn đi vung tay, nhún nhảy. Có thể vừa múa vừa quay, vừa chuyển đội hình, thậm chí nằm ra sàn diễn mà cây đèn vẫn đứng chong chong tỏa sáng ở trên đầu.

Ban hát của hòa thượng đang ráo riết tập luyện thì có tin nhà vua cho mở khoa thi đình. Nghe nói khoa này đích thân vua chấm để chọn tam khôi .

Mới cuối tháng hai mà kinh thành đã nườm nượp sĩ tử. Các phường Bích Câu, Bạch Mai, Tràng An, Bảo Khánh... nhà nào nhà nấy chật ních khách trọ. Đúng là gần ba chục năm, kể từ khoa Ất hợi (1275) tới nay triều đình mới lại mở khoa thi kén người tài đức trong thiên hạ. Từ sau khoa Ất hợi, Thăng Long trải hai lần quân Nguyên vào tàn phá, nay mới được tu bổ kiến thiết lại. Diện mạo kinh thành xem đã có phần tráng lệ. Mấy năm liền được mùa. Nạn đói đã bớt, trộm cắp cũng ít hẳn. Sắc mặt người dân đã có phần tươi nhuận. Bốn phương sĩ tử đua sức đua tài. Cuộc thi hương mấy năm trước, các trấn, các lộ báo về, có tới hàng chục vạn thí sinh. Thi hội năm ngoái cũng đông chưa từng thấy. Tiếp đến cuộc thi đình năm nay, sĩ tử muôn phần hào hứng. Người từ các lộ, các trấn vẫn ùn ùn kéo về kinh thành. Một người đi thi phải ba, bốn người đi theo phục dịch. Nào người gánh quần áo, sách vở, bút mực, nào người gánh gạo, người gánh lều, chõng. Thành thử kinh thành vốn đã đông, nay càng đông gấp bội. Đêm đêm khắp các ngã đường, đèn lồng giăng mắc, lính tuần tra nườm nượp. Các cửa Đông môn, Nam môn, Long môn, các điện Vạn Thọ, điện Chí Kính, điện Phụng Tiên và nhà Quốc tử giám đèn giăng mắc lung linh, cứ như cả kinh thành vào hội hoa đăng. Các nhà dân, nhà nào có máu mặt một tí cũng chăng đèn kết hoa, đón khách.

Vào những ngày đầu của thượng tuần tháng ba, cả kinh thành Thăng Long im ắng như nín thở để theo dõi cuộc đua tài của hơn năm ngàn sĩ tử, nhằm chiếm một chỗ đề tên trên bảng vàng.

Trong khi sĩ tử đang giam mình căng thẳng trong cảnh lều chõng ở trường thi, thì đám gia nhân ở ngoài lại nhõn nhõn dạo khắp phố phường, họ kết bạn hoặc vui đùa chọc gheo lẫn nhau. Cả kinh thành, đầu đầu cũng vang lên tiếng hát, tiếng cười. Nhiều gánh hát từ các lộ các trấn cũng kéo nhau về trình diễn. Không biết có ngụ ý gì trong dự liệu Huyền Trân về Chàm, mà có ban hát diễn cả vở “Chiêu quân công Hồ”.

Tới ngày kéo bảng đề danh, thì cả Thăng Long như chìm đắm trong các đại dương người chen lấn, xô đẩy, Ai cũng chỉ mong xem hồng phúc nhà mình đạt tới mức nào, âm đức thịnh suy, tài năng xuất chúng tới đâu để có cơ hội báo đáp ơn vua, đền công cha mẹ. Rủi lại trượt thì không biết đến bao giờ mới lại có được một khoa thi. Công chúa Huyền Trân là người theo dõi sát sao mọi diễn biến của kỳ thi đình. Bởi lẽ ngoài tính hiếu kỳ của tâm lý thiếu nữ ra, công chúa còn muốn biết những người nàng đã từng gặp trong các buổi bình văn ở Quốc tử giám, nay vào cuộc đọ tài, số phận sẽ định đoạt ra sao. Từ mấy ngày trước, công chúa đã xin với thượng phụ thái sư Trần Nhật Duật, cho theo vào dự dạ yến trong vườn thượng uyển. Đó là bữa tiệc nhà vua ban cho các bậc đại khoa. Công chúa muốn nhìn tận mắt các tài năng của đất nước. Nhưng công chúa cũng biết vương huynh là người nghiêm khắc, nếu đi một mình e không được tham dự, nên nàng muốn nấp bóng thái sư. Thái sư tuy là bậc thượng phụ của nhà vua, nhưng không bao giờ ông tự tiện làm trái lễ. Vì chiều lòng cháu gái sắp phải xa nước xa nhà, nên ông đã xin với nhà vua gia ân. Trước khi vào dạ yến, công chúa muốn biết kỳ thi này những ai đã chiếm tam khôi. Nàng dùng kiệu xăm xăm hương nẻo Tràng Thi. Kiệu nàng vừa tới nơi thì nghe vang vang tiếng quan đề điệu xướng danh qua tiếng loa truyền:

- Mạc Đĩnh Chi, trạng nguyên!
- Bùi Mộ, bảng nhãn!
- Trương Phóng, thám hoa lang!
- Nguyễn Trung Ngạn, hoàng giáp!

Nghe qua tên bốn người đó rồi, tai công chúa như ù đặc vì tiếng tim đập gấp. Nàng hết đổi vui mừng vì những anh tài nổi tiếng đều đứng đầu bảng. Hầu hết những đám người này, nàng đã từng quen biết, có đôi lần xướng họa thi thư. Như Mạc Đĩnh Chi, vốn người Bàng Hà, Nguyễn Trung Ngạn, người Thiên Thi năm nay mới mười sáu tuổi, cả hai người ấy đều thuộc lộ Hải Đông, một vùng đất có truyền thống khoa bảng. Bảng nhãn Bùi Mộ, người Tả Thanh Oai, ngay kề Thăng Long, công chúa cũng có giao du. Nhưng còn Trương Phóng, vị thám hoa lang này quê quán ở đâu, nàng chưa được tường lắm. Nghĩ đến tân khoa thám hoa lang, nàng mỉm cười. Vì nàng chưa thể hình dung thấy con người mặt ngọc đó ra sao? Bởi lẽ theo quy ước, người muốn được trúng tuyển thám hoa lang, ngoài các điểm thi

xứng đáng đứng hàng thứ ba trong bảng tam khôi, còn phải là người hiền trai. Cũng vì thế mà có những khoa thi không có thám hoa lang, là do không chọn được người đẹp xứng đáng. Nên chi công chúa cũng tò mò muốn biết xem mặt các chàng tân khoa. Nàng hy vọng trong dạ yến đêm nay sẽ được biết tất cả. Vườn ngự uyển như có hàng ngàn sao từ trên thiên hà sa xuống làm đèn soi sáng, để chào đón các vị tân khoa của kinh thành Đại Việt. Chao ôi, những bàn tay hoa man cực kỳ khéo đã trở, cắt hàng trăm chiếc đèn lồng, đèn xếp, đèn cá, đèn sao đủ các kiểu loại, đủ các sắc màu, giăng mắc khắp các nẻo của ngự viên. Các loài hoa thơm quả quý ngào ngạt, hoa nhài thi thoảng, hoa hồng ngan ngát. Rồi hoa ngọc bút, ngọc trâm trắng phau như tuyết, hương thơm nhẹ nhẹ. Các loài hoa nở sớm đã kết trái sum suê như đào, mai, quất. Và nữa các loài tùng, bách, trúc, quế tỏa hương ngào ngạt. Công chúa vào vườn ngự đêm nay là một biệt lệ. Nàng chỉ được đem theo một ti nữ, ấy là Bích Huệ. Bữa nay công chúa ăn vận thật là giản dị. Đầu cài trâm ngọc, có sức nước trầm. Áo thụng màu thiên thanh. Chân giện hài cườm. Lưng thắt đai ngọc. Những trang phục giản dị ấy như tôn thêm dáng người và khuôn mặt thiên thần của công chúa, khiến không ai không cảm mến nàng. Công chúa cùng với Bích Huệ, hai thầy trò đi tha thẩn trong vườn ngự, như không để ý đến ai. Thực tình nàng để ý tìm một người, nhưng chưa thấy, đó là thám hoa lang Trương Phóng. Vui chân hai thầy trò ngó lại một đám đông, thấy mọi người vây quanh quan Quốc tử giám tư nghiệp, là phó chủ khảo kỳ thi này. Nhìn kỹ, thấy có cả quan tham tri chính sự Đoàn Nhữ Hài, Văn túc vương Trần Đạo Tái. Tá thánh thái sư Trần Nhật Duật ngồi hơi khuất. Bỗng có người hỏi:

- Bẩm quan phó chủ khảo, chúng tôi nghe nói đầu đề văn sách kỳ này chính đức vua ra, chẳng biết có phải không ạ?

- Dạ, thưa các đồng liệt, đúng như thế đấy. Quan gia tự ra đề văn sách.

Qua phó chủ khảo xác nhận. Ông còn nói thêm:

- Cái đề cực khó. Đây là chuyện xuất và xử của kẻ sĩ trong thiên hạ. Đạo Nho ta lấy chữ trung, tức trung quân - trung với vua làm đầu. Thứ đến là chữ hiếu. Thế mà quan gia ra đề về chuyện Văn Vương - Võ Vương hai cha con, người thờ Trụ, người diệt Trụ để dựng nghiệp nhà Chu. Nhiều người không lý giải được. Nhưng cũng nhiều người lý giải rất hay. Riêng Mạc Đĩnh Chi tài năng xuất chúng, tôi đã thăm nghĩ phải có thần trợ giúp mới kiên giải được như vậy. Sau đem bài văn trình quan gia. Người phê “Thần bút”.

Mọi người đang lắng nghe chuyện về Mạc Đĩnh Chi thì có tiếng quân thét. Thì ra đã đến giờ nhà vua vào thiết yến cho các đại khoa. Theo điển lệ, trước khi vào dạ yến, quan chủ khảo phải dẫn các người đậu tam khôi vào lạy vua.

Đi đầu là trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi, tiếp đến bảng nhãn Bùi Mộ, sau rốt là thám hoa lang Trương Phóng.



Vua Anh tôn chợt nhìn thấy tân khoa trạng nguyên bèn chau mày lại. Vì Mạc Đĩnh Chi người hơi dị dạng: thấp, nhỏ, mặt choắt như mặt hâu, chân tay ngắn, da ngăm đen. Bỗng nhà vua hất tay cho cả ba vị tam khôi lui. Công chúa thất kinh, nàng cho rằng có lẽ vương huynh nàng không chấp nhận cho một quan trạng - người đứng đầu kẻ sĩ trong nước lại có hình thù xấu xí thế kia. Mặt nhà vua đăm chiêu. Trong tình thế khó xử này, công chúa ao ước có phụ hoàng ở đây, nàng sẽ nói hộ cho chàng, ắt xong. Nhưng với vương huynh, việc này cực khó. Nàng đã toan tìm thái sư. Giữa lúc mọi sự đang rối bời, công chúa chưa biết xử trí thế nào, nhưng vẫn thấy Mạc Đĩnh Chi bình thản đi lui ra phía vòm cây. Chàng thông thả rút ống quyển ra lấy giấy bút viết. Huyền Trân bèn đi về phía chàng. Dưới tán cây, bóng sáng lờ mờ, nhưng từ đôi mắt chàng, hai luồng ánh sáng chiếu rọi trên mặt giấy cho chàng viết. Công chúa thốt lên khe khẽ: “Thần nhân!”. Viết xong, chàng chạy lại trước đức vua, quì xuống, hai tay dâng sớ.

Vua Anh tôn miễn cưỡng cầm lấy tờ giấy đọc. đọc đến đâu, gương mặt nhà vua tươi tỉnh dần lên tới đó. Và khi đọc hết, nhà vua bèn vờ Mạc Đĩnh Chi tới gần và tự tay rót một chén rượu bô đào ban cho.

Dạ yên bắt đầu. Huyền Trân thở phào, như chính nàng vừa leo qua một chiếc cầu vòng bằng khói.

Về sau, người ta được biết bài biểu Mạc Đĩnh Chi dâng Trần Anh tôn đó, chính là bài “Ngọc tỉnh liên phú”. Tức bài phú “Sen giếng ngọc”. Bài đó nói lên khí chất cao diệu của loài sen, cũng chính là khí chất của quan trạng. Quả nhiên Mạc Đĩnh Chi sau này trở nên một tay kiệt liệt trong đời.

Suyt nữa Anh tôn đánh mất một viên ngọc quý. Mới hay: Vua chúa còn có khi nhầm...

# Chương XX

Chế Bô Đài là quan chủ sự về lễ nghi của Chiêm Thành, cầm đầu một phái bộ hơn trăm người đã tới Thăng Long. Họ đệ trình lên triều đình Đại Việt tờ điệp xin cầu hôn. Và một bản thống kê dài dằng dặc những thứ quý, lạ như vàng, bạc, trầm hương, ngọc trai, vải bạch bố cùng lụa là, gấm vóc... để làm sính lễ.

Kể từ khi chính thức nhận được thông điệp cầu hôn, vua Anh tôn mới đưa ra bàn trong triều đình. Sự thể thật là gay cấn, triều đình đã bàn nát nước tới ba buổi thiết triều, vẫn chưa đi tới một kết cục nào.

Hầu hết các đại thần đều muốn cất quân đòi lại miền đất hai châu Ô, Lý chứ không muốn gả công chúa Huyền Trân cho Chế Mân, để kết tình hòa hiếu.

Quan tả bộc xạ hét lời mạt sát người Chiêm. Ông phẫn nộ nói:

- Ngày xưa Hung-nô thường quấy phá biên ải Trung Quốc, nên Hán Cao hoàng đem con gái nhà dân giả làm công chúa gả cho Thiên Vu để yên bề can qua. Đây là một thời. Lại một thời vua Hung-nô là Hồ Hàn Da đến châu xin làm rể. Nhà Hán đem Vương Chiêu quân gả cho, âu cũng là cái cớ, và tình thế nhà Hán buộc phải chấp nhận như thế. Còn như nước ta tự nhiên đem công chúa - một trang quốc sắc để gả cho chúa Chiêm thì thật là vô lối. Nếu như năm trước, thượng hoàng qua Chiêm mà nhận lời mai mối có hứa gả, thì nay quan gia đòi mệnh ấy đi cũng có sao đâu. Vì rằng vua đang giữ ngôi báu mà Thượng hoàng đã xuất gia. Tôi chưa từng nghe con vua của một nước lớn, lại vô cớ đem gả cho nước phiên thuộc. Việc này nếu không bãi bỏ, sử sách đời sau sẽ xem như là một việc làm trái đạo.

Trong khi các quan tại triều rầm rầm phản đối, thì các quan ở các trấn, các lộ cũng gửi sớ về can gián nhà vua. Các văn thân, nho sĩ trong triều, ngoài nội, nhiều người làm thơ đả kích. Nhiều người còn mượn điển tích nhà Hán gả Chiêu quân cho Hung-nô làm thơ chế giễu. Có giáo phường lấy cả tích Chiêu quân đem công diễn ngay tại kinh kỳ.

Nhân đó quan tả giai đạo lục cũng ra mặt phản bác. Ngài nói:

- Rường mối của quốc gia là kỷ cương lễ luật. Vừa nói được một câu, quan tả giai như sực nhớ việc gì, quan bèn dừng lại, nhả miếng bã trà ra đút vào túi áo. Quan sửa hai chiếc dải mũ cuốn vào nhau rủ về phía ngực, nhưng gỡ mãi không được, đâm lúng túng.

( Tả giai đạo lục: viên quan coi giữ về đạo giáo. Chức quan này chuyên việc cai quản tăng đạo trong nước, bắt phải giữ kỷ luật thanh giới)

Vua Anh tôn nhìn viên đại thần không khỏi nực cười, nhà vua bèn phán:

- Khanh hãy bình thân. Đội lại mũ. Mũ của Khanh đội ngược.

Lúc ấy cả triều thần mới quay nhìn quan tả giai, ai nấy đều bụng miệng cười khùng khục.

Quan tả giai mặt đỏ như gấc. Sau khi đội lại mũ, sửa lại đai áo, ngài nói tiếp:

- Muôn tâu bệ hạ, Chiêm quốc là một nước man di, chưa biết lễ, nghĩa. Người Chiêm là một giống vô đạo, tráo trở. Thần trộm nghĩ, con chim có tổ, người có tông, cây có cội, nước có nguồn. Vậy mà người Chiêm lại không thờ cúng tổ tiên. Cha mẹ nuôi con công lao tầy núi, thế nhưng lúc chết, con cái lại đem xác cha mẹ thiêu đốt đi. Cho nên một nước có văn hiến như nước ta, không thể giao hảo với một nước di, địch như thế được. Còn như nói, vì trước kia thượng hoàng đã có lời hứa với chúa Chiêm, nay phải giữ chữ tín. Thần xin nói, chữ tín cũng có ba bảy đường. Người quân tử giữ chữ tín với người quân tử, chứ chưa bao giờ người quân tử phải giữ chữ tín với hạng tiểu nhân. Xin bệ hạ cứ đổi mệnh đi cho hợp với chính lệ. Và cũng là để giữ uy tín cho nước lớn.

Chưa bao giờ nhà vua thấy phân vân như lúc này. Nghe các quan đại thần hay nghe thượng hoàng? Vua tự nghĩ: “Ta tự ý quyết cũng không khó. Nhưng ta chưa ép triều đình như thế bao giờ. Phải nhận rằng trong việc này ta cô đơn. Làm thế nào cho mọi người hiểu được cao ý của thượng hoàng”.

Nhà vua tỏ ra mệt mỏi, không muốn gặng hỏi các đại thần thêm nữa. Bỗng nghe Văn Túc vương Đạo Tái xin được nói. Đạo Tái nguyên là con của cố thượng tướng thái sư Chiêu Minh đại vương Trần Quang Khải. Đạo Tái là một người đức hạnh, thư văn nổi tiếng, được thượng hoàng Trần Nhân tôn kính nể. Trước khi thượng hoàng xuất gia, có mời Đạo Tái vào viện Dưỡng Đức ở cung Thánh từ, ăn đồ hải vị và có làm thơ tặng. Đạo Tái nói:

- Không phải thượng hoàng xuất gia rồi mà còn nhiều sự để vào Chiêm. Cho nên việc vào Chiêm của thượng hoàng là có chủ ý. Cũng không phải thượng hoàng sợ hãi gì Chiêm Thành, mà phải đem con cống nạp như Hán Chiêu quân. Việc đến như thế, các ông còn không rõ sao? Lại phải hiểu thêm rằng, không tình nào sâu sắc như tình cha con cốt nhục. Vậy chớ các ông thương công chúa sao bằng thượng hoàng thương công chúa? Việc hứa gả công chúa cho quốc vương Chiêm Thành, thượng hoàng có cân nhắc kỹ lưỡng trên cả hai phương diện nước và nhà. Các ông thiên cận, hiểu sao được cái ý cao sâu của hoàng thượng. Đã không hiểu được lại xui quan gia đổi mệnh. Tức là xui con chống lại cha. Các ông là rường cột của quốc gia, nắm lễ luật, nắm đạo pháp lại đi xui vua làm điều vô lễ, vô đạo. Chẳng lẽ làm điều vô đạo ấy, lại giữ được uy tín cho nước hay sao? Tôi chắc là quan Tả giai hiểu nhầm cái nghĩa của uy tín. Nếu có uy mà không có tín, uy rồi cũng mất. Nhưng nếu có tín, tất có uy. Hãy xem gương nước Nguyên - Mông kia, biết bao lần dùng uy với Đại Việt ta, nhưng có mấy may tín nghĩa gì với chúng ta. Ba lần dùng uy, là ba lần đại bại! Cho nên, tôi thấy chỉ có nghe lời thượng hoàng, gả công chúa Huyền Trân cho quốc vương Chiêm Thành là thuận lòng người, hợp đạo trời.

Như dòn hết cả sự khinh ghét của mình đối với những kẻ ngu dốt giữ trọng trách trong bộ máy triều đình, Văn

Túc vương nhìn thẳng vào từng người và văng vào mặt họ những lời không kiêng nể. Nói xong, lưng áo ông đen sẫm lại vì mồ hôi ra ướt đầm.

Không khí triều hội căng thẳng. Hầu hết các quan mặt tái đi. Không hiểu vì giận Văn Túc vương, hay các quan tự cảm thấy kém hèn. Trái lại, nhà vua thì tươi nhuận hẳn ra. Ông thâm biết ơn người chú của mình. Và Anh tôn tự nhủ: “Đây là một người thông tuệ hơn đời, một người vừa trung vừa dũng, phải được cất nhắc vào các cương vị xứng đáng”.

Bầu không khí vẫn im lặng kéo dài. Chính nhà vua cũng muốn những lời nói của Đạo Tái được ngấm sâu vào tim, vào óc của từng người, để họ thấm thía cái đạo vua tôi và cái nhẽ ở đời.

Một lát lâu sau, quan nhập nội đại hành khiển Trần Khắc Chung mới lên tiếng, ông nói:

- Cầu hôn là đạo thường trong thiên hạ xưa nay. Thuận thì gả, không thuận thì thôi. Vậy mà các ông lăng mạ dân tộc người ta một cách quá đáng. Mỗi nước có một phong tục tập quán riêng, có tín ngưỡng riêng. Hà có gì, người ta không giống mình lại gọi người ta là man di. Tôi thấy các ông thuần nói theo cái giọng điệu của bọn nhà Tống, nhà Nguyên đối với nước ta để gán cho nước Chàm. Chúng ta là một nước có văn hiến, nên ta khinh bỉ bọn người gọi ta là man di, là “địch” quốc. Chữ “man” có bộ “trùng”, chữ “địch” có bộ “khuyên”, tức là nó coi chúng ta như loài sâu bọ, chó má. Vậy là ta đã đánh cho chúng bao phen thất điên bát đảo, mảnh giáp không còn.

Chiêm Thành là một quốc gia độc lập, có nền văn hiến cao. Hãy cứ xem đền tháp, tượng thần, tượng Phật của họ tinh xảo, mỹ lệ đến chừng nào. Chỉ vài ba trăm người thất tán sang đây, trình diễn vũ, nhạc cũng làm chúng ta rung động, cảm phục. Ai dám bảo Chiêm Thành là một nước không có lễ, không có đạo?

Đừng thấy người ta không thờ cúng ông bà mà coi nước người ta không có đạo. Chẳng qua chúng ta theo tín ngưỡng truyền thống của dân tộc, nên ta thờ cúng tổ tiên, để nhớ lại cội nguồn của mình. Đạo Phật ta theo, người Chàm cũng theo. Người Chàm còn có đạo lớn thứ hai, được xem là quốc đạo. Tức đạo Bà-la-môn. Đạo ấy qui ước người chết thì thiêu xác để linh hồn chóng được lên cõi thượng giới. Vậy người ta cũng có cái lý của người ta, sao lại bảo là vô đạo, là bất hiếu. Cái gì tồn tại được là đều có nguyên do. Cái gì ta chưa biết được thì đừng cho là nó bậy, đừng có báng bô.

Nay vua Chàm đích thân cầu hôn. Việc này thượng hoàng với nhà vua Chế Mân đã có bàn kỹ. Mục đích là gây tình hòa hiếu cốt nhục, để cùng nhau chống cái họa phương bắc. Hai nước dựa vào nhau làm thế ý dõc để cùng nhau trường tồn. Thế là cả hai bên cùng có lợi. Nay người ta dẫn lễ đủ các thứ của quý vật lạ, lại kèm cả vùng đất hai châu làm sính lễ. Vừa gây được tình hòa hiếu lâu dài, vừa không mất mũi tên nào cũng thu phục được đất đai... Kế sách của thượng hoàng như thế còn gì cao kiến hơn, tỏ sáng hơn. Sao các ông còn muốn chống lại cái lợi sừ sừ trước

mắt, để chuộc lấy cái hại lâu dài cho trăm họ. Việc đã đến như thế, xin bệ hạ cứ quyết theo ý của ngài.

Nhờ có chính kiến của Văn Túc vương và nhập nội đại hành khiển, nên ý của nhà vua đã tám chín phần muốn quyết. Nhưng để cho việc nhà, việc nước trọn cả hai, vua Anh tôn bèn lui vào hậu điện xin ý chỉ của Tuyên từ kế mẫu. Bà Tuyên từ là một người ý thức được về các việc làm của Nhân tôn, bà nói:

- Nếu việc này thượng hoàng đã có chủ ý, thì con cứ thế mà làm, không phải hỏi ta nữa.

Nhà vua lại triệu em gái tới triều kiến. Trước bá quan văn võ, vua nói:

- Việc gả công chúa cho quốc vương Chiêm Thành là do chủ ý của thượng hoàng. Nay nước Chiêm cử người sang cầu hôn, triều đình đã bàn tính lợi hại, kẻ nói nên, người nói không nên. Vậy ý công chúa thế nào. Nếu công chúa ưng thuận, việc sẽ thành. Nếu công chúa khước từ, triều đình sẽ tìm có thoái thác với người Chiêm.

Trần Huyền Trân không ngờ sự thế lại xảy ra gay gắt đến thế. Bữa trước Trần Khắc Chung có gặp riêng công chúa, nói rằng việc thượng hoàng quyết cho công chúa về Chiêm, ý của các đại thần không thuận lắm. Huyền Trân cũng cho đấy chỉ là câu chuyện làm quà, ai ngờ họ dám chống lại một quyết định sáng suốt của thượng hoàng.

“Rõ là một lũ ngu”, nàng thầm nghĩ. Và nàng cũng trách luôn cả vương huynh: “Trong việc này vương huynh ta lại không có chính kiến sao? Vua chúa gì mà cứ như đàn bà, việc đến không dám quyết”.

Trần Huyền Trân lòng đầy tức giận, mặt đỏ gay, nàng nói:

- Lấy chồng là việc riêng của một người con gái. Gả chồng cho con là quyền ở cha mẹ. Duyên phận của tôi như thế nào là thượng hoàng định đoạt. Song le việc định đoạt của thượng hoàng tới nay đã ngoài khuôn khổ gia đình, mà là quan hệ giữa hai quốc gia. Phận gái, tôi không muốn đem thân tới xứ lạ để thờ người khác giống. Song vì thượng hoàng thương đám lê dân cả hai nước, vô cơ lại cứ phải dính vào chuyện can qua. Người muốn thu hồi miền đất hai châu, muốn bắc một cây cầu hòa hiếu cốt nhục lâu bền giữa hai nước, để tránh cái họa tranh chiến ở phương nam, cùng nhau rảnh tay đối phó với mặt bắc. Cảm thông tấm lòng nhân ái như trời bể của thượng hoàng, là một đứa con hiếu thuận, tôi đã vâng lời. Việc này không còn gì nữa mà triều đình phải bàn.

Công chúa nói xong đi liền. Ra tới kiệu rồi mà lòng tức giận vẫn chưa nguôi. Nàng biết rằng, nếu nàng từ chối thì gần như cả triều đình đứng về phía nàng. Huyền Trân tự biết, thế là từ phút này trọng trách quốc gia đã đặt lên vai nàng.

Công chúa tự nhủ: “Đây là việc ta tự nguyện gánh lấy, chứ phụ vương và vương huynh ta không ép. Khốn thay cả triều đình mù quáng, chỉ có vài người hiểu được cao kiến của phụ vương. Ta quyết vì phụ vương, vì nền hòa bình trường cửu của Đại Việt và Chiêm Thành mà làm tất cả những gì cần thiết”.

Công chúa đi rồi, triều đình mới quyết việc nhận lời cầu hôn của sứ đoàn Chiêm quốc, và chọn ngày lành để đưa

công chúa về Chiêm.

# Chương XXI

Lâu đài của công chúa vốn là nơi nghiêm cấm, bỗng dung mở toang cửa đón khách thập phương lui tới chiêm ngưỡng các cửa hồi môn, và đồ dẫn cưới của quốc vương Chiêm Thành. Chỉ riêng việc mở cửa cung cấm cho khách vào xem, cũng là điều hấp dẫn với dân chúng kinh kỳ, huống chi lại có thêm sự trưng bày các đồ quý hiếm, các bảo vật lạ lùng trên thế gian.

Lâu đài được chăng đèn kết hoa rực rỡ như một viên ngọc khổng lồ. Người ta tò mò muốn biết xem người sắp trở thành hoàng hậu của một nước đi lấy chồng, được cha mẹ cho những gì làm của hồi môn. Thật là ngoài sức tưởng tượng của dân chúng. Riêng các loại, các kiểu áo quần, khăn, yếm, giày, dép đã treo chật kín một dãy nhà ba gian. Thôi thì đủ các màu sắc, các loại kiểu may bằng những thứ tơ, lụa, nhưng gấm sang quý nhất của trong nước và nước ngoài. lại còn các thứ mũ, áo, giày, lông ấp tay bằng lông cừu, lông thỏ trắng như tuyết. Rồi các đồ may bằng da như da hổ, da rái cá...

Vào tới gian bày các đồ trang sức của công chúa nay mai sẽ đem về Chiêm, mọi người tưởng như lạc vào xứ sở thần tiên. Chao ôi, những chuỗi hạt mã não, hồ phách, ngọc trai, những vòng xuyên bằng ngọc bích, bằng vàng dát, nạm kim cương đua nhau tỏa sáng lấp lánh. Mỗi loại mỗi kiểu một màu và chúng ánh lên một thứ ánh sáng bảy sắc cầu vồng. Những chiếc hộp trầu bằng vàng, những ống đựng vôi bằng đồng đen. Kỳ diệu nhất là những chiếc mũ bằng vàng nạm đủ các hình hoa lá và mỗi chiếc mũ lại đính theo hàng chục viên ngọc. Tới gian bày các loại đồ chơi mô phỏng các công trình nghệ thuật như điêu khắc, kiến trúc, trạm, khảm người xem đi từ kinh ngạc này đến kinh ngạc khác. Đây là “Chùa một cột”, khắc gọt từ một khối gỗ trầm thơm ngát. Kìa là chiếc ngà voi lớn, khắc cả một truyền thuyết “Kéo trâu vàng”. “Tháp báu thiên” đúc bằng vàng ròng, cao tới gần một gang tay. “Tượng Phật nghìn mắt nghìn tay” trạm nổi bằng vàng. Những cảnh kéo co, đánh vật, bơi chải, chọi gà, đánh đu, đi kheo... đều được khảm tinh vi bằng trai ngọc, ốc ngọc trên các khung gỗ quý như trắc, mun, gụ, xà cừ. Các đồ nhạc khí đúc nhỏ lại như chuông, khánh, trống, chiêng, đàn nguyệt, đàn tranh, đàn bầu, kèn, sáo, nhị, hồ... Các loại vũ khí như cung, kiếm, nỏ, kích, chùy, mác, đao, búa... hết thấy đều được gọt rửa tinh vi, nạm bạc, nạm vàng sáng lóa. Các loại cầm thú như công, phượng, họa mi, trĩ, yến, oanh, gà lôi, hồ, báo, voi, rùa, hươu, cá sấu... đều được đúc bằng vàng với kích thước xinh xắn khác nhau. Ngoài ra công chúa còn được mang theo một bộ ba chiếc trống đồng, một bộ chín chiếc cồng cùng nhiều nhạc cụ và cả một ban nhạc theo hầu nàng về Chiêm.

Với các đồ dẫn cưới của Chiêm Thành là cả một rừng các chủng loại cực kỳ sang quý. Những thứ như vàng, bạc,

châu báu, kim cương, ngọc bích, đôi môi nhiều vô kể và được gọt rửa, tía chuốt bởi những bàn tay tuyệt diệu, của những người thợ kim hoàn có một không hai của kinh đô Chà Bàn. Đặc biệt có những thứ được xếp vào hàng kỳ quan như voi trắng, rùa vàng, chim trĩ trắng - là những thứ mà Đại Việt chưa từng thấy.

Để cuộc ra đi bớt phần ân hận đối với mảnh đất mà ở đây công chúa sinh ra và lớn lên, mảnh đất mà từng ngọn cỏ, lá cây đã thấm máu cha ông bao đời mới tạo dựng lên và giữ gìn được, Huyền Trân đã làm một cuộc hành hương về phần đất phía nam, tức vùng Thiên Trường tới miền Hoan-Ái. Rồi từ Thăng Long về Kinh Bắc, ghé lộ Hải Đông, quanh ra vùng An Bang. Công chúa lên tới cả đỉnh Yên Tử. Nàng đã đi thăm rất kỹ khu tịnh xá của các thiền sư Trúc Lâm. Đã nghe giảng kinh Phật và đi thăm thung chèo, rừng trúc. Một bữa nhà vua dẫn công chúa leo mãi tới đỉnh Tử Phong. Mặc dù Yên Tử ở trên độ cao ngàn trượng bốn mùa lộng gió, nhưng Tử Phong thì dường như lại lặng gió, mây lành ở lẫn với người. Và chính nơi đây, vua cha cho dựng am Tiêu. Đứng trên đỉnh Tử Phong công chúa phóng tầm mắt nhìn mãi về tới vùng Cửa Suốt (Nay là vùng biển Cửa Ông, Quảng Ninh), nơi tướng quân Trần Quốc Tảng trấn giữ rõ mồn một. Tức là cả một vùng biển phía đông của đất nước nằm trong tầm mắt. Lại nhìn sang hướng bắc, về phía hai tỉnh Lạng (Lạng Sơn và Lạng Giang) thấy rõ cả đồn canh biên ải. Lòng rộn lên niềm bâng khuâng trước cảnh đất trời Đại Việt mông mênh, Trần Huyền Trân bèn hỏi vua cha:

- “Thưa phụ hoàng, có phải vì phụ hoàng mến cảnh Yên Tử u nhã, nên phụ hoàng mới chọn nơi đây để lập trường phái, hay còn vì Yên Tử là đỉnh núi cao nhất ở đông bắc này, từ đây có thể phóng tầm mắt ra biển đông hoặc nhìn về biên ải phía bắc. Phải chăng đây là thâm ý của phụ hoàng để giặc bắc không ngờ, còn phụ hoàng rảnh tay làm việc đạo và cả việc canh chừng cho đất nước?”.

Đức vua lấy chéo áo cà sa lau qua khuôn mặt hiền từ, ngài cũng đưa mắt đảo qua phía biển đông, rồi ngoảnh về phía bắc, phía tây. Ngài gật gù đáp:

- Bấy lâu ta thường canh cánh bên lòng về việc dân, việc nước. Lên đây ta chỉ muốn rảnh tay làm việc đạo. Ta ước sao hội tụ được các trí tuệ Đại Việt lại mà nghiền ngẫm về Phật điển, về các đạo Nho, Lão cũng như về nền văn hóa truyền thống của chúng ta. Rồi từ đó tạo lập lấy nền Đạo của người Đại Việt mình, cho người Đại Việt mình hành hóa. Nền Đạo của ta phải thể được tính quần sinh lợi lạc cho hết thảy sinh linh trăm họ. Có như thế, ta mới thật sự yên tâm về nền độc lập của nước nhà. Ta hằng mong triều đình có những tay anh kiệt giúp rập vào cùng với vương huynh con. May thay khoa thi vừa rồi cũng đã kén được một số anh tài, ta tạm yên tâm. Điều mong mỏi nhất của ta, cốt sao cho dân no, quân mạnh, trên dưới một lòng, cả nước là một nhà, thì lo gì họa phương bắc. Việc ta lập phái Thiên Trúc Lâm, là ta muốn hướng toàn dân về cõi thiện. Ta hằng tâm đem điều đức Phật răn dạy để truyền lại cho chúng dân. Mong sao mọi nhà đều ấm no, hạnh phúc, xã hội đủ đầy hiếu thiện. Muốn làm được việc đó con ạ,



trước hết phải bảo đảm cho đất nước có một nền hòa bình trường cửu. Việc này triều đình phải tận tâm tận lực, lại phải khôn ngoan lắm mới lo nổi. Bởi thế, ta vô cùng quý trọng con đã hiểu lòng ta, mới nhận chân được điều đó. Thật quá sức so với tuổi của con, lực của con. Ta chắc là vượng khí của non sông kết tụ lại, con có cái duyên may nên được thụ hưởng. Việc con về Chiêm là trọn hiếu, trọn trung.

Ngừng một lát, hết nhìn công chúa, nhà vua lại đưa tầm mắt nhìn ra bốn phương, ngài thấp giọng nói tiếp:

- Niềm hạnh phúc lớn nhất của ta, là con đã biết đặt việc nước lên trên việc riêng. Ta hiểu lòng con. Nhưng triều đình chưa hiểu lòng ta. Hậu thế có vì việc này mà chê ta, ta đành chịu. Ta không hồ đồ, cũng không cố chấp trong mỗi bang giao với các nước nhỏ yếu hơn nước mình. Ta chỉ lấy việc thịnh nước, an dân làm trọng, còn việc khen chê của kẻ sĩ hay của bọn thất phu thì cũng có hơn gì.

Nhà vua tự nghĩ: “Muốn làm được việc thiện cũng không dễ. Như ta, tận lòng với dân, với nước, mà đời đâu có hiểu. Ngay đến các bậc đại thần lương đồng cũng không đồng tình với ta. Còn Chê Mân, ta thương ông ta một mình phải chống chọi với biết bao thế lực. Hồi ta ở Chiêm về, tưởng như việc nhân duyệt ắt được tiến hành ngay tức khắc. Ai dè chờ đằng đằng suốt ba năm không thấy hồi âm, mà con ta ngày một lớn. Vì thế ta lại phải phái Đoàn Nhữ Hài vào trấn an Chê Mân. Sự thể rõ ràng là ông ta bị sứ thần nhà Nguyên cùng ông cậu ruột làm tể tướng ngăn trở. Mãi tới cuối năm ngoái, ông ta mới cử hòa thượng Du Già sang trần tình tận kẽ. Rồi năm nay cuộc cầu hôn mới chính thức đặt ra. Cứ xem thế đủ biết, một việc làm quang minh chính đại, có lợi cho dân, cho nước của cả hai quốc gia, vậy mà cả ta lẫn Chê Mân đều bị người trung kẻ nịnh, người chính kẻ tà, bạn hữu và thù nghịch chống lại. Ô hay, con đường thiện lúc nào cũng thênh thang rộng mở, sao thế gian vẫn lắm kẻ mù lòa nhắm mắt bước qua, để lao đầu vào các nẻo tắt đường ngang” - Nhà vua cứ triền miên suy tưởng các công việc ở trong đầu.

Thấy vua cha im lặng khá lâu, Huyền Trân nén giấu cảm xúc của mình, nàng không dám nhìn vào khuôn mặt hốc hác của vua cha, mà nhìn ra phía biển, nàng nói giọng đầm nước mắt:

- Lạy trình phụ vương, chẳng còn mấy bữa nữa con phải về Chiêm. Mọi công việc lo liệu đã có vương huynh con và triều đình. Trước giờ vĩnh biệt, con chỉ cầu mong sao phụ vương cẩn trọng gìn giữ tấm thân quý giá, để còn làm được nhiều việc tốt cho dân, cho đạo. Xin phụ vương cùng hoàng thiên hậu thổ chứng cho lòng con ra đi chuyên này, trước hết là vì nghĩa nước, con quyết vì phụ vương và những ước vọng cao đẹp của người mà làm tất cả, không tiếc chi tấm thân bé mọn.

Vừa nói, Huyền Trân vừa chấp tay vái trời, vái bốn phương. Ngẹn ngào, nàng tiếp:

- Con chắc rằng, khi phụ vương viên tịch để về Tây Trúc, con không có mặt. Xin phụ vương coi như con đã thác mà rộng lượng cho. Nói rồi nàng sụt sùi sụt lạy vua cha.

Vua Nhân tôn cũng không cầm lòng được, nước mắt ngài trào ra. Nhà vua cúi xuống đỡ công chúa dậy:

- Sinh, diệt, tụ, tán là lẽ thường của tạo hóa. Con chớ nên câu nệ mà chuốc lấy sự phiền não. Đường xa, xứ lạ con phải gắng giữ gìn tấm thân muôn qui.

Huyền Trân gạt nước mắt nói:

- Lạy phụ vương, trước khi con về Chiêm, phụ vương có căn dặn thêm điều gì không ạ?

Nhà vua giật thót mình. Đường như một thứ tình cảm bản năng, khiến nhà vua nhận ra giờ phút vĩnh biệt người con yêu quý đã đến. Người có cảm giác hụt hẫng, như một phần cơ thể mình tan rã ra. Mới hay tình cốt nhục nặng sâu, khiến nhà vua chợt cảm như mình đã có gì tàn nhẫn trong cuộc sắp đặt nhân duyên này. “Sự thể đã như vậy, âu cũng là phận số”. Nghĩ vậy, đức vua bèn nói:

- Những gì cần thiết cho cuộc về Chiêm của con đều đã được chuẩn bị. Ta chỉ thương con phận gái xông pha ngàn dặm, vào nơi đất lạ. Ta chắc tình hình sẽ êm thuận. Rủi có gì không may xảy ra, ta đã có dự liệu và có ý chỉ cho hòa thượng Minh Thái. Mọi việc làm trên đất Chiêm, về các công việc có quan hệ đến hai nước, nhất nhất con phải hỏi ý lão Thái, chớ không được tự tiện. Còn việc riêng giữa con với Chế Mân, là việc gia đình. Con phải ăn ở sao cho trọn đạo vợ chồng lại phải tỏ ra mình là người của một nước có văn hiến. Mỗi việc con làm, nếu phát khởi từ điều nhân hậu, và mưu lợi ích cho người nhiều hơn cho riêng con, ta chắc trăm việc con đều thành tựu cả. Con cứ yên tâm ra đi, thường năm có sứ thần hai nước qua lại, ta sẽ có tin cho con. Cầu đức Phật độ trì cho con an hưởng hạnh phúc trọn đời.

Huyền Trân nhớ mãi cuộc chia tay với vua cha trên đỉnh Tử Phong. Nàng sẽ khắc cốt ghi tâm những điều vua cha căn dặn, và những tình cảm bao la như trời bể của người dành cho. Nay công việc đã gấp lắm. Ngày lên đường đã gần kề. Chẳng biết Chế Mân đã nhận được thông điệp chưa? Huyền Trân nhớ, trong tờ điệp, công chúa có thỉnh cầu đức tân lang một điều: “... Thiếp sẽ đi bằng đường thủy tới diêm tận cùng của biên giới Đại Việt. Xin bệ hạ đón thiếp. Và cho thiếp được hưởng ân huệ sẽ đi đường bộ trên miền đất hai châu: Ô - Lý mà bệ hạ dùng làm sính lễ. Sau đó đi bằng phương tiện gì về Chà Bàn là do bệ hạ định liệu...”

# Chương XXII

Cuộc tiến đưa công chúa thật là long trọng. Suốt từ hoàng thành đến bến Đông bộ đầu cờ xí rợp trời, người đứng đông nghịt hai bên vệ đường. Dẫn đầu là sứ đoàn Chiêm Thành, kế đó là kiệu của công chúa. Đi bên tả công chúa là kiệu của Văn Túc vương Trần Đạo Tái, bên hữu là nhập nội đại hành khiển Trần Khắc Chung. Tiếp đó là tri khu mật viện sự Đoàn Nhữ Hài, rồi trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi, hoàng giáp Nguyễn Trung Ngạn. Đoàn tùy tùng và quan lại cùng người trong hoàng tộc đưa tiễn công chúa kể tới cả ngàn người. Còn dân chúng kinh kỳ vừa ái mộ đức hạnh, vừa ngưỡng mộ nhan sắc của công chúa, theo đi tiễn đông không kể xiết. Đi tiễn công chúa, người ta còn trông thấy cả viên chánh sứ người Nguyên. Dù đã tự nhủ lòng phải gắng gỏi, nhưng khi bước chân xuống thuyền, công chúa không khỏi bùi ngùi rơi lệ. Huyền Trân không nói được điều gì, chỉ kịp chấp hai tay vái tạ những người đưa tiễn. Hẳn là công chúa còn có hàm ý vái lạy cả kinh thành trước giờ vĩnh biệt. Một phát pháo hiệu nổ vang, rồi tới cả chục cây pháo bông cùng một lúc phát hỏa. Bến Đông bộ đầu chìm ngợp trong khói pháo. Đoàn thuyền căng buồm lướt gió xuôi về hạ lưu.

Người Thăng Long từ buổi được xem các đồ sinh lễ của Chiêm Thành và các của hồi môn của công chúa, lại hôm nay đưa tiễn công chúa về Chiêm, ai nấy tự nhiên đều có mối thiện cảm với đất nước Chiêm Thành xa vời vợi ấy. Dân chúng vốn dễ xúc động, mà rồi họ cũng mau quên. Nhưng kinh thành Thăng Long sẽ còn ghi nhớ mãi sự kiện này.

Và lại, Huyền Trân công chúa đâu biết rằng, bước chân đầu tiên nàng bước xuống thuyền là nàng đã bước vào lịch sử.

Xuôi nước, xuôi gió, đoàn thuyền vừa ra tới cửa biển Đại Hoàng cũng là lúc hoàng hôn ập xuống. Mặt biển nhuộm một màu đỏ nhạt rồi chuyển dần sang màu vàng xỉn, màu tro xám. Đêm xuống. Công chúa nằm thao thức một mình trong khoang thuyền. Lúc này nàng không muốn có bất cứ một người nào bên cạnh. Dù là những người hầu thân cận như Bích Huệ, Thúy Quỳnh. Bích Huệ đã mấy lần ló đầu vào, công chúa đều ra hiệu cho lui. Lòng bồi hồi, Huyền Trân nghĩ về vua cha, nghĩ về bà kế mẫu Tuyên từ, bà nữ mẫu, lão Dương cùng không biết bao nhiêu người thân thuộc khác trong hoàng gia, trong triều nội. Công chúa nhớ như in từng cuốn sách trong thư phòng, nhớ từng lối mòn quen thuộc trong khuôn viên mà sáng sáng chiều chiều nàng thường dạo gót. Nhớ mấy khóm huệ nở sớm, nhớ cây quất lưu niên. Nhớ dãy xuyên đường và những chùm khánh nhạc treo dưới hàng hiên, gió đung đưa phát ra những âm thanh kỳ ảo. Tất cả những năm tháng ấu thơ và cả những năm tháng đã trưởng thành, đều diễn lại một cách đầy đủ

đền từng chi tiết nhỏ, giống như một cuốn “Tập biên thực lục” (Ghi chép các chuyện xảy ra thường ngày, tựa như nhật ký ngày nay) mở ngỏ trong đầu nàng. Rồi nàng lại trở về với buổi chia tay cùng nhũ mẫu. Công chúa không thể ngờ được cuộc ra đi của mình lại làm nhũ mẫu đau buồn đến thế. Người bà héo hon, buồn thảm như cái cây đã hết nhựa. Bà chỉ nức nở chứ không kêu gào, không than van oán trách một lời nào. Công chúa an ủi bà hết lời, và nàng cũng chỉ hiểu ngầm, đây là nỗi đau của người mẹ, khi cảm thấy vĩnh viễn mất đi đứa con yêu của mình. Bà từ chối mọi thứ tiền bạc, của nả mà công chúa ưu ái ban cho. Công chúa thật không yên lòng, nàng tự nhủ: “Có lẽ ta đi, chỉ ít lâu sau là nhũ mẫu qua đời”. Linh cảm đó ám ảnh nàng như một đám mây u tối bao phủ trước mắt nàng. Còn kể mẫu Tuyên từ lại thương nàng ở một dạng khác. Bà là người nghiêm khắc, vốn không quen bộc lộ tình cảm ra ngoài. Nhưng trước giờ ly biệt bà cũng không cảm lòng được.

Miên man nàng lại nghĩ đến Trần Khắc Chung. Thật ra nàng đã cố quên đi mà không quên được. Với con người này, đã có một thời nàng say đắm đến mê mết. Ông là người mà nàng tôn thờ và ước ao chiếm lấy. Cái hào quang ông là một vị anh hùng, một tay kiệt liệt dám xông vào trại giặc trong lúc thế nước ngàn cân treo sợi tóc, càng đốt cháy khát vọng được hiến dâng cuộc đời mình cho chàng. Khắc Chung như một cái bóng, nàng càng đuổi càng xa. Cuối cùng nàng nhận ra không phải ông ta cao đạo gì. Mà vì có những chuyện gia đình bê bối, ông ta phải giữ mình. Và chuyện ông ta vào trại giặc cũng không có gì là ghê gớm. Chẳng qua thời thế tạo anh hùng. Chính vì Khắc Chung lẩn tránh, khiến nàng tức giận, và quyết phải làm một việc gì đây để chàng hối hận. Trong việc nàng chấp nhận hợp hôn với Chế Mân, bên ngoài ai cũng nghĩ rằng nàng là một người con thuận thảo. Và nàng cũng ý thức được trọng trách mà thượng hoàng trông đợi. Đúng như vậy, Huyền Trân cảm nhận được việc làm thiện, đức của vua cha, nên nàng tự nguyện gánh lấy phần việc mà vua cha phó thác. Nhưng trong sâu thẳm của suy tư, nàng ra đi còn là một sự trêu tức, một sự trả thù đối với Trần Khắc Chung. Không những thế, thái độ của nàng, còn là một sự thách thức đối với triều đình. Chính việc triều đình ngăn cản lại là một cái cớ đẩy nàng tới quyết định dứt khoát. Dù sao thì Huyền Trân cũng không tránh khỏi được chuyện thường tình nữ. Đôi lúc nàng giật mình kinh sợ vì chuyện phải xông pha ngàn dặm tới một xứ sở mà ở đây đầy rẫy sự phản trắc và thù hận. Chính cái buổi xông vào dạ yến để tìm Trương Phóng - một thám hoa lang mà nàng tưởng sẽ là dịp để nàng từ hôn với Chế Mân. Nhưng khi trông thấy vị thám hoa, nàng đã có ngay một cảm giác khó chịu. Không hiểu sao, nàng cứ nghĩ rằng khuôn mặt của Trương Phóng được đắp đầy sáp. Đó là một thứ mặt nạ hóa trang. Vậy là nàng quyết về Chiêm, nhưng với tâm trạng hoang mang rối bời. Cuối cùng, để trấn an, nàng tự nhủ: từ sinh hữu mệnh!

Trong khi công chúa đang đắm chìm vào suy tư và hồi ức, thì Bích Huệ và Thúy Quỳnh ở dưới khoang thuyền cũng rỉ rả trò chuyện. Giống như cô chủ mình, hai cô thuần ôn lại các chuyện cũ trong cung cấm. Những gương mặt

quen thuộc trong các đài, sảnh, viện cũng được các cô nhắc tới. Đường như chưa thể dứt được cái tình của mình với mảnh đất quê hương. Với các cô, từ nay trong ký ức, Thăng Long choán một chỗ cực lớn, Thăng Long sẽ là quê hương của quê hương.

Như chợt nhớ ra một điều gì quan yếu. Bích Huệ rướn người về phía trước làm ra vẻ hệ trọng, nàng nói:

- Chị Thúy Quỳnh ơi, chị không tin thì thôi nhé. Cảnh tiền đưa công chúa hôm nay, em đã mơ thấy từ năm năm trước rồi. Cái bữa em với chị đi theo công chúa về Thiên Trường ấy, chị còn nhớ chứ? Tức là đúng cái đêm đầu tiên ở Thiên Trường về Thăng Long, em mơ thấy cảnh công chúa và chị em mình bị người ta dồn xuống thuyền. Nghĩa là buộc phải ra đi, cứ như là bị ép ấy. Em sợ quá, hét lên cơ mà. Lạ nhỉ, chị Thúy Quỳnh. Đã bao giờ chị mơ như thế chưa?

- Ừ lạ thật, làm sao lại có thể mơ thấy một cảnh từ trước năm năm. Mà chị nhớ được rõ ràng như thế cũng là chuyện lạ đây, chị Bích Huệ ạ. Em ấy à, mơ luôn đấy, nhưng vừa tỉnh giấc đã quên tịt không biết là mình mơ cái gì nữa.

Cả một đêm thao thức, nghĩ ngợi triền miên hết việc nhà đến việc nước, rồi biết bao cảnh núi sông hùng vĩ cứ hiện lên rõ mồn một trong tâm trí, lại cảnh đêm trên biển mới đẹp làm sao, Huyền Trân bèn lấy giấy bút làm thơ. Gần sáng, công chúa đã viết tới chục bài thơ ức sự và thơ tức cảnh. Một quá, nàng thiếp đi.

Qua hai ngày đêm, đoàn thuyền vào tới cửa Hội. Quan quân neo thuyền lại cho mọi người lên bờ nghỉ ngơi. Hòa thượng sửa sang áo mũ sang thuyền công chúa vấn an. Sau một hồi thăm hỏi và căn dặn lại công chúa phải giữ gìn sức khỏe, chăm sóc dung nhan, hòa thượng nói:

- Trình công chúa, nếu xuôi gió thì chỉ sớm ngày kia là hết vùng biển Đại Việt. Theo như sở vọng của công chúa, người sẽ đi bộ trên vùng đất hai châu?

Vừa lúc đó, viên quan hướng đạo người Chiêm cũng vào phủ phục tâu:

- Muôn tâu đức bà chí kính. Chỉ tới ngày kia là đoàn thuyền của đức bà sẽ tới miền địa đầu của Chiêm quốc.

Nghe giọng nói líu ríu như tiếng chim của người Chăm, công chúa suýt bật cười. Nàng gật đầu nói:

- Ta biết. Khanh gắng làm tròn phận sự, ta sẽ có ban thưởng. Khi đoàn thuyền nhổ neo đi tiếp thì lòng dạ công chúa bồi hồi đến xao xuyến. Nàng tươi cười trò chuyện rồi chơi bài với đám tì nữ. Ấy là những nét vui đang biểu hiện ra ngoài, còn trong lòng công chúa đang xốn xang hướng về miền đất mà vì nó nàng phải xông pha. Nhưng nghĩ nhiều hơn cả là về đấng phu quân.

Công chúa đã vẽ qua trí tưởng tượng của mình khá nhiều lần khuôn mặt của Chế Mân, nhưng chưa lần nào trọn vẹn. Có lần nàng đã suýt thành công, nhưng rồi có một nét gì đó mờ mờ cứ loang dần loang dần, và ập một cái xóa đi

toàn bộ bức chân dung nàng vừa phác họa ở trong đầu. Công chúa cứ vẽ đi vẽ lại như vậy với sự kiên nhẫn của một con dã tràng. Lại đêm xuống, công chúa thiếp đi trong giấc ngủ ngon lành. Trong mơ, nàng thấy đức lang quân hiện ra với những nét hao hao giống như nàng đã tưởng tượng. Và cuộc tiếp rước vào đất Chiêm long trọng không thể nào tả xiết. Giấc mộng đang đắm thắm nàng bỗng mơ hồ nhận ra tiếng trống quen thuộc. Tiếng trống cứ rõ dần rõ dần, làm công chúa tỉnh hẳn. Nàng ngồi dậy và nhận ra tiếng trống hắc prong (Trống cái có giá treo, giống như trống đại lược của Đại Việt) từ đoàn thuyền đi trước. Công chúa tự nhủ: “Sắp vào đất Chiêm”.

Bình minh rực hồng từ mạn biển phía đông. Công chúa vội đánh thức đám tì nữ. Việc đầu tiên của họ là trang điểm. Ánh bình minh lan nhanh trên mặt biển. Vàng thái dương như một quả cầu lửa khổng lồ càng lên cao, màu đỏ càng nhạt dần và cuối cùng chỉ còn là màu sáng chói. Bỗng một tiếng nổ rầm trời, rồi người ta thấy hiện ra một đoàn thuyền rồng trắng toát, những cánh buồm đỏ thắm no gió căng phồng, đang phăng phăng rẽ nước tiến về phía đoàn thuyền Đại Việt.

Ai cũng biết đó là đoàn thuyền do Ché Mân phái đi đón Huyền Trân. Chừng nửa giờ sau, hai đoàn thuyền đã gần nhau. Mắt thường cũng trông thấy lá cờ hiệu trắng toát của đoàn thuyền Chiêm Thành, trong đó thêu tên hiệu của nhà vua bằng chữ đỏ: “Yaya Sinhavarman III”.

Đoàn thuyền của Đại Việt sơn đỏ, buồm trắng như màu nắng, cờ hiệu cắm trên thuyền công chúa thêu chữ TRẦN màu vàng trên nền đỏ. Khi hai đoàn thuyền sát nhau thì đoàn thuyền Chiêm nhất loạt nổi nhạc. Tiếng trống, tiếng kèn, tiếng đàn, tiếng sáo làm rộn lên cả một vùng biển đẹp. Nhạc vừa dứt, đoàn thuyền Đại Việt đốt pháo lễ. Những tràng pháo dài từ các thuyền nổ ròn rã, khói bốc xanh nhuộm lam cả những cánh buồm. Xác pháo bay đỏ rực một vùng biển. Hòa thượng Du Già là người làm mai xúng xính trong bộ áo cà sa màu vàng, đội mũ hoa sen đứng ra mũi thuyền vái chào đoàn thuyền Đại Việt. Hòa thượng Minh Thái vận giống như hòa thượng Du Già (Y phục của hai hòa thượng giống nhau là bởi cùng theo một trường phái đạo - phái Phật giáo Đại thừa), tiến ra mũi thuyền đáp lễ. Thi lễ xong, hai đoàn thuyền song song tiến về phía bờ biển - nơi biên giới đất liền giữa hai nước.

Thuyền vừa cập bến, công chúa như hoa mắt về cờ xí, như ù tai về tiếng trống, tiếng kèn, tiếng pháo. Ngay từ lúc còn ở dưới thuyền, công chúa đã tự nhủ: “Phải thật bình tâm”. Thế nhưng lúc này lòng dạ lại cứ bẽ bộn. Mọi thứ đều tối mờ, đều bù rôi như một mớ bòng bong. Nhớ lời lão Thái dặn: “Nếu khi nào trong người tỏ ra mệt mỏi hay rối trí, hãy hít thật sâu rồi thót bụng thở ra chậm chậm. Tự nhiên trong lòng sẽ được thư thái”.

Vừa bước đi, công chúa vừa hít thở như lão Thái chỉ bảo. Quả thật nàng cảm như mình vừa được tiếp thêm sức mạnh. Đầu óc lại sáng tỏ như thường.

Công chúa vừa ló ra khỏi khoang thuyền, tiếng xôn xao và cả tiếng nhạc tắt hẳn. Không gian im phắc, lại càng tôn

cái mệnh mỏng của biển, cái bao la vô tận của rừng. Nàng vừa định thân toan bước tiếp, chợt ngừng nhìn lên bờ thấy kiệu của nhà vua vừa dừng. Một chiếc kiệu vàng chói như đúc bằng vàng ròng, được bảy chiếc lọng trắng rủ tua vàng che nắng ở phía trên. Một người cao lớn từ trên kiệu bước xuống, mình vận áo bào trắng, quần chần trắng. Ngoài khoác áo giáp đan bằng sợi vàng. Chân nhà vua đi đôi hia đen thêu chim thần Garuda bằng vàng. Ngang bụng, thắt chiếc đai ngọc, bên hông đeo thanh bảo kiếm khắc hình thần Ganesa (Thần đầu voi, mình người, tượng trưng cho sức mạnh) dài gần quét đất. Vỡ kiếm bằng vàng, chuôi bằng ngà voi nạm hồng ngọc. Trên đầu, nhà vua đội chiếc mũ trụ bằng vàng chóp nhọn. Đỉnh chóp đính một viên kim cương to bằng quả trứng chim sâu, luôn tỏa ra thứ ánh sáng bảy sắc như ánh sáng cầu vồng. Nhà vua có khuôn mặt trẻ, đôi mắt nâu, ánh lên những tia sáng lấp lánh như có thần nhãn. Nước da sạm như một người dạn dày sương gió. Cốt cách nhà vua toát lên vẻ hào hoa phong nhã, oai nghiêm, đường bệ của một người văn võ toàn tài. Nhà vua sẫm sẫm đi về phía mạn thuyền, vừa lúc công chúa từ mũi thuyền bước lên. Nàng hơi ngược nhìn nhà vua rồi lại cúi xuống, lưng hơi khom, hai tay chấp lại:

- Thân thiếp xin cúi chào bệ hạ. Chúc bệ hạ trị vì muôn năm trên đất nước tươi đẹp của người. Công chúa nói bằng tiếng Chăm, với một bộ điệu tao nhã, và giọng nói trong trẻo lạ thường. Vị quốc vương của đất nước chan hòa ánh nắng lúc đầu không tin ở mắt mình, và sau đó ông cũng không tin ở hai tai mình nữa. Mắt ông nhìn thấy không phải một con người trần thế mà là một nàng tiên. Ông đã đi khắp vương quốc ông trị vì, chưa bao giờ ông được nhìn thấy một người con gái kiều diễm như thế. Biết bao thương nhân nước ngoài đã dâng cho ông gái đẹp; cả các sứ giả người Nguyên cũng đưa con gái Trung Hoa sang làm quà biếu. Nhưng tất cả chỉ là một lũ dơi. Chúng còn chưa thể so sánh với hoàng hậu Tapasi của ông, chứ nói gì đến nàng tiên Đại Việt này. Điều kinh ngạc nữa là nàng còn nói được cả tiếng Champa, như những người Champa quý tộc. Phải chăng nàng là hiện thân của nữ thần Áp-xa-ra (Nữ thần múa) ? Đúc vua để tay lên trái tim mình và ông thầm xin với thần Shiva (Thượng đẳng thần trong tôn giáo Bà-la-môn): “Lạy đức Shiva toàn năng, người hãy cho con sự bình tĩnh và sáng suốt”.

Sau mấy giây định thần, vị quốc vương Chiêm Thành vội vàng tiến về phía công chúa Trần Huyền Trân, ông khẽ nghiêng mình và mỉm cười chào nàng. Dường như để kiểm xét xem nàng có nói được tiếng Champa hay người ta chỉ dạy cho nàng học thuộc lòng được vài câu giao tiếp.

Nhà vua hỏi nàng:

- Hải đạo xa xôi, sóng gió bất thường, chẳng hay ngọc thể công chúa có được bình an?

Huyền Trân chưa kịp trả lời, Chế Mân lại hỏi:

- Ta nhận được thông điệp của công chúa, nên vội vã tới ngay. Đường xa chỉ sợ trễ. Mong công chúa thứ lỗi.

Công chúa chấp tay đáp lễ, nàng nói:

- Tâu bệ hạ, nhờ hồng phúc của bệ hạ, thần thiếp và mọi người đều được bằng an.

Ngừng một lát, công chúa ngừng nhìn thấy nhà vua tươi cười, ông chăm chú nhìn và lắng nghe từng lời công chúa nói. Lấy làm yên tâm nàng lại tiếp:

- Làm nhọc lòng bệ hạ, thần thiếp thật đắc tội.

Chế Mân cười thành tiếng. Giọng cười của ông oang oang như tiếng chuông. Chỉ có những người có tấm lòng trung hậu, thẳng ngay mới có được tiếng cười đó.

- Nhọc lòng ư? Không phải đâu. Đó là ân sủng đầu tiên nàng ban cho ta. Ta phải cảm tạ nàng nhiều lắm.

Tới lúc này Chế Mân không còn nghi ngờ rằng công chúa chỉ học thuộc lòng vài câu xã giao, mà nàng đã thông thạo tiếng Champa.

Cũng tới lúc này, Chế Mân mới đủ bình tĩnh để ngắm nàng.

Công chúa có khuôn mặt dễ thương như đóa bạch trà hé nở. Chiếc mũ nàng đội mới duyên dáng làm sao. Đó là cả một công trình nghệ thuật của những người thợ dệt và thợ kim hoàn. Màu sắc hài hòa lại điểm thêm chín viên hồng ngọc kết giả thành chín chiếc nhụy hoa. Ánh sáng từ chín viên hồng ngọc tỏa ra, làm khuôn mặt nàng nhuốm một màu hồng phớt, khiến đôi má nàng hây hây mà không một thứ trái đào nào, dù là đào tiên, có thể so sánh được. Công chúa vận một chiếc áo dài trắng, thêu những con phượng trắng đang múa, mắt phượng được đính bằng những hạt kim cương nhỏ xíu, sáng sánh ánh mặt trời. Cả quần và hài của công chúa cũng một màu trắng, và điểm những viên kim cương nhỏ xíu cực khéo. Nơi cổ là một chiếc vòng ngọc bích. Toàn bộ y phục và trang sức của công chúa là cả một kỳ công tuyệt hảo của những người thợ thủ công Đại Việt. Nhưng tất cả những cái đó, cũng chỉ là một thứ nền bình dị. Không hiểu vì sao cứ nhìn vào công chúa, là người ta có cảm giác, từ khuôn mặt nhân ái kia, đôi mắt trong vơi vơi kia, và từ nơi trái tim đôn hậu kia phát ra cái đẹp hồn nhiên, có sức rung động tất cả những tâm hồn trong sáng.

Chế Mân bàng hoàng, không hiểu niềm phúc hạnh từ những kiếp nào kết tụ lại, khiến cho cuộc đời ông có duyên may được gặp một nàng tiên trên cõi đời này. Ông tự reo lên ở trong lòng: “Ôi đóa bạch trà kiều diễm của ta!”

Chế Mân bước sóng đôi cùng công chúa và dẫn nàng về kiệu. Nhà vua và công chúa đi trong tiếng nhạc rung, tiếng hô vang dội: “Đức vua vạn tuế!” của các quần thần đi đón. Nhà vua mời công chúa lên ngự trong chiếc kiệu dành cho hoàng hậu. Vua cùng đoàn tùy tùng trở về dịch đình.

Ngồi trong kiệu, công chúa vén rèm nhìn quang cảnh bốn phía. Một bên là trời và biển, còn một bên bạt ngàn là rừng rậm. Công chúa đã để ý, không thấy một chòm xóm, một nhà dân nào. Thình thoảng lắm mới bắt gặp một đồn canh biên ải, một trạm đổi ngựa với một tốp lính lẻo tèo. Đường sá gập ghềnh, nhiều đoạn phải xuống kiệu, đi cáng. Huyền Trân tự hỏi: “Phải chăng Thánh tông từ năm Ất Dậu để đổi lấy tự do?”



(Người Chiêm có lực lượng hải quân mạnh, thường ra cướp phá vùng châu Hoan, châu Ái (Thanh - Nghệ). Nhà Lý tốn nhiều công sức đánh dẹp. Năm ất dậu (1069) đích thân Lý Thánh tông chỉ huy cuộc thảo phạt này, bắt được vua Chăm là Chế Củ. Để đổi lấy tự do, Chế Củ xin dâng vùng đất Việt Thường cũ. Miền đất này sau trở thành miền đất tranh chấp kéo dài hơn hai trăm năm từ 1069 đến 1306. Đất ấy cùng với vùng đất phụ vào làm sinh lễ của Chế Mân kéo tới cả vùng Thuận Hóa).

Từ bấy tới nay, trải hơn hai trăm năm tranh chấp. Máu người Việt, máu người Chăm đã bao phen thấm mảnh đất này. Công chúa ý thức đầy đủ với sứ mệnh vua cha trao cho, là phải chấm dứt cho bằng được mọi mầm mống dẫn tới can qua giữa hai nước...

Một thoáng công chúa lại nghĩ về Chế Mân. Nàng phải tự thú nhận rằng, Chế Mân là mẫu người mà nàng mơ ước, và đã có lần trong tưởng tượng nàng đã vẽ suýt thành công bức chân dung vị hôn phu này. Còn đang miên man nghĩ, kiệu đã tới dịch đình. Chế Mân xuống kiệu, đón công chúa vào nghỉ tạm trong quán dịch.

Vừa xuống kiệu, công chúa đã sai lũ ti thiếp, thiết lập hương án giữa trời, để nàng vọng bái tổ tiên. Bích Huệ vừa đốt xong đỉnh trầm, khói thơm ngào ngạt. Hướng về phương Bắc, công chúa ngửa mặt vái trời ba vái, rồi nàng cúi đầu làm rằm khăn khứa tổ tiên.

Chế Mân bước sát theo công chúa, nàng làm thế nào, ông cũng bắt chước làm theo với vẻ thành kính. Duy có việc nàng khẩn tổ tiên bên Đại Việt thì ông không biết nói điều gì.

Công chúa lễ xong, hòa thượng Minh Thái đọc một bài kệ, cầu cho non sông Đại Việt trường tồn. Ông còn đọc một bài kệ cầu siêu cho vong hồn binh sĩ Đại Việt, đã bỏ mình trên mảnh đất này từ hơn hai trăm năm được siêu thoát. Tiếp đó, cả đoàn tùy tùng vào lễ. Nhà sư Du Già cũng đến trước bàn thờ nghiêng mình vái ba vái.

Thấy quốc vương và hòa thượng cùng kính cẩn nghiêng mình trước bàn thờ, các quan đại thần đi theo hộ giá cũng làm theo.

Ngoài trông về phương Bắc - nơi biên cương của Đại Việt chỉ cách có nửa ngày đường, công chúa thấy lòng bồi hồi xúc động. Nàng biết, mai đây vùng đất bao la này, cũng sẽ trở về với mẹ hiền Đại Việt một cách êm thuận. Các quan chức Đại Việt sẽ đến đây trị nhậm. Dân Đại Việt sẽ đi vào vùng đất Việt Thường xưa cũ. Và nàng sẽ xin với Chế Mân, nếu như con dân người Chăm, ai muốn ở lại mảnh đất quê hương mình, nhà vua cũng nên rộng lượng. Sao cho tình Chiêm-Việt chan hòa, muôn đời giao hảo.

Khi mọi người đã tề tựu trong quán dịch, nhà vua long trọng tuyên cáo: ‘Bắt đầu từ giờ phút này, công chúa Huyền Trân chính thức là phu nhân của trẫm, và tước vị của nàng sẽ là hoàng hậu, tên hiệu của hoàng hậu là Paramecvari. Hoàng hậu Paramecvari sẽ cùng với hoàng hậu Tapasi làm mẫu nghi thiên hạ. Nói xong, nhà vua sai

viên hàn lâm phụng chỉ, thảo ngay tờ chiếu để nhà vua ký và đóng dấu ấn, rồi bố cáo cho thần dân trong nước thấy đều biết.

# Chương XXIII

Sách phong hoàng hậu cho công chúa Huyền Trân xong, nhà vua mở tiệc khao thưởng quan quân. Đức vua cũng ra lệnh cho triều thần và đoàn hộ giá, đêm nay nghỉ ngơi tại quán dịch.

Quán dịch nhỏ bé, thường là nơi tiếp đón các quan chức biên ải của Đại Việt qua thăm giao hảo, hoặc có điều gì cần bố cáo lẫn cho nhau. Nó cũng không phải là nơi tiếp đón các sứ bộ Đại Việt. Vì từ Thăng Long hoặc từ Chà Bàn ra, các sứ giả của hai nước đều đi đường thủy. Đã nhỏ bé, quán dịch còn sơ sài, nên không đủ phương tiện để tiếp rước các đảng vương giả. Gần đây, được sắc chỉ của triều đình, các quan bản hạt mới cho tu bổ lại. Đã làm thêm một ít nhà chõ, nhà nghỉ bằng tranh, tre và gom được một ít sản vật tích trữ, chõ có dịp nhà vua ghé qua.

Biết đích xác nhà vua sẽ đón công chúa Đại Việt ở đây, các quan chức sở tại chạy xón xác, lo đủ thứ. Dân quanh vùng nghe nhà vua cùng hoàng hậu mới, nghỉ lại nơi quán dịch đêm nay, họ nô nức đem tới dâng hiến nhà vua đủ thứ sơn hào hải vị. Nào hải sâm, yến sào, nai, hoẵng, dê rừng, gà rừng... Những mong được thấy mặt vua, và dung nhan hoàng hậu người Đại Việt. Nhưng sau đó các đồ dâng hiến được các quan chức thu dung, dân chúng liền bị đuổi ra ngoài khu công quán.

Tối vui được bắt đầu bằng cuộc trình diễn của ban nhạc, ban vũ cung đình. Những tiết mục được trình diễn ở một nơi mà mọi phương tiện đều thiếu thốn, nên những ai xem biểu diễn ở Chà Bàn rồi đều kém phần hào hứng. Ban nhạc của Đại Việt không tham gia khai diễn, lấy cớ đi đường xa mệt nhọc. Thực ra, hòa thượng Minh Thái không muốn khai diễn chương trình đặc sắc, trước một số công chúng lèo tèo, hơn nữa địa điểm quá chật hẹp và sơ sài. Tối vui sôi động hẳn lên, và ghi dấu ấn sâu sắc nhất, khi Huyền Trân nhảy vũ khúc Tamane hrung với đức vua. Nàng nhảy đẹp và duyên dáng như một vũ nữ Chăm điêu luyện, khiến bá quan và cận thần của Chế Mân hết lòng cảm phục. Vì vậy ngay từ buổi đầu ra mắt, Huyền Trân đã thu phục được thiện cảm của mọi người.

Màn trướng căng trong nhà công quán, một lò trầm được nhen lên, sực nức mùi thơm. Tất cả quân hầu của vua, ti thiếp của hoàng hậu đều bị đuổi hết ra ngoài. Công chúa nằm trong một chiếc giường có trải nệm gấm còn thơm mùi vải mới và mùi hương xạ. Giữa giường đặt một ngọn đèn nhỏ và một khay trà. Giữa khay trà là một con dao. Lúc này Huyền Trân mới ý thức một cách mơ hồ rằng mình đã trở thành hoàng hậu.

Một lát sau nhà vua đi vào, ông đã trút bỏ bộ lễ phục mà quần một chiếc xary bằng nhiễu trắng, mình trần, để lộ những bắp thịt cuồn cuộn và bộ ngực nở căng. Nước da ngăm đen, tóc đen xoăn tít, chiếc cổ cao, gương mặt vạm vỡ với những nét hài hòa, nom nhà vua đẹp như một pho tượng.

Huyền Trân rất dỗi yếm tâm khi thấy Chế Mân bước vào nhà. Nhưng khi ông vén màn vào giường thì nàng có cảm giác sợ hãi. Lưỡi như cứng lại, líu ríu không thốt ra được một lời chào.

- Đóa bạch trà kiều diễm của ta, Chế Mân nói. - Ta phải cảm ơn Thượng đế chí tôn đã ban nàng cho ta. Số mệnh ta từ nay do chính tay nàng nắm giữ. Ông mỉm cười phô hai hàm răng với những chiếc răng trắng muốt, đều tăm tắp. Chế Mân nắm lấy tay Huyền Trân áp lên ngực mình.

Vẫn chưa bình tâm lại được. Nơi lồng ngực công chúa đập thình thịch, cứ như trong đó nhốt một con chim, nó đang thúc bách đòi ra. Đã toan dùng hơi thở sâu như lời hòa thượng căn dặn, nhưng công chúa không thể nào làm được.

Chưa trả lời câu chúc của Chế Mân, thì nhà vua đã dùng bàn tay vuốt nhẹ nơi ngực nàng, rồi liên tiếp đặt lên má nàng những nụ hôn nồng cháy. Chế Mân luôn mồm nói: “Đóa bạch trà kiều diễm của ta!”. Đoạn nhà vua tắt phụt ngọn đèn và dẹp bỏ mọi thứ vào một góc giường.

Công chúa sợ hãi kêu lên:

- Nhà vua đã vi phạm những điều cấm kỵ. Thần linh sẽ trừng phạt!

- Ta biết rồi! - Chế Mân nói - Phải ba đêm trò chuyện dưới ngọn đèn kia, và phải mời nhau ăn trầu cho đảm thắm cuộc nhân duyên, rồi sau đó mới làm lễ hợp cẩn. Nhưng nàng biết không, vừa nói nhà vua vừa ghi chặt công chúa trong vòng tay mình. Ta đã chờ nàng suốt năm năm. Ta không thể chờ thêm một giây, một phút nào nữa. Bọn chó chết đã ngăn trở ta, đã dối lừa ta, ta sẽ quét sạch bọn như bản này. Nàng phải biết không một thằng đàn ông nào tuân theo phong tục đó. Thần linh chỉ là chuyện bịa. Chế Mân vừa nói vừa ghi công chúa tới nghẹt thở. từng làn hơi nóng hổi sắc mùi rượu mạnh và mùi thức ăn, hòa trộn thành một thứ men chua chua phả vào mặt công chúa, khiến nàng khó chịu. Nàng có cảm giác tởm lợm, và nghĩ rằng mình đã đánh giá lầm ông ta. Ông ta cũng như tất cả bọn đàn ông phạm phụ tục từ.

Dùng hết sức mình, công chúa đẩy Chế Mân ra. Mệt quá, nàng thiếp đi.

Mảnh trăng khuya ném chệnh chênh chút ánh sáng xanh nhạt qua khuôn cửa tò vò, kéo theo một làn gió nhẹ làm lay động lá màn, khiến Huyền Trân tỉnh giấc. Nàng nghe mơ hồ tiếng thì thầm của rừng cây êm đêm, in hết tiếng ào xào từ xa vắng lại, mãi lâu sau công chúa mới nhận ra tiếng trò chuyện của biển khơi. Rồi tiếng côn trùng rì rả, tiếng hoẵng kêu đêm, tiếng vượn hú gọi bầy. Công chúa còn nghe được cả những âm thanh tựa tựa như tiếng vỡ cây nứt rạn, tiếng nhựa chảy lên cành. Lần đầu tiên ngủ trong rừng sâu, nhận ra không phải đêm là mọi sự đều ngưng nghỉ, trái lại chỉ có con người nghỉ ngơi, còn vạn vật vẫn tiếp tục cuộc hành trình sôi động của nó. Công chúa miên man tưởng tượng vùng đất hai châu, mà nay mai sẽ trở thành máu thịt của quốc gia Đại Việt. Và từ nay, những tiếng rì rầm

của biển, tiếng thì thâm của rừng, tiếng côn trùng rì rả sẽ vĩnh viễn trở thành máu thịt của ta. Ôi mảnh đất ngàn đời thương nhớ, vì người mà ta đánh đổi cả cuộc đời.

Nàng ngắm nhìn Chế Mân qua ánh sáng lờ mờ. Chàng ngủ say, hơi thở trầm sâu, nom khuôn mặt chàng tươi rói, không phảng phất một chút ưu tư phiền muộn, Bộ ngực trần, chân tay nổi cuộn những bắp cơ chắc nịch. Từ con người chàng toát lên vẻ hiên ngang, trung thực với sức mạnh cường tráng của một tay anh hùng có tài vương bá. Công chúa thầm trách: “VẬY mà chàng đã biến ta từ một thiếu nữ thành một người đàn bà”. Nàng tự ngượng với ý nghĩ vừa thoáng qua, vội đưa hai bàn tay lên che mặt.

Tiếng gà rừng như từ đất mọc lên, gáy xao xác từ xa, như một vết dầu loang cứ lan dần vào khu quán dịch, làm Chế Mân giật mình. Tường trời đã sáng, Chế Mân choàng dậy. Công chúa vờ ngủ. Lát sau, nàng hé mắt thấy ánh trăng mất hẳn và một thứ ánh sáng bàng bạc đang ló dần. Nàng mở mắt, thấy Chế Mân đang chòng chọc nhìn mình và mỉm cười:

- Chào đóa bạch trà kiều diễm của ta.

Công chúa tươi cười đáp lễ.

Nàng hỏi:

- Bệ hạ thức giấc đã lâu chưa mà thiếp không biết. Ôi, thiếp vô duyên quá, xin bệ hạ thứ lỗi. Chẳng hay đêm qua bệ hạ có được ngon giấc không?

- Cảm ơn nàng, ta ngủ say chưa từng thấy.

Mà từ nay, nàng đừng gọi ta là bệ hạ nữa. Đó là cách xưng hô câu nệ. Với nàng, tước vị là hoàng hậu. Nhưng trước nàng, ta chỉ gọi là “đóa Bạch trà kiều diễm”. Sự thật ta chưa tìm ra được loài hoa nào đẹp đẽ và cao quý hơn, để xứng đáng với sắc đẹp và phẩm hạnh của nàng.

Chợt nghe Chế Mân nói tới phẩm trật, Huyền Trân khéo léo xen vào:

- Tâu bệ hạ, thiếp chịu ơn bệ hạ nhiều lắm. Nhưng lòng thiếp vẫn áy náy về ân sủng mà bệ hạ ban cho.

- Vậy chớ có điều gì phiền muộn mà nàng còn phải băn khoăn, hỡi đóa bạch trà kiều diễm của ta?

- Tâu, đó là việc bệ hạ tấn phong cho thiếp tước vị “hoàng hậu”. Theo như điển lệ của thế gian, vua chỉ có một hoàng hậu chính thất, ngoài ra theo thứ bậc mà phong. Thiếp mới về, bệ hạ đã ban cho quá nhiều ân sủng, e thiên hạ sẽ dị nghị thiếp có ý tìm ngôi vị của hoàng hậu Tapasi.

Chế Mân cười vui vẻ, nắm tay Huyền Trân âu yếm nói:

- Đóa Bạch trà kiều diễm của ta ơi, ta không có ý định phế truất Tapasi hoàng hậu. Nhưng ta cũng không thể đặt nàng dưới phẩm hạnh của Tapasi. Nàng xứng đáng được ta yêu trọng. Ta không thể đặt nàng ở cấp hoàng phi chứ

chưa nói đến các cấp dưới nữa. ta quyết không theo điển lệ. Ta làm ra lệ. Lệ lâu rồi thành điển. Và lại, những kẻ đặt ra điển lệ còn lưu lại tới ngày nay, thì chính họ đã vi phạm các điển lệ đã có trước họ rồi. Nếu gọi đây là một sự vi phạm hay một tội lỗi, thì tất cả những kẻ cầm quyền từ trước tới nay đều phạm tội cả. Và chẳng, nàng là biệt lệ của nhân gian, nàng không phải theo thông lệ.

Paramecvari!Cuộc đời ta từ nay sẽ cùng nàng gắn bó cho tới lúc số phận buộc ta phải lìa bỏ cõi đời này. Hãy nhớ lời ta” nếu chẳng may nàng ra đi trước ta. Ta thề có thần Shiva chứng giám, ta sẽ không ngần ngại bước lên giàn thiêu để cùng nàng tiếp tục cuộc nhân duyên ở cõi giới bên kia.

Trời vừa sáng rõ, nhà vua bước thẳng tới viển vọng lâu, gọi quan tư tế đến và trao cho ông ta một vuông lụa bạch. Đức vua chỉ cho ông ta ba vệt máu loang đỏ sẫm, và dặn:

- Khanh phải cất kỹ trong hộp ngà.

Quan tư tế kính cẩn đón lấy vuông lụa va hí hửng đi về phía nhà chờ. Ông tự nhủ: “Đây là một vu vạ, đức vua tin cây trao cho, mất nó, ta sẽ mất đầu”.

Trước lúc khởi hành, nhà vua gọi viên quan hướng đạo đến và ban lệnh:

- Ta cùng hoàng hậu Paramecvari sẽ du ngoạn trên miền đất từ đây tới “Đèo mây bạc”. Khanh dẫn ta và hoàng hậu đi xem các cảnh đẹp, các kỳ hoa dị thảo của trời, biển, núi, sông mà vùng đất này có. Thuận đi cáng, đi kiệu, đi thuyền, đi voi thế nào tùy Khanh định liệu. Lo hoàn thành phận sự cho tốt, xong việc ta sẽ có thăng thưởng.

Thái quan vừa dâng xong bữa ngự thiện cho đức vua và hoàng hậu, bèn lui ra sắp xếp hành trang để theo đoàn hộ giá. Cuộc hành trình tiếp tục, nhà vua và hoàng hậu ngồi trên một thớt voi. Con voi trắng thấy hoàng hậu vuốt ve, nó lim dim cặp mắt hiền từ quì xuống, để đón hoàng hậu lên bành mà không cần người quản tượng ra lệnh. Thấy sự lạ, sử quan vội chép việc này vào thực lục.

Con voi to lớn là thế mà bước đi êm nhẹ, khiến hoàng hậu phải thốt lên:

- Kỳ lạ thật!. Đoàn nàng quay sang hỏi nhà vua:

- Tâu bệ hạ, voi trắng là loài chưa từng thấy có ở Đại Việt. Chẳng hay ở vùng nào trong quốc vương của bệ hạ có nhiều loại voi quý này?.

- Theo như chỗ ta được biết, ngay trên mảnh đất hoàng hậu đi đây, chéch về phía tây dãy núi xanh xa kia, dưới thung lũng, voi sống từng bầy. người ta săn voi, bẫy voi đem về thuần hóa làm vật nuôi trong nhà.

Hoàng hậu tỏ vẻ ngạc nhiên, một con vật to lớn dường này mà có thể bẫy nuôi một cách dễ dàng như nhà vua nói:

Như hiểu được điều hoàng hậu suy nghĩ, đức vua nói thêm:

- Đóa Bạch trà kiều diễm của ta ơi, bởi nàng chưa từng thấy các điều ta nói. Thực ra, việc thuần hóa loài voi

non, là công việc người ta trao cho bọn con nít. Ngay cả việc săn voi bầy, tuy có nguy hiểm, nhưng lại là việc thích thú thường ngày của các phường thợ săn. Thế nào rồi ta cũng phải cho nàng dự một cuộc săn voi. Xa một chút về các buôn làng kia - Chế Mân chỉ về phía ven biển nơi nhấp nhô các rừng dừa, người ta còn dùng voi làm mọi việc như cày đất trồng lúa. Chuyên chở dừa, cau về nhà. Voi dùng vào các việc nặng nhọc như kéo gỗ. Một con voi làm việc gấp năm chục người khỏe mạnh.

Nghe nhà vua nói, Huyền Trân hết từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Điều ngạc nhiên hơn cả là tại sao nhà vua biết được nhiều điều trong cuộc sống dân dã.

Gần trưa thì viên quan hướng đạo xin nhà vua và hoàng hậu xuống voi, đi kiệu để vào xem một cái đầm hoang trong thung lũng kế đó. Vạch lá xuyên rừng chừng ba dặm đường, tới một đầm nước, mà từ xa đã nghe rõ tiếng ồn ào của các loài chim. Càng đến gần, tiếng ồn càng lớn, và không phân biệt được tiếng của loài nào nữa. Chừng non trăm bước thì mọi người dừng lại, và trước mặt hiện ra cơ man nào là chim. Chúng bơi, chúng tắm, chúng đùa giỡn đen đặc mặt nước đầm. Chúng đậu kín cành cây quanh nước. Chúng bay nhẩy trên bãi trống ven đầm. Cái đầm mà theo ước lượng của Huyền Trân, cũng rộng bằng hồ Dâm Đàm của Thăng Long, vì nàng trông sang bờ bên kia đười ươi cả tầm mắt. Thôi thì đủ các giống chim. Các loài quen thuộc thường thấy theo mùa bên Đại Việt như giang, le, sếu, thiên nga... Hoặ các loài thường thấy quanh năm như chim sâu, chim thước, chào mào, liều điếu, vít chèo, sáo, vịt, yêng... tất cả đều thấy ở đây. Còn nhiều loại mà Huyền Trân mới chỉ nghe nhữ mẩu kể hoặ đọc trong các sách của phương bắc, ở đây đều thấy cả. Nàng có cảm giác như nơi đây chính là vương quốc của loài chim.

Nắng lấp lóa làm cho những bộ cánh của đàn công đang múa thêm rực rỡ. Thăng Long cũng có công nhốt trong lồng lớn nơi vườn ngự, nhưng Huyền Trân chưa từng được xem công múa bao giờ. Họa hoằn lắm mới thấy con công đực khoe bộ cánh; cong chòm lông đuôi xòe ra như một chiếc quạt quanh con mái. Song ở đây thì vô số kể, cứ từng đôi từng đôi quay cuồng. Chao ôi, không có một vũ nữ nào trên thế gian có được bộ áo đẹp như loài công. Bỗng nàng quay ra hỏi nhà vua:

- Tàu bệ hạ. Những con chim mỏ đỏ, chân dài, mình nửa đen nửa trắng đang múa gần đàn công kia là chim gì, thiếp thấy quen quá mà không thể nhớ ra.

Chế Mân nhìn hoàng hậu cười âu yếm:

- Đó là nàng quen chúng ở trong các sách của Trung Hoa. Nó chính là loài hạc đấy. Loài ấy ở đất phương nam này cũng hiếm. Trẫm đã ra lệnh cấm các phường săn không được tới khu này.

Một lúc sau quen mắt, Huyền Trân mới phân biệt các loài chim từ nơi sắc lông của chúng. Trên ngọn những cây cao, đại bàng đậu chen chúc. Đây kia trên chóp đỉnh rừng, một đôi đại bàng đang lượn lơ tìm chỗ, cánh chúng che

rợp cả một vùng trời. Lại có những con chim nhỏ xíu, sắc lông đỏ rực như lửa. Có loại có tua, ngù nom như các vị tướng cổ xưa. Có loại vằn, đốm đủ sắc màu. Nàng ngắm nghĩ, đây không chỉ là thế giới của sắc màu nữa. Có lẽ những màu vẻ rực rỡ hay êm dịu của các loài chim kia, được tạo ra từ sắc nắng. Bởi nắng ở đất phương nam này sao mà âm áp, dịu mát vì lúc nào cũng có gió lùa theo. Mà màu nắng mới óng đẹp làm sao. Chợt nàng hỏi nhà vua:

- Tâu bệ hạ, vương quốc của bệ hạ quanh năm nắng đẹp như thế này?.

Chế Mân cười, dường như ông chế giễu sự ngây thơ của hoàng hậu:

- Đóa Bạch trà của ta ơi. Cũng có những ngày mưa đấy. Nhưng đúng ra là quanh năm âm áp, bốn mùa không có sương tuyết. Mùa nào cũng có trái chín. Rừng cây không bao giờ thay sắc lá, và lúa thì một năm có tới hai, ba vụ gặt.

Nghe nói một năm hai, ba vụ gặt, Huyền Trân sực nhớ đến một giống lúa mà thượng hoàng đem từ Chiêm về, người tạm đặt cho nó cái tên: “lúa Chiêm”. Nàng đáp:

- Vương quốc của bệ hạ vừa đẹp, vừa giàu.

- Nhưng vương quốc của ta không có được một người đẹp như nàng.

Hoàng hậu bẽn lẽn cúi nhìn những con chim non, thảng lại rơi “bộp” từ trên cây xuống như một trái chín.

Cuộc viếng thăm các cảnh đẹp cứ diễn ra ngày lại ngày trên suốt chặng hành trình.

Có một lần, người ta dẫn nhà vua và hoàng hậu tới thăm một khu rừng trầm. xa hàng dặm đường đã thấy mùi thơm ngan ngát, ấy là do những người tìm trầm, đốt rác trầm để xua tan khí lạnh rừng sâu. Thấy nhà vua đến, họ đem trầm tốt dâng vua. Hoàng hậu hỏi một người thợ tìm trầm:

- Bằng cách nào các người lấy được trầm này?. Vừa hỏi, hoàng hậu vừa chỉ vào khúc trầm đen nhúc mà người thợ trầm vừa tiến vua.

- Thừa hoàng hậu xinh đẹp, lũ dân khốn khó của người lấy trầm trong ruột loài cây có chất dầu thơm. Như cây này chẳng hạn. Họ chỉ vào một cây không lớn lắm, nhưng xù xì, khô khốc, tưởng như nó đã mọc ở đây tới cả ngàn năm.

- Cây đốn hạ xuống, ủ cho nó tự mục trong ruột vài năm - Người thợ tìm trầm vẫn tiếp tục nói. - Rác mục, còn tro lại lõi trầm. Thả xuống nước mà chìm, thì gọi là trầm hương.

Vừa nói, người thợ vừa bẻ khúc trầm thả xuống dòng suối trong suốt đấy. Khúc trầm chìm ngấm.

- Thả xuống nước nửa nổi nửa chìm thì gọi là sạn hương. Vì nó không kết thành một chất mà còn xen rác lẫn vào.

Nghe người thợ tìm trầm nói, trong lòng nhà vua thấy nao nao một nỗi buồn. Ông nhìn sát gương mặt chất phác kia, và thấy như mình có lỗi với họ. Mai đây khi miền đất này trả về Đại Việt, họ sẽ làm ăn sinh sống ở đâu? Chẳng lẽ những đàn chim, những thung voi, rừng trầm này lại không còn ở trong vương quốc ta trị vì nữa sao? Chao ôi, cái



thứ trầm hương kia người Ấn Độ, người Ba Tư phải mua nó với giá cứ một cân trầm đổi lấy một cân vàng. Champa của ta được các nước kính trọng vì giàu có. Nay không còn những thứ để trở nên giàu có, liệu có còn ai đoái tưởng đến vương quốc của ta nữa không? Chẳng lẽ đổ vào cuộc hôn nhân của ta phải mất đứt đi một phần non sông cẩm tú? Hậu thế sẽ bằng vào đây mà cho ta là một kẻ si tình. Có lẽ việc này ta phải xem xét lại. Chế Mân đang mang trong lòng một nỗi sầu thiên cổ.

Khác với Chế Mân, Huyền Trân nghĩ: Đất Ô-Lý giàu đẹp, quả như người ta đồn đại. Thảo nào mà người Chăm cổ nín giữ không chịu trả về cho Đại Việt. Hơn nữa, một ngàn năm người Chăm chiếm cứ, biết bao xương máu của các chiến sĩ Đại Việt đã đổ trên mảnh đất này. Ta vào Chiêm với sứ mệnh đem đất này về lại cho tổ tiên, dòng giống. Ta vào Chiêm với sứ mệnh chấm dứt tranh chiến, can qua. Ôi, nếu đạt được điều này thì tám thân liễu yếu đào tơ của ta có sá gì. Mong sao hậu thế đừng làm sứ mệnh của ta, mà coi ta như một Hán Chiêu quân!

Tới một buổi khác, quan hướng đạo lại dẫn nhà vua và hoàng hậu lên đỉnh ngọn núi cao, mà ở đó thuần là rừng thông. Những cây thông cao, to sừng sững đứng giữa trời, nom cứ như là những người anh hùng hiên ngang trấn trị một vùng. Hoàng hậu Paramesvari tung tăng như một con thỏ. Nàng trèo lên đỉnh cao nhất trong dải rừng thông trùng điệp, và nhận ra dải rừng vòng theo hình cánh cung, như một tấm bình phong khổng lồ che chắn cho cả một thung lũng bao la ở phía chân đồi. Rõ ràng không một nơi nào trong vùng đất hai châu có địa thế đẹp như ở đây. Từ đây có thể nhìn thấy những chân trời xa khoáng đãng tí tắp ngoài biển khơi, Nhưng đẹp nhất theo hoàng hậu, vẫn là dòng sông. Dòng sông như một dải lụa xanh bất tận, chia thung lũng làm hai phần, Rực rỡ nhất là hai bờ, hoa lóm đóm đủ màu, nom có vẻ như hai bờ của một dải sông ngân. Hoàng hậu xin với nhà vua cho mình được đi ngược dòng sông. Điềm bắt đầu từ chỗ ngã ba phía xuôi ra biển kia, và cứ thế đi ngược lên tới tận nguồn. Ý muốn của hoàng hậu được thỏa mãn ngay tức khắc. Đoàn thuyền chầm chậm đi ngược dòng sông nước xanh màu da trời trong suốt đáy. Cá từng đàn nhớn như đớp nấng, nước lặng lẽ, khiến người ta có cảm giác dòng sông này không có thủy ché. Lúc đứng trên đỉnh chóp rừng nhìn xuống, hoàng hậu ngỡ rằng đôi bờ của dải sông kia, chỉ có một khúc có hoa. Nhưng hoàng hậu cũng ngỡ dọc theo triền sông từ hạ lưu đến thượng nguồn, tất cả đều là hoa thơm. Bất chợt hoàng hậu hỏi nhà vua:

- Tâu bệ hạ, chẳng hay bệ hạ đã có một lần đi trên dòng sông này chưa?

- Chính nàng đem lại cho ta hạnh phúc đó, đóa Bạch trà kiều diễm của ta. Có đôi lần ta qua lại dòng sông này, nhưng chỉ sang ngang. Và những đám hoa mọc kia, ta xem chúng như một loài hoa dại chẳng có gì đáng lưu tâm. Ngược lại bây giờ...

- Thưa bệ hạ, thiếp chưa hề được thấy một dòng sông nào kỳ lạ như dòng sông này. Chẳng hiểu sao ngay từ dưới hạ lưu ngược lên, thiếp đã thấy thi thoảng một mùi hương. Càng đi, mùi hương càng đậm đặc. Thiếp ngỡ rằng dòng

sông có hòa trộn với một nguồn nước thơm nào, từ đâu đó chảy ra. Đã có đôi lần thiếp vốc nước lên để ném, để ngửi. Song nhạt nhẽo như nước của mọi dòng suối, dòng sông khác.

- Đây, bệ hạ cứ hít hà trong gió thoảng mà xem. Đúng là trong hương thơm có vương cả mùi mật ngọt...

Càng ngược lên thượng nguồn, dòng sông càng hẹp dần, nhưng hương thơm đặc sánh, tới mức mọi người đều có ý ngỡ ngàng: con thuyền đang đi trên một dòng mật ngọt giữa hai bờ hoa thơm. Không ai có thể đếm hết được các loài hoa, cũng như không thể biết hết tên gọi các màu hoa. Trên hai bờ không chỉ có hoa dại thân mềm mọc cao hơn mặt đất dăm bảy gang tay, mà còn có cả rừng hoa với những cây gỗ thân cao to tới mấy người Càng lên sát thượng nguồn, càng nghe rõ tiếng rì rào của bướm, của ong. Đôi lúc có những đàn bướm bay rợp dòng sông, khiến người trên thuyền ngỡ rằng một lớp xoáy vừa ập đến, đã bốc cả ngàn hoa ném lên không trung.

Khi bắt gặp những hòn đá mờ côi to như những đồng rạ nằm chắn ngang dòng nước, cũng là lúc viên quan hướng đạo cố rướn thuyền của mình lên cho kịp với thuyền ngự. Một thoáng ngẩn ngừ, Huyền Trân hỏi nhà vua:

- Tâu bệ hạ, dòng sông này tên gọi là gì?

Nhà vua như sực tỉnh, chính ông cũng không biết tên con sông này là gì. Quốc vương bèn quay sang hỏi viên hàn lâm phụng chỉ và viên ngự sử. Họ cũng không biết gì hơn nhà vua. Với vẻ thanh thản và bằng một thứ giọng trầm sâu, nhà vua nói:

- Cái gì rồi cũng phải có tên gọi, Gọi lâu thành quen. Nay qua chơi một dòng sông đẹp, ta chắc hoàng hậu hài lòng. Và chẳng miền đất này nay mai ta sẽ giao trả về Đại Việt. Nên chẳng hoàng hậu đặt cho nó một cái tên, để lưu dấu chút tình.

Chế Mân trầm nghĩ: “Dòng sông máu thịt của ta ơi. Từ nay người sẽ đi vào tâm trí ta như một DÒNG SÔNG NỖI NHỚ”.

Huyền Trân chưa dự liệu cho tình huống này. Song nàng tự nghĩ: Cứ như bên Đại Việt ta, theo hình thù của vật mà đặt tên. Dòng sông lớn nhất Đại Việt có màu nước lúc nào cũng ngầu đỏ, người ta gọi nó là “Sông Hồng”. Còn quãng chảy qua Thăng Long, dòng sông chia làm hai nhánh, lại có tên: “Nhị Hà”. Ôi, miền đất hai châu, sao lắm thứ quý, lạ. Yên sào, voi trắng, trầm hương, với biết bao nhiêu thứ sản vật dị thường. Đến dòng sông cũng khác lạ. Những sản vật này, núi sông thành quách này, và những con dân thuần hậu này, sẽ làm cho non sông Đại Việt ta trở nên cảm tú, hùng cường.

Sực nhớ việc đặt tên cho dòng sông. Huyền Trân nhảm tính: “Còn dòng sông này vừa có hoa đẹp, vừa có hương thơm...”. Buột miệng nàng nói luôn:

- Đợi on bệ hạ, cho thiếp được vinh hạnh này. Vậy thiếp xin đặt cho nó cái tên đúng như nó có : SÔNG

HƯƠNG.

# Chương XXIV

Kinh đô Chà Bàn náo động hẳn lên bởi cái tin nhà vua và công chúa Đại Việt sắp trở về. Khắp kinh thành chẳng đèn, kết hoa, sửa sang đường phố. Đội kỵ binh, đội tượng binh và nhất là đội thủy binh đang lo sửa sang cờ xí, luyện tập quân sĩ để đón rước nhà vua.

Nghe đồn quan Thiên phủ (chức quan coi về kho tàng của Nhà nước) sắp được lệnh mở kho chẵn cấp cho dân chúng Chà Bàn. Và từ các đài, sảnh, viện, đô, vệ, sở... tới thứ dân đều được nghỉ ba ngày để đô thành vào hội. Cũng mấy bữa nay bên dinh quan Bố-đề khách khứa ra vào nườm nượp. Vị tể phân vừa dự vào hàng bá phụ của nhà vua, vừa là quan đầu triều, nên có nhiều người vị nể, chạy chọt. Nhưng sao sắc mặt quan tể tướng lại gờn gợn điều gì như là một sự lo âu, căng thẳng. Ngài cũng hay lui tới bên sứ đoàn nhà Nguyên. Có khi cuộc thù tạc giữa ông với viên chánh sứ kéo dài tới cả khuya. Trái với quan tể tướng, bọn sứ thần này lúc nào mặt cũng vênh vênh vào vào ra điều đắc chí lắm.

Bỗng một tin như sét đánh đến tai hoàng hậu Tapasi, rằng đức vua đã tấn phong công chúa Đại Việt tước vị hoàng hậu, ngay từ lúc mới gặp nhau ở địa giới nước Champa. Bà đau khổ đến nhưc nhối, không biết chia sẻ cùng ai, cũng không biết bầu víu vào ai. Bà úp mặt xuống gối khóc tức tưởi suốt một ngày. Đêm xuống, bà thao thức nghĩ kế thoát thân. Công chúa Đại Việt lên ngôi hoàng hậu, hẳn là bà phải bị giáng xuống hàng phi tần. Mà nếu con yêu tinh ấy nó chưa hài lòng, thì bà lại bị đẩy vào lãnh cung, còn hoàng thái tử ắt bị hại. Chao ôi, số phận sao mà trở trêu. Muôn trùng cách trở, phụ vương và mẫu hậu có thấu cho con nỗi niềm này chăng?

Đang lúc hoàng hậu than thân trách phận, thì có tiếng nhạc rung ở ngoài thềm. Bà biết đó là hiệu lệnh của quan Bố-đề. Ông bước thẳng vào dinh hoàng hậu mà không cần báo trước. Hoàng hậu vừa ló vào sảnh đường đã thấy ông ngồi chễm chệ trên kỷ. Ông liếc nhìn hoàng hậu với cái nhìn dò xét. Nét lo âu khiến cho đôi má hoàng hậu chảy xệ xuống. Nước da nâu không được trang điểm tái tím nhợt nhạt. Quan Bố-đề hiểu rằng hoàng hậu cũng đã biết tin. Ông hỏi phủ đầu:

- Vậy chớ hoàng hậu định liệu thế nào?. Câu hỏi gieo cho hoàng hậu một nỗi hoang mang, bà không biết nên trả lời thế nào cho phải. Lưỡng lự một lát bà nói:

- Thưa đức ông, số phận mẹ con tôi do hoàng đế định đoạt. Tôi cũng không biết mình phải làm gì. Chỉ thương hoàng tử còn trong độ tuổi vị thành niên. Đức ông là rường cột của triều đình, lại là bậc thượng phụ của hoàng tử, chắc đức ông mang tới đây lời răn dạy chí tình.

- Ta không thiếu những lời khuyên, chỉ sợ hoàng hậu không có gan làm những việc cần làm vào đúng lúc. Nói xong, ông ta giả vờ mân mê bộ ria mép, kỳ thực ông ta liếc nhìn xem sắc diện của hoàng hậu, để dò tìm nội tâm bà mà lựa lời cho thích hợp. Đoạn ông ta nói rất thông thả, cân nhắc từng âm. Đôi chỗ ông ta nhấn mạnh và rít lên nghe buốt nhói như mũi kim châm.

- Thiên vô nhị nhật, quốc vô nhị vương. - Để tăng thêm phần bí hiểm của câu chuyện, quan Bô-đề trích dẫn một câu nói của người Trung Hoa, ông mới học lõm đờc của vị sứ giả nhà Nguyên. Hoàng hậu không hiểu nghĩa câu ông ta nói, lòng dạ bà càng rối bời. Ông giảng giải:

- Các thánh nhân Trung Hoa nói thế, có nghĩa rằng: Trời không thể có hai mặt trời, cũng như một nước không thể có hai vua. Đã không có hai vua, cũng chẳng làm gì có hai hoàng hậu. Vậy thì một trong hai người không còn là hoàng hậu nữa. Chẳng nhẽ nhà vua lại phế truất người mà ngài vừa tấn phong? Sự thể đã rõ ràng. Xin hoàng hậu tự liệu.

Như một liều thuốc độc cứ ngấm dần vào cơ thể, khiến hoàng hậu Tapasi bần rùn cả người.

Làm ra vẻ hệ trọng, hoặc giả sợ có kẻ rình mò, do thám, quan Bô-đề ghé tai hoàng hậu thì thầm. Chẳng biết ngài nói gì, chỉ biết mặt hoàng hậu xanh xám lại, mồ hôi hột vã ra, mặt đờ đẫn, đầu gật lia lịa như người mất hết cả hồn vía.

Trong khi ở Chà Bàn, người ta đặt điều nói xấu nhà vua, người ta tìm cách hãm hại ông và ‘đóa Bạch trà kiều diễm’ của ông, thì Chế Mân vẫn thản nhiên hưởng tuần trăng mật với Huyền Trân, và vẫn cứ ung dung rong ruổi.

Như linh cảm thấy điều chẳng lành có thể xảy ra, nên sau khi đã đi hết phần đất hai châu Ô-Lý, hòa thượng Thích Minh Thái nói với Huyền Trân khuyên nhà vua đi đường thủy về Chà Bàn cho chóng. Ông cũng khuyên Huyền Trân giục khéo nhà vua chỉ dụ cho các viên an phủ sứ và phòng ngự sứ ở hai châu, sớm giao lại vùng đất này cho các quan chức Đại Việt để tránh những sự rắc rối về sau.

Nhân lúc cả đoàn thuyền vào trú giông trong vịnh biển, tình cờ hai chiếc thuyền của hòa thượng Du Già và hòa thượng Minh Thái ghé sát nhau, thế là hòa thượng Du Già bèn sang đàm đạo với vị hòa thượng Đại Việt mà ông hằng ngưỡng mộ.

Nhà sư Du Già, mặc dù đã nhiều lần được tiếp xúc với Trúc Lâm đại sĩ (pháp hiệu của Trần Nhân tôn) , nhưng ông vẫn không ngừng tìm hiểu về trường phái này. Ông hỏi hòa thượng Minh Thái:

- Chúng tôi và quý quốc đều theo một đạo, cùng trong một trường phái. Nhưng sao đạo ở quý quốc ngày một phát khởi, mà ở nước chúng tôi cứ ngày một thu hẹp.

Ngừng một lát, ông lại tiếp, giọng ông ôn nhuần nhưng hơi buồn:

- Cách đây bốn, năm trăm năm, Phật giáo ở nước chúng tôi là một đại đạo độc tôn, là quốc đạo. Mọi người đều thờ Phật. Cung điện nhà vua và chùa thờ Phật cùng xây trên một doi đất. Nhà vua sùng kính đạo Phật, coi trọng tăng, ni. Các chính sách của nhà vua trước khi ban bố đều xin ý chỉ của hòa thượng quốc sư. Vua In-dra-vac-man II đã lấy tên hiệu Phật làm miếu hiệu của mình: Paramabuddhaloka. Vậy mà đến ngày nay đạo Bà-la-môn lên ngôi thống trị. Còn đạo Hồi cũng đang len lỏi tìm vào.

( Indravaman II trị vì khoảng từ 875-890, ý nhà sư Du Già muốn nói đến Vương triều Đồng Dương từ giữa thế kỷ thứ 9 tới thế kỷ thứ 10 - có thể coi như đây là một vương triều Phật giáo)

Hòa thượng Minh Thái không trả lời vào điều mà hòa thượng Du Già than vãn, tiếc nuối, ông chỉ nói lên nỗi băn khoăn của mình:

- Bạch hòa thượng, tiểu tăng nhiều khi không lý giải nổi, tại sao đạo Phật lại không phát triển được mạnh mẽ như đạo Bà-la-môn ngay trên quê hương của đức Phật? Phải chăng vì đạo Phật quá thâm sâu, ít người lãnh hội được? Phải chăng vì đạo Phật đã là một chân lý vĩnh hằng và quá lớn rộng, nên không cần bảo vệ, cũng không cần tranh cạnh với các đạo khác.

- Cao kiến của hòa thượng thật là diệu lý. Giáo lý của Phật không phải là để thôn tính các giáo phái khác, dành cho mình địa vị độc tôn trên toàn cõi nhân thế này. Phật chỉ mong cho chúng sinh thôi thù hận nhau, để biết thương yêu nhau, giúp đỡ nhau. Sao cho tất cả đều được sống trong hạnh phúc.

Hòa thượng Du Già vừa ngừng lời thì hòa thượng Minh Thái tiếp ngay:

- Cách làm cho mình có hạnh phúc là phải trước hết chăm lo hạnh phúc của người khác. Ban nãy hòa thượng có hỏi tại sao đạo Phật bên nước chúng tôi khởi sắc được. Ấy là bởi các đấng trị vì của chúng tôi, từ trước tới nay đều là các bậc đại trí cả. Trước khi đạo Phật vào, nước chúng tôi có hai đạo của Trung Hoa tràn sang. Ấy là đạo Giáo của Lão Tử, đạo Nho của Khổng Tử. Nước chúng tôi không có sự tranh chiến trong các dòng đạo, mà lọc lấy cái tốt của mỗi đạo, rồi dung hòa với nền văn hóa dân tộc làm phương tiện giáo hóa cho trăm họ. Chúng tôi nhờ đạo Phật để khai mở cái tâm cho con người hướng họ vào cõi thiện. Đạo Khổng dùng để khai trí. Đạo Giáo để rèn đức. Ấy là cái đức của thiên nhiên, vũ trụ hòa đồng trong cuộc sống con người. Sở dĩ chúng tôi phải khai phóng cho con người trước hết có cái tâm thiện, là bởi nếu trí tuệ sung mãn mà trước vẻ đẹp của thiên nhiên con người không xúc cảm được, hoặc thờ ơ với nỗi đau của đồng loại, tức là dấu hiệu báo trước cho một xã hội cần cỗi, và rồi cái ác sẽ lên ngôi thống trị. Hòa thượng biết đấy, nước chúng tôi ba lần đánh thắng quân Nguyên. Nhưng chưa một lần nào vô cơ cất quân vào cõi người khác. Ngay việc với quý quốc đây, các vua của chúng tôi cũng xử sự như những người có Phật tính cao. Không thiếu gì các tướng lĩnh đòi nam chinh để thu hồi miền đất cũ. Tuy chiến tranh đã kết thúc hai

chục năm, nhưng thượng hoàng chúng tôi vẫn ngăn không cho ai làm cuộc chiến. Nếu nói rằng sợ phương bắc đe dọa, thì từ năm Quý tỵ( 1293) , Thế tổ nhà Nguyên băng, Thành tôn lên ngôi, xét mình không đủ lực đã xuống chiếu bãi bỏ việc tiến quân (Về việc này, Đại Việt sử ký toàn thư chép (Sự việc xảy ra năm Quý tị 1293). Nhà Nguyên sai Binh bộ thượng thư là Lương Tăng sang dụ vua vào châu. Vua chối từ đang có bệnh, sai Đào Tử Kỳ đem sản vật địa phương sang biểu. Nhà Nguyên giữ Tử Kỳ ở Giang Lăng, lập ra An Nam hành sảnh, lấy bọn binh chương sự Lưu Nhật Bạt đô cầm binh đóng ở Tĩnh Giang, đợi tiến đánh. Tháng giêng năm sau Nguyên thế tổ băng. Thành tôn lên ngôi, xuống chiếu bãi việc tiến quân, thả cho Tử Kỳ về nước) . Đó là thời cơ để Đại Việt trở về phương nam đòi đất. Nhưng liền đó thượng hoàng Nhân tôn lại xuất gia. Người lên Yên Tử để lập trường phái Trúc Lâm như hòa thượng đã biết. Và ngài cấm ngặt triều đình không được gây sự với bất cứ nước láng giềng nào. Hòa thượng Minh Thái ngừng lời như để thăm dò ý tứ.

Hòa thượng Du Già lấy làm hài lòng với những kiến giải về đạo Phật, và thiện chí của Đại Việt đối với Champa, ông nói:

- Những người thức giả và cả quốc vương chúng tôi, hết thấy đều thấy được điều hòa thượng nói. Không, chúng tôi không nghi ngờ gì lòng khoan dung đại độ của Trúc Lâm đại sĩ. Còn miền đất Ô-Lý có đưa về Đại Việt, thật ra cũng là hợp lẽ. Đó là đất Việt Thường xưa, người Champa lập quốc chiếm lấy, nay trả về cho Đại Việt, coi như vật hoàn cố chủ. Tôi vô cùng kính phục Trúc Lâm đại sĩ, vì người có bốn tâm chí thiện, người muốn loại trừ tận gốc nạn binh lửa cho con dân hai nước, nên mới có cuộc lương duyên này. Tôi đã hiệp tâm cùng với Đại sĩ và quốc vương tôi hoàn tất chủ trương, nhưng bị nhiều thế lực cản phá, thành thử công việc trễ tới ngày nay.

- Dù sao thì cũng đã dẫn tới kết cục đáng mừng. Hòa thượng Minh Thái nói. - Có một điều tiểu tăng rất băn khoăn, xin lưu tâm hòa thượng. Tức là các thế lực kinh chống con đường hòa hiếu của hai nước, do những người có thiện tâm xây đắp; sự kinh chống đó ngày càng quyết liệt chứ không hề giảm thiểu. Muốn gìn giữ được hòa bình lâu dài, có hai yếu nhân quan trọng nhất cần phải được bảo vệ. Xin hòa thượng hết sức lưu tâm. Đó là quốc vương Yaya Sinhavarman và hoàng hậu Paramecvari. Tôi chắc sẽ có sự xúc xiểm làm cho hoàng hậu Tapasi nổi máu ghen tuông. Sự rạn nứt sẽ từ đó mà ra. Kẻ thù có thể tìm cách ám hại cả quốc vương rồi đổ lỗi cho việc ghen tuông. Hoặc chúng vu cáo cho hoàng hậu Paramecvari, rồi lấy cớ làm hại bà. Tôi lưu ý rằng, nếu không có kẻ sách bảo vệ hữu hiệu hai người đó, công cuộc hòa bình coi như sụp đổ. Cho nên hòa thượng cùng quốc vương phải đề phòng chặt chẽ, giống như người xưa nói: Binh định thiên hạ, phải bắt tay từ khi chưa sinh ra mầm loạn.

Nhân đây tôi cũng xin nói thêm để hòa thượng lựa lời khuyên quốc vương rằng, trong việc giao trả vùng đất Ô-Lý về cho Đại Việt, hiện thời quốc vương vẫn đang còn phân tâm.

Hòa thượng Du Già giật mình kinh sợ về những điều mà hòa thượng Minh Thái vừa nói. Ông tư nghĩ: Người này thông tuệ hơn ta nhiều lắm. Mưu lược như thần. Ta cũng đã tính đến sự kinh chống của bọn Bô-đê và lũ sứ thần nhà Nguyên cùng tay chân của hoàng hậu Tapasi. Nhưng đến khi ông ta nói đức vua đang phân tâm trong việc giao trả Đại Việt đất Ô-Lý, đủ tỏ ông ta là người siêu việt, biết tận tâm gan của kẻ khác. Ông ta chỉ là một nhà sư trong chốn thảo am mà hiểu thế sự, hiểu nhân tình thế thái làm vậy. Đại Việt quả là nước có nhiều anh tài. Hèn gì mà bọn người Tống, người Nguyên không thua. Đúng là mới hôm trước, đức vua có ý thương đám lê dân vùng Ô-Lý, lại tỏ ra luyến tiếc một vùng non sông gấm vóc. Ta cho chuyện đó là lẽ thường của một người có tấm lòng yêu nước, thương dân. Nếu như đức vua lại không màng gì tới miền đất đã gắn bó với quốc gia mình tới cả ngàn năm, thì mới là chuyện lạ. Song ta cũng đã khuyên nhà vua không nên đổi ý. Vì thế nước, tất không thể tham được. Phải biết tiến lui cho hợp với thời thế và sức lực của mình; nếu không, sẽ đem đặt vận mệnh quốc gia lên chiếu bạc. Quốc vương cũng đã bình tâm, chấp thuận... Ngược nhìn hòa thượng Minh Thái, nhà sư Du Già thầm đánh giá: "Nhà ông hòa thượng này, tuy là một người sắc sảo cao kiến, nhưng bản tâm chí thiện, nên khỏi lo đề phòng. Hợp tác với những con người như thế, ta thật yên tâm..."

Trong khi hai hòa thượng đàm đạo thì ở phía thuyền ngự, nhà vua và hoàng hậu cũng nhàn đàm thế sự. Đức vua vừa bằng trực cảm, vừa bằng tâm cảm, ngài nhìn thẳng vào khuôn mặt và đáy mắt của hoàng hậu, xem có tìm ra được một chút gì khiến ông phải băn khoăn. Tuyệt nhiên không một gợn nhỏ. Dường như hoàng hậu là hiện thân của sự trong trắng, tới mức nhà vua phải tự răn mình: "Với nàng - đóa Bạch trà kiều diễm này, nếu ta có thoáng chút nghi ngờ, ấy là lòng ta đang bệnh hoạn, đầu óc ta u tối". Bất chợt nhà vua quay nói với hoàng hậu:

- Đóa Bạch trà kiều diễm của ta, nàng làm ta vừa ngạc nhiên, vừa xúc động.

- Tâu bệ hạ, về điều gì cơ ạ? - Huyền Trân e ấp hỏi lại.

- Ta vẫn băn khoăn chưa hiểu, tại sao nàng nhảy vũ khúc hoan ca của Champa đẹp làm vậy? Ai đã dạy nàng? Tại sao nàng lại học điệu vũ đó? Và rồi cả tiếng Champa nữa, nàng thông thạo đến mức khiến ta nghi ngờ?.

Huyền Trân mỉm cười duyên dáng, nàng nhìn vào đáy mắt Chế Mân, thông thả nói:

- Hoàng thượng đa nghi quá. Nếu thiếp không yêu tha thiết nước Champa của hoàng thượng, thiếp quan tâm làm gì đến nền vũ nhạc Champa? Không phải thiếp chỉ biết có vũ khúc tamane hrung, mà thiếp còn biết nhiều vũ điệu khác nữa. Hoàng thượng muốn biết ai đã dạy thiếp ư? Đó là một người Chăm: bà Trà Hoa Tuyết.

Huyền Trân vừa nói đến vũ nữ Trà Hoa Tuyết, nhà vua giật thót mình như chạm vào lửa. Sắc mặt nhà vua tái đi rồi đỏ bừng lên, ông nói:

- Ngay buổi đầu gặp nàng trong điệu vũ hoan ca, ta có cảm giác như đang nhảy với thần linh. Ta chưa từng được



chứng kiến một người nào nhảy nhẹ nhàng với cốt cách thân tiên như nàng. Đến nỗi, ta cảm như kiếp trước nàng là một vũ sư của Chiêm quốc, nay đầu thai nhầm cửa, nên lại tìm về Chiêm. Trà Hoa Tuyết - Người ta nói về bà như nói về một huyền thoại. Bà là vũ nữ dưới triều đại của ông ngoại ta. Bà bị bắt về Thăng Long, nhưng có nỗi hận lòng gì đó nên bà không muốn trở lại đất Champa. Hóa ra bà vẫn đang còn sống? Vậy là bà đã gửi được hồn mình vào trong các vũ điệu của nàng về cho cố quốc. Ngừng một lát, như để cho niềm xúc động vui ngùi dần, Chế Mân lại hỏi:

- Thế còn tiếng Champa, ai đã bày cho nàng học?.

Huyền Trân thật sự phân vân, không biết việc mình học được tiếng Chăm, có gì phiền phức cho vị chúa Chiêm này không. Nàng nói:

- Tâu bệ hạ, chẳng hay thiếp biết được tiếng nói quê chồng, điều đó có làm bệ hạ vui buồn? Người bắt thiếp phải học tiếng Chăm, học các lễ nghi và vũ nhạc Chăm chính là phụ vương của thiếp. Còn người dạy thiếp không ai khác ngoài Tá thánh thái sư thượng tướng quân Trần Nhật Duật. Đó là bậc thượng phụ của thiếp. Thái sư biết nhiều tiếng nước ngoài, lâu thông cả phong tục tập quán của họ nữa. Học tiếng Chăm, cũng còn là sở nguyện của thiếp. Bởi lẽ thiếp không thể sống với bệ hạ bằng tâm trạng của một người xa lạ, lúc nào cũng có mặc cảm mình như một kẻ vừa điếc vừa câm?

Chế Mân nắm lấy tay hoàng hậu, bằng cử chỉ truyền cảm tâm linh, nhà vua muốn nói với hoàng hậu rằng ngài không có gợn một chút hoài nghi nào cả. Một lúc sau ông nói:

- Đóa Bạch trà kiều diễm của ta ơi, việc nàng biết nói tiếng Champa, biết cả nền văn hóa Champa, không những làm ta xúc động, mà còn kinh ngạc nữa. Điều đó làm ta sung sướng bội phần, chớ có gì mà hậu nói ta đa nghi. Bởi từ trước ta vẫn có mặc cảm, mấy nước lớn thường coi khinh nước nhỏ. Đã có mấy nhà quyền quý của xứ này lấy vợ Trung Hoa. Nhưng suốt cuộc đời sống nơi quê chồng, họ vẫn giữ kiêu cách Trung Hoa từ ăn đến mặc. Tới lúc họ hiểu và nói được tiếng Champa, họ cũng không thêm nói. Ta hận điều đó lắm. Chỉ sợ nàng cũng đem kiêu cách nước lớn áp đặt cho ta. May sao, phụ hoàng là người trí tuệ, ngài lo liệu cho nàng như vậy, khiến ta không bao giờ có thể quên được tấm lòng từ bi hỉ xả của người. Thề suốt cuộc đời ta, và cả cháu con ta sau này, sẽ mãi mãi giữ tình hòa hiếu cốt nhục với Đại Việt. Nàng hãy tin ở ta, và gắng giúp rập ta cho sự nghiệp này được tỏ sáng.

Hoàng hậu không giấu nổi niềm xúc động trước tình cảm chân thực của nhà vua, nàng nói:

- Việc thiếp học tiếng Chăm và vũ nhạc Chăm, không phải không có người cản trở. Nhưng phụ hoàng đã răn dạy họ đến điều. Người nói: “Nhà Tống, nhà Nguyên ý mình là nước lớn, nên coi thiên hạ như cỏ rác. Vua chúa các nước, họ chỉ gọi là “quận vương”, còn họ tự xưng là “thiên tử”, với “thiên triều”. Các nước láng giềng họ gọi là

“phiên thuộc”. Dân các nước nhỏ họ gọi là “di”, “địch”, tức thuộc loài sâu bọ chó má. Sự kỳ thị lỗ lã đó, là một sự tự hạ giá nhân phẩm. Vậy ta có nên bắc chước, có nên học đòi kiểu cách nước lớn chăng? Đó là một sự dị hợm của bọn người thiên cận. Nước Trung Hoa văn hiến với trăm nhà, trăm phái, thiếu gì cái cao sâu huyền diệu ta có thể học được. Cho nên phải để công chúa học tiếng Chăm sao cho khi về quê chồng, con ta có thể hòa hợp ngay được với cộng đồng dân tộc - nơi con ta phải sống cả cuộc đời”. Đây, thiếp đã học tiếng nói của bệ hạ, với sự sáng suốt của vua cha, và tấm lòng thiếp kính yêu quê chồng.

Chế Mân vô cùng cảm kích, ông nói:

- Tấm lòng tri ân tri kỷ này của phụ vương và của nàng dành cho ta, biết lấy chi báo đáp. Ôi, cái bọn người Nguyên quỷ quái kia, hóa ra họ lại là kẻ thù chung của cả hai dân tộc.

- Chính thế, tâu bệ hạ. Phụ vương thiếp thường nói: Nếu các nước nhỏ yếu nằm ngoài Trung Hoa, không biết liên kết nhau lại làm nên sức mạnh, mà cứ để họ xui nguyên giặc bị, làm cho nhau bất hòa mà gây cuộc tranh chiến, thì thật là bất hạnh. Rốt cuộc, các nước sẽ suy yếu dần, làm mối cho họ thôn tính, họ đồng hóa. Bệ hạ cứ xem, người Trung Hoa khi lập quốc mới chỉ quần quanh trong lưu vực sông Hoàng Hà, bây giờ họ bành trướng lớn biết chừng nào. Ấy cũng là với quốc sách chia rẽ các quốc gia lân cận, rồi thôn tính. Thiếp chỉ mong sao thiện tâm của phụ vương thiếp, cùng cao kiến của bệ hạ, khiến cho hai dân tộc ta hợp quần lại cùng chống kẻ thù chung phương bắc. Điều quan yếu nhất trong kế sách, là phải làm sao cho người trong hai nước chúng ta đừng có nghi kỵ nhau. Nghi kỵ là đầu mối của mọi hiềm khích, là mầm mống của mọi đổ vỡ, xin bệ hạ lưu tâm.

Suốt chặng đường dài, hết đi bộ lại đi thuyền, qua các cuộc chuyện trò đàm đạo, nhà vua càng thấy yêu, thấy trọng Huyền Trân. Nàng là một đóa hoa hiếm thấy trên đời. Sắc đẹp nàng vừa lộng lẫy, vừa kín đáo. Nhưng đức hạnh và tài năng nàng mới là điều đáng nói.

Chế Mân tự nhủ: “Khấp vương quốc ta, không tìm đâu được một người con gái trí tuệ như nàng”. Nhà vua cứ triền miên suy tưởng về người vợ yêu của mình. Mặc dù có biết bao nhiêu người khuyên nhà vua, phải cẩn trọng lắm với người con gái Đại Việt này. Nhưng càng ngày nhà vua càng thấy những lời răn dạy của đám cận thần là thừa. Mười phần nhà vua đã thấy tin ở Huyền Trân tới tám, chín phần rồi.

Về phần Huyền Trân, nàng luôn nhớ lời căn dặn của vua cha: “Chân thực là tình cảm quý nhất của con người”.

Bỗng một phát pháo hiệu nổ vang, át cả tiếng sóng biển vỗ ào ào. Rồi một đoàn thuyền chiến đổ ra. Chiếc thuyền dẫn đầu treo cờ hiệu đô đốc. Mặt biển vang lên những giọng nói đồng thanh, như là biển nói lời cầu chúc: “Đức vua vạn tuế!”. “Hoàng hậu vạn tuế!”.

Đoàn thuyền chiến chia làm hai đội đi vòng phía sau hộ tống thuyền ngự tiến về Chà Bàn.

# Chương XXV

Hội mừng đức vua và hoàng hậu Paramecvari đã kết thúc gần một tuần trăng rằm, mà dư âm vẫn còn xôn xao bàn tán mãi. Đã từ lâu lắm rồi dân chúng Chà Bàn chưa bao giờ có được một cuộc vui bùng bột, hồn nhiên đến như vậy. Ngay cả hội đức vua làm lễ đăng quang kế vị cũng không được vui như thế. Hoặc giả ngày công chúa Chà Và, tức hoàng hậu Tapasi về làm dâu xứ Champa, cũng đâu có được không khí nô nức như thế này.

Lễ đăng quang, thật ra chỉ vui trong triều đình và phủ đệ của các quan đầu triều, vui trong hoàng gia, hoàng tộc thôi, chứ dân chúng có dự phần gì. Còn như lễ cưới công chúa Chà Và cũng không có gì đặc biệt. Bà tuy xinh đẹp, giàu sang nhưng nom bà cũng chẳng khác gì người Chăm, cũng nói tiếng Chăm, đi lễ đền tháp và hát múa như người Chăm. Nhưng với công chúa Huyền Trân tức hoàng hậu Paramecvari thì lại khác. Chỉ mới nghe đồn về sắc đẹp của nàng, cả kinh thành xôn xao. Còn hoàng hậu thì mắt ăn mắt ngủ, mặt võ mình gầy, lúc nào cũng rầu héo như nhà có tang. Ngoài ân sủng mà nhờ có nàng về Champa mới có lệnh này, như cả kinh thành được nhà vua chân cấp suốt ba ngày khánh hạ. Các án tù nhất loạt được ân giảm từ sáu tháng đến ba năm. Ngoài những thứ đó ra còn biết bao điều hấp dẫn khác mà những kẻ tò mò đồn đại, khiến mọi người háo hức đợi chờ.

Sau buổi các quan trong triều đến bái kiến hoàng hậu Paramecvari, thì tin đồn về hoàng hậu ngày một sôi nổi và người ta đã có những mẩu chuyện kể về bà. Nào là hoàng hậu có nước da trắng như bông. Miệng cười tươi như một đóa phù dung. Tóc dài và mềm mượt như một suối nước. Nào là hoàng hậu nói tiếng Chăm lịch lãm như một người Chăm cao quý. Nhưng phải đợi tới buổi hoàng hậu đứng ra điều hành cho cả ban vũ nhạc của Đại Việt, trình diễn trước công chúng Chà Bàn, thì tiếng tăm của hoàng hậu và đoàn tùy tùng Đại Việt mới nổi như cồn. Ngay việc trình diễn trước công chúng của đoàn Đại Việt cũng là một biệt lệ. Vì từ trước tới nay, chưa từng có chuyện công chúng được xem như vậy.

Hoàng hậu Paramecvari ra mắt công chúng Chà Bàn, với nguyên cốt cách của công chúa Đại Việt. Nàng vận gấm giống như buổi tiếp kiến đầu tiên với đức vua Yaya Sinhavarman, làm cả đám công chúng ngất ngây về sắc đẹp. Người ta kính trọng bà, biết sử dụng màu trắng là màu dành cho các đấng vương giả của đất Champa, một cách cực kỳ khéo léo, và nó được khuôn trong các kiểu trang phục truyền thống của Đại Việt. Người ta cũng kính phục những bàn tay cất may, thêu thùa tinh tế của người Đại Việt. Nhất là những tay thợ kim hoàn đã dẻo, gọt, khắc trạm một cách tinh vi những đồ trang sức như vòng cổ, hoa tai, trâm, hài, mũ mấn... mà mỗi sản phẩm là một kỳ công tuyệt hảo. Với trang phục như vậy, hoàng hậu nói vài lời cảm tạ công chúng, đã có lòng ái mộ đức vua và những người

Đại Việt, hiện có mặt tại kinh kỳ. Nàng nói bằng tiếng Việt, rồi lại tự dịch sang tiếng Chăm làm công chúng vô cùng sững sốt, nhưng nó cũng xác định lời đồn đại về hoàng hậu bấy lâu nay là đúng đắn.

Người ta nhớ mãi điệu múa đèn mà hoàng hậu sắm vai chính, trong đó cây tọa đặng như dính chặt trên đầu nàng, khiến công chúng vô cùng kinh ngạc. Và cả điệu múa đèn với cách biến ảo đội hình, cùng những động tác múa cực kỳ sinh động, gây hứng thú cho người xem tới mức có lúc công chúng phải nín thở, thóp bụng và tự nhiên hai tay giơ lên đỡ lấy đầu, tưởng như ngọn đèn trên đầu hoàng hậu và các vũ nữ Đại Việt sắp nghiêng đổ. Và khi các ngọn bắc lại bùng lên, các cây đèn chụm lại tỏa sáng như một ngọn hải đăng, thì công chúng hò reo đến lạc cả giọng. Hoàng hậu còn trình diễn một điệu múa tự nàng sáng tác, nói về một bà già bán quán bên sông, đã chỉ đường cho giặc Nguyên sa vào bẫy chông và hầm hố, khiến chúng chết gần hết. Quân giặc thất trận trở về chặt hai tay bà rồi phóng lửa đốt quán. Nội dung điệu múa Huyền Trân dựa vào sự thật về một bà lão mà nàng đã bắt gặp nơi quán chợ, hỏi về Thiên Trường. Nàng diễn tả cực kỳ sinh động, trong cả các vai địch và vai bà lão. Nhất là khi bà lão với hai cánh tay cụt vung lên, dường như bà không còn cảm thấy đau đớn nữa, và khi bà ném ánh mắt vào ngọn lửa đang bùng cháy, thì người xem cảm thấy như ngọn lửa cháy lên từ ánh mắt bà, chứ không phải từ chiếc quán tranh. Điệu múa kết thúc giữa sự bàng hoàng của người xem. Đó cũng lại là một sự lạ đối với công chúng Champa. Vì rằng ở Champa, đánh giặc là việc của triều đình, của lính tráng, chứ làm gì có chuyện người dân tự giác tham gia như ở Đại Việt.

Ban nhạc cũng để lại dấu ấn sâu sắc trong lòng người xem, với các tiết mục múa sấn thú theo nhịp trống đồng. Rồi trình diễn dàn công, với đủ các tiết tấu diễn tả mọi sinh hoạt trong đời sống của con người. Tiếng công mừng em bé ra đời, mừng ngày hội xuống đồng, tiếng công xua đuổi thú rừng, tiếng công gọi bạn tới nơi hò hẹn vào những đêm trăng sáng, tiếng công đưa tiễn người già tới nơi an nghỉ... Những âm thanh lúc bổng, lúc trầm, lúc thưa thớt, nỉ non, lúc dồn dập, sục sôi diễn tả mọi trạng huống tình cảm và tâm linh của con người Đại Việt, vừa phong phú đa dạng, vừa phức tạp. Những âm thanh đó, khiến người ta có thể hình dung đầy đủ một xã hội đang bận mải với mọi sự sinh sôi. Nó không hề giống với tiếng trống pa-ra-nung của Champa, dẫn dắt hồn người vào cõi giới tâm linh huyền bí.

Bích Huệ, Thúy Quỳnh ngoài những tiết mục múa, thể hiện sự uyển chuyển, mềm mại của đôi cánh tay và thân hình người con gái Đại Việt, bỗng chuyển sang trình diễn tiết mục múa song đao, khiến người xem đi từ ngạc nhiên đến sững sốt. Và cũng là chuyện chưa từng thấy ở Champa. Còn hòa thượng Minh Thái lại đặc sắc ở dạng khác. Hòa thượng vừa đánh đàn, vừa leo cột ngược, chỉ bằng hai bàn chân. Hòa thượng lại vừa thổi ống tiêu vừa leo thang xuôi, ngược đàn mình qua các bậc thang, cứ như người không có xương sống, mà tiếng tiêu vẫn du dương, réo rắt đưa người xem vào cõi mộng.

Chính buổi đoàn tùy tùng của hoàng hậu Paramecvari trình diễn vũ nhạc dân gian Đại Việt đã gây một ấn tượng không bao giờ phai nhạt trong đầu óc dân chúng kinh đô Chà Bàn. Người ta bắt đầu hiểu đất nước và con người của Đại Việt chan chứa tình yêu. Người Chiêm Thành chuyển cảm tình của mình về hướng Thăng Long. Song cũng vì thế người không có thiện chí tỏ ra bức tức. Họ tìm cách bài xích và gây không khí chống đối Đại Việt.

Người ta thấy quan Bó-đề chạy trốn hết dinh này sang phủ nọ. Ông ra vào nơi sứ bộ nhà Nguyên chẳng kể ngày đêm. Người ta cũng thấy viên chánh sứ nhà Nguyên ở Thăng Long cũng đã có mặt ở Chà Bàn. Nom sắc mặt cũng đủ biết y đang có điều gì hậm hực trong lòng. Mắt y lúc nào cũng ngầu đỏ, đờng đờng sát khí.

Hoàng hậu Tapasi sau lễ tương kiến đầu tiên đã nhìn hoàng hậu Paramecvari có phần độ lượng. Với tấm lòng chân thực và với tình cảm nồng nàn, hoàng hậu Paramecvari đã dâng lên hoàng hậu Tapasi chuỗi ngọc trai màu hồng với những viên ngọc lớn khác thường. Đây là một loài ngọc quý, mà biển phương nam không có.

Mới vào chuyện, hoàng hậu Tapasi đã bị sức trẻ trung duyên dáng của hoàng hậu Paramecvari cuốn hút khiến những nghi ngờ, bức tức, đố kỵ, ghen tuông chắt chứa bấy lâu nay biến đi như sương giá trước bình minh. Bà say sưa ngắm nghía khuôn mặt của Trần Huyền Trân, rồi lại liếc nhìn chuỗi ngọc và thâm so sánh: “Cô bé có khuôn mặt đẹp đẽ, trong trẻo hơn cả những viên ngọc quý kia”. Hoàng hậu Tapasi tự nhủ: “Vẫn ngỡ như quan Bó-đề nói, nàng được phong hoàng hậu thì ta phải loại xuống hàng thứ phi hoặc bị phế truất. Còn hoàng tử sẽ bị bức hại. Nhưng nay đã rõ ràng ta và nàng cùng là hoàng hậu, cùng trong bậc mẫu nghi thiên hạ. Con ta đã lớn mà nàng chưa có con, vậy ta còn lo nỗi gì”. Hoàng hậu Tapasi nghĩ tới đó bỗng rùng mình như người lên cơn sốt. Vừa lúc đó, hai tì nữ bưng hai chiếc khay bạc, trên mỗi khay là một chiếc chén bằng vàng, đựng một thứ nước màu xanh sẫm, đặt phía trước hai hoàng hậu.

Đoạn các nàng khẽ cúi đầu lui ra, và sáp luôn vào một điệu múa dâng trà. Những vũ nữ Chiêm này được chọn lọc cẩn thận, tập luyện chu đáo nên biểu diễn khá thành thạo. Múa xong một điệu, các nàng vào bưng khay quỳ xuống dâng tận tay hai hoàng hậu. Hoàng hậu Tapasi đỡ lấy chén nước, tay run run liếc nhìn hoàng hậu Paramecvari với ánh mắt hơi dài dại. Cử chỉ của Tapasi không lọt qua mắt Huyền Trân được. - Nhất là những ngày về Chà Bàn, nghe ngóng binh tình, hòa thượng Minh Thái đã căn dặn Huyền Trân đủ điều. Kể cả việc ăn uống, không được khinh suất. Vì vậy, Huyền Trân đang lo cách đối phó sao cho hợp lý. Lập tức nàng quay ra hỏi Tapasi một cách đột ngột, tay giơ lên đựng luôn vào khay trà, khiến tì nữ tuột tay rơi luôn cả khay và chén nước đổ lăn ra sàn nhà.

Hành động của Paramecvari cũng không qua được mắt Tapasi, bà khẽ nhếch mép, rồi cau vừng trán, bà ra lệnh phạt:

- Pansi! Người có hai bàn tay không dùng vào việc gì nữa rồi. Mi dám đánh đổ nước trước mặt ta và hoàng hậu

Paramecvari. Tội mi đáng chết chém. Nhưng ta nể hoàng hậu Paramecvari là người theo đạo Phật, cấm sát sinh, nên ta chỉ sai chặt cụt hai bàn tay mi thôi. Mi phải biết, thế là ta đã gia ân với mi nhiều rồi đấy.

Pansi rụng rời, lặng đi như người chết đứng.

Chưa biết luật lệ và hình phạt trong hoàng gia Champa quy ước như thế nào, Huyền Trân trong lòng áy náy bội phần. Nàng chỉ sợ khinh suất, sẽ bị hoàng hậu Tapasi cho là lộng hành. Mà không can thiệp, chắc Chiêm nữ kia sẽ trở thành tàn phế suốt đời. Huyền Trân cũng biết, đây không phải là hoàng hậu Tapasi giả vờ làm nghiêm. Vì cứ nom sắc mặt bà cũng đủ biết, cơn giận đang bốc lên ngàn ngút, như một đám cháy rừng.

Đột ngột Huyền Trân quì sụp xuống trước Tapasi, hai mắt đầm lệ, nàng nói:

- Muôn tâu hoàng hậu Tapasi đức hạnh. Lỗi tại thiếp. Thiếp đã vô ý chạm vào khay trà nên bị rớt. Xin hoàng hậu hãy trị tội thiếp mà tha cho tì nữ kia.

Hoàng hậu Tapasi luống cuống đỡ Trần Huyền Trân dậy. Bà lấp bắp nói:

- Hoàng hậu Paramecvari, sao nàng lại làm thế. Hoàng thượng trông thấy cảnh này, ắt người phải chém đầu ta.

Huyền Trân nhất định không chịu đứng lên, nàng khẩn nài:

- Nếu hoàng hậu không tha thứ cho Pansi, tức là thiếp không được hoàng hậu gia ân.

- Thôi được, ta bằng lòng. Hoàng hậu Tapasi với vẻ miễn cưỡng, rồi khoát tay nói thêm:

- Con tiện tì kia, nếu ta không nể mặt hoàng hậu Paramecvari xin cho, ắt mi phải chết. Tại sao mi còn đứng đây mà không lạy tạ người.

Pansi cảm động khóc nức nở, sụp lạy cả hai hoàng hậu.

Chợt lóe lên trong đầu một dự liệu, hoàng hậu Tapasi nói luôn:

- Con Pansi đã đội ơn cứu tử của hoàng hậu. Nếu hoàng hậu không ngăn ngại nó đã là nô tì của ta, ta xin biếu. Ấu cũng là lưu một chút tình cho sự tương kiến của chị em ta.

Không hiểu có mưu sâu chước lạ gì trong tấn trò này, nhưng cảnh ngộ buộc Huyền Trân không thể chối từ. Nàng tự nhủ: “tương kế tựu kế”. Đoạn nàng quay ra nói với hoàng hậu Tapasi:

- Đội ơn hoàng hậu. Rồi nàng bảo Pansi:

- Ta với em chắc có duyên nghiệp chi đây. Hãy lạy tạ hoàng hậu rồi theo ta.

Bích Huệ, Thúy Quỳnh phải chờ ngoài đại sảnh. Lâu quá không thấy chủ ra, hai cô đâm nghi. Bích Huệ tung chiếc quạt thước lên không rồi bắt lấy, hai tay múa tít như người múa côn. Dừng lại đột ngột Huệ nói:

- Chị Thúy Quỳnh ơi, em phải đi xem hoàng hậu thế nào nhé. Chị cứ ngồi đây chờ em một chốc.

- Chắc là hai hậu gặp nhau, tỏ bày tình cảm thôi chứ không có chuyện gì đâu. Hãy nán lại một chút, nếu không

thấy người ra, hai chị em ta cùng đi, chị Bích Huệ ạ.

Một lát sau Huyền Trân bước ra dẫn theo tì nữ Pansi. Pansi mặt mày tươi tỉnh, vừa đi vừa nói líu ríu những lời biết ơn.

Bốn thầy trò lên kiệu về cung. Cung hoàng hậu là một tòa nhà không lớn lắm, nhưng được xây cất đẹp đẽ, thoáng mát, nằm ở phía bắc một quả đồi. Ngay sát cung hoàng hậu, thiết lập một chiếc am vừa là nơi thờ Phật, vừa là nơi thờ cúng tổ tiên, có hòa thượng Minh Thái giữ việc đèn nhang kinh kệ sớm chiều.

Trần Huyền Trân lập tức thuật lại câu chuyện vừa xảy ra bên cung hoàng hậu Tapasi cho hòa thượng nghe.

Hòa thượng suy nghĩ rất lao lung. Nhà sư không ngờ sự chống đối quyết liệt xảy ra quá sớm. Ông thâm đoán: đây là một vụ đầu độc không thành. Nhưng là một vụ có dự mưu, tức là có tính toán sắp đặt từ trước. May mà công chúa sáng suốt. (Ông vẫn coi Huyền Trân như một nàng công chúa, mà thượng hoàng Nhân tôn phó thác cho ông phải coi sóc). Một lát, ông hỏi Huyền Trân:

- Lệnh bà có nghĩ rằng hoàng hậu Tapasi có dự mưu hạ độc thủ chẳng? Việc này phải hết sức tỉnh táo.

Huyền Trân thông dong đáp:

- Thưa hòa thượng, tôi đến với hoàng hậu Tapasi bằng tấm lòng trong sáng. Bởi vậy khi trò chuyện hoàn toàn thoải mái. Tôi linh cảm dường như có lúc bà ấy đã có cảm tình với tôi. Bỗng bà ấy giật mình và sắc mặt hơi ửng đỏ. Tôi chắc bà ấy nghĩ về một điều gì không lành mạnh. Câu chuyện lại trôi đi bình thường cho tới lúc bọn tì nữ dâng trà. Tôi thấy lòng vẫn thanh thản bình yên, lại tự trách mình cứ hay suy nghĩ vơ vẩn. Tới lúc bà ấy bê chén nước, tay run lật bật, mắt nhìn tôi vẻ ngậy dại. Bà ấy không vội uống, cũng không nài ép tôi. Chợt như có một dấu hiệu vô hình nào đó ngăn tôi lại không cho uống. Thay vì giơ tay ra đón chén nước tôi lại giơ tay ra để gạt cả khay trà. Và phần tiếp theo như tôi đã kể với hòa thượng từ đầu.

- Vậy chớ còn gì khiến lệnh bà hoài nghi nữa không?. Hòa thượng tự nghĩ: ‘Cũng không hiểu tại sao đúng lúc ấy, ta nghe văng vẳng bên tai như tiếng thượng hoàng nhắc nhở: “Hãy cứu con ta. Không được uống ăn gì. Ra lệnh cho nó ngay lập tức!”. Thế là ta định thần trong thế tọa thiền và ra lệnh cho nàng. Ta ngờ chẳng bao lâu nữa, thượng hoàng sẽ thành quả phúc. Suy nghĩ giây lâu, bỗng Huyền Trân “à” lên một tiếng:

- Tôi nhớ lúc bà ta ra lệnh chặt hai tay con nữ tì. Tôi quì xuống xin bà ta tha tội chết cho nó. Bà ấy hốt hoảng bảo tôi: ‘Hoàng thượng mà trông thấy cảnh này, ắt người phải chém đầu ta’.

Tôi nghĩ rằng bà ấy cho là nhà vua sùng ái tôi hơn, và vì thế bà ta nể sợ.

- Lệnh bà nghĩ như thế nào về việc hoàng hậu Tapasi tha tội chết cho tì nữ Pansi, rồi lại đem y tặng cho lệnh bà?.

- Tôi vẫn băn khoăn giữa cái thật và cái giả trong tâm địa và việc làm của hoàng hậu Tapasi. Nửa phần tôi cho

đây là sự thật. Nửa phần tôi hồ nghi đây là kẻ khổ nhục, như Chu Du đã dùng Hoàng Cái trá hàng trong trận Xích Bích. Vậy nên như thế nào, xin hòa thượng chỉ giáo cho. Tôi không lừng trước được những trạng huống phức tạp như vậy. Hiện tôi còn một chút băn khoăn. Nếu quả đây là khổ nhục kế, thì mưu ấy không phải xuất phát từ nơi hoàng hậu Tapasi.

- Lệnh bà vô cùng sáng suốt. Tôi không có cao kiến gì hơn. Tôi sẽ đề tâm cứu xét việc này. Rõ ràng là kẻ thù không đề cho ta yên. Họ đã khai đao trước ta. Tôi hết sức lưu tâm lệnh bà, việc đi lại, ăn uống nhất nhất thận trọng. Nửa bước không rời hai con Bích Huệ, Thúy Quỳnh. Tôi đã căn dặn chúng nó kỹ lưỡng rồi. Đối với con Pansi phải giám sát xem nó có thậm thụt gì không. Phải canh chừng cả ban đêm, có khi nó lên ra ngoài để gặp nhau. Nhưng lại phải đối xử với nó thân tình, có thể nó sẽ phản tình. Tôi cũng báo đề lệnh bà biết, tên chánh sứ Lý Quý, người Nguyên ở Thăng Long hiện đang có mặt ở Chà Bàn. Hắn không phải là hắn đi chơi. Lệnh bà có nhớ bữa cả kinh kỳ đưa tiễn lệnh bà ở bên Đông bộ đầu, y cũng nhón nhác đi theo.

Từ một đời sống trong sáng ở chốn khuê các, chỉ lo tu sửa đức hạnh, trau dồi lễ, nghĩa, thi, thư, nay vừa bước ra khỏi nhà đã phải cùng một lúc đối phó với hàng trăm việc. Việc gì cũng hệ trọng. Xảy ra một tí, không mất mạng cũng mất thể diện quốc gia. Trần Huyền Trân giật mình lo sợ về trọng trách lớn lao. Và nàng mơ hồ nhận ra, dường như mình sống không phải cho riêng mình nữa. Chợt nhớ là mình đang đàm luận với nhà sư - người mà phụ vương tin tưởng phó thác. Huyền Trân tiếp:

- Dám xin hòa thượng chỉ giáo cho, hiện thời tôi cần phải làm gì?

- Cũng khó nói, việc gì ta dự liệu, lại chưa xảy ra. Còn việc ta chưa dự liệu, nó lại đến. Tỉ như việc xảy ra trong cung hoàng hậu Tapasi chẳng hạn.

Cho nên tùy cơ ứng biến, như lệnh bà đã làm là cực kỳ mưu trí. Mưu trí của lệnh bà có được, là xuất phát từ cái tâm ngay thẳng hiền đức của mình. Song có một vài việc lớn, tôi thấy lệnh bà phải hiệp sức với quốc vương mới làm nổi. Ví như đề cho hoàng hậu Tapasi và những kẻ âm mưu chống lại lệnh bà yên tâm, lệnh bà nên khuyên nhà vua sớm lập con trưởng làm thế tử.

Ngoài ra nhà vua phải đích thân dẹp bớt bọn âm mưu chống đối lại mình, và hạn chế các hành động cuồng cuồng của sứ đoàn nhà Nguyên ở Chà Bàn. Với vị tể tướng, những ý kiến phản bác nhà vua trong từng chủ trương, từng công việc đôi khi là cần thiết. Vì không phải tất cả mọi quyết định của nhà vua đều đúng. Nhưng khi nó bành trướng ra như là một thế lực chống đối, lệnh bà phải làm cho nhà vua ý thức được, đó là mầm loạn. Lệnh bà hiện giữ một trọng trách cực lớn, trong việc mưu cầu hòa bình bền vững cho cả hai quốc gia. Đương nhiên lệnh bà được nhiều người yêu trọng. Song cũng không ít kẻ chống đối lệnh bà. Nếu không ý thức đầy đủ về các thế lực kinh chống, chúng



ta sẽ phí sức, uổng công mà rồi ân hận suốt đời, để lại tiếng cười cho hậu thế.

Cảm thấy đầu óc căng thẳng, Huyền Trân nói như để tự răn mình:

- Thừa hòa thượng, tôi thật ngây thơ quá đỗi. Tôi cứ tưởng về làm dâu xứ này, là tôi đã làm xong được một việc nghĩa đối với dân với nước. Ai ngờ việc ấy lúc này mới bắt đầu. Không ai nghĩ rằng đi làm dâu lại đi vào trường tranh đấu. Mà nếu không khéo lại là đi vào cỏi chết.

Hòa thượng hết đỗi băn khoăn về lời nói của Huyền Trân. Đúng là nàng phải gánh một trọng trách quá lớn. Thật sự là nàng đã bước vào một cuộc chiến đấu. May mắn làm sao nàng đã sớm nhận ra. Và nàng cũng ý thức được bổn phận của mình. Một lát sau, hòa thượng lên tiếng:

- Tâu lệnh bà. Tôi vui mừng khôn xiết vì lệnh bà là người có nhãn quan thấu thị. Tôi thấy không cần phải nói gì thêm, và mọi lời an ủi lúc này cũng là thừa đối với lệnh bà. Tôi chỉ nêu một câu trong kinh Vệ Đà do Đức Phật răn dạy: *“Nếu con không chiến đấu để bảo vệ lẽ phải, thì đương nhiên con đã phản bội nhiệm vụ, đức tính và vinh quang của con, và con là người có tội. Con không việc gì phải khóc cho sự chết, vì ai sinh ra thì chắc chắn sẽ chết, và ai chết thì chắc chắn sẽ sinh ra. Vì vậy, đối với những việc không thể tránh được thì không có gì phải buồn”*.

# Chương XXVI

Nhà vua từ khi cưới được Huyền Trân mà ông gọi là “đóa Bạch trà kiều diễm”, ông chưa đòi nàng được một ngày nào. Ông quý hoàng hậu tới mức đưa cả nàng tới dự lễ thiết triều. Cũng qua các buổi lễ đó mà Huyền Trân biết được thiên hướng chính trị của triều đình và năng lực của các đại thần.

Nhà vua kéo dài tuần trăng mật bằng những cuộc du ngoạn, những cuộc tuần thú trên vương quốc giàu đẹp của mình.

Nhà vua đã dẫn hoàng hậu tới thăm kinh đô cổ xưa của nước Champa ở Sinhapura. Đó là một khu đền đài tháp cổ được tạo dựng với một nghệ thuật độc đáo, khác hẳn với cách xây dựng theo lối cung điện, đền chùa của Đại Việt.

Có nơi còn cả một thung lũng đền đài, nom như một hành cung của thượng đế. Thật khó mà tưởng tượng được đó lại là công trình do con người tạo dựng. Huyền Trân cũng đi xem các xưởng làm gạch. Những người thợ thủ công gầy gò đen đui cứ nai lưng ra mà trộn đất, đóng gạch, nung gạch. Những viên gạch mỏng màu đỏ hồng kiêu như là gạch lá nem của Đại Việt. Nhà vua cũng dẫn hoàng hậu tới xem những người thợ tạc tượng. Hoàng hậu xem không chán mắt những bàn tay nghệ sĩ tài hoa. Khi xem tới những nhát đục cuối cùng của pho tượng nữ thần Apsara, hoàng hậu hết nhìn pho tượng lại nhìn nghệ sĩ điêu khắc. Đến nỗi bà không tin vào mắt mình nữa. Rõ ràng là hai thái cực khác nhau. Tượng đã mờ màng, sinh động, duyên dáng, kiều diễm như một vũ nữ đang trình diễn. Còn người tạc tượng hết như một bộ xương biết cử động. Tóc ông ta phủ đầy bụi đá, loại đá gan gà màu tím sẫm. Mắt ông ta, ngoài đôi tròng lấp lánh tỏa sáng là hai hõm sâu như đáy huyết. Bộ ngực trần trơ xương. Duy chỉ có hai bàn tay là sinh động.

Ông ta buông đục thờ phào. Liếc nhìn bức tượng, ông mỉm cười với vẻ hài lòng, rồi đứng dậy chấp hai tay cung kính, có ý chờ nhà vua và hoàng hậu sai bảo. Như đoán được ý nghĩ của hoàng hậu, vua hát hàm hỏi nhà điêu khắc:

- Tượng thần Apsara do chính tay người tạc từ những phiến đá kia, hay có ai giúp rập thêm vào?

Thấy nhà vua hỏi đúng như lòng mình đang băn khoăn, hoàng hậu vừa chăm chú nhìn người nghệ sĩ, vừa lắng nghe ông ta trả lời.

Dường như nhà nghệ sĩ không nhìn đức vua, cũng không một mảy may cử động, tiếng ông phát ra nghe như một âm vang từ xa thẳm vọng về.- Tàu đức vua và hoàng hậu chí kính. Đúng là tượng nữ thần Apsara, do bàn tay vụng về của kẻ đói khát khôn khô này tạo nên, từ những phiến đá thô kệch kia.

Nhà vua lại hỏi:

- Thế còn các tượng hộ pháp, tượng sư tử, tượng thần Shiva và các tượng kia cũng là do tay người tạo nên cả?.

Nhà vua nói với giọng bình thản có pha chút tự hào, bởi trong vương quốc ông trị vì, có biết bao kẻ tài giỏi vẫn một lòng một dạ thờ vua, chịu thương chịu khó làm ăn như thế.

- Bẩm đức vua, đúng như thế ạ. Kẻ khốn khó này đã làm việc suốt đời cùng với lũ học trò bất hạnh.

Hoàng hậu tiến lên vài bước, gần chỗ nhà điêu khắc và pho tượng, nàng ôn tồn hỏi:

- Xin nghệ sĩ tha thứ cho tính tò mò của phụ nữ. Tôi muốn mua một bức tượng nữ thần Apsara, nhưng tôi muốn được chứng kiến từ nhất đục đầu tiên vào phiến đá mà tùy tôi lựa chọn.

Nhà điêu khắc chưa kịp trả lời, đức vua cười sảng khoái và nói:

- Cả đất nước này là của ta. Từ ánh sáng mặt trời đến gió mưa và mọi sinh vật, hoàng hậu muốn gì mà chẳng được. “Đóa Bạch trà kiều diễm của ta”. Sao nàng phải hạ mình tới mức đi hỏi mua tượng của cái tên nghệ sĩ âm ương kia làm gì. Đoạn đức vua quay về phía nhà điêu khắc:

- Ta ban cho ngươi một đặc ân, ngươi phải làm cho hoàng hậu một trăm tượng nữ thần Apsara!.

Hoàng hậu vội hét lên, ngăn lại:

- Không! Không!. Như một người biết mình có lỗi, hoàng hậu nói giọng nghẹn ngào:

- Vương thượng ơi, sao người không biết giữ gìn tài năng quý báu của đất nước. Mỗi bức tượng kia là một công trình nghệ thuật siêu phàm. Cả đời người, làm được vài công trình như vậy, góp vào kho báu nhân gian, cũng là vĩ đại lắm rồi. Thiếp chẳng qua tò mò, vì thấy bức tượng đẹp đến mức không tin rằng bàn tay người thường có thể làm được, mà phải có sự giúp rập của thần linh, nên thiếp muốn được xem tận mắt khi nó còn là một phiến đá. Nhưng bây giờ thì thiếp tin. Xin bệ hạ hãy coi thân xác nhà nghệ sĩ héo khô đi thế kia, mà trong từng thớ đá của bức tượng, bệ hạ cứ nhìn kỹ, sẽ thấy sự chuyển động. Ấy là máu và hồn của nghệ sĩ đã phả dồn vào trong đá. Chỉ còn thiếu một chút nữa, là tượng chưa bước ra khỏi đá để hòa vào với nhịp sống đời thường.

Nghệ sĩ lắng nghe tiếng nói của hoàng hậu khiến ông xúc động. Ông tự nhủ: “Ta sống ở đất nước này, tìm ta sắp kiệt khô đến giọt máu cuối cùng rồi. Ta chưa một lần nào, nghe ai nói được một điều gì về nghệ thuật và người nghệ sĩ, ưu ái như bà hoàng hậu này. Nghe nói bà ta là con đức vua Đại Việt - Một đức vua dũng lược đã hai lần đánh thắng quân nhà Nguyên, nhưng bây giờ ngài lại nhường ngôi báu để xuất gia, tu Phật”. Ông ngược mắt nhìn hoàng hậu. “Đúng bà là nữ thần sắc đẹp do Thượng đế phái xuống đất nước này”. Nghĩ vậy, ông bèn mạnh dạn nói với hoàng hậu:

- Muôn tâu lênh bà, nếu đức bà cho phép, kẻ hèn mọn này xin tạc hầu đức bà chân dung của người, để lưu lại cho hậu thế.

Huyền Trân mỉm cười:

- Chính ông mới là người đáng được ghi lại dấu ấn cho thế gian. Vì ông làm ra cái đẹp. Nhân danh cái đẹp ông đem lại cho con người tình yêu cuộc sống - một chân lý vĩnh hằng mà thế gian hay quên lãng, để luống cuống đi tìm niềm phúc hạnh ở tận đâu tận đâu.

Thấy hoàng hậu ưu ái nhà điêu khắc, đức vua tỏ ý quan tâm, ngài hỏi:

- Vậy chớ sau khi làm việc ở đây, nhà ngươi ăn ở thế nào. Các quan chức sở tại có ban cấp gì cho ngươi không?.

- Tâu bệ hạ, kẻ nô lệ của người, đội ơn bệ hạ được ở trong túp lều ở mé núi phía sau kia. Hàng ngày kẻ tôi đòi của bệ hạ làm các công việc này được vợ con nuôi cho một bữa. Các quan chức sở tại không ban cấp cho gì, nhưng vợ chồng kẻ nô lệ này được các quan tha cho một phần lao dịch.

- Ta muốn xem nơi ở của ngươi?. Nhà vua vừa nói vừa bước về phía có túp lều bên mé núi. Nhà điêu khắc gắng sức chạy theo nhà vua. Hoàng hậu cùng đi. Đó là một gian lều làm bằng tre, lợp lá. Tường vách trát bằng phân bò, tỏa ra mùi hôi ngai ngái. Trong lều có sàn làm giường ngủ cho cả gia đình năm người. Thức ăn, vật dùng để phía ngoài lều. Trong lều bày ngồn ngang những tượng đá, tượng đất, tượng gỗ. Những tượng toàn thân, bán thân và cả tượng khỏa thân thu hút Huyền Trân như hồi còn nhỏ, nàng được xem những thứ đồ chơi lạ. Bầy dê đang ăn cỏ phía ngoài nhà, thấy khách cũng dáo dác chạy về kêu be be trước cửa.

Vào một buổi khác, nhà vua dẫn hoàng hậu đi săn. Những cánh rừng sát biển đẹp như những khuôn tranh. Tiếng sóng biển từ xa ì ầm vọng lại, xen với tiếng thác nước đổ ào ào và tiếng rừng xao động cùng hàng trăm tiếng chim, tiếng thú hòa thành một tiếng reo ca. Chớ cứ dẫn đường và ngựa cứ mãi miết đi. Thích thú với những cảnh đẹp lạ lùng, hoàng hậu cứ lẻo đẻo theo nhà vua và phường săn đi mãi tới nửa chiều. Mệt quá, nàng buông cương rồi gục xuống bờm ngựa. Con ngựa khôn ngoan dừng lại rồi hí lên một hồi dài, khiến con ngựa của nhà vua đi đã khuất cũng dừng lại hí vang như để đáp lời, và cứ thế nó quay lại. Đôi ngựa bạch do đức vua và hoàng hậu cưỡi, là hai con ngựa quý mua của người Hồ, chúng quấn luyến nhau tới mức không thể nào tách chúng xa nhau.

Đặt hoàng hậu bên một thảm cỏ xanh mượt mà, nhà vua vừa quạt cho hoàng hậu vừa trò chuyện với nàng. Đôi ngựa vẫn rừ bờm đứng chờ. Đoàn tùy tùng được phép tản ra sân ngay tại cánh rừng nơi nhà vua đang nghỉ. lát sau hoàng hậu tỉnh hẳn. Nàng như vừa trải qua một giấc ngủ nhẹ. Người cảm thấy lâng lâng. Cuộc hành trình tiếp tục. Trước lúc lên đường, hoàng hậu vuốt ve con ngựa có nghĩa của mình rồi nói thầm vào tai nó những điều gì, khiến đôi mắt nó cứ sáng lên và cái bờm hơi lúc lắc. Đó là dấu hiệu tỏ ra cảm thông của loài vật. Thay vì tiếp tục cuộc đi săn, đức vua dẫn “đóa Bạch trà kiều diễm” của ông ra tắm suối nước nóng. Đó là một phương pháp trị bệnh mà không một người Chăm nào quanh vùng không biết. Sau một hồi ngâm mình vào dòng nước nóng, hoàng hậu thấy mình

khoan khoái khô hãnh lên, như chưa hề có chuyện xảy ra trên lưng ngựa lúc nửa chiều. Nhà vua thấy hoàng hậu lại tung tăng như một con sóc nhỏ, ông không khỏi hãnh diện về vương quốc của mình có biết bao thứ quý lạ ở trên đời. Nhà vua và hoàng hậu cứ dùng dằng ngâm chân mãi bên dòng nước ấm.

Thấy sự lạ, hoàng hậu liền hỏi:

- Tâu hoàng thượng, suối nước nóng này bắt đầu từ đâu? Và lòng suối có bao giờ cạn không ạ?

- Đóa Bạch trà kiều diễm của ta ơi, đây là quà tặng của Thượng đế cho xứ sở của ta. Chẳng biết có từ bao giờ, nhưng người già nhất của địa phương nói là, từ thời ông bà cụ kỵ của họ đã thấy rồi. Suối nước nóng không bao giờ cạn. Và người ta dùng nước suối này trị được nhiều thứ bệnh nan y. Dòng nước bắt nguồn từ đâu, không ai biết. Chỉ thấy từ trong lòng quả núi kia chảy ra.

- Tâu bệ hạ, suối này có tên gọi là gì ạ?

- Có một điều kỳ lạ là ở vương quốc của ta thiếu nhiều tên gọi quá. Mà nàng thì cái gì cũng muốn có tên gọi rõ ràng. Bữa trước, nàng đã đặt tên cho một dòng sông đầy hoa đẹp. Sông ấy thuộc về Đại Việt. Hôm nay, ta xin nàng hãy vì ta mà đặt cho dòng suối này một cái tên. Ta hy vọng tên gọi đó sẽ mãi mãi trường tồn cùng với tên nàng.

Lại một bất ngờ nữa đến với Huyền Trân. Nàng thầm nghĩ: “Hãnh là ta cũng có duyên nghiệp với non nước này. Thật tình ta thấy mến yêu vương quốc của chàng, với biết bao thứ kỳ hoa dị thảo. Biết bao thứ quý giá trên đời. Ngay dòng suối nóng này cũng lần đầu tiên ta đặt tên cho nó. Suy ngẫm mãi, Huyền Trân thấy đặt tên cho một vật cũng không phải là chuyện dễ. Không phải người ta cứ tùy tiện gán ghép thế nào cũng xong. Dòng suối này đã có từ lâu. Và chắc nó sẽ tồn tại với thời gian, ta mong cầu như thế. Vì nó sẽ giúp ích cho đời mãi mãi”. Với từ tâm đó, Huyền Trân chợt lóe ở trong đầu một cái tên, nàng thốt lên khe khẽ:

- **VĨNH HẢO** - Vương thượng ơi, thiếp xin Thượng đế độ trì cho xứ sở của vương thượng tốt lành vĩnh viễn, mà suối này là một tượng trưng bất diệt.

Tới một hôm, nhà vua hỏi Huyền Trân:

- “Đóa Bạch trà kiều diễm” của ta ơi, ta đã dẫn nàng đi hầu khắp vương quốc của ta. Đã xem xét gần như tất cả các cảnh đẹp nổi tiếng, đã tiếp xúc với đủ các hạng người, đã tận mắt thấy kho tàng châu báu, và đặc biệt là lực lượng hải binh và hạm thuyền của ta. Vậy chớ hoàng hậu có cảm nghĩ gì về quê chồng mà từ nay hậu sẽ là bậc mẫu nghi?.

Từ dạo về làm dâu xứ này, được nhà vua sủng ái cho đi đó đi đây. Lại được tham dự đôi buổi thiết triều. Được đi thăm các lực lượng hải binh, tượng binh, kỵ binh và thường xuyên tiếp xúc với đội cấm binh. Được mặc nhiên ra vào chốn cung cấm và gặp gỡ các hàng quan nhất nhị phẩm, trong lòng Huyền Trân cũng nhóm lên đôi điều trái ý.

Nàng cũng mong có một cơ hội nào đây được bày tỏ với đức vua. Nay được hỏi đến, thật không còn dịp nào tốt hơn. Vậy mà nàng lại dẫn đo cân nhắc. Khộng hiểu những lời nói thẳng có còn làm đẹp ý nhà vua nữa không. Lương lự giây lâu, Huyền Trân đáp:

- Từ đạo xa quê hương xứ sở, xa tình thương tôn tộc, xa đồng bào, lòng thiếp vô cùng luyến nhớ. Nhưng cũng có phần nguôi ngoai được là nhờ có bệ hạ đoái thương. Đất nước của bệ hạ thật muôn phần tươi đẹp. Thiếp không ước gì hơn thế nữa. Song có vài việc, nếu không nói ra được với bệ hạ, lòng thiếp vô cùng áy náy. Mà nói ra, thiếp chỉ e bệ hạ chẳng hài lòng. Nếu không may, lại có kẻ dèm pha khích bác, khiến bệ hạ bất bình, không những không giúp ích gì được cho bệ hạ, mà mệnh thiếp cũng khó vẹn toàn.

Đến đây hoàng hậu tự dung xúc động, nước mắt lăn chã tuôn rơi, khiến khuôn mặt thiên thần của nàng càng thêm trong sáng, tí như viên ngọc quý vừa được chuốt rửa bằng một thứ nước thơm tinh khiết. Không cảm lòng được, Chế Mân nắm lấy tay hậu, và thốt ra những lời dịu ngọt từ đáy lòng ông:

- Đóa Bạch trà kiều diễm của ta ơi. Lúc nào ta cũng muốn nghe nàng nói. Chỉ riêng giọng nàng cất lên, ta thấy còn hay hơn cả ban nhạc cung đình. Ta thề sẽ không bao giờ méch lòng, nếu những lời nàng nói không hợp ý ta. Nhưng không làm gì có cái chuyện trái ý ta. Bởi nàng là ý nghĩ trong ý nghĩ của ta, nàng là hơi thở trong hơi thở của ta. Vậy nàng chỉ nói điều mà ta nghĩ. Nếu không tin nàng cứ thử cất tiếng lên xem.

Thấy trong lời nói của nhà vua biểu lộ một tình cảm chân thực, Huyền Trân mạnh dạn:

- Đất nước của bệ hạ giàu, nhưng dân thì đói khổ. Dân làm ra tất cả, nhưng triều đình để họ sống như một bầy thú. Bệ hạ có một đội quân lớn, nhất là hải binh và tượng binh, vừa đẹp vừa hùng, nhưng chưa phải là đội quân bất khả chiến thắng. Thần dân của bệ hạ có nhiều bậc kỳ tài, nhưng triều đình chưa cố kết họ lại được để thành sức mạnh.

- Ta bảo rồi mà, nàng đã nói điều ta nghĩ. Ta thừa nhận điều nàng nói là có thực. Đau đớn hơn nữa là đất nước ta trong mỗi con người đều có mầm chia rẽ, đều có mầm thù nghịch đối với nhau. Nhưng nàng có biết vì sao mà vương quốc của ta trở nên nông nổi này không? Đức vua có vẻ bùi ngùi.

- Thiếp không dám giấu bệ hạ điều thiếp nghĩ. Song nếu những điều từ cửa miệng một người con gái còn nhỏ tuổi nói ra, không làm đẹp lòng bệ hạ xin bệ hạ hãy coi như lời nói của một kẻ thơ dại mà tha thứ cho thiếp - Đất nước của bệ hạ giàu có là điều rõ ràng, như mỗi bàn tay của bệ hạ và của thiếp đều có năm ngón. Ruộng đồng trong vương quốc thì một năm có hai ba vụ gặt. Điều đó không phải xứ sở nào cũng có được. Rừng bạt ngàn biết bao thứ quý, lạ: Trâm hương, tê giác, voi trắng, tùng hương, hổ phách, quế, hồi, hạt tiêu, sa nhân, nấm hương... ấy là chưa kể đến hàng trăm loại gỗ quý. Biển âm, với đủ các loại tôm ngon cá hiếm. Rồi đồi mồi, hải sâm... Nhiều loại sản vật của

rừng, của biển quý hơn vàng hoặc ngang vàng. Vậy mà người dân sống đói khổ, chui rúc trong những túp lều lụp xụp như loài dã thú sống trong hang hốc. Ấy là bởi tô dịch quá nặng nề để nuôi một đội quân tốn kém, và một lớp quan lại sống xa hoa. Đội quân của nhà vua từ tượng binh đến hải binh đều quá chú trọng về hình thức. Nào quần áo đẹp, mũ giày đẹp. Cung nỏ đẹp. Thuyền, tàu, cờ, xí từ nước sơn đến mái chèo, nhất loạt giống hệt nhau. Tiến lui theo hiệu cờ tiếng trống nhịp nhàng, ăn ý. Tượng binh đã đẹp, hải binh còn diêm dúa và tốn kém hơn nhiều. Nhưng các đội quân tề chỉnh ấy chỉ có tác dụng diễu hành vào các dịp vui lễ tết, hoặc uy hiếp đám dân lành, chứ gặp đối thủ mạnh là tan vỡ ngay. Vì sao vậy? Vì tướng lĩnh không có kế sách. Còn vì người lính không cố công đánh giặc. Nói tới đây, Huyền Trân giật thốt tưởng như mình đã đi quá trớn, làm phật lòng nhà vua. Nàng ý tứ dừng lời để dò xem nhà vua có còn muốn nghe hay người sắp nổi cơn thịnh nộ.

Nhưng không, nhà vua vẫn chăm chú lắng nghe, tuy mặt người có hơi buồn. Thấy Huyền Trân ngừng lời, đức vua giục:

- Từ trước tới nay, ta chỉ nghe những lời tâu hót ngọt ngon như đường mật. Dù ta cố gắng hỏi mãi cũng thế thôi. Có lúc ta ngỡ rằng họ đều nói thật. Ta chưa từng được nghe một lời nói thẳng như nàng. Ta chắc những nỗi đắng cay mà ta chưa tìm được duyên cớ, nhưng hôm nay nàng nói thẳng ra, hẳn là sự thật. Đúng như nàng nói, đội hải binh và tượng binh của ta có hình thức choáng ngợp. Không một sứ đoàn nào tới đây mà không tỏ lòng thần phục. Và sự thật hải binh Champa đã từng làm kinh hoàng các tàu buôn nước ngoài qua lại vùng biển của ta. Nhưng cũng thật kỳ lạ, nếu đụng độ trận đầu với hải binh Chân Lạp, Tùy, Đường, Tống, Mông-Nguyên và Đại Việt, hễ bị thua thì không sao giương nổi để đánh trận thứ hai. Trận đầu thất bại, y như rằng thành trì trên bộ không sao giữ nổi nữa. Và thế là vua tôi, đều bị bắt, bị giết. Đất nước bị đầy xéo, bị tàn phá đến điêu linh. Nàng có thể nói cho ta hay được điều này không, để ta không đi vào vết xe đổ của các vua đời trước.

Huyền Trân tự nghĩ: “Những kiến thức này thuộc về các nhà lãnh đạo quốc gia, các bậc tướng lĩnh cầm quân trăm vạn, chứ một thiếu nữ sống trong cung cấm như ta sao biết được”. Tuy nhiên, nàng thường được nghe phụ vương và các bậc huân tướng trong triều đình, luận bàn về cái nhẽ được thua của Chiêm Thành qua nhiều triều đại và trận chiến tương tranh. Nàng thấy không thể không nói để cho nhà vua biết được những bậc trí tuệ của Đại Việt đã lý giải về cái nhẽ trong hưng vong, thành bại của Champa. Mạnh bạo, nàng nói:

- Tâu hoàng thượng, thiếp là phận gái trong chốn khuê môn, không dám lạm bàn vào những việc quốc gia đại sự. Song thiếp chỉ xin nói lại những điều mà thiếp được nghe, được thấy - Bệ hạ hỏi tại sao binh nhung của bệ hạ cứ đánh thua trần đầu là thành trì tan tác. Vua tôi thất tán. Non nước điêu linh. Ấy là bởi người làm tướng thiếu kiến thức dùng binh. Các tướng lĩnh của bệ hạ chỉ cốt trau chuốt về hình thức. Và chỉ biết dốc toàn lực lượng đánh một

trận, như kẻ đánh bạc hám ăn to, mà không biết lựa thời cơ dò lực lượng địch. Như đức Hưng Đạo đại vương là bậc thượng phụ thiếp dạy: “Địch tiên ta lui. Địch dùng trường trận, ta đánh đoản binh”. Tức là ta không cho kẻ địch sử dụng cái mạnh sở trường của nó. Làm cho chúng phải lúng túng, hoang mang nơi chiến trường lạ. Âu cũng bởi các tướng lĩnh và ngay cả các quan đại thần của bệ hạ nhiều người còn chưa biết chữ, thì làm sao mà học được những lời răn dạy, những kế sách thao lược của các bậc danh tướng cổ kim. Ấy thế mà đã vội dương dương tự đắc, coi thường thiên hạ như cỏ rác, thì làm sao tránh được cái họa sụp đổ.

- Vậy theo ý nàng, ta phải làm gì để quốc gia ta hưng vượng được, hồi đóa “Bạch trà kiều diễm!”.

Huyền Trân biết: “Nhà vua là người cầu thị, nhưng một người con gái như ta, làm sao hoạch định được đường lối để cho ông chấn hưng đất nước?”.

Thấy Huyền Trân im lặng giây lâu, nhà vua lại giục:

- Ta biết, đây là một việc cực khó, ngoài tâm suy xét của nàng. Song nàng cũng có thể cho ta biết, những việc tương tự như thế này, bên Đại Việt thường làm ra sao?

- Tâu bệ hạ, thật ra thiếp cũng không để tâm nhiều lắm đến việc chính trị của triều đình, mà chỉ chuyên về thi, thư, lễ, nhạc. Song lẽ, công việc triều đình diễn ra hàng ngày, ngay bên cạnh, nên thiếp ít nhiều có được biết. Đại loại các hàng quan chức trong bộ máy quốc gia đều phải kén người tài, đức. Những người này được tuyển chọn qua các khoa thi bẩy năm một lần. Lấy từ đỗ tiến sĩ lên đến bảng nhãn, trạng nguyên; bọn người này mới thật là những kẻ sẽ giúp rập triều đình. Phụ vương thiếp thường nói: “Một nước mà không có nổi năm, bẩy người hiền đức, treo tấm gương đạo hạnh cho thiên hạ noi theo, nước ấy sớm muộn rồi cũng diệt vong”. Ở bên Đại Việt, người hiền đức, người có tài tể thế kinh bang, đến đức vua cũng phải kính như bậc thầy của mình. Thế mà ở vương quốc này, bệ hạ coi kẻ sĩ không bằng lũ súc vật chăn nuôi trong nhà. Cứ xem xét đám dê, ngựa chó, chim trong vườn ngự, biết bao người chăm sóc, phục dịch với đủ các thứ ăn ngon, bổ. Còn như nhà nghệ sĩ điêu khắc, làm ra những tác phẩm có một không hai trên đời này, thì sống đói rách như một kẻ ăn mày. Ân tứ lớn nhất mà ông ta được hưởng, là triều đình tha cho không phải đi làm tạp dịch, nhưng lại phải lao dịch nghệ thuật suốt đời. Điều làm thiếp cực kỳ kinh ngạc, nhưng cũng cực kỳ kính trọng, không biết bằng cách nào mà nhà nghệ sĩ vĩ đại ấy vẫn giữ được lòng say mê nghệ thuật, và vẫn không ngừng sáng tạo, mặc dù ông thừa biết, ông không được coi trọng như một con chó của đức vua.

Xin bệ hạ thương tình cho, vì xúc động, và cũng vì phần nộ nữa, thiếp không kìm nổi cái lưỡi - dù biết nó là đầu mối của mọi điều tai họa - Vương quốc của bệ hạ để cho những kẻ vô học, những kẻ ngu dốt nắm giữ quyền hành lèo lái con thuyền quốc gia. Đã thế, họ lại không một lòng một dạ chuyên tâm cho việc dân, việc nước, Ngay quan tể tướng cũng là kẻ đầu têu lập bè này, phái nọ, mưu chống lại nhà vua. Đức vua thương dân, chủ trương thiết lập một



nên hòa bình trường cửu, tránh cái họa can qua cho đất nước, thì ông ta lại chủ trương chiến tranh, mưu toan biến đất nước thành bãi chiến trường. Người Nguyên thâm độc lúc nào cũng nhòm ngó ta, như cú nhòm người bệnh, thì ông ta lại mưu toan liên kết với họ. Ông ta có nghĩ rằng làm việc đó như đem cá gửi mèo, đem dê gửi cọp. Tiếc thay những kẻ bất tài, vô hạnh đó lại đang thao túng bộ máy quốc gia. Bọn chúng bổng lộc quá hậu, đua nhau sống phè phỡn, tới mức xa hoa trụy lạc. Còn những kẻ sĩ tài, đức chói ngời, thì được xem như một bầy nô lệ, thấp giá hơn cả lũ súc vật. Một quốc gia như thế, bệ hạ định dựa vào đâu để cất mình lên được mà chấn hưng? Thiếp chỉ thương bệ hạ độ hành trên con đường vạn dặm để đưa quốc gia vượt qua khúc quanh lịch sử. Thiếp xin hứa sẽ mãi mãi là người tùy phái trung thành của bệ hạ.

Tại nhà vua chứa đầy mật đắng, nên mặt ngài trở nên ngây dại. Hoàng hậu ngừng lời một lúc lâu sau đức vua mới sực tỉnh. Ngài nói, tiếng nói như từ một cõi phiêu bồng nào vọng về.

- Đóa Bạch trà kiều diễm của ta, nếu mai đây ta làm được việc gì có ích cho đất nước này, ấy là công của nàng. Ta mãi mãi biết ơn nàng. Nàng trong sáng, trung thực như một tấm kính chiếu yêu.

# Chương XXVII

Bắt đầu sự nghiệp cải cách của mình, nhà vua bố cáo cho triều đình và cho chúng dân trong cả nước biết, ngài đã lập hoàng tử Harigitatmaja làm thế tử (Sử sách Việt nam và Trung Quốc thường gọi là Chế Đa Đa). Chính sách tô thuế cũng được cải tổ, nhằm khuyến khích nghề nông, kích thích nghề thương. Những người tài, đức tự tiến cử sẽ được triều đình trọng dụng. Những người tiến cử được người tài, đức sẽ được trọng thưởng. Các quan lại triều đình, ai tiến cử được người tài, đức sẽ được thăng thưởng. Ai vì tư tình mà tiến cử người thân thuộc vào loại bất tài vô hạnh, không những kẻ được tiến cử bị trách phạt, mà kẻ tiến cử còn bị trị tội ngang với tội làm giặc. Các quan văn võ ai chưa biết chữ, hạn trong hai năm phải học để biết chữ. triều đình sẽ mở khoa thi cho các quan đại thần từ ngũ, từ phẩm trở lên. Qua kỳ sát hạch, ai không đỗ sẽ phải đui về nhà làm thứ dân.

Bố cáo cuối cùng của nhà vua là huyền chức quan Bô-đề về tội “bất kính quốc vương”, và “có mưu bậy nghịch”. Qua Bô-đề được tha tội chết, nhưng phải đày đi biệt xứ, ngôi tể tướng tạm thời để trống, chờ khi nào tiến cử được người hiền.

Những cải cách của nhà vua làm chấn động kinh thành Chà Bàn, và làm xôn xao trong khắp cõi Champa. Dân chúng nào nức tung hô “Quốc vương vạn tuế!”.

Và họ xem như đây là một cuộc đời chưa từng có trên đất nước này.

Trước hết việc lập hoàng tử Harigitatmaja vào ngôi thế tử, đã làm yên lòng hoàng hậu Tapasi.

Những kẻ lợi dụng lòng ghen tuông đố kỵ của đàn bà, để khích bác hoàng hậu về vị thứ của mẹ con bà, nay cũng câm họng, không dám lui tới nữa.

Những việc nhà vua định kỳ sát hạch các quan đại thần bằng một cuộc thi âm tả, cùng với việc huyền chức quan tể tướng, đã gây chấn động trong giới quan lại triều đình. Bởi quá nửa số quan võ và gần một phần ba số quan văn đều xuất thân võ học. Họ được xưng chức là có luật cha truyền con nối. Thành thử họ có lười nhác, ngu tối thì cũng không vì thế mà bỗng lộc của họ bị cắt giảm.

Nắm lấy cơ hội có một không hai này, Lý Quý chánh sứ người Nguyên từ Đại Việt sang, đã cùng với sứ đoàn nhà Nguyên ở Chà Bàn, tụ tập bọn quan lại bị phế truất, và có nguy cơ bị phế truất vì dốt nát, bất lực. y nói:

- Đất nước các ngài đang yên ổn, vua tôi các ngài đang hòa thuận, bỗng có con yêu tinh từ Đại Việt sang, nó làm khuấy đảo lên tất cả. Các ngài thử trừ tính xem, liệu đầu các ngài có còn trên cổ được hai năm nữa để dự kỳ thi âm tả không? Đây là một thủ thuật bùa chú của bọn yêu quái, chứ quốc vương các ngài không thể tự nghĩ ra. Cho dù các

ngài có đại hồng phúc sống thêm được hai năm nữa, thử hỏi các ngài có đủ khả năng vượt qua kỳ thi âm tả không? Thật là một sự lố bịch, từ trước tới nay có biết chữ nghĩa gì đâu mà các ngài vẫn điều hành được bộ máy quốc gia. Chữ nghĩa là đầu mối của mọi sự rối loạn. hãy xem con yêu tinh đó, nó biết cả chữ Hán cả chữ Chăm, vì thế nó mới nhiều sự ra để hành hạ các ngài. Nếu các ngài cam tâm chịu chết dưới cái phẩy tay của con yêu tinh ấy, thì các ngài hãy ngoan ngoãn cấp sách đi học như bọn con nít sáu, bảy tuổi. Bằng không, các ngài phải nghĩ tới một cái gì khác chứ?

Thật ra Lý Quý đồ mọi tội lỗi cho Huyền Trân, là nhằm đánh lạc hướng để đối phương mất khả năng phòng bị. Y thừa biết, muốn phá được sự liên kết Chiêm - Việt này, phải diệt được hai người chủ chốt là hòa thượng Thích Minh Thái và quốc vương Chế Mân. Chính hấn được phái từ Đại Việt sang đây là để diệt hòa thượng. Mất hòa thượng, Chế Mân không còn chỗ dựa về tinh thần. Mất Chế Mân, phe liên kết mất tất cả.

Thấy Lý Quý nói: ‘từ trước không cần có chữ nghĩa các ngài cũng điều hành được bộ máy quốc gia’, quan hàn lâm phụng chỉ lấy làm tương đắc, bèn hỏi:

- Bẩm Lý tiên sinh, chẳng hay bên thượng quốc, các quan đại thần cũng thấy đều không có chữ nghĩa? Thế thì qui hóa quá, gần giống như Champa chúng tôi. Ở Champa có một số người tác yêu tác quái đi học, khiến cho triều đình trở nên xôi đổ, chứ không được như bên quý quốc có phải không?. Ông này vốn chân thực, nhưng Lý Quý tưởng ông ta xỏ xiên, bèn trợn mắt quát:

- Ai cho ông ăn nói hỗn xược với thiên triều. Bên thiên triều, cứ hễ ai làm quan, dù làm chức lớn, chức nhỏ đều phải tinh thông chữ nghĩa. Các đại thần trong triều phải trên thông thiên văn, dưới tường địa lý. Các khoa y, lý, số đều phải tinh tường cả.

Quan hàn lâm bẻ lại:

- Thế tại sao các quan bên thượng quốc cần chữ nghĩa, mà các quan bên tôi lại không cần?

- Vì rằng hoàng đế Trung Quốc là thiên tử - tức con trời. Còn triều đình Trung Quốc là thiên triều. Thiên tử thế thiên hành đạo thì thiên triều mới cần chữ nghĩa, để cai trị các nước man di ngoài Trung Quốc. Còn như Chiêm Thành các ông bằng cái mắt muỗi, chỉ nên một quốc vương biết chữ là đủ.

Quan hàn lâm bồng “à” lên một tiếng, rồi hỏi lại:

- Tôi chắc Lý tiên sinh là người Hán, nên ngài nói về Trung Quốc có phần quá chững? Cứ như chỗ chúng tôi hiểu thì nhà Tống bị người Mông Cổ diệt. Và bây giờ cai trị trung Quốc là người Mông Cổ chứ làm gì có thiên tử với thiên triều của người Trung Hoa?

Lý Quý đồ bưng mặt quát:

- Các ông là một lũ vô ơn. Ta đến đây để cứu cho các ông thoát chết, lại còn bắt bẻ cái gì. Các ông biết một mà không biết hai. Ai thống trị Trung Quốc? Người Mông Cổ là một bộ phận của nước Trung Hoa. Cũng như Chiêm Thành các ông khi thì bộ tộc “Cau” ở phía bắc, khi thì bộ tộc “Dừa” ở phía nam cai quản đất nước, chứ ai vào đây thống trị Champa?

( Ở đây Lý Quý đã nguy hiểm. Y lấy cái cơ thực của Champa là hai bộ tộc Cau và Dừa thay nhau trị vì đất nước, để so sánh với cái không có thực ở Trung Quốc, tức là Trung Quốc bị đế quốc Mông Cổ đô hộ, lập ra triều Nguyên)

Đến lúc này các quan mới vỡ lẽ rằng người Mông Cổ chính là người Trung Quốc, và người Mông Cổ chỉ có cai trị nước Trung Hoa thôi chứ không phải họ thống trị. Do vậy không còn ai thắc mắc gì nữa!

Quan Bó-đề vừa bị cất chức, từ nãy vẫn suy nghĩ về câu hỏi mà Lý Quý đặt ra: “Các ngài phải nghĩ tới một cái gì khác chứ?”

Bỗng ngài hậm hực lên tiếng:

- Nghĩ tới cái gì? Ông bảo chúng tôi phải nghĩ đến cái gì mới được chứ? Tôi đã cho hoàng hậu Tapasi đầu độc con yêu tinh ấy. Việc chẳng thành, vì con yêu tinh ấy đã thành tinh rồi, nên mấy ti nữ và hoàng hậu không lừa nổi nó.

Lý Quý lạnh lùng nói:

- Định đầu độc hoàng hậu Paramecvari ngay tại dinh hoàng hậu Tapasi, quả là các ông đã tính một nước cờ liều. Đúng là hoàng hậu Paramecvari đã cứu sống các ông. Tại sao các ông không tới dinh hoàng hậu tạ tội, và đền đáp công ơn cứu tử mà còn tụ họp ở đây để mưu tính trò con nít gì hơn?

Có một vị uất quá không chịu nổi, bèn lỗ mãng cướp lời Lý Quý:

- Ông khinh miệt chúng tôi quá lắm. Tại sao chúng tôi lại phải đền ơn trả nghĩa con yêu tinh ấy. Chưa moi gan, móc mắt nó ra được, chúng tôi còn chưa yên.

Với giọng trích thượng đầy khinh thị, Lý Quý thủng thẳng đáp:

- Paramecvari là vợ yêu của quốc vương các ông. Ông ta yêu vợ còn hơn cả thân thể và đất nước của ông ta. Vậy mà các ông định hạ độc thủ bà ta ngay tại dinh hoàng hậu Tapasi, thì có khác gì các ông sờ vào răng nanh con sư tử trong lúc nó đang đói. Giá như mưu của các ông mà thành, tôi tin rằng tính mạng mẹ con hoàng hậu Tapasi khó có thể toàn vẹn. Và hôm nay, tôi không có cái diễm phúc được thấy mặt các ông ở đây.

Lý Quý dừng lời đột ngột, khiến bọn ngồi nghe vừa kính phục, vừa hoảng sợ. Một phút im lặng nặng nề trôi giữa ý nghĩ khác nhau của các đại thần bị Lý Quý khích, đã tự coi mình là thất sủng đang hoang mang đến cực độ đòi Lý Quý phải bày mưu tính kế giúp.

Như chỉ có cơ hội ấy, Lý Quý, làm ra vẻ hệ trọng, nói cái giọng nửa kín nửa hở:

- Tôi biết đất nước các ông không thể chung sống với người Đại Việt. Quốc vương các ông chẳng qua bị trúng “mỹ nhân kế” của mấy ông vua nhà Trần. Nhưng các ông không thể giết Trần Huyền Trân, mà các ông không bị hại. Cái nhẽ sờ sờ như lúc này tôi đã nói. Bây giờ còn một kế hay, tôi xin biểu các ông, để tỏ lòng cao thượng của người Nguyên chúng tôi, lúc nào cũng sẵn lòng đứng về phía kẻ yếu mà bênh vực. Chỉ sợ các ông không có gan làm, và không có đủ mưu trí để làm.

Nói đến đây Lý Quý bỏ lửng, không đã động tới mưu kế gì, khiến các quan càng thêm tò mò, phần khích. Nhiều người cùng nói:

- Việc gì mà chúng tôi không dám.

- Cũng chẳng có gì khó khăn lắm. Chỉ sợ các ông không đủ can trường thôi. Tôi đã nói: nếu các ông giết hoàng hậu Paramécvari, thì tất cả các ông đều bị giết tới ba họ. Ngược lại, các ông giết quốc vương Chế Mân, thì theo phong tục của người Chiêm Thành, các ông có thể thiêu sống con yêu tinh Đại Việt trên đàn hỏa, cùng với xác của Chế Mân như các ông mơ ước. Vậy là bắn một mũi tên, các ông đạt hai đích. Và cái họa Đại Việt được trừ diệt đến tận gốc. Rồi cứ theo như việc sách lập thế tử lúc sinh thời Chế Mân, các ông đưa thằng nhãi con Chế Đa Đa lên ngôi, vị thế các ông lại vững như bàn thạch. Rồi các ông lại có cơ cất quân đòi lại vùng đất hai châu. Việc này nếu rắc rối, đã có người Nguyên chúng tôi đứng sau các ông. Khi nghe Lý Quý bày mưu giết quốc vương Chế Mân thì mọi người sùng sốt. Dường như quý kế ấy nằm ngoài tầm suy nghĩ của mọi người. Bởi trước hết, Chế Mân là một người văn võ toàn tài. Ông lại có một đội cận vệ cực kỳ trung thành với nhà vua. Thứ nữa, là từ khi cưới Huyền Trân tới nay. Ông ban nhiều ân tứ cho lớp cùng đinh. Cho nên ông bị một số quan lại ngầm ngầm chống đối, nhưng ông được toàn dân ngưỡng mộ, tri ân. Trong tình thế như vậy, mà tổ chức một vụ thích khách hay đầu độc, là một điều hết sức khó khăn.

Gần như các quan đều có chung một ý nghĩ như vậy. Riêng quan Bô-đề nghĩ khác. Ông ta nói với vẻ khúc chiết, mạch lạc và bình tĩnh tới mức không ai nghĩ đó là người vừa bị cất chức, và sắp phải lưu đày viễn xứ.

- Tôi cũng nghĩ như các ông. Việc đó làm ngay trong lúc này là không thể được. Mà phải án binh bất động, chờ thời cơ. Phải nhắm lúc kẻ kia hý hứng, tưởng như cả thiên hạ đang ở trong lòng bàn tay y. Ngo ngoe động đây, sẽ bị bóp chết. Tới lúc đó mới có thể liệu tính được. Bây giờ, sau khi tôi đi rồi, các ông phải làm ra vẻ nhát nhát theo lệnh quốc vương, rồi lại phải luôn xưng tụng tri ân hoàng hậu Paramécvari. Tôi đi, nhưng tai mắt của tôi còn đầy triều, lại có thêm sứ đoàn nhà Nguyên ở đây giúp rập làm hậu thuẫn. Nhất là ngài Lý Quý từ Thăng Long tới, ngài đã hiểu rõ gan ruột người Đại Việt, lại mưu kế như thần, hẳn ngài sẽ giúp ta thành tựu.

Lý Quý lại lên giọng dạy đời:

- Cái ông tể tướng này nói đúng. Các ngài cứ toa rập như thế chắc là thành công.

Trần Huyền Trân từ khi về Chăm, luôn luôn nhớ lời căn dặn của vua cha lúc chia tay trên đỉnh Yên Tử: “Nếu con làm mọi việc đều xuất phát từ lợi ích của người nhiều hơn lợi ích của riêng con, chắc là con sẽ thành tựu cả”.

Huyền Trân tự kiểm xét sau gần một năm về quê chồng: “Ngay từ bước chân đầu tiên, ta đi là vì sứ mệnh của đất nước, vì một nền hòa hiếu cho hai quốc gia, chứ ta không tham ngôi cao lộc hậu. Mặc dù ta được nhà vua sủng ái, nhưng ta vẫn luôn nhắc ông phải thương đến mẹ con hoàng hậu Tapasi. Chính việc lập thế tử, là do ta thúc ép. Ý ông là muốn chờ ta sinh con đã. Nhưng ta khuyên ông nên nghĩ đến lợi ích quốc gia. Tuy nhiên, tới nay ta cũng phải thú nhận rằng, ta rất yêu ông. Và yêu cả đất nước ông. Ta sẽ vì ông mà làm tất cả để cho quốc gia của ông hưng vượng được. Mới đây, các chính sách cải cách của ông ban ra, khiến ơn mưa móc nhuần thấm trong đám dân đen, làm ta hả lòng hả dạ. Ông luôn dò hỏi ta về các phương sách của Đại Việt. Chính việc cải cách trong quan lại triều đình và việc tìm kiếm người hiền là tự ông ban bố! Việc này quá đột ngột, ta e rằng ông sẽ bị họ ngấm ngấm chống lại. Ông có hỏi ta rất kỹ về kế sách đánh giặc giữ nước, và nhất là cuốn binh thư của đức Quốc công tiết chế Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn. Ta có nói: Đó là cuốn “Vạn Kiếp tông bí truyền thư”. Nhưng ta đã nói rõ ta không đem theo, nếu nhà vua cần có thể tự chép lại đầy đủ. Cuốn sách đó không có gì bí mật cả.

Ông tròn xoe mắt hỏi ta:

- Vậy chớ nàng có giận ta đó không hỡi đóa Bạch trà kiều diễm?

- Tâu bệ hạ, ngay như binh pháp Tôn Tử thì có thiếu gì người đọc. Thế nhưng các tướng giỏi của các thời vẫn hiếm hoi thưa vắng?

- Vậy, nàng nói cho ta nghe một điều căn cốt nhất của cuốn binh thư đó, rồi sau nàng có nhã ý viết lại tặng ta hay không là tùy ở nàng. Vì ta cũng biết, sách đó thuộc về tài sản quốc gia, bí mật quốc gia, nàng không được tự ý mang theo.

Huyền Trân sực nhớ, những năm còn thơ trẻ đã ráng đọc, và nhờ yêu thích, nhất là vì kính trọng đức Quốc công, nên đã nhập tâm được, mặc dù hồi đó nhũ mẫu giám sát rất chặt chẽ, chỉ sợ nàng sa vào đám yêu thư. Nàng cân nhắc không biết nói điều gì căn cốt nhất như nhà vua gạn hỏi. Thư thả, nàng đáp:

- Tâu bệ hạ, mở đầu cuốn sách, đức Quốc công viết bằng son hàng chữ: :”LẤY DÂN LÀM GỐC” ( Dân vi bản) . Cho tới khi ngài hấp hối, vương huynh thiếp có vấn kế: “Nếu giặc Bắc lại sang thì làm thế nào?”. Ngài đáp:

- “Bệ hạ hãy khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc”. Từ đó thiếp thầy phụ vương cùng các danh tướng đã luận bàn rằng, đức Hưng Đạo trở thành lỗi lạc, là bởi người có tâm thiện - Tức người là bậc Nhân tướng. Người lại có học rộng và cứu xét các bậc danh tướng cổ kim. Ở đây thiếp muốn nói đến học thức của các bậc làm tướng quan

trọng lẫm. Nếu võ không có văn thì gọi là võ biên, vì loại người này như thiên lôi chỉ đâu đánh đấy, chứ không định ra được kế sách hay. Và họ coi mạng lính như cây cỏ. Loại tướng ấy ra trận nếu không bị đối phương giết chết, thì trong đám loạn quân cũng có kẻ sát hại. Còn tướng chỉ có văn không có võ, sẽ là tướng nhất. Như anh em nhà Viên Thiệu, Viên Thuật dù trong tay có trăm vạn quân rồi cũng sa cơ thất thế.

Bệ hạ cứ xem các tướng lĩnh của Đại Việt từ đức Trần Hưng Đạo, Trần Quang Khải, Trần Nhật Duật đến Trần Bình Trọng, Trần Khánh Dư, Phạm Ngũ Lão... Ai cũng tinh văn giỏi võ, lại thông hiểu cả tiếng các dân tộc thiểu số, và tiếng nước ngoài. Nuôi dân như thể, tướng tài như thể, lại trên dưới một lòng, anh em hòa mục. Một đất nước như vậy còn sợ gì giặc ngoài xâm lấn.

- Ôi, ta khao khát có được một vương triều như nàng nói. Phải chăng Thượng đế đã phái nàng tới xứ sở này giúp ta. Có nàng, ta cảm thấy có đầy đủ sức mạnh và yên tâm làm bất cứ một việc khó khăn to lớn nào. Nàng ráng giúp ta, hơi đóa Bạch trà kiều diễm!

- Tâu bệ hạ, thiếp đã về với bệ hạ, suốt đời thiếp sẽ là cái bóng của bệ hạ.

Những buổi đàm đạo về thế sự giữa Chế Mân với Trần Huyền Trân xảy ra như cơm bữa. Có khi đức vua và hoàng hậu thức thâu đêm, để bàn cho ra nhẽ một việc mà nhà vua dự liệu sẽ phải cải tổ. Tuy nhiên, Huyền Trân vẫn giữ điều tâm niệm, không can dự vào việc triều chính của nhà vua. Hoàng hậu chỉ trình bày cái nhẽ trái, phải, thiệt, hơn, rồi lấy đó so sánh với các quốc gia quá khứ hoặc hiện tại họ làm như thế nào. Còn việc cất chức ai thăng bỏ ai, tuyệt nhiên hoàng hậu không có nhời qua tiếng lại, dù nhà vua có gạn hỏi đôi ba lần cũng vậy thôi.

Gần đây nàng được tin từ Thăng Long cho biết, Chế Mân đã trao lại miền đất châu Ô, châu Lý cho Đại Việt. Quan tham tri chính sự Đoàn Nhữ Hài đã tới trị nhậm vùng này. Nghe nói, lúc đầu dân tình nháo nhác định bỏ đi. Nhữ Hài ra lệnh tha tô thuế ba năm, lại cho dân chọn người tài đức trong địa hạt ra tự cai quản lấy. hóa nên dân chúng cũng lấy làm hả hê. Bởi thế, việc lập lại sở đình, sở điền, kê khai các vùng có sản vật quý hiếm, các đồn ải, các cửa sông, cửa biển sâu nông đều được liệt kê đầy đủ và phong phú hơn sổ sách mà các quan cũ của Chiêm Thành bàn giao lại.

Huyền Trân không khỏi tự hào, là đã góp sức mình vào việc thu hồi đất đai cho Tổ quốc mà không tổn một mũi tên, một người lính. Nhưng những việc còn lại, nàng thấy sẽ nặng nề gấp bội. Tức là làm cho đầu óc thiển cận của Chiêm Thành nhận ra mối thực tâm hòa hiếu của người Đại Việt, và thủ tiêu nạn binh lửa giữa hai nước. Và rồi Chiêm Thành cũng phải chân hưng mọi mặt để trở thành một nước nhỏ nhưng không yếu. Song tất cả những việc đó phải đích thân đức vua đứng ra điều hành. Tuy nhiên, bằng trực cảm, nàng nhận thấy triều đình không thiếu gì kẻ phản phúc, và bọn sứ đoàn nhà Nguyên chắc cũng không khoanh tay ngồi nhìn hai nước Chiêm - Việt kết thân.

Về phía hòa thượng Minh Thái, người ta có cảm giác như không lúc nào không thấy ông làm việc Phật. Từ canh ba, đã nghe thấy tiếng mõ niệm kinh. Chính ngọ làm lễ dâng hương, lại kinh kệ cho tới đầu giờ mùi. Và chớm giờ dậu, ông lại hương đăng kinh kệ. Những lúc thư thái, ông làm vườn, hòa thượng tự trồng lấy hoa trái để dâng Phật, tự quét dọn lấy nơi thờ tự. Thế mà ông vẫn có thì giờ coi các bồn kinh do nhà sư Du Già trao tặng bằng tiếng Phạn. Đối chiếu với các bồn kinh mà người Trung Quốc dịch, ông thích các bản tiếng Phạn hơn. Nhất là kinh Kim Cương, có thể nói sự chuyển dịch đôi khi làm sai lạc cả ý chính của Phật. Việc đi lại thăm viếng giữa hai nhà sư, không những chỉ có việc trao đổi thờ tự, đèn nhang, kinh kệ, mà còn cả những chuyện ngoài xã hội nữa. Hai vị cũng dễ dàng cảm thông nhau, vì cùng đeo đuổi một mục đích cứu vãn chúng sinh thoát khỏi sự chia rẽ hận thù. Và các vị cũng nhận chân được rằng, ngay đức Phật đôi khi cũng phải dấn thân vào sự nghiệp tham gia diệt trừ cái ác. Vì nó ẩn náu một cách dai dẳng và tiềm tàng, đôi khi lại lấp ló dưới dạng cái thiện, khiến người đời khó khăn lắm mới nhận ra.

Ở kinh thành Chà Bàn này, không có sứ đoàn nào của Đại Việt ở lì như sứ đoàn của nhà Nguyên. Nhưng thỉnh thoảng vẫn có người từ Thăng Long qua lại, dưới dạng buôn bán, hoặc trao tặng quà quý giữa hai quốc vương. Vì vậy, hòa thượng vẫn thường xuyên được thư từ qua lại. Những việc làm ở Chà Bàn của đoàn tùy tùng Đại Việt theo công chúa Huyền Trân về Chiêm được thượng hoàng Nhân tôn hết lời khen ngợi. Công chúa cũng được dân chúng Thăng Long tri ân bằng cách lập đền thờ sùng. Còn triều đình từ sau khi nhận lại phần đất hai châu, mới thật sự hiểu được tầm lòng sâu nặng của công chúa đối với đất nước, và kế sách nhân hòa thâm viễn của một người trí huệ như Nhân tôn, nhằm ổn cố nền hòa bình của đất nước.

Vào đầu khóa hạ, tức là sau gần một năm hòa thượng Minh Thái vào Chà Bàn, hòa thượng Du Già có lời mời vị hòa thượng của Đại Việt cùng ngồi chung tại chùa Cừ tháp của hòa thượng Du Già. Vì ở đây chùa được xây cất rộng rãi, có đủ các trai phòng và thư phòng cho tặng chúng cả nước về dự hạ. Nhưng hòa thượng Minh Thái đã từ chối, lấy cớ còn phải giúp hoàng hậu Paramecvari thường xuyên lễ bái tại gia. Sự thật hòa thượng đang lo cảnh bị bọn thám tử của sứ đoàn nhà Nguyên, ít lâu nay hay lảng vảng qua lại khu vực dành riêng cho đoàn tùy tùng Đại Việt. Ngay con Pansi, ti nữ của hoàng hậu Tapasi, tặng cho hoàng hậu Paramecvari trong một cuộc mưu sát không thành. Thị chưa để lộ tung tích gì, nhưng cũng không khai thác được ở thị một điều gì cơ mật. Điều đó càng chứng tỏ thị là một tay sai lợi hại, một con dao hai lưỡi. Cộng với những dự cảm tâm linh, hòa thượng tưởng như sắp có một tai họa gì to lớn sẽ xảy ra ở xứ này. Kết hợp với việc xem tinh tượng, thì thấy sao Thái âm lẩn vào vị trí của sao Thái dương, ngỡ rằng đang có lực lượng mưu toan âm toán. Tuy nhiên, ngôi Thái dương vẫn sáng, chứng tỏ mệnh của nhà vua còn vững.

Vào một đêm hạ tuần tháng hai, cả kinh thành Chà Bàn đang ngon giấc. Tiếng thờ phụng phòng của tám ngục kinh



thành như hòa với tiếng thở nhẹ êm của biển. Hòa thượng Minh Thái lâu nay có thói quen ôn luyện các môn quyền, cước, võ, vật, côn, đao vào lúc chập tối ngay phía vườn chuối sau am thờ, vừa kín đáo, vừa vào cái giờ không ai ngờ tới. Còn ban đêm hòa thượng tham thiền. Khả năng thiền định của hòa thượng đã đạt tới cấp bốn, cấp năm, trong bậc thiền bảy cấp. Cho nên khi hòa thượng đã nhập định rồi, hơi thở nhẹ đến nỗi đặt một chiếc lông tơ trước lỗ mũi, không hề thấy động đậy. Cũng vì thế mà hòa thượng có thể phân biệt được bước đi nặng, nhẹ của người chính, kẻ tà từ xa hàng dặm đường. Vào một đêm như thế, hòa thượng nhận thấy có kẻ lạ mặt đã vượt qua bức tường thành vào trong vườn am. Hòa thượng biết ngay đây là một tay võ nghệ cao cường. Sau một hồi rình mò nghe ngóng, người lạ này áp sát tai vào vách am. Một lúc lâu sau có tiếng cú rúc ở phía sau vườn chuối. Rồi lại có tiếng một kẻ khác rón rén đi về phía tiếng cú rúc.

Chúng nó nói thầm với nhau:

- Mi có thấy tên hòa thượng vẫn đang ngủ trong am này chứ?

- Bẩm tiên sinh, lão vẫn ngủ trong am.

- Tại sao ta không hề nghe thấy một hơi thở nào của y? Vô lý.

- Bẩm tiên sinh, đêm nào lão cũng đọc kinh tới cuối giờ tuất mới thôi, và đọc sách tới quá giờ Hợi mới đi ngủ.

Tiên sinh cứ xem nếu cửa gài then, ắt có lão ngủ trong đó.

Chúng nó mò mẫm ậy nhẹ từng cánh cửa, cánh nào cũng gài then chắc nịch. Thế là một tên phi thân lên mái ngói, y gỡ ba viên để lộ ra một vòm trời sáng nhạt với vài ánh sao le lói. Y cúi đầu nhòm vào am một lúc, rồi nhẹ nhàng đu mình xuống nền am. Lập tức y rút từ phía sườn trái ra một thanh đoản đao hươ lên nước thép ánh xanh. Bỗng từ đâu đó phóng ra một viên sỏi với sức mạnh phi thường, trúng vào sống thanh đoản đao, phát ra tiếng kêu không lớn lắm, nhưng làm cho cán đao rung, khiến cổ tay tên thích khách tê buốt, đến nỗi hắn phải buông tay, để cây đoản đao bay vèo vào xó tối. Sau một giây hoảng hồn, y biết ngay là gặp một đối thủ siêu việt. Nhưng y lại trấn tĩnh ngay. Biết đâu lão hòa thượng này chỉ có một món phi tiêu sở trường. Còn hắn tinh thông cả thập bát ban. Hắn bèn nấp vào một góc cột, vì nghe đường bay của viên sỏi, y đã xác định được hướng đối thủ. Hắn nói:

- Bớ lão hòa thượng! Nếu lão không nhát gan sợ chết, hãy ra đây đối mặt cùng ta tí thí.

- Lại một viên sỏi ném từ phía sau tên lạ mặt, cắt đứt chiếc chòm mũ hắn trùm kín mặt chỉ để hở đôi mắt.

Lần này hắn có vẻ hết hoảng thật sự. Hắn nghi là hắn đã sa vào một thế trận chờ sẵn. Và một mình hắn phải đối đầu với nhiều đầu thủ. Hắn có ngờ đâu hòa thượng di chuyển thân hình hộ pháp của ông nhẹ như hơi thở.

Bỗng nhiên hòa thượng xuất hiện chỉ cách hắn chừng ba bước nhẩy, vừa một thế công hoặc thế thủ. Hòa thượng nói:

- Trong giới võ hiệp, nếu đã xuất hiện lén lút như mi, chỉ có thể nói là bọn tiểu nhân, thích khách. Ta không muốn giết một thằng nhãi ranh không tên tuổi như mi. Hãy mau xưng tên tuổi, con cái nhà nào, ai xui mi vào đây rồi ta tha chết cho.

Tên kia không nói lại nửa lời, nhảy bổ vào tấn công luôn. Hòa thượng lùi ba bước xem miếng đánh của hắn thuộc trường phái nào. Hắn chỉ tìm các huyết hiểm như bách hội, ngọc châm cốt, á huyết, tàng huyết, tâm kinh, kết hầu... Các miếng đánh khi thì hắn dùng tượng hình quyền pháp, khi hắn lại dùng thần long thám thảo, có lúc hắn nóng lòng dứt điểm dùng tới cả thủ pháp long, hổ, viên tượng mà công kích. Nhưng hòa thượng chỉ bình tĩnh mà né tránh như chơi trò con nít, khiến hắn phát khùng. Và hòa thượng cũng xác định ngay tên này xuất phát từ trường phái “Thiếu lâm võ hiệp”. Đó là một trường phái nổi tiếng của Trung Hoa. Và chẳng cần biết y phải xưng tên, hòa thượng cũng biết y ở trong đám sứ đoàn nhà Nguyên. Rõ ràng là y có ý đồ hạ độc thủ hòa thượng, nên y thuận chọn những miếng hiểm độc nhất để ra tay. Gặp một đối thủ cao cường và bình tĩnh như núi thái sơn, khiến hắn hơi chờn.

Hòa thượng sau khi đã xác định rõ trường phái võ thuật của đối thủ, lại thấy quyền thuật của hắn tuy tinh diệu, nhưng nội lực của y xem ra không được thâm hậu, nên người có ý định vờn cho y mệt rồi bắt sống. Nghĩ vậy, hòa thượng bèn xông thẳng vào đối thủ.

Hai người, một chính một tà, một người cao dòng, nai nịt gọn gàng, lại có hộ tâm, có mũ che kín mặt, một người đậm đà, quần áo nhà sư lụng thụng, nom có vẻ khoan thai đĩnh đạc. Hai cách quần nhau, lúc đầu như hai mãnh hổ đua tài, cốt vờn cho đẹp và chờ sơ hở của nhau. Đánh chừng ba chục hiệp, hòa thượng liền thay đổi cách đánh, người đánh nhanh như chớp và đòn đánh biến ảo khôn lường, đang dần dần đối thủ vào một góc. Tên kia cảm thấy núng thế, y tự nghĩ: “Ta đến chủ tâm hạ độc thủ hắn. Ai ngờ hắn lại là tay cao cường trong giới võ lâm. Khá khen, y mai danh ẩn tích thật là giỏi, khiến các thám tử của ta không một ai biết đến”. Nghĩ vậy, y bèn tính kế thoát thân. Y hét lên một tiếng thật to, rồi đánh bằng một hư thế, kỳ thực y nhảy ba bước ra đập đổ cửa sổ rồi chạy tháo ra sân. Hòa thượng lao theo như một con rồng chụp quần lấy y. Giữa lúc tính mệnh y đang nằm trong tay hòa thượng, thì có một tên đội lốt hổ lao cho y một cây đoản trượng. Và chính cái con hổ đó lao vào định tóm chân hòa thượng. Hòa thượng thuận chân lia gót vào điểm đúng huyết cự khuyết của tên đội lốt hổ, khiến y “hự” lên một tiếng rồi nằm ngất lịm.

Hòa thượng cũng rút từ bên thắt lưng ra một chiếc dùi chuông xông vào đón đánh với cây đoản trượng của tên kia. Y có lợi thế với cây trượng dài có thể áp đảo cây dùi của hòa thượng. Nhưng y không làm sao đẩy được hòa thượng ra xa để phát huy lợi thế. Trái lại, y bị hòa thượng bám sát thắt lưng. Thành thử cây trượng của y cứ múa tít lên che chắn cực kỳ kín đáo từ bụng tới đầu, trước sau bao phủ, đón đỡ như hoa bay tuyết rụng. Hòa thượng thầm khen tên này: “Côn, trượng khá hơn quyền cước”. Và một khi y đã phòng bị các yếu huyết một cách chu đáo như vậy,

y lại để sơ hở các điểm lộ lợi hại từ hai đầu gối trở xuống. Nghĩ vậy, hòa thượng bèn áp sát y hơn nữa, vẫn chỉ bằng một tay với chiếc dùi chuông. Còn tay kia hòa thượng thò vào túi móc ra một viên sỏi như chiếc trứng chim sâu. Nhanh như một làn chớp, hòa thượng ném xéo trứng ngay xương bánh chè, khiến tên kia khuyu xuống. Lúc ấy chỉ cần hòa thượng khẽ gõ chiếc dùi chuông xuống huyết bách hội, lập tức hấn phải mất mạng. Nhưng hòa thượng đã nói tay, không thêm giết kẻ ngã ngựa. Vậy mà khi y vừa chợt gượng được, y dùng luông cây gậy với tất cả nội lực mà y có được nhằm giữa đầu hòa thượng giáng xuống. Hòa thượng đứng im không thềm đỡ, mà chỉ hơi nghiêng người một chút, khiến tên kia mất đà lao chúi về phía trước. Lần này nữa, hòa thượng lại một phen tha chết cho hấn. Đồng bọn của hấn, tên đội lột hồ bị hòa thượng điểm huyết chưa được giải cứu, vẫn còn nằm chết giắc. Coi như hấn phải chiến đấu đơn độc. Xem ra tài nghệ hấn không thể so với hòa thượng được. Đã nhiều lần hấn định dùng các thế võ hiểm độc nhất, nhằm hạ độc thủ hòa thượng cho nhanh. Nhưng tất cả đều vô hiệu trước một đối thủ có bản lĩnh phi phàm. Không tìm cách nào thắng nổi, hấn đang có ý đào tẩu, nếu không, sẽ có nguy cơ bị bắt. Hòa thượng không phải không đoán biết được ý nghĩ của kẻ thù, nên ông càng ráo riết dồn y trở lại một góc sân. Bất chợt y đánh bậy một trượng rồi bỏ chạy. Y vượt qua hàng rào, định tẩu ra ngoài được thì thoát chết. Nhưng khi người y vừa áp được vào thành tường, hòa thượng thấy không cần đuổi nữa. mà khẽ nhón một viên sỏi trong túi, to bằng chiếc trứng gà con so, thuận tay ông ném cật lực vào huyết linh đài. Tên kia “hự” lên một tiếng, hai tay rời bờ thành toan rơi xuống. Hòa thượng đã tới, và đỡ y lên rồi ném y qua hàng rào, ông nói:

- “Đồ giẻ rách!” Và ông tin, kẻ kia không sống nổi ba ngày nữa.

Trở lại, hòa thượng lật mặt tên đội lột hồ xem nó là ai. Té ra lại là con Pansa. Hòa thượng không lấy gì làm ngạc nhiên. Ngài không những không giải huyết cho Pansa, mà trói chặt cho chắc thêm rồi vứt nó trước tàu ngựa, chờ sáng để báo tiếp cho đức vua.

Chế Mân tự tay tra hỏi con Pansa - con ti nữ thân cận của hoàng hậu Tapasi, đã mưu mô cho vào hầu cận hoàng hậu Paramecvari. Không những thế, thị còn liên kết với bọn sứ đoàn nhà Nguyên, mưu hạ độc thủ hòa thượng Minh Thái - người của thượng hoàng Trần Nhân tôn cử đi theo công chúa, để sẵn sóc việc kinh kệ và thờ cúng tổ tiên. Đức vua sục sôi toan trị tội Tapasi, và cả phe lũ bọn về hùa với bà ta. Hoàng hậu Paramecvari phải hết sức can ngăn nhà vua mới bình tĩnh lại.

Hòa thượng Du Già cũng trình lên nhà vua một kế sách an dân... “Những công việc cải cách trong ngoài bộ máy triều đình, là công việc phải làm lâu dài và thường xuyên, thì mới không gây sự xáo trộn có nguy cơ đổ vỡ. Vì công việc tuy là nội bộ của Champa, nhưng một đảng thì nhà Nguyên luôn luôn gây sức ép. Lại một đảng là bên Chân Lạp vẫn chưa thôi mưu đồ thôn tính. Nếu nhà vua không tiến hành tế nhị, thì cả thù trong lẫn giặc ngoài sẽ kết cục lại với

nhau để xâu xé nước Champa”.

Nhà vua nghiến răng, giậm chân bình bịch xuống thêm điệ̣n thề:

- “Nếu ta không diệt hết lũ này, ta thề không làm vua nước Champa nữa!”. Mắt đức vua xẹ́ch lên, làn tóc quăn tít như đang tỏa ra, đang dựng ngược lên.

Và cũng chẳng phải chờ lâu mau gì mới biết được tên nào đã lén vào mưu thích khách hòa thượng Minh Thái. Ngay buổi trưa hôm sau, viên Lý Quý, sứ đoàn nhà Nguyên từ Đại Việt sang tặng viện cho sứ Nguyên ở Chà Bàn, đã thồ ra hàng chậu huyết đen mà chết. Từ khi hấn bị ném trúng huyết linh đài, hấn không khai khẩu nói được một lời nào.

# Chương XXVIII

Tính ngày, tính tháng, chỉ còn vài bữa nữa là cuộc lương duyên của Trần Huyền Trân với quốc vương Chế Mân được tròn một năm. Khi công chúa bước chân vào vùng đất hai châu, và được quốc vương làm lễ tấn phong hoàng hậu với cái tên Champa mà nhà vua đặt cho: Paramecvari, thì đúng vào dịp tuần trăng tỏ. Tức vào khoảng trung tuần tháng năm. Cho tới nay, hoàng hậu với đoàn tùy tùng của Đại Việt cũng vừa ăn xong cái tết Đoan ngo. Nhân ngày tết Đoan ngo, ai nấy lại hồi nhớ về Thăng Long. Hòa thượng kể cho mọi người nghe về chuyện đức vua Anh tôn là người con chí hiếu, người biết đỗi lỗi có một không hai trong các đấng minh quân...

Làm dâu xứ này tới gần một năm, mà Huyền Trân vẫn chưa quen dùng Chàm lịch. Nàng vẫn cứ phải đối chiếu với lịch ta để tính ngày tính tháng.

Để kỷ niệm một năm hôn lễ của đức vua, các quan đã dâng biểu xin cho dân chúng kinh kỳ lại được mở hội hoa đăng. Nhà vua gạt phật:

- Năm ngoái, ta cho mở hội, là để mừng thiện chí của triều đình Đại Việt với vương quốc của ta, mà hoàng hậu Paramecvari là sứ giả. Còn năm nay, là việc riêng của ga đình ta. Các khanh nên lo tròn phận sự, lo chặn dân cho tốt, ấy là tấm lòng các khanh quý mến ta. Ta nói trước, mọi sự chi tiêu, tiệc yến, mọi sự sắm sanh tế lễ, từ nay các khanh không được tùy tiện làm theo lệ cũ. Ta sắp ban hành lệ mới, tất cả đều phải kiệm ước, thì mới mong giảm tô thuế cho dân được.

Nhà vua đã bàn với hoàng hậu, sắp tới ngày vui đó, đích thân nhà vua sẽ đi săn lấy một con nai tơ, giết thêm vài con dê trong đàn dê của vườn ngự, để làm tiệc mời các quan.

Huyền Trân không hào hứng lắm về bữa tiệc mà nhà vua đang sắp đặt. Vì nàng thấy trong lòng có gì bồn chồn. Nàng cứ nghĩ về nơi Yên Tử xa xôi, ở đó phụ hoàng tuổi già, sức yếu không biết thế nào mà lường được. Đang lúc trong lòng bất ổn, thì vào lúc chập choạng tối, một con gà mái trắng nhảy lên cành mẩu đơn cao nhất, quay đầu vào nhà cất tiếng gáy te te. Bích Huệ đã quăng cho nó một cây gậy đứt dời cổ, rồi đem chôn ngay tức khắc. Dù đã giết ngay được con gà gáy gờ, Huyền Trân vẫn không bớt băn khoăn, lo lắng.

Sáng ra, nhà vua vào tàu ngựa, thì con ngựa bạch của đức vua vẫn cưỡi, hí lên một hồi vang dội. Nghe tiếng hí của nó mới buồn thảm làm sao. Đức vua dắt nó ra khỏi tàu, nhất định nó không chịu ra. Nhà vua gọi tên giám mã làm việc đóng yên cương và chuẩn bị cho ngài vào rừng cùng với bầy chó. Nhưng tên giám mã không cách nào đưa được con ngựa ra khỏi tàu. Nó đá túi bụi, húc lung tung khiến tên giám mã không dám tới gần. Nhà vua ra lệnh cho đóng

yên cương vào con ngựa bạch của hoàng hậu. Đến lượt con này, lại diễn ra y hệt con kia. Nó cũng hí lên một hồi dài buồn bã và chông dối quyết liệt, nhất định không chịu ra khỏi tàu ngựa.

Mãi tới khi mặt trời lên cao, nhà vua mới dắt theo hai tên hầu cận và một con chó, đi săn ở một cánh rừng ngay cạnh lâu đài của nhà vua.

Thường những cuộc săn ở các cánh rừng gần nhà, đức vua chỉ đi tới non chiều thì về. Nhưng khi mặt trời ngả bóng chỉ thấy con chó tót tác chạy về, và trước đấy thì hai con ngựa bạch lại hí lên những hồi dài thảm thiết. Rồi chúng thúc tàu ngựa, lồng lộn đòi ra.

Khi hoàng hậu Paramecvari rung lên hồi chuông báo động. Đội thiết kỵ trong đám cận vệ tâm phúc của nhà vua bèn xông thẳng vào rừng. Vừa lúc hai con ngựa bạch đã phá được tàu ngựa, chúng lao nhanh đi như một ánh chớp. Chính hai con ngựa bạch đã bay thẳng một lèo tới nơi đức vua nằm rũ dưới gốc cây đại thụ. Còn hai tên hầu cận cũng bị chết gục bên một khe suối. Cả đức vua, cả hai tên hầu cận bị chết, nét mặt đều xanh xám như người bị trúng độc.

Tin dữ bay về triều đình. Hoàng hậu Tapasi ngơ ngác. Hoàng hậu Paramecvari ngắt lịm ngay trên tay Bích Huệ, Thúy Quỳnh.

Nhà sư Du Già cũng lập cập đến báo tin dữ cho hòa thượng Minh Thái.

Hòa thượng Minh Thái bèn giơ cây thiền trượng hươu lên trời viết ba chữ “Thiên vô mục“ ( Trời không có mắt) ném cây gậy xuống chân, ông nói với hòa thượng Du Già:

- Chúng nó giết quốc vương Chế Mân, có nghĩa là nước Chiêm Thành tự sát.

*Viết xong tại Giảng Võ*

*Ngày 19 tháng 5 năm Đinh Mão (1987)*